

# QUỐC NẠN

## KHỔ ĐAU / ĐAU KHỔ

CỦA DÂN TỘC SUỐT 4 7 2 1 NĂM NAY  
( 2689 + 2023 = 4721 )

[ Hiên Viên Hoàng đế thành lập nước Trung Hoa : khoảng 2698 TCN đến 2599 TCN ]

Họ Hồng Bàng: Được xây dựng từ : 2879 TCN

[ Nước Trung Hoa được thành lập sau Họ Hồng Bàng là từ 280 đến 181 năm ]

## DANH NGÔN

### VỀ NỠI KHỔ / ĐAU CỦA CON NGƯỜI

Bởi vì đau khổ và không làm gì cả là trở thành không ai cả, trong khi đau khổ và làm gì đó là trở thành ai đó. Yann Martel

Đó là bản chất của nỗi đau buồn: Nó là một sinh vật có nhiều tay nhưng ít chân, và nó loạng choạng, tìm kiếm sự chống đỡ. Yann Martel

Nếu bạn chìm sâu vào nỗi khổ, hãy nhớ rằng những ngày tháng của bạn trên thế gian này là giới hạn, và bạn tốt nhất là nên tận dụng tốt những ngày mà bạn còn lại. Yann Martel

Những con người đẹp nhất là những người từng bị đánh bại, từng đau khổ, từng tranh đấu, từng mất mát, và đã tìm được đường ra khỏi vực sâu. Những người này có lòng cảm kích, sự nhạy cảm và thấu hiểu đối với cuộc đời, cuộc đời đã làm họ tràn đầy sự cảm thông, sự dịu dàng và quan tâm yêu thương sâu sắc. Người đẹp không tự nhiên mà có.

*The most beautiful people are those who have known defeat, known suffering, known struggle, known loss, and have found their way out of the depths. These persons have an appreciation, a sensitivity, and an understanding of life that fills them with compassion, gentleness, and a deep loving concern. Beautiful people do not just happen.*

Elisabeth Kübler-Ross

Nước mắt là ngôn ngữ câm lặng của đau buồn.

*Tears are the silent language of grief.* Voltaire

Hãy cười, thậm chí dù đó là nụ cười buồn bã, bởi còn đáng buồn hơn nụ cười buồn bã là sự bi thảm vì không biết phải cười thế nào.

*Smile, even if it's a sad smile, because sadder than a sad smile is the sadness of not knowing how to smile.* Khuyết danh

**Nỗi buồn bay đi trên đôi cánh của thời gian.**  
*Sadness flies away on the wings of time.* La Fontaine

**Tình bạn nhân lên niềm vui và chia bớt đau buồn.**  
*Friendships multiply joys and divide griefs.* Thomas Fuller

**Lệ rơi, thật dễ để dùng ống tay áo lau chúng đi, nhưng tôi phải làm thế nào để xóa vệt nước mắt khỏi trái tim mình?**  
*The tears fall, they're so easy to wipe off onto my sleeve, but how do I erase the stain from my heart?* Khuyết danh

**Một trong những điều ngọt ngào về đau khổ và u sầu là chúng cho ta thấy chúng ta được yêu nhiều như thế nào, sự tử tế tồn tại trên đời nhiều như thế nào, và dễ dàng như thế nào để giúp người khác hạnh phúc theo cách họ đã giúp ta khi họ cần tới sự trợ giúp và thấu hiểu.**  
*One of the sweet things about pain and sorrow is that they show us how well we are loved, how much kindness there is in the world, and how easily we can make others happy in the same way when they need help and sympathy.* Louisa May Alcott

**Tôi đã sống tám mươi năm trong đời và tôi chẳng biết điều gì, ngoài việc cam chịu và tự bảo mình rằng côn trùng sinh ra là để cho nhện nuốt lấy, và con người sinh ra để bị tàn phá bởi sự đau khổ.**  
*I have lived eighty years of life and know nothing for it, but to be resigned and tell myself that flies are born to be eaten by spiders and man to be devoured by sorrow.* Voltaire

**Sự mất mát khiến chúng ta trống rỗng - nhưng hãy học cách không để sự đau khổ đóng lại trái tim và tâm hồn mình. Hãy để cuộc đời đổ đầy lại bạn. Dưới đáy u sầu, dường như điều đó là không thể - nhưng những niềm vui mới đang chờ đợi để lấp đầy khoảng trống.**  
*Loss leaves us empty - but learn not to close your heart and mind in grief. Allow life to replenish you. When sorrow comes it seems impossible - but new joys wait to fill the void.* Pam Brown

**Chỉ người đã trải qua nỗi đau khổ tột cùng mới có khả năng cảm nhận hạnh phúc tột cùng.**  
*Only a man who has felt ultimate despair is capable of feeling ultimate bliss.* Alexandre Dumas

**Người khôn ngoan là người học được những sự thật này: Rắc rối là tạm thời. Thời gian là thuốc bổ. Khổ đau là ống nghiệm.**  
*Wise are they who have learned these truths: Trouble is temporary. Time is tonic. Tribulation is a test tube.* William Arthur Ward

**Tôi từng muốn tự sát hàng trăm lần, nhưng không biết vì sao tôi vẫn yêu cuộc đời. Sự yếu đuối nực cười này có lẽ là một trong những thiên hướng u sầu ngu xuẩn của chúng ta, bởi có điều gì ngu xuẩn hơn khi háo hức muốn đi tiếp vác theo gánh nặng mà mình sẽ vui sướng được vứt đi, khi căm ghét sự tồn tại của bản thân nhưng lại níu giữ nó, khi vuốt ve con rắn đang ngấu nghiến ta cho tới khi nó nuốt hết tim ta?**  
*I have wanted to kill myself a hundred times, but somehow I am still in love with life. This ridiculous weakness is perhaps one of our more stupid melancholy propensities, for is there anything more stupid than to be eager to go on carrying a burden which one would gladly throw away, to loathe one's very being and yet to hold it fast, to fondle the snake that devours us until it has eaten our hearts away?* Voltaire

**Cho chọn giữa đau đớn và trống rỗng, tôi sẽ chọn đau đớn.**

*Given a choice between grief and nothing, I'd choose grief.* William Faulkner

- **Tim tôi đau.**

- **Bệnh ư?**

- **Không, đó không phải là nỗi đau cơ thể.**

- *My heart hurts.*

- *Heart disease, huh?*

- *No, it's not a physical ache.* From overheard conversation

**Với chín trên mười người, ta bước qua vực sâu ngăn cách giữa tuổi thanh niên và sự trưởng thành trên cây cầu xây bằng tiếng thở dài. Khoảng khắc ấy thường được đánh dấu bởi sự bất hạnh trong cuộc sống hay nỗi thất vọng trong tình cảm. Chúng ta đứng dậy và thấy mình là một con người mới. Trí tuệ trở nên rắn chắc hơn sau khi được tôi qua lửa. Tư tưởng được vun đắp bởi đồng hoang tàn của từng niềm đam mê, và ta có thể đo con đường tới sự thông thái bằng những đau khổ mà ta đã chịu đựng.**

*Nine times out of ten it is over the Bridge of Sighs that we pass the narrow gulf from youth to manhood. That interval is usually marked by an ill placed or disappointed affection. We recover and we find ourselves a new being. The intellect has become hardened by the fire through which it has passed. The mind profits by the wrecks of every passion, and we may measure our road to wisdom by the sorrows we have undergone.* Edward Bulwer Lytton

**Tại sao chúng ta lại vui mừng trước sự chào đời và thương tiếc ở lễ tang? Bởi vì chúng ta không phải là đương sự.**

*Why is it that we rejoice at a birth and grieve at a funeral? It is because we are not the person involved.* Mark Twain

**Tình yêu và Đau khổ và tình Mẹ, Danh tiếng và Niềm vui và sự Khinh miệt - tất cả những điều này sẽ đến, với bất kỳ người phụ nữ nào**

*Love and grief and motherhood, Fame and mirth and scorn - these are all shall befall, Any woman born* Margaret Widdemer

**Những Nụ cười tươi tắn nhất giấu đi những Bí mật sâu kín nhất.**

**Những Đôi mắt xinh đẹp nhất đã từng rơi nhiều Lệ nhất.**

**Và những Trái tim nhân hậu nhất phải chịu đựng nhiều Đau khổ nhất.**

*The prettiest smiles hide the deepest secrets.*

*The prettiest eyes have cried the most tears.*

*And the kindest hearts have felt the most pain.* Khuyết danh

**Khổ đau cũng như hoa quả. Chúa không khiến nó mọc lên trên những cành quá yếu ớt để chịu nổi nó.**

*Sorrow is a fruit. God does not make it grow on limbs too weak to bear it.* Victor Hugo

**Ngủ thì tốt, chết còn tốt hơn; nhưng dĩ nhiên, tốt nhất sẽ là chưa bao giờ sinh ra.**

*Sleep is good, death is better; but of course, the best thing would to have never been born at all.* Heinrich Heine

**Nguồn gốc thực sự của đau khổ là sự nhút nhát của chúng ta.**

*The true source of our sufferings has been our timidity.* John Adams

Đau khổ là tri thức, người biết nhiều nhất bi thương nhiều nhất, cây tri thức không phải cây đời.  
*Sorrow is knowledge, those that know the most must mourn the deepest, the tree of knowledge is not the tree of life.* Lord Byron

**Có một điều bạn không thể giấu - là khi bên trong bạn tê liệt.**  
*One thing you can't hide - is when you're crippled inside.* John Lennon

**Hạnh phúc chỉ là một hồi trong vở kịch chung về đau khổ.**  
*Happiness is but a mere episode in the general drama of pain.* Thomas Hardy

Từ xưa đến nay yêu một người không bao giờ có thể hạnh phúc từ đầu đến cuối, yêu một người chính là sự trao đổi ngang bằng giữa hạnh phúc và khổ đau. Nếu khổ đau mà nhiều hơn hạnh phúc thì đó là tình yêu bất hạnh, nếu hạnh phúc mà nhiều hơn khổ đau thì mọi người sẽ nói đó là một đôi hạnh phúc, người trong cuộc cũng sẽ phối hợp tỏ vẻ thân mật. Thực ra những người từng yêu đều biết tình yêu luôn làm bạn đau vào một lúc nào đó.  
Bốn Năm Phấn Hồng - Dịch Phấn Hàn

**Cả thế giới ngập tràn thống khổ. Nó cũng ngập tràn chiến thắng.**  
*All the world is full of suffering. It is also full of overcoming.* Helen Keller

**Ta từng là hoàng hậu, và các người tước đi vương miện của ta; người vợ, và các người giết chồng ta; người mẹ, và các người cướp đi con cái ta. Chỉ máu ta còn lại: cứ lấy đi, nhưng đừng kéo dài đau khổ của ta.**  
*I was a queen, and you took away my crown; a wife, and you killed my husband; a mother, and you deprived me of my children. My blood alone remains: take it, but do not make me suffer long.*  
Marie Antoinette

**Tôi đã đau khổ quá nhiều ở thế giới này để hy vọng vào một thế giới khác.**  
*I have suffered too much in this world not to hope for another.* Jean Jacques Rousseau

**Sự đau khổ đẩy con người vào thói quen suy ngẫm nghiêm túc, làm sắc sảo nhận thức và làm dịu đi trái tim.**  
*Grief drives men into habits of serious reflection, sharpens the understanding, and softens the heart.* John Adams

**Ngôi nhà nhiều tiếng cười cũng là ngôi nhà nhiều phiền muộn.**  
*The house of laughter makes a house of woe.* Edward Young  
**Tài năng xuất sắc là đứa con của đau khổ.**  
*Genius is sorrow's child.* John Adams

**Chỉ biết đau khổ thôi thì không đủ. Cuộc sống đầy khổ đau nhưng cũng rất tuyệt vời ... Làm thế nào có thể mỉm cười khi trong lòng đầy những buồn đau? Bạn hãy học cách mỉm cười với nỗi buồn của mình bởi vì bạn đâu phải chỉ là nỗi buồn ấy.** Thích Nhất Hạnh

**Tôi cho rằng phần lớn những nỗi thống khổ của nhân loại đều do con người tự gây ra vì đánh giá nhầm giá trị của nhiều điều.**  
*I conceive that the great part of the miseries of mankind are brought upon them by false estimates they have made of the value of things.* Benjamin Franklin

**Nếu bạn đau khổ, cảm ơn trời! Đó là dấu hiệu chắc chắn cho thấy bạn đang sống.**  
*If you suffer, thank God! It is a sure sign that you are alive.* Elbert Hubbard

**Muốn khóc mà không còn nước mắt, có phải là tốt cùng của bi thương?**  
Tuyệt đoạt hồn - Quỷ Cổ Nữ  
**Chẳng ai nghĩ những người vĩ đại bất hạnh, trừ những người vĩ đại.**  
*None think the great unhappy, but the great.* Edward Young

**Vui mừng tưởng tượng thường đáng giá hơn đau buồn thực sự.**  
*Illusory joy is often worth more than genuine sorrow.* Rene Descartes

**Cuộc sống vốn nhiều đau khổ, hận một người là làm mình đau khổ thêm. Trò chơi nguy hiểm - Ân Tâm**

**Chỉ qua niềm vui và đau khổ mà con người thấu hiểu bản thân và vận mệnh của mình. Người ta học được cần phải làm gì và cần phải tránh gì.**  
*Only by joy and sorrow does a person know anything about themselves and their destiny. They learn what to do and what to avoid.* Johann Wolfgang von Goethe

**Khi đau buồn tới, nó không đến như những tên gián điệp đơn độc, mà đến như những đạo quân.**  
*When sorrows come, they come not single spies, but in battalions.* William Shakespeare

**Thời gian gây cho ta những nỗi đau trong lòng thì nhất định thời gian sẽ dần dần hàn gắn lại những vết thương đó. Tình muộn - Dạ Vi Lan**

**Con người đau khổ vì họ bị mắc kẹt trong quan điểm. Chỉ khi nào chúng ta giải phóng được những quan điểm đó, chúng ta mới tự do và không còn đau khổ. Thích Nhất Hạnh**

**Muốn khóc, không khóc được, muốn cười, không cười được. Thì ra, đau đớn đến cực điểm, chính là tê dại, là chết lặng. Khuynh tấn thiên hạ - Thương Hải Di Mặc**

**Đau khổ khiến người ta kiên cường hơn,  
Nước mắt khiến người ta dũng cảm hơn,  
Trái tim tan nát khiến người ta biết nhìn xa trông rộng hơn,  
Vì vậy hãy cảm ơn những gì đã qua, nó đã giúp bạn có một tương lai tươi đẹp hơn.**  
Weibo - Dịch: Thương Thương Đặng

**Lạc quan là sự điên rồ nhất quyết rằng mọi thứ vẫn ổn khi chúng ta đau khổ.**  
*Optimism is the madness of insisting that all is well when we are miserable.* Voltaire

**Chịu đựng niềm vui cực độ khó hơn bất cứ nỗi đau khổ nào.**  
*Excess of joy is harder to bear than any amount of sorrow* Balzac

**Khi nỗi đau còn tươi rói, mọi nỗ lực giảm bớt nó chỉ khiến nó càng thêm đau.**  
*Where grief is fresh, any attempt to divert it only irritates.* Samuel Johnson

**Đau khổ cũng đa dạng như con người. Một người chịu đựng những gì mình có thể.**  
*Pain is as diverse as man. One suffers as one can.* Victor Hugo

**Đau khổ có khuynh hướng bóp nghẹt trí tưởng tượng hơn là kích thích nó.**

*Affliction is more apt to suffocate the imagination than to stimulate it.* Denise Levertov

**Ban đầu tôi cho rằng mạnh mẽ nhất trên đời đó là tình yêu. Cuối cùng mới bàng hoàng nhận ra, mạnh mẽ nhất trên đời đó là vận mệnh... Con người ta rất khó hiểu, đau khổ đắng cay là điều không tránh khỏi, những khi hạnh phúc không hề biết trân trọng. Mà đến khi bất hạnh mới nhớ đến những hạnh phúc đã qua, lúc đó mới cảm thấy tiếc nuối khổ đau.**

**Năm tháng là đoá hoa hai lần nở - Đường Thất Công Tử**

**Đọc thêm tại: <https://www.tu dien danh ngon.vn/danh ngon/ds/strcats/70> ©**

**Tu Dien Danh Ngon.vn**

---

## **5 “ KHỔ / ĐAU LỚN NHẤT” CỦA LOÀI NGƯỜI NÉM TRẢI QUA rồi sẽ chẳng còn gì có thể khiến bạn tổn thương hơn.**

Nếu sống đủ một số năm nào đó trong cuộc đời có lẽ bạn sẽ ném trải được cả thảy 5 cảm giác khổ đau dưới đây và ngộ ra nhiều điều.

"Đến con chó còn được đối xử tốt hơn con", lời trần trụi của bé gái 13 trước khi tự tử hé lộ cuộc đời đau khổ của em

Âm ảnh những dòng chữ nguệch ngoạc kín tường nhà của người chồng trước khi cùng 2 con treo cổ tự tử: "Anh cho em biết thế nào là đau khổ vô tận"

Vụ thi thể nữ sinh lớp 6 nổi trên đập nước: Người bố đau khổ, suy sụp trước cái chết của con

Nếu sống đủ một số năm nào đó trong cuộc đời có lẽ bạn sẽ ném trải được cả thảy 5 cảm giác khổ đau dưới đây và ngộ ra nhiều điều.

Có bao giờ bạn tự hỏi rằng, người càng lớn tuổi thì càng ít khóc không? Không phải vì người lớn vô cảm mà thật ra là vì tất cả các nỗi đau lớn nhất của cuộc đời họ đã trải qua và rồi sau đó chẳng còn gì có thể khiến họ tổn thương thêm được nữa.

Đừng cho rằng họ chai sạn, chẳng qua là sự trải đời đã giúp họ ngộ ra được bản chất vô thường của vạn vật trong cõi nhân sinh. Nếu sống đủ một số năm nào đó trong cuộc đời có lẽ bạn cũng sẽ như thế mà thôi.



Nhưng nỗi đau lớn nhất của cuộc đời thực chất là gì? Đáp án cho câu hỏi nằm trọn dưới đây:

## **THẤT TÌNH**

Trong tất cả những thứ cám dỗ của thế gian, “Tình” có lẽ là thứ khiến cho người ta mê muội nhất. Một người có thể vì tình mà trở nên kiên cường hơn, trái lại cũng có thể vì tình mà trở thành thân tàn mà dại.

Một người có thể hô phong hoán vũ trên con đường sự nghiệp nhưng một khi sa vào lưới tình lại có thể ngoan ngoãn dịu dàng như chú mèo con.

Vâng, chính bởi tính chất mê muội ấy nên một thất tình, ai ai cũng đón đầu khó mà vượt qua được trong ngày một, ngày hai; thậm chí có người còn chọn kết liễu cả cuộc đời mình. Trái tim khi yêu càng rung động mạnh, thì khi thất tình cũng nhận lại nỗi khổ tương đương.



## **BỊ BỘI PHẢN**

Nhân tâm là thứ khó dò, do đó đừng tin rằng những người mình chọn làm bạn bè hay người yêu thì cũng không bao giờ có thể đoán trước được tương lai họ sẽ quay lưng bội phản hay không. Và rồi khi chuyện ấy xảy ra thật, chúng ta đau đớn như hàng nghìn mũi dao đâm vào tim. Lòng tin nát tan như chiếc bình quý rơi xuống nền gạch.

Cũng giống như nỗi đau của thất tình, khi lòng tin đặt lên đối phương càng nhiều, càng sâu đậm thì lúc bị phản bội cũng nhận lại sự thống khổ tương đương. Nỗi đau này, bao giờ mới chôn vùi được?



## **BỆNH TẬT**

**Phàm làm người, chúng ta sinh ra là ai không quan trọng, giàu có ư? Hạnh phúc ư? Địa vị ư?,... Tất cả đều vô nghĩa, khi đứng trước bệnh tật ai cũng như ai, đều chịu chung một nỗi buồn khó tả.** Trước sự bào mòn thân thể của bệnh tật, người có ý chí kiên cường đến nhường nào cũng không thoát khỏi cảnh đau thương.

Trời đất có lẽ đã quy định rằng, khi đau ốm bệnh tật ai cũng phải đau. Bởi nỗi đau về cả thể xác lẫn tinh thần này chính là liều thuốc giúp chúng ta tỉnh ngộ và hiểu ra rằng “trời đời không có gì quý bằng sức khỏe”.



## **SINH LY**

**Đau khổ vì sinh ly là nỗi đau phổ biến nhất của con người.** Sinh ly tức là sống mà vẫn phải chia xa, biết có cơ hội gặp lại nhưng mà vẫn đau, chẳng hạn như: Bố mẹ tiễn con gái về nhà chồng xa xứ, người trưởng thành rời bỏ quê hương để lên đường lập nghiệp,...

Quả thật, nghĩ đã thấy buồn, thấy thương nhưng trách sao được bởi nó là một quy luật của tạo hóa, cứ hề sống là sẽ có sinh ly, hợp tan là chuyện thường tình. Lưu luyến đấy, vấn vương đấy, thao thức hắt hững trong lòng đấy nhưng những cuộc chia ly cứ thế xảy ra mãi hoài.





## TỬ BIỆT

Tử biệt là người sống và người chết chia tay nhau mãi mãi không thể nào gặp lại, từ nay cách trở âm dương, do đó có thể nói, tử biệt chính là nỗi đau lớn nhất của đời người. Đối diện với khoảnh khắc tử biệt một người mình yêu quý, nỗi đau như thể xé nát tim gan, đôi khi còn nấc lên thành tiếng. Cảm giác khó chịu này đeo bám mãi đến vài tuần, vài tháng, thậm chí là vài năm sau.

Tử biệt cũng giống với sinh ly, bản chất của nó là quy luật của cuộc sống, có sinh là sẽ có tử. Tuy nhiên, dẫu biết xa cách nghìn trùng, thông khổ nhối nhối trong lòng ngực nhưng qua đó hãy biết trân trọng cuộc đời mình đang có, đang sống và yêu quý mọi người xung quanh, hôm nay còn thấy nhau đã là một điều hạnh phúc

---

## GIÁ TRỊ CỦA “ KHỔ / ĐAU “

### CÔNG GIÁO

Cũng như tình yêu, có lẽ chẳng ai định nghĩa được “đau khổ là gì” một cách chính xác và thỏa mãn nhất, vì đau khổ đa dạng lắm. Thiết tưởng có thể hiểu đơn giản theo phương trình:

**Đau khổ = Ưu sầu + Nước mắt.**

Tất nhiên phải “trừ” loại nước mắt vui mừng, dù hai loại nước mắt đều có vị mặn. Người ta dễ dàng lấy vạt áo lau khô những “giọt mặn” rỉ ra từ đôi mắt, nhưng rất khó xóa “vết mặn” khỏi trái tim mình. Thật vậy, sướng hay khổ còn do mỗi người có khái niệm riêng. Có những triết lý dễ hiểu, có những triết lý khó hiểu, thậm chí là không thể hiểu: Triết lý Thập Giá. Đó cũng là loại triết lý của sự đau khổ.

Chẳng ai thích đau khổ, nhưng đau khổ vẫn luôn có giá trị tích cực mà chúng ta phải cố gắng hiểu suốt cả đời. Đại văn hào Victor Hugo nhận xét:

***“Đau khổ cũng như hoa quả. Chúa không khiến nó mọc lên trên những cành quá yếu ớt để chịu nổi nó”.***

Còn Elbert Hubbard nói:

***“Nếu bạn đau khổ, hãy cảm ơn trời! Vì đó là dấu hiệu chắc chắn cho thấy bạn đang sống”.***

Chính đau khổ lại khiến người ta nên khôn, lạ thật!

Những con người đẹp nhất là những người từng bị đánh bại, từng đau khổ, từng tranh đấu, từng mất mát, và họ đã tìm được con đường ra khỏi vực sâu. Những con người này có lòng cảm kích, sự nhạy cảm và thấu hiểu đối với cuộc đời, chính cuộc đời đã làm họ tràn đầy sự cảm thông, sự dịu dàng và quan tâm yêu thương sâu sắc. Như vậy, “người đẹp” không thể tự nhiên mà có.

Triết lý đau khổ thật kỳ diệu. Hung tin dồn dập, nhưng ông Gióp vẫn bình tĩnh. Ông trôi dạt, xé áo mình ra, cạo đầu, sấp mình xuống đất, sụp lạy và cầu nguyện:

***“Thân trần truồng sinh từ lòng Mẹ, con sẽ trở về đó cũng trần truồng. Đức Chúa đã ban cho, Đức Chúa lại lấy đi: xin chúc tụng danh Đức Chúa!” (G 1:21).***

Dù đau khổ cùng cực, nhưng “ông Gióp không hề phạm tội cũng không buông lời trách móc phạm đến Thiên Chúa” (G 1:22). Hiểu được như vậy thì cuộc đời sẽ thanh thản.

Người đời có câu:

***“Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt, còn hơn le lói suốt trăm năm”.***

Đó là cách “tự an ủi” của người đời. Nhưng chúng ta cũng có thể hiểu theo góc độ nào đó về Chúa-Giêsu-làm-người. Cuộc đời Ngài đầy đau khổ ê chề, thế nhưng Ngài vẫn có được khoảnh khắc huy hoàng là được thiên hạ tung hô lúc Ngài cưỡi trên lưng lừa khi vào Thành Giêrusalem.

Phụng vụ Lời Chúa hôm nay được Giáo hội sử dụng là bài ca thứ ba trong các “Bài Ca Của Người Tôi Trung”, ngắn gọn mà ý nghĩa:

***“Đức Chúa là Chúa Thượng đã cho tôi nói năng như một người môn đệ, để tôi biết lựa lời nâng đỡ ai rã rời kiệt sức. Sáng sáng Người đánh thức, Người đánh thức tôi để tôi lắng tai nghe như một người môn đệ. Đức Chúa là Chúa Thượng đã mở tai tôi, còn tôi, tôi không cưỡng lại, cũng chẳng tháo lui” (Is 50:4-5).***

Thật là không dễ mà vẫn giữ lòng trung tín ngay trong lúc đau khổ như vậy!

Đau khổ không làm người ta yếu đuối mà lại như loại “nước tăng lực” làm tăng sức chịu đựng:

***“Tôi đã đưa lưng cho người ta đánh đòn, giờ má cho người ta giật râu. Tôi đã không che mặt khi bị nắng nheo phỉ nhổ. Có Đức Chúa là Chúa Thượng phù trợ tôi, vì thế, tôi đã không hổ thẹn, vì thế, tôi trơ mặt ra như đá. Tôi biết mình sẽ không phải thẹn thùng” (Is 50:6-7).***

Thật là kỳ diệu, những người không có niềm tin Kitô giáo chắc chắn không thể hiểu được, và sẽ cho những người chịu đau khổ là những người điên khùng.

Tác giả Thánh Vịnh than thở:

***“Thân sâu bọ chứ người đâu phải, con bị đời mắng chửi dễ duôi, thấy con ai cũng chê cười, lác đầu bĩu mỏ buông lời mỉa mai: “Nó cậy Chúa, mặc Người cứu nó! Người có thương, giải gỡ đi nào!” (Tv 22:7-9).***

Thách thức quá lớn, khoảng cô đơn quá rộng, nổi nhục nhã ê chề!

Đúng là “phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí”. Không khác quy luật muôn thuở, giống như định mệnh vậy. Đau khổ này chồng lên đau khổ khác:

***“Quanh con bầy chó đã bao chặt rồi. Bọn ác đó trong ngoài vây bủa, chúng đâm con thủng cả chân tay, xương con đếm được vắn dài; chúng đưa cặp mắt cứ hoài ngó xem. Áo mặc ngoài chúng đem chia chác, còn áo trong cũng bắt thăm luôn. Chúa là sức mạnh con nương, cứu mau, lạy Chúa, xin đừng đứng xa (Tv 22:17-20).***

Không còn gì để mất nữa, khôn khổ tột cùng, lo sợ run cả người, nguyện cầu không ngừng, thế nhưng vẫn chẳng nghe động tĩnh gì!

Dù có thế nào thì vẫn một lòng tin thác, vẫn xưng tụng Thiên Chúa, vì đó là mục đích sống:

***“Con nguyện sẽ loan truyền danh Chúa cho anh em tất cả được hay, và trong đại hội dân Ngài, con xin dâng tiến một bài tán dương. Hỡi những ai kính sợ Đức Chúa, hãy ca tụng Người đi! Hỡi toàn thể giống nòi Gia-cóp, nào hãy tôn vinh Người! Dòng dõi Ít-ra-en tất cả, nào một dạ khiếp oai!” (Tv 22:23-24).***

Cầu nguyện là lương thực nuôi dưỡng đời sống tâm linh. Cầu nguyện mà không nghe động tĩnh gì, đó là dấu chỉ chắc chắn rằng Chúa đang xót thương. Lại thêm một điều kỳ diệu. Muốn hiểu được

triết lý này, đòi hỏi phải có niềm tin Kitô giáo. Với người ngoài Kitô giáo hoặc vô thần, họ cho đó là “bùa mê, thuốc lú”, ai tin như vậy đều bị họ coi là đại dốt, là dốt nát, là ngu xuẩn hoặc điên rồ.

Thánh Phaolô phân tích:

***“Đức Giêsu Kitô vốn dĩ là Thiên Chúa mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế” (Pl 2:6-7).***

Chúa Giêsu không chỉ tự nguyện như vậy, mà còn hơn thế nữa:

***“Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự” (Pl 2:8).***

Đúng là mâu thuẫn, do đó mà khó hiểu thật. Nhưng chỉ là “khó hiểu” chứ không phải là “không thể hiểu”.

Tình yêu nào cũng cần “chất” đau khổ, có đau khổ mới chứng tỏ tình yêu chân chính. Đại văn hào Victor Hugo nói: ***“Ai khổ vì yêu, hãy yêu hơn nữa; chết vì yêu là sống trong tình yêu”***. Chết mà là sống. Lại thật, người đời mà còn nhận định được như vậy đây!

Đau khổ có giá trị nhất định và rất độc đáo. Gian nan là nhịp cầu dẫn tới thành công, đau khổ là nhịp cầu dẫn tới vinh quang. Cũng vậy, sự chết là con đường dẫn tới sự sống, là cửa ngõ bước vào cõi trường sinh. Thánh Phaolô kết luận:

***“Chính vì thế, Thiên Chúa đã siêu tôn Người và tặng ban danh hiệu trổi vượt trên muôn ngàn danh hiệu. Như vậy, khi vừa nghe danh thánh Giêsu, cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ, muôn vật phải bái quỳ; và để tôn vinh Thiên Chúa Cha, mọi loài phải mở miệng tuyên xưng rằng: “Đức Giêsu Kitô là Chúa” (Pl 2:9-11).***

Chúa Giêsu hiển hách vào Thành Giêrusalem là đi vào cõi đau khổ, nhưng từ “biên giới” đầy gian khổ là Vườn Dầu, từ đó lại tiếp tục dẫn tới “cửa ải” sự chết là Can-vê. Nhưng từ nơi Can-vê “chết chóc” ấy lại dẫn tới cửa sự sống là Nước Trời. Một bản đồ lòng vòng như mê cung nhưng lại thú vị và hấp dẫn, có bao người khao khát sử dụng loại bản đồ này, có nhiều người đã đạt được mục đích sống đó: Các thánh nhân, đặc biệt là các vị tử đạo.

Chuyện gì đến sẽ đến, dù vui hay buồn, dù tốt hay xấu. Đó là điều tất yếu của cuộc sống. Bài thương khó hôm nay là một bộ phim buồn khiến lòng người trĩu nặng...

Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, một người trong Nhóm Mười Hai, đành lòng bán Thầy mình để lấy một số tiền. Từ lúc đó, gã cố tìm dịp thuận tiện để nộp Thầy mình. Vật chất và tiền bạc có ma lực cực mạnh khiến người ta mù quáng, không còn đủ lý trí sáng suốt để phân biệt đâu là phải hay trái. Ma lực đó rất khó cưỡng lại!

Ngày thứ nhất trong tuần bánh không men, các môn đệ đến thưa với Đức Giêsu xem Ngài muốn họ dọn Tiệc Vượt Qua ở đâu. Ngài dặn dò họ kỹ lưỡng từng chi tiết.

Chiều đến, Đức Giêsu vào bàn tiệc với mười hai môn đệ. Đang tiệc vui, bỗng dưng Ngài bảo có người sẽ nộp Ngài. Các môn đệ tá hỏa tam tinh và rầu thúi ruột, Họ hỏi nhỏ nhau xem ai là thủ phạm. Chẳng ai biết. Ngài nói:

***“Kẻ giờ tay chắm chung một đĩa với Thầy, đó là kẻ nộp Thầy. Đã hă Con Người ra đi theo như lời đã chép về Người, nhưng khôn cho kẻ nào nộp Con Người: thà nó đừng sinh ra thì hơn!”***  
(Mt 26:23-24).

Giu-đa nhột gáy, nhưng vẫn giả nai: “Thầy ơi, chẳng lẽ con sao?”. Ngài xác nhận là đúng!

Cũng trong bữa ăn đó, Đức Giêsu cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho môn đệ và nói:

***“Anh em cầm lấy mà ăn, đây là mình Thầy”*** (Mt 26:26).

Rồi Người cầm lấy chén, dâng lời tạ ơn, trao cho môn đệ và nói:

***“Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra cho muôn người được tha tội”*** (Mt 26:27-28).

Đây là lúc thật linh thiêng và xúc động, nhưng lại có nỗi buồn khi Ngài bảo:

***“Từ nay, Thầy không còn uống thứ sản phẩm này của cây nho, cho đến ngày Thầy cùng anh em uống thứ rượu mới trong Nước của Cha Thầy”*** (Mt 26:29).

Sau khi hát thánh vịnh xong, Thầy trò cùng ra núi Ô-liu. Bấy giờ Đức Giêsu nói với các ông về nhiều điều cần thiết, vừa cảnh báo vừa trấn an. Nghe Thầy nói đích danh mình là sẽ chối Thầy ba lần. Ông Phêrô nói chắc: “Dầu có phải chết với Thầy, con cũng không chối Thầy” (Mt 26:35). Tất cả các môn đệ cũng đều nói như vậy. Nhưng rồi... điều gì đến vẫn cứ đến!

Vào vùng đất Ghết-sê-ma-ni, Ngài bảo mọi người ở lại, chỉ dẫn theo Phêrô và hai người con ông Dê-bê-đê đi theo. Ngài bắt đầu cảm thấy buồn rầu xao xuyến cực độ nên phải thốt lên:

***“Tâm hồn Thầy buồn đến chết được. Anh em ở lại đây mà canh thức với Thầy” (Mt 26:38).***

Ngài đi xa hơn một chút, sấp mặt xuống, cầu nguyện:

***“Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho con khỏi phải uống chén này. Tuy vậy, xin đừng theo ý con, mà xin theo ý Cha” (Mt 26:39).***

Nhân tính thật yếu đuối, nhưng Ngài vẫn quyết tuân phục Ý Cha cho đến cùng.

Ngài trở lại chỗ ba đệ tử ruột, ôi thôi, họ lăn ra ngủ khò. Ngài nói với Phêrô:

***“Thế ra anh em không thể canh thức nổi với Thầy một giờ sao? Anh em hãy canh thức và cầu nguyện, để khỏi lâm vào cơn cám dỗ. Vì tinh thần thì hăng say, nhưng thể xác lại yếu hèn” (Mt 26:40-41).***

Phêrô còn ngái ngủ, chỉ biết gãi đầu thôi. Ngại ghê đi!

Rồi Ngài lại đi cầu nguyện lần thứ hai:

***“Lạy Cha, nếu con cứ phải uống chén này mà không sao tránh khỏi, thì xin vâng ý Cha” (Mt 26:42).***

Ngài quay lại, thấy các môn đệ vẫn đang ngon giấc, mắt họ nặng trĩu. Có lẽ họ thắm mệt vì có chút men và trời đã quá khuya. Ngài để mặc các ông ngủ mà đi cầu nguyện lần thứ ba, cũng với lời như trước. Rồi Ngài đến chỗ các môn đệ, đúng lúc kẻ nộ Ngài vừa tới!

Giu-đa tỏ ra lịch sự đến chào và hôn Thầy, nhưng là để “chỉ điểm” cho những kẻ thù ác bắt Thầy.

Phêrô nóng gáy lấy gươm chém đứt tai Man-khô, đây tở của thầy thượng tế. Nhưng Chúa Giêsu chữa lành cho gã và bảo Phêrô cất gươm đi. Họ ập tới bắt trói Ngài. Thấy vậy, các môn đệ tá hỏa và bỏ của chạy lấy người, có kẻ mất dép, có kẻ tuột cả áo xống mà chạy tồng ngồng đi trốn. Nói thì mạnh lắm, cuối cùng cũng chỉ “lẻo mép”. Phàm nhân yếu đuối và nhát đảm quá!

Họ bắt Đức Giêsu và điệu đến thượng tế Cai-pha. Phêrô đi theo xa xa, đến tận dinh thượng tế, rồi vào bên trong ngồi với bọn thuộc hạ, xem kết cuộc ra sao.

Họ chất vấn Đức Giêsu đủ điều, nhưng Ngài vẫn im lặng. Vì có nói với họ thì cũng như nước đổ lá môn, nói với đầu gối còn hơn. Cuối cùng, vị thượng tế nói:

***“Nhân danh Thiên Chúa hằng sống, tôi truyền cho ông phải nói cho chúng tôi biết: ông có phải là Đấng Kitô Con Thiên Chúa không?” (Mt 26:63).***

Nghe chừng đạo đức lắm vì ông ta dám “nhân danh Chúa” mà tra xét. Lúc này Đức Giêsu mới lên tiếng:

**“Chính ngài vừa nói. Hơn nữa, tôi nói cho các ông hay: từ nay, các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến” Mt 26:64).**

Như giọt nước làm tràn ly, vị thượng tế liền xé áo mình ra và bảo Đức Giêsu nói phạm thượng, rồi ông ta hỏi mọi người nghĩ sao, họ liền đồng thanh: *“Hắn đáng chết!”*.

Sau đó, kẻ thì khạc nhổ vào mặt và đấm đánh Ngài, kẻ lại tát Ngài, rồi họ nguyện rửa và lăng mạ Ngài đủ thứ.

Và cũng vậy, chuyện gì sẽ đến cũng lại đến. Phêrô được Thầy báo trước, nhưng cũng không thể vượt qua chính mình. Thiên hạ thấy ông nên bàn tán xì xầm, ông sợ nên không dám nhận mình là người quen với Đức Giêsu, và còn thê độc là không hề quen với người đang bị hành hạ bên trong kia. Và rồi có tiếng gà gáy, ông sực nhớ lời Đức Giêsu đã nói:

**“Gà chưa kịp gáy thì anh đã chối Thầy ba lần”.**

Ông ra ngoài, khóc lóc thảm thiết. Chắc hẳn từ đó, ông rất sợ tiếng gà gáy sáng, nhưng ông cũng phải cảm ơn tiếng gà gáy đó.

Vào mỗi dịp lễ lớn, tổng trấn có lệ phóng thích cho dân chúng một người tù, tùy ý dân. Khi ấy có một người tù khét tiếng tên là Ba-ra-ba. Người ta đồng ý thả Ba-ra-ba và cương quyết giết Đức Giêsu. Phi-la-tô thừa biết chỉ vì ghen tị mà họ nộp Ngài, thế nhưng vì địa vị chức tước mà ông làm ngơ với công lý, vợ ông bảo đừng nhúng tay vào vụ xử vụ này, ông đi rửa tay để chứng tỏ mình vô can. Nhưng đó chỉ là giả hình, hèn nhát!

Thật vậy, chính Phi-la-tô đem Đức Giêsu vào trong dinh và tập trung cả cơ đội quanh Ngài. Chúng lột áo Ngài ra, khoác cho Ngài tấm áo choàng đỏ, rồi kết một vòng gai làm vương miện đặt lên đầu Người, và trao vào tay mặt Ngài một cây sậy. Chúng quỳ gối trước mặt Người mà nhạo báng, chúng khạc nhổ vào Ngài và lấy cây sậy mà đập vào đầu Ngài. Ché giễu chán, chúng lột áo choàng ra, cho Ngài mặc áo lại như trước, rồi điệu Người đi đóng đinh vào thập giá.

Trên đường, chúng gặp một người Ky-rê-nê tên là Si-môn, chúng bắt ông vác thập giá của Ngài, vì thấy Ngài yếu sức, sợ không đến nơi hành hình. Những người nói mạnh hứa chắc đâu cả rồi?

Những người tín cẩn của Đức Giêsu đâu cả rồi? Những người được Đức Giêsu chữa lành đâu cả rồi? Những người được Đức Giêsu cho ăn no nê đâu cả rồi? Sao chỉ có mình ông Si-môn ngoại giáo vác đỡ Thập Giá cho Ngài? Đòi là thế ư?

Khi đến Gôn-gô-tha, nghĩa là Đồi Sọ, chúng cho Ngài uống rượu pha mật đắng, nhưng Ngài chỉ ném một chút mà không chịu uống. Đóng đinh Ngài vào thập giá xong, chúng đem áo Ngài ra bắt thăm mà chia nhau, rồi ngồi đó mà canh giữ Ngài. Cùng bị đóng đinh với Ngài là hai tên cướp, một tên bên phải, một tên bên trái.

Kẻ qua người lại đều nhục mạ và thách thức Ngài. Các thượng tế, kinh sư và kỳ mục cũng chế giễu Ngài vì họ tưởng mình đã hành động đúng và hạ hê chiến thắng! Thậm chí một tên cướp cùng bị đóng đinh với Ngài cũng không tiếc lời sỉ vả và thách thức Ngài.

Bỗng dung bóng tối bao phủ cả mặt đất từ giờ thứ sáu đến giờ thứ chín (12 giờ trưa tới 3 giờ chiều). Vào giờ thứ chín, trong nỗi cô đơn quá lớn, Đức Giêsu kêu lớn tiếng:

***“Ê-li, Ê-li, lê-ma xa-bác-tha-ni – lạy Thiên Chúa, lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?” (Mt 27:46).***

Người ta cứ tưởng Ngài gọi ông Ê-li-a, rồi một người trong bọn chạy đi lấy miếng bọt biển, thấm đầy giấm, buộc vào đầu cây sậy và đưa lên cho Ngài uống. Rồi Đức Giêsu lại kêu một tiếng lớn, rồi trút linh hồn!

Ngay lúc đó, bức màn trướng trong Đền Thờ xé ra làm hai từ trên xuống dưới, đất rung đá vỡ, mồ mả bật tung, xác của nhiều vị thánh đã an nghỉ được trở dậy. Thấy động đất và các sự lạ, viên đại đội trưởng và những người cùng ông canh giữ Đức Giêsu đều rất đỗi sợ hãi và phải thú nhận:

***“Quả thật ông này là Con Thiên Chúa” (Mt 27:54).***

Ít ra cũng là thế, muộn cũng còn hơn không.

Sự thật mãi là sự thật, dù người ta cố ý bóp méo thế nào thì cũng không thể. Thắng và Thua đều cùng vẫn T. Sự đời lạ lắm, có những khi cứ tưởng Thắng mà hóa Thua, nhưng có khi thấy Thua mà lại là Thắng. Và chuyện gì sẽ đến cũng lại đến!

Ước gì mỗi chúng ta đều như những chiếc lá luôn xanh biếc đức tin, luôn khiêm nhường đón Đức Kitô trong mọi hoàn cảnh, trong lúc vui đã đành, trong lúc buồn mới thực sự có giá trị.



Lạy Thiên Chúa toàn năng, xin ban Thánh Linh để chúng con có thể hiểu được giá trị của đau khổ, hiểu được triết lý của Thập Giá, nhờ đó chúng con đủ sức bước theo Ngài đi xuyên qua đau khổ.

Xin giúp chúng con can đảm cùng chết với Đức Kitô để xứng đáng được phục sinh vinh quang với Ngài. Chúng con cầu xin nhân Danh Thánh Tử Giêsu Kitô, Thiên Chúa Cứu Độ của chúng con.

Amen.

## TRẦM THIÊN THU

---

### Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ CỦA SỰ KHỔ / ĐAU

**Đau khổ là một thực tế hiển nhiên trong đời sống của con người, dù có niềm tin hay không. Đây là một thực trạng mà không ai có thể phủ nhận hay tránh được trong cuộc sống trên trần gian này. Nào đau khổ vì bệnh tật, vì nghèo đói, vì bất công xã hội, vì thiên tai, động đất, bão lụt. Nào đau khổ vì bị tù đầy, tra tấn, bị kỳ thị, khinh chê và cô lập (dân Untouchable bên Ấn Độ). Sau hết, đau khổ lớn lao nhất là chết chóc đau thương.**

#### VÌ ĐAU CÓ KHỔ / ĐAU ?

Thực khó tìm được câu trả lời thỏa đáng theo suy nghĩ của con người cho câu hỏi này..

Tuy nhiên, có điều nghịch lý đáng nói ở đây là ở khắp nơi, và ở mọi thời đại, luôn có những kẻ gian ác, làm những sự dữ, sự tội, như giết người, trộm cắp, hiếp dâm, đặc biệt là cai trị độc ác và gây ra chiến tranh khiến hàng triệu người vô tội bị giết ... nhưng những kẻ đó vẫn sống phây phây với địa vị và tiền bạc dư thừa của chúng, trong khi biết bao người lành, lương thiện, đạo đức lại nghèo khó, bệnh tật nan y hay gặp tai nạn xe cộ, tàu bè. Cụ thể, năm 2008, một xe buýt chở giáo dân ở Houston, Texas đi dự Đại Hội Thánh Mẫu ở Carthage, Missouri đã gặp tai nạn khiến hàng chục người chết hoặc bị thương nặng ! trong khi những xe và phi cơ chở người đi đánh bạc ở Las Vegas, lake charles (Louisiana).. hoặc du hí ở các nơi tội lỗi như Cancun (Mexico) Thái lan, Campuchia... thì chưa hề gặp tai nạn tương tự !! Lại nữa, những người nghiện rượu và thuốc lá thường dễ bị ung thư phổi, nhưng biết bao người không uống rượu và hút thuốc lá mà vẫn bị ung thư phổi, thì sao ? Lại nữa, phụ nữ sinh con thì dễ bị ung thư ngực, nhưng có nữ tu không hề sinh đẻ mà vẫn bị ung thư ngực !

Vậy không lẽ Chúa phạt những người bị tai nạn hay bệnh tật kia???

Chắc chắn là không. Nhưng phải giải thích thế nào cho hợp lý và tìm ra ý nghĩa của sự đau khổ với con mắt đức tin của người tín hữu Chúa Kitô trong năm Đức Tin này.

Thật vậy, đau khổ là một thực trạng không thể tránh được trong trần gian này như Chúa Giêsu đã nói với các môn đệ xưa :'

**“ Trong thế gian  
Anh em sẽ phải gian nan khôn khó  
Nhưng hãy can đảm lên  
Thầy đã thắng thế gian. (Ga 16: 33)**

Nhưng trước khi Chúa đến trần gian để chia sẻ thân phận con người với nhân loại, sự đau khổ, sự dữ đã đầy rẫy trong trần gian như Kinh Thánh Cựu Ước đã ghi lại. Cụ thể ông Gióp (Job) là người “ vẹn toàn, ngay thẳng, kính sợ Thiên Chúa và tránh xa điều ác.” ( G 1: 1). Vậy mà ông đã gặp hoạn nạn, đau khổ lớn lao bất ngờ, không thể tưởng tượng được : nào con cái (bảy con trai ba con gái) bỗng chốc lăn ra chết hết trong một trận cuồng phong từ sa mạc thổi đến. Nào đàn gia súc của ông gồm bảy ngàn chiên dê, ba ngàn lạc đà, năm trăm đôi bò, năm trăm lừa cái và một số đông tôi tớ cũng bỗng chốc bị giết và cướp mất khỏi tay ông ! Nhưng trước tai ương khủng khiếp này , ông Gióp chỉ biết quỳ xuống than thở với Chúa như sau :

**“ Thân trần truồng  
Sinh ra từ lòng Mẹ  
Tôi sẽ trở về đó cũng trần truồng  
ĐỨC CHÚA đã ban cho  
ĐỨC CHÚA lại lấy đi  
Xin chúc tụng danh ĐỨC CHÚA ! (G1 : 21)**

Chính vì lòng trung kiên yêu mến, kính sợ Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh, như khi được mọi điều sung sướng và nhất là khi phải đau khổ vì tai ương bất ngờ, ông Gióp đã được Thiên Chúa khen lao và ban lại cho ông gấp đôi những gì ông đã mất: ông lại sinh được bảy con trai và ba con gái xinh đẹp nhất trong xứ sở và sống thọ thêm một trăm bốn mươi năm nữa . (cf.G 42: 12-17)

Như thế , sự đau khổ, tai ương là phương tiện hữu hiệu Thiên Chúa đã dùng để thử thách các tôi tớ trung kiên của Người như các ông Mô- sê, Ap-bra-ham Gióp và Tô-bia.

Ngược lại, đôi khi Thiên Chúa cũng dùng tai ương, đau khổ để trừng phạt con người vì tội lỗi và ngoan cố không muốn ăn năn sám hối để được tha thứ. Đó là hình phạt Đại hồng thủy trong thời Cựu Ước, đã cuốn đi vào lòng đại dương tất cả mọi người, mọi sinh vật trên mặt đất, trừ gia đình ông Nô-e và các sinh vật được ông đem vào tàu trước khi mưa tuôn đổ xuống địa cầu. ( St 6: & 7)

Lại nữa, Thiên Chúa đã dùng lửa và mưa sinh diêm từ trời xuống để hủy diệt thành Xô-đôm , vì ông Ap-bra-ham không tìm được người ngay lành nào trong thành tội lỗi đó, để xin Chúa tha chết cho thành ấy. ( Sđd : 19)

Nhưng khi dân thành Ni-ni-vê nghe theo lời kêu gọi của ngôn sứ Giô-na ăn chay , cầu nguyện và xám hối thì Thiên Chúa đã tha không đánh phạt họ như Người đã ngăm đe. ( Gn 3: 1-10)

Như vậy , trong thời Cựu Ước, Thiên Chúa đã dùng đau khổ , gian nan khôn khó để thử thách các tôi tớ trung thành và cũng để đánh phạt những kẻ làm những sự dữ , tội lỗi mà không chịu xám hối và từ bỏ con đường gian ác.

Dân Do Thái, cho đến thời Chúa Giêsu xuống trần và đi rao giảng Tin Mừng Cứu Độ, vẫn quen nghĩ rằng sự khó, sự đau khổ và tai ương xảy ra cho ai thì tại tội lỗi của người đó hay của cha mẹ nạn nhân. Cho nên khi thấy một người mù từ bé, các môn đệ của Chúa Giêsu đã hỏi Người như sau :

“Thưa Thầy, ai đã phạm tội khiến người này sinh ra đã bị mù, anh ta hay cha mẹ anh ta?( Ga 9 : 2). Chúa Giê-su đã trả lời họ như sau : “không phải anh ta, cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội. Nhưng chuyện đó xảy ra là để các việc của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh.” ( Sđd 9; 3)

Việc của Thiên Chúa được tỏ hiện là Chúa Giê-su đã chữa cho anh mù được xem thấy để minh chứng Người là quả thực là Đấng Thiên Sai ( Mê-si-a ) đã đến trong trần gian để “ cho người mù được thấy. kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết trỗi dậy, kẻ nghèo được nghe Tin Mừng..” ( Lc 7 : 22 ) .

Nhưng cũng trong Tin Mừng Thánh Gioan, Chúa Giê-su cũng nói với một người đã đau ốm lâu năm và Chúa đã chữa lành cho anh ta. Nhưng khi gặp lại anh này trong Đền Thờ sau đó, Chúa đã nói với anh điều đáng chú ý như sau :

“Này, anh đã được khỏi bệnh. Đừng phạm tội nữa, kẻo lại phải khốn hơn trước.” ( Ga 5: 14)

Như thế có nghĩa là tội lỗi cũng có thể là nguyên nhân gây ra đau khổ cho con người như Chúa đã nói trên đây. Kinh nghiệm thực tế ngày nay cũng chứng minh điều này. Kẻ trộm cắp cứ quen sống bất lương như vậy, sẽ có ngày gặp tai họa khi vào nhà ai để ăn trộm và có thể bị chủ nhà bắn chết. (ở Mỹ rất nhiều người dân có súng trong nhà để tự vệ). Người ngoại tình cũng có thể bị tình địch giết chết vì đã gian dúa với vợ hay chồng của người khác. Lái xe ẩu, vượt đèn đỏ có thể gây ra án mạng cho người khác và cho chính người lái xe ẩu. Đúng là tội đâu vạ đấy như người Việt Nam chúng ta thường nói.

Tuy nhiên, là người tín hữu, chúng ta được dạy dỗ để tin rằng sự đau khổ về thể lý hay tâm hồn cũng là phương tiện mà Thiên Chúa dùng để cho chúng ta được thông phần sự thương khó đau khổ với Chúa Kitô, Đấng đã vui lòng chịu mọi sự khốn khó cho đến chết đau thương trên thập giá để cho chúng ta được cứu độ và có hy vọng được hưởng hạnh phúc Nước Trời với Chúa sau hành trình đức tin trên trần thế này.

Thật vậy, Chúa Giê-su Kitô là Đấng Thiên Sai (Messaih) đã đến trần gian làm Con Người, đã chịu khốn khó ngay từ khi sinh ra trong cảnh cực kỳ khó nghèo nơi hang lừa máng cỏ, bị đe dọa giết chết bởi Hê-rô-đê khiến Đức Mẹ và Thánh Giuse phải mang chậy trốn sang Ai Cập lúc đêm khuya.. Lớn lên, Người đi rao giảng Tin Mừng trong điều kiện rất khó nghèo, lang thang đó đây như kẻ vô gia cư đúng như Chúa đã nói với các môn đệ :“ con chồn có hang, chim trời có tổ , nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu.” ( Mt 8 : 20)

Là Đấng Thiên Sai, Chúa Kitô sẽ “phải chịu nhiều đau khổ do các kỳ mục , các thượng tế và kinh sư gây ra, rồi bị giết chết và ngày thứ ba sẽ sống lại.” ( Sđd 16: 21)

Phê-rô, môn đệ được Chúa khen ngợi vì đã tuyên xưng đúng Người là “ Đấng Kitô, con Thiên Chúa hằng sống.”. Nhưng khi nghe Chúa nói đến những đau khổ mà Người sắp phải chịu trước khi chết, sống lại và lên trời vinh hiển, Phê-rô đã tìm cách can ngăn Chúa như sau : “ Xin Thiên Chúa thương đừng để cho Thầy gặp chuyện đó.”.( Sđd 16: 22)

Để trả lời cho Phê-rô và cũng để dạy cho chúng ta biết giá trị của đau khổ, Chúa đã quở trách ông như sau: “Xa tan , hãy lui lại đằng sau Thầy ! anh cản lối Thầy, vì tư tưởng của anh không phải là tư tưởng của Thiên Chúa, mà là của loài người.” .( Sđd 16: 23)

Phêrô can ngăn Chúa vì đã hành động đúng với suy tư của mọi người trần thế là không ai muốn chịu sự gì khốn khó, đau khổ. Ai cũng muốn được luôn khỏe mạnh, sung sướng, an nhàn, có nhiều tiền của và danh vọng ở đời. Không ai muốn bệnh tật, nghèo đói và bị khinh chê, tù đầy hay bắt bớ. Ước vọng được khỏe mạnh cũng rất chính đáng và đẹp lòng Chúa, như tác giả Sách Huân Ca đã viết:

**“Người đã chết thì hết xung tưng vì nó không còn nữa  
Chỉ người đang sống và khỏe mạnh mới ca ngợi Đức Chúa.” ( Hc 17 : 28)**

Vì thế, người đau ốm cầu xin Chúa cho được lành bệnh tật của thân xác:

**“Lạy Chúa, xin đoái thương, này con đang kiệt sức  
Chữa lành cho vì gân cốt rã rời  
Toàn thân con rã rời quá đỗi  
Mà lạy Chúa, Chúa còn trì hoãn đến bao giờ ? “. ( Tv 6 : 3-4)**

Chúa dùng để thánh hóa và cải hóa con người, cũng như để thử thách lòng tin yêu của các Cầu xin cho được khỏe mạnh và bình an trong cuộc sống là điều tốt phải xin Chúa và không có gì đáng chê trách. Nhưng bệnh tật và rủi ro thì không ai tránh được trong cuộc sống ở đời này. Người đạo đức, lương thiện và kẻ bất lương gian ác đều không ít thì nhiều phải đau khổ như bệnh tật, tai nạn bất ngờ, tang chế trong gia đình vì người thân mất đi.... Tuy nhiên, cứ xem gương Chúa Giêsu, Đức Mẹ và các Thánh thì người có đức tin phải hiểu rằng đau khổ có giá trị cứu rỗi và là phương thế hiệu nghiệm mà Thiên tôi tớ trung kiên như trường hợp các ngôn sứ Mô-Sê, Abraham, Gióp và Tôbia đã nói ở trên.

Vì đau khổ có giá trị xin tha tội, nên ông Mô-sê đã xin hiến mạng sống mình làm của lễ để xin Thiên Chúa tha tội cho dân Do Thái xưa:

“ Ông Mô-sê trở lại với ĐỨC CHÚA và thưa : “than ôi dân này đã phạm một tội lớn. Họ đã làm cho mình một tượng thần bằng vàng. Nhưng giờ đây ước gì Ngài miễn chấp tội họ. Bằng không, thì xin Ngài xóa tên con khỏi cuốn Sách Ngài đã viết.” ( Xh 32 : 31-32)

Chính vì giá trị cứu chuộc của đau khổ mà Chúa Kitô, Đấng Thiên Sai, Người Tội tớ đau khổ của Thiên Chúa, đã vui lòng “uống chén đắng” là vác thập giá, chịu mọi cực hình cho đến khi chết đau thương trên thập giá để đền tội cho nhân loại và cho chúng ta hy vọng được sống hạnh phúc đời đời với Chúa trên Nước Trời mai sau. Phải nói là có hy vọng thôi chứ không phải là bảo đảm chắc chắn ngay từ bây giờ, không phải vì sự đau khổ của Chúa Kitô chưa đủ cho con người được cứu rỗi, mà vì con người còn có tự do để cộng tác với ơn Chúa để được cứu chuộc hay bị loại vì đã tự ý khước từ ơn cứu rỗi đó để sống buông thả theo tính hư nát xấu của xác thịt và chạy theo những quyền rũ của thế gian đang tràn ngập với “văn hóa của sự chết” mà những kẻ không có niềm tin đang ngập lặn trong đó.

Nếu con người không có thiện chí muốn cộng tác với ơn Chúa để sống theo đường lối của Chúa, thì Chúa không thể cứu ai được, mặc dù công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô là vô giá và đủ cho con người được cứu rỗi.

Tóm lại, không ai có thể tránh được đau khổ trong cuộc sống trên trần gian này. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, với người có niềm tin nơi Chúa thì đau khổ là phương thế tốt nhất cho ta được trở nên giống Chúa Kitô, Người đã đi vào vinh quang phục sinh qua khổ hình thập giá để dẫn đưa chúng ta

vào hưởng hạnh phúc Nước Trời, nếu chúng ta cũng vui lòng vác thập giá theo Người. Nghĩa là chúng ta phải vui lòng chấp nhận những sự khó, sự đau khổ mà chúng ta không kiêu căng đi tìm kiếm nhưng không hậm hực kêu trách Chúa khi gặp phải trong cuộc sống trên trần gian này. Đó là cách chấp nhận đau khổ đẹp lòng Chúa, đúng theo lời dạy của chính Chúa Kitô, là “ ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo.” (Mt 16: 24).

Vác thập giá theo Chúa có nghĩa là vui lòng chịu mọi sự khó Chúa gửi đến trong cuộc đời của mỗi người chúng ta.

**Vậy chúng ta hãy can đảm và bằng lòng chịu những sự khó, sự đau khổ mà chúng ta không ai muốn kiếm tìm nhưng không tránh được, vì Chúa đã tha phép cho xảy ra để cho ta được thông phần sự thương khó của Chúa Kitô để đền tội mình và tội của người khác, cũng như để cầu xin cho nhiều người chưa biết Chúa được nhận biết và tin yêu Chúa để cùng hưởng nhờ công nghiệp cứu chuộc của Chúa Kitô.**

Đó là điều quan trọng chúng ta cần suy tư và sống trong Năm Đức Tin này.

## LM Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn

---

### SỰ KHỔ / ĐAU CỦA CON NGƯỜI TRONG UPANISHAD

---



Riêng đối với **Ấn giáo**, địa vị của Upanishad là địa vị số một cả trong địa hạt tôn giáo lẫn triết học. **Upanishad được ví như là Tân ước của người Ki-tô giáo**[1].

Bởi vì, nội dung của Upanishad là một giáo lý cao siêu và bí truyền. Trong cái huyền bí cao siêu ấy, **điểm xuất phát không gì khác là chính con người, chính những khắc khoải, lo âu, đau khổ**,...mong muốn được giải thoát để có được một cuộc sống thanh thản hạnh phúc. Vậy, theo Upanishads, đau khổ có nguồn gốc từ đâu, làm thế nào để vượt qua những đau khổ ấy. Bài viết sẽ cố gắng đi tìm câu trả lời thỏa đáng nhất cho những vấn đề này.

**Trong Upanishads, những đau khổ đè nặng lên cuộc đời con người được quan niệm nằm ngay trong thân thể, trong ý trí, trong tình cảm, trong kiếp người và trong cả thế giới hiện tượng biến đổi và vô thường này.**

Bởi vì, khi nhìn về vũ trụ, “**Ấn giáo cho rằng, vũ trụ này là ảo (maya), không thật**”[2]. Thiên nhiên vạn vật không thực hữu. Thân xác con người cũng không thực hữu. Con người mang trong mình thân phận khả tử, và con người ấy phải sống trong một tình trạng tha hóa, không là chính mình, nên con người có những đau khổ. Nói một cách cụ thể hơn:

**Con người chịu đau khổ là do con người mang thân phận là ghét bỏ, không bao giờ thỏa mãn với những gì đang có.**

“Chúng ta nhận thấy trong chính con người chúng ta sự thúc đẩy bởi những khát vọng, thèm muốn, những thứ mà chẳng bao giờ thỏa mãn. Bởi vì, có nhiều khát vọng chẳng bao giờ có thể trở thành hiện thực, hoặc nếu chúng ta được thỏa mãn thì những thỏa mãn ấy chỉ là phù du. **Khi một khát vọng được thỏa mãn thì một khát vọng khác sẽ xuất hiện, và tiếp tục như thế mà không bao giờ có điểm dừng. Chúng ta thỏa mãn đối tượng này thì lại phát sinh đối tượng khác. Tiến trình của khát vọng này cứ tiếp diễn không ngừng và không bao giờ cho chúng ta no thỏa. Kết quả, dẫn đến làm cho chúng ta chán nản và đau khổ.**” [3]

Hơn nữa, con người chịu đau khổ là do thân phận con người mang theo sự khủng hoảng về căn tính của mình[4] (tôi là ai?). **Con người không biết mình thực sự là ai.** Ấn Giáo cho rằng con người có hai ngã.

**Cái ngã thường nghiệm (java) là cái ngã tự ý thức của cá nhân trong đời sống hằng ngày; là cái tôi tồn tại trong không gian và thời gian, trong thế giới ảo. Đây không phải là ngã thực. Ngã thứ hai là atman.** Đây là cái ngã thực và là phần thánh thiêng của con người. Ngã này không nằm trong không gian và thời gian. **Atman[5] là hơi thở của cuộc sống. Nó là phần trường tồn của con người, là cái thiết yếu thực sự của con người.**

Mục đích của cuộc sống là nhận ra bản chất thật sự này, để kinh nghiệm cái tôi con người như là những cách diễn tả khác nhau của **cái tôi phổ quát, Brahma. Atman là Brahma.**

**Tuy nhiên, trong cuộc sống, con người thường không nhận biết được cái ngã thứ hai (atman), ngược lại, có khi lại đề cao quá mức cái ngã thường nghiệm. Như vậy, con người mang lấy trong mình một thân phận ngu muội. Ngu muội là bởi lẽ con người không nhận ra mình thực sự là ai. Vì ngu muội, nên con người đau khổ. Con người bị kéo vào trong vòng xoáy của những đam mê bất tận, vốn gây nên đau khổ.**

Vậy, để nhận biết được bản ngã đích thực của con người (atman), chúng ta cần có được sự hiểu biết ở mức độ thượng trí. Upanishad đã chia sự nhận thức của con người thành hai trình độ hiểu biết khác nhau: **“hạ trí và thượng trí”**[6].

**Hạ trí là tri thức phản ánh thế giới sự vật, hiện tượng cụ thể, hữu hình, hữu hạn, thường biến, mà thực chất chỉ là sự biểu hiện khác nhau của Tinh thần vũ trụ tối cao (Brahma). Nó gồm có tri thức như: khoa học thực nghiệm, ngữ pháp, ngữ âm học, sách nghi thức, thiên văn học,...** Nhận thức hạ trí được nhận thức ngang **qua giác quan và trí năng.** Chúng giúp con người có thể sống sót trong thế giới, thế giới của ảo ảnh (maya).

**Thượng trí là trình độ nhận thức vượt qua tất cả thế giới hiện tượng, hữu hình, hữu hạn, biến ảo để nhận thức một giá trị tuyệt đối, duy nhất, tối cao, bất diệt. Đó là Brahman hay linh hồn vũ trụ tối cao. Thượng trí là cái biết nhờ đó mà người ta biết được cái gì chưa biết mà cũng như học rồi, chưa nghĩ mà cũng như đã từng nghĩ đến rồi, chưa từng hiểu mà cũng như đã hiểu rồi. Bằng nhận thức thượng trí, khi đã hiểu biết được thực tại tuyệt đối tối cao, nắm bắt được bản chất của mọi cái tồn tại, tìm ra chân bản tính của mình, phân biệt linh hồn bất tử với thể xác hữu hình, hữu hạn, vô thường[7] ấy, sẽ đưa con người đến sự giải thoát. Vì thế, câu ngạn ngữ cổ Ấn độ đã nói: “hiểu biết thực sự là hiểu biết có thể đưa ta tới tự do”.**

Khi nhận biết được cái ngã đích thực (atman), con người sẽ giải thoát được đau khổ của mình bằng cách hòa nhập cái ngã đích thực (atman) vào bản thể tuyệt đối, tối cao (Brahman).

Về bản chất, Atman là đồng nhất với Brahman, nên linh hồn cá biệt cũng tồn tại vĩnh viễn, tuyệt đối, bất diệt như Tinh thần vũ trụ tối cao (Brahman). Nhưng vì linh hồn bất tử được thể hiện trong mỗi thân xác con người trong đời sống trần tục, nên ý thức người ta lầm tưởng rằng linh hồn là cái khác với Tinh thần vũ trụ tối cao, cũng sinh tử như đời sống thân xác con người. Những ý

chí, dục vọng và những hành động của con người nhằm làm thỏa mãn những ham muốn vật chất, danh lợi của mình đã che đi bản tính chân thực của con người.

Vậy, để giải thoát linh hồn khỏi những ràng buộc của những ước muốn trần tục để có được trạng thái đồng nhất với Tinh thần vũ trụ tối cao, con người phải dựa vào chính lý trí của con người, bằng sự tu luyện đạo đức và tu luyện tri thức, dày công thiền định, chiêm niệm nội tâm, trầm tư mặc tưởng để đạt tới đại giác, nhận ra chân bản tính của mình và thực tướng của vạn vật, từ đó dứt bỏ được mọi sự ràng buộc, lôi kéo làm mờ tâm tính bởi thế giới vật dục biến ảo vô thường, diệt bỏ mọi quan niệm của thế tục về sống chết và những lo âu, khổ não của cuộc đời, đạt tới sự đồng nhất của linh hồn với “Tinh thần sáng tạo vũ trụ tối cao”.

Nói cách khác, con đường giải thoát cho con người khỏi đau khổ, ngu muội chính là sự giác ngộ để nhận ra bản tính thật của mình. “Con người không phải là một cái tôi hữu hạn, yếu ớt, nhưng là vô hạn, vĩnh cửu, atman, thánh thiêng, và là một phần của đại dương Brahma mênh mông. Vì chỉ có thượng thần Brahma là tối cao. Nên nhận ra sự thật atman là Brahma sẽ giúp con người được giải thoát”[8].

Cụ thể hơn, có bốn con đường dẫn đến sự giải thoát[9] :

- 1.- Bhakti yoga là việc thờ phượng Thượng đế;
- 2.- Karma yoga là làm việc Thiện;
- 3.- Raja yoga là việc Suy niệm; và
- 4.- Ginana yoga là việc suy tư Triết học.

Giải thoát khi con người phá đổ những ảo tưởng, thoát khỏi vòng luân hồi và tháp nhập vào Thượng đế.

Như vậy, giải thoát khỏi đau khổ là sự xóa bỏ mọi ràng buộc của thế giới sự vật, hữu hạn, thường biến, để đạt tới sự giác ngộ, đưa tiểu ngã (atman) hòa nhập vào đại ngã (Brahman). “Theo Upanishad, chừng nào chưa giác ngộ và thực hiện sự đồng nhất giữa atman và brahman thì chừng đó con người còn bị ràng buộc trong thế giới ảo (maya), và khi đó con người vẫn phải chịu những đau khổ.”[10]

Tóm lại, Trong Upanishads, những đau khổ đè nặng lên cuộc đời con người được quan niệm nằm ngay trong thân thể, trong ý trí, trong tình cảm, trong kiếp người và trong cả thế giới hiện tượng biến đổi và vô thường. Bởi vì, vũ trụ theo nhãn quan của Ấn giáo là ảo (maya), không thật. Để giải thoát khỏi sự đau khổ, Upanishad đã lấy con người, lấy nhân sinh làm trung tâm. Đặt con người, xem xét đời sống con người trong sự hòa hợp với vũ trụ, coi vũ trụ là sự phản ảnh rộng lớn của con người, hay con người là tiểu vũ trụ trong cái đại vũ trụ.

## Nguyễn Văn Hòe

*Học Viên Triết II*

*Học Viện Thánh Giuse – Dòng Tên*

### Tài liệu tham khảo

Doãn Chính, *Tư Tưởng Giải Thoát Trong Triết Học Ấn Độ*, Nxb Thanh Niên Hà Nội, 1999.

Hoàn Sơn, *Triết Sử Ấn Độ*, Nxb Hưng Giáo Văn Đông, 1970.

Pojman, Louis, P., *Who Are We*, Oxford University Press, New York, 2006.

Jordan, Michael, *Minh Triết Đông Phương*, Phan Quang Định chuyên ngữ, Nxb Mỹ Thuật, 2004.

[1] Hoàn Sơn, *Triết Sử Ấn Độ*, Nxb Hưng Giáo Văn Đông, 1970, tr 91.

[2] Pojman, Louis, P., *Who Are We*, Oxford University Press, New York, 2006, P 86.

[3] Ibid., tr 88.

[4] Để làm rõ sự khủng hoảng căn tính của con người, các học giả Ấn Độ đã mô tả bằng câu chuyện chú sư tử con. Sư tử con được sống từ nhỏ với đàn chiên, nên sư tử con sống như những con chiên, do đó sư tử con cứ nghĩ mình giống như những con chiên mà không biết thực sự mình là sư tử.

[5] Trong quyển Chandogya Upnishad, một ông bố dạy cho con là Shvetaketu, về bản chất của Atman bằng ngôn ngữ giản dị thường ngày. Ông bảo con cắt một trái vả ra làm đôi. Bên trong, đứa con nhìn thấy những hạt nhỏ xíu và ông bố bảo nó lấy một hạt đó và cắt làm đôi. Khi được hỏi thấy gì không, cậu con trai lắc đầu và trả lời: không có gì. Ông bố giải thích cho cậu rằng: cái không có gì đó là cốt lõi từ đó một cây vả đã lớn lên. Cái cốt lõi tinh yếu đó thì vô hình và cậu phải tưởng tượng atman là thế đó. (Trích: Jordan, Michael, *Minh Triết Đông Phương*, Phan Quang Định chuyên ngữ, NXB Mỹ Thuật, 2004, tr 47.)

[6] Pojman, Louis, P., *Who Are We*, Oxford University Press, New York, 2006, P 87.

[7] Vô thường có nghĩa là mọi sự đều thay đổi, không có sự vật nào bất biến trong hai thời điểm nối tiếp nhau. (trích: Thích Nhất Hạnh, *Không Diệt Không Sinh Đừng Sợ Hãi*, Không rõ nhà xuất bản, tr 29.)

[8] Pojman, Louis, P., *Who Are We*, Oxford University Press, New York, 2006, tr 90.

[9] Ibidem.

[10] Doãn Chính, *Tư Tưởng Giải Thoát Trong Triết Học Ấn Độ*, Nxb Thanh Niên Hà Nội, 1999, tr 46.

---

## QUAN NIỆM KHỔ / ĐAU - DUHKHA CỦA PHẬT GIÁO

NSGN - Trong nhiều **quan niệm của Phật giáo về nhân sinh quan**, có thể nói **quan niệm về khổ đau - dukkha mang một giá trị rất nhân văn**.

Phật giáo cho rằng, sự sống tự nó không phải là một sự bất ổn, **chính các thể dạng tâm thức của chúng ta làm phát sinh ra khổ đau hay an vui trong cuộc sống của chính mình**. Phật giáo chỉ ra bản chất khổ đau của sự hiện hữu là gì và từ đó có thể làm thế nào để ta có thể loại bỏ được nó.



### NHẬP ĐỀ

Như bao tôn giáo khác, Phật giáo luôn đề cao triết lý nhân sinh làm sao để con người nhận thức được bản chất của khổ đau và thực hành khổ đau như thế nào để con người không bị rơi vào trạng thái tuyệt vọng, để **khí đối mặt với những nỗi đau khổ của cuộc sống hiện thực, con người biết sống tích cực trong chính cuộc đời ngắn ngủi này**.



Đức Phật khi còn là một vị minh quân sống trong nhung lụa, trái tim của Ngài đã cảm nhận được nỗi thống khổ của sinh, lão, bệnh, tử, sự biến đổi không ngừng của vạn vật trên trần thế. Ngài không thể ngồi yên nhìn đồng loại của mình chịu khổ, Ngài đã xuất gia với tâm nguyện là tìm ra phương pháp tu tập chân chính nhất để con người có thể giải thoát được những nỗi khổ về vật chất và tinh thần giữa cuộc đời hiện hữu.

Tìm hiểu quan niệm *khổ đau - dukkha* của Phật giáo để thấy được tính tích cực của tôn giáo này trong vai trò là **kim chỉ nam dẫn lối cho con người nhận thức được khổ và giải thoát khỏi những nỗi khổ mà con người từ khi thọ thai đến khi nhắm mắt xuôi tay phải gánh nhận.**

## NỘI DUNG

### 1- Quan niệm Khổ đau - Dukkha trong Phật giáo

Phật giáo là một tôn giáo ra đời sớm vào khoảng thế kỷ VI đến thế kỷ V TCN<sup>(1)</sup>. Có nhiều quan điểm cho rằng Phật giáo là một tôn giáo bi quan khi cho rằng Phật giáo khuyên chúng ta phải suy tư về khổ đau. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng: “Phật giáo là một tôn giáo có tính triết lý sâu sắc. Phật giáo cho rằng, **sự sống tự nó không phải là một sự bất ổn, chính các thể dạng tâm thức của chúng ta làm phát sinh ra khổ đau hay an vui trong cuộc sống của chính mình. Phật giáo chỉ ra bản chất khổ đau của sự hiện hữu là gì và từ đó có thể làm thế nào để ta có thể loại bỏ được nó**”<sup>(2)</sup>. Như vậy thì chúng ta phải hiểu như thế nào về từ “*khổ đau*” hay “*dukkha*” trong giáo lý nhà Phật?

*Dukkha* là một từ tiếng Phạn gồm hai từ ghép lại là: *duh* và *kha*.

*Kha* có nghĩa là cái lỗ tròn ở giữa bánh xe dùng để đưa cái trục xe vào đó. *Duh* có nghĩa là “bất ổn”, “bất an”, “rối loạn. Theo Philippe Cornu, một học giả lỗi lạc và hiện cũng là Viện trưởng Viện Đại học Phật giáo Âu châu, *dukkha* không phải chỉ giản dị có nghĩa là những khổ đau thuộc thân xác hay tinh thần, mà **khổ đau còn bao hàm cả những thể dạng bất toại nguyện và những cảm tính bất an mà tất cả chúng ta đều cảm thấy trong cuộc sống của mình. Nói một cách vắn tắt hơn thì đây là sự bất toại nguyện của sự hiện hữu**<sup>(3)</sup>.

**Cách hiểu về khổ đau - dukkha** rộng hơn, được Hòa thượng Thích Thiện Siêu giải thích khi trình bày về Khổ đế, Hòa thượng cho rằng, *dukkha* ngoài nghĩa là bất toại nguyện thì phải được hiểu đầy đủ với 4 nghĩa: **Khổ, Vô thường, Không và Vô ngã** - đây là 4 Pháp ấn quan trọng của Phật giáo<sup>(4)</sup>.

Như vậy, **khi tìm hiểu về khổ đau - dukkha chúng ta không chỉ dừng lại ở cách hiểu đó là sự bất an, rối loạn ở thể xác lẫn tinh thần mà dukkha còn bao hàm cả trạng thái hạnh phúc tương đối.** Khi con người hiểu rõ được căn nguyên của sự vật, hiện tượng, con người sẽ tự tìm cho mình được cách giải thoát ra khỏi những bấn loạn hiện hữu. Đó mới chính là giá trị của từ *dukkha* trong quan niệm Phật giáo.

Trong bài thuyết giảng đầu tiên tại Thành Ba-la-nại - Varanasi (Varanasi nằm bên bờ Tây sông Hằng, thuộc bang Utta Pradesh Ấn Độ) cho 5 anh em nhà Kiều Trần Như - 5 đệ tử đầu tiên của Phật, Đức Phật đã nêu ra **Bốn sự thật cao quý (Tứ diệu đế)** và trong *sự thật thứ nhất* Đức Phật nêu lên **khái niệm về khổ đau và vô thường**, đây là những gì làm nền tảng cho giáo lý. Dựa trên nền tảng đó Bốn sự thật liên kết chặt chẽ và mạch lạc với nhau giúp hình thành toàn bộ đạo pháp. Bốn sự thật ấy như sau:

a- **Sự sống là khổ đau**, bởi vì tất cả đều vô thường (Khổ đế). Có tám loại khổ chính mà con người phải gánh chịu:

1.- khổ vì **Sinh**,

2.- khổ vì **Lão**,

3.- khổ vì **Bệnh**

4.- khổ vì **Tử**,

5.- khổ vì phải kết hợp với những gì hay với những người mà mình không thích (**oán tăng hội**),

6.- khổ vì phải xa lìa những gì hay những người mà mình yêu quý (**ái biệt ly**),

7.- khổ vì không thực hiện được hạnh phúc mà mình ước mơ (**cầu bất đắc**),

8.- khổ vì phải gánh chịu sự biến động của năm thứ cấu hợp hay **ngũ uẩn** (*skandha*) - một cấu hợp vật chất tạo ra **thân xác** (*sắc*) và **bốn cấu hợp thuộc lãnh vực tâm thần**, tất cả kết hợp với nhau tạo ra cá thể con người (*thụ, tướng, hành, thức*).

**Bốn khổ trước thuộc về Sinh lý; ba khổ tiếp theo thuộc về Tâm lý và khổ cuối cùng chung cho cả Tâm - Sinh lý.**

b- **Nguồn gốc của khổ đau phát sinh từ dục vọng (Tập đế)** - do **Thập nhị nhân duyên** (tức là 12 nhân duyên có quan hệ mật thiết, cái này làm nhân, làm duyên cho cái kia, cái này là quả của cái trước, đồng thời làm nhân cho cái sau) tạo ra chu trình khép kín trong mỗi con người, gồm: **vô minh - hành - thức - danh sắc - lục nhập - xúc - thụ - ái - thủ - hữu - sinh - lão - tử**.

c- **Phương thuốc chữa chạy là đình chỉ mọi dục vọng (Diệt đế)**. Muốn diệt trừ khổ đau thì phải **diệt trừ vô minh**. Khi vô minh bị diệt thì trí tuệ được chiếu sáng, khi đó con người sẽ hiểu rõ được bản chất của vũ trụ và con người để thoát ra khỏi vòng luân hồi sinh tử.

d- **Có một con đường mang lại sự chấm dứt đó, đây là con đường gồm tám giới luật (Đạo đế) (Bát chánh đạo)**. Đây là con đường cao quý gồm có tám nhánh, ấy là

1.- Sự quán thấy đúng,

2.- Tư duy đúng,

3.-Ngôn từ đúng,

4.- Hành động đúng,

5.- Phương tiện sinh sống đúng,

6.- Cố gắng đúng,

7.- Chú tâm đúng,

8.- sự Tĩnh tâm đúng.

Tám nhánh của Bát Chánh đạo được phân ra làm ba nhóm:

\* **Nhóm thứ nhất thuộc về ĐẠO ĐỨC hay GIỚI LUẬT** (*sila*) gồm có:

a- **Ngôn từ đúng** (*Chính ngữ*): không nói dối, không dèm pha, không nói những lời hung bạo, không nguyên rủa, không ba hoa vô ích.

b- **Hành động đúng** (*Chính mệnh*): không sát sinh, không trộm cắp, tôn trọng luân lý trong lĩnh vực tính dục, giúp đỡ người khác biết sống một cách ngay thật.

c- **Phương tiện sinh sống đúng** (*Chính nghiệp*): không sinh sống bằng những nghề làm hại đến người khác và các chúng sinh khác (chẳng hạn như buôn bán khí giới, lường gạt, làm nghề đồ tể, chăn nuôi súc vật để giết thịt, phá rừng...), nói chung là phải biết tôn trọng sự sống và kính trọng tất cả chúng sinh.

\* **Nhóm thứ hai thuộc SỰ TĨNH TÂM hay THIỀN ĐỊNH** (*samadhi*) gồm có:

a- **Cố gắng đúng** (*Chính tinh tiến*): ngăn chặn các thói quen tâm thần kém đạo đức phát sinh trở lại, không để cho các thứ dục vọng độc hại mới phát sinh và điều khiển mình, cố gắng tạo ra các thể dạng tâm thức lành mạnh và tốt đẹp, phát huy thêm những thể dạng tâm thức tốt sẵn có.

b- **Chú tâm đúng** (*Chính niệm*): ý thức và chú tâm vào thân xác, giác cảm, sự sinh hoạt tâm thần, tư duy và các khái niệm.

c- **Tập trung tâm thức đúng** (*Chính định*): đây là lãnh vực thiền định, chẳng hạn như sự tập trung tâm thức bằng hơi thở.

\* **Nhóm thứ ba là SỰ HIỂU BIẾT TỐI THƯỢNG hay BÁT NHÃ** (*prajna*) gồm có:

a- **Tư duy đúng** (*Chính tư duy*): tức là *từ bỏ* hay là *quên chính mình*, không ích kỷ, yêu thương tất cả chúng sinh và bất bạo động.

b- **Sự hiểu biết đúng** (*Chính kiến*): thấu triệt được Tứ Diệu đế.

Như vậy, hơn hai thế kỷ trước, Đức Phật đã tìm ra căn bệnh *khổ đau* - *dukkha* mà con người thường xuyên phải gánh chịu trên thân xác và trong tâm thức. Ngài phân tích cho chúng ta thấy nguyên nhân sâu kín của đủ mọi thứ bệnh tật đang đầy đọa con người và kê ra một toa thuốc hóa giải tận cội rễ của tất cả các thứ khổ đau ấy mà Ngài gọi chung là *dukkha*. Phương thức của Ngài đưa ra đó là tự mỗi người hãy nhận ra sự vô minh của mình để diệt trừ nó, hãy nhận thức về tính vô thường của thế giới, tính vô ngã của chủ thể. Khi đó, con người mới tự mình đem lại an lạc trong cuộc đời mà không bị những nỗi khổ đau bám víu, đưa con người vào trạng thái bất an và lo sợ trong cuộc sống.

## 2- SỰ VẬN HÀNH CỦA KHỔ ĐAU

### Dukkha trong đời sống người Việt Nam hiện nay

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, đã tồn tại và phát triển cả tôn giáo thế giới và tôn giáo bản địa. Theo dõi số liệu thống kê các tôn giáo của Ban Tôn giáo Chính phủ (tính đến tháng 2 năm 2011) để thấy được sự quay trở lại của tâm thức tôn giáo ở nước ta trở nên mạnh mẽ và rõ ràng hơn. (Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ, 2011)<sup>(5)</sup>. (Xem bảng số liệu thống kê).

Stt	Tên tổ chức tôn giáo	Số tín đồ	Số chức sắc	Số cơ sở thờ tự	Ghi chú
-----	----------------------	-----------	-------------	-----------------	---------

1	Phật giáo	10.000.000	42.000	15.500	Tin Lành: 2.000 điểm nhóm được đăng ký hoạt động và 10 tổ chức được công nhận; chức sắc chủ yếu tự phong.
2	Công giáo	6.100.000	20.000	6.000	
3	Tin Lành	1.500.000	3.000	500	
4	Cao Đài	2.471.000	12.722	1.331	
5	Phật giáo Hòa Hảo	1.260.000	2.579	39	
6	Hồi giáo	72.732	700	77	
7	Baha'i	7.000			
8	Tứ Ân Hiếu Nghĩa	70.000	409	78	
9	Bửu Sơn Kỳ Hương	15.000		19	
10	Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội	1.500.000	4.800	206	
11	Phật đường Minh sư đạo	11.124	300	54	
12	Minh lý Tam tông miếu	1.058	72	4	
13	Bà-la-môn	54.068	158	37	

Tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng là một nhu cầu tâm linh không thể thiếu đối với người Việt. Khảo nghiệm tiến trình lịch sử Việt Nam từ khi Phật giáo du nhập vào nước ta để thấy rằng, dù cho tồn tại những điều kiện khách quan của lịch sử, do những chính sách của nhà nước mỗi thời kỳ tác động vào Phật giáo, thì trong lòng nhân dân Phật giáo vẫn là một chỗ dựa tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống. Dưới chế độ phong kiến, tùy theo hoàn cảnh lịch sử, mỗi triều đại có sự lựa chọn trong cách ứng xử với Phật giáo khác nhau, nhưng tựu chung lại Phật giáo là một thành tố văn hóa không thể thiếu trong bức tranh văn hóa Việt Nam.

Lịch sử Việt Nam hiện đại có những dấu ấn phát triển riêng, gắn với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Quân dân một lòng đồng sức chống lại súng đạn của quân thù. Trong hoàn cảnh ấy, Phật giáo một mặt vẫn tiếp tục duy trì hoạt động Phật pháp của mình, mặt khác Phật giáo cũng đồng hành với hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Có nhiều tấm gương Phật tử, Tăng sĩ hy sinh vì đạo pháp và dân tộc như Hòa thượng Thích Quảng Đức; Phật tử Tâm Minh - Lê Đình Thám... Nhìn lại giai đoạn lịch sử này, dường như nỗi đau khổ cá nhân của mỗi người dân tạm gác lại cho mục đích sống còn là giải phóng dân tộc độc lập. Vì thế, tính nhập thế của Phật giáo cũng thể hiện rất rõ trong dòng chảy lịch sử dân tộc.

Sau khi đất nước hoàn toàn được thống nhất (30-4-1975), đặc biệt là từ sau thời kỳ đổi mới (1986) đến nay, các tôn giáo nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng lại tiếp tục đồng hành với công cuộc xây dựng đất nước giàu đẹp, văn minh. Cuộc sống con người có nhiều tiên bộ hơn thì sinh hoạt tôn giáo cũng ngày càng đa dạng, phong phú. Lý giải cho điều này, nhà nghiên cứu Phillip Taylor cho rằng: “sự hồi sinh của tôn giáo ở Việt Nam như là sự phản hồi lại những chính sách của nhà nước khi chuyển đổi nền kinh tế. Tôn giáo có thể là một phân bổ đáp cũng như đáp ứng một số nhu cầu tâm linh và tâm sinh lý của người dân khi phải đối đầu với sự bấp bênh của kinh tế thị trường; Nhà nước như là người có quyền quyết định hình thức tôn giáo nào nên loại bỏ và hình thức tôn giáo nào nên nuôi dưỡng, khuyến khích, phát triển...”<sup>(6)</sup>

Xã hội càng phát triển bao nhiêu thì cái tôi cá nhân càng được khẳng định bấy nhiêu. Về vật chất, có thể con người có được những cái mình muốn nhưng ngược lại đời sống tinh thần của họ lại rơi

vào trạng thái cô đơn, sợ hãi nhiều hơn ngay giữa những thú xa hoa trong đời sống. Họ lo sợ không có việc làm kiếm được nhiều tiền để có thể mua nhà cao, xe đẹp; càng lo sợ đến nỗi đau bệnh tật, sợ hãi bất an khi nghĩ về cái chết... Chính Đức Phật đã nói, nước mắt của chúng sinh nhiều hơn nước biển, nỗi đau khổ của con người luôn hiện hữu. Nếu như mỗi người không tự mình vận hành nỗi *đau khổ* - *dukkha* ấy theo một tâm thức tự tại, nhận thức được tính vô thường của vạn vật, tính vô ngã của chủ thể thì sự sợ hãi, đau khổ sẽ còn thường trực trong mỗi cá nhân.

Hiện nay, đa số người Việt Nam theo đạo Phật hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm những hành sự của Phật giáo (từ nghi thức thờ cúng, tang ma, nghi lễ cầu an, cầu siêu...). Phải chăng con người tìm thấy được ở tôn giáo này những phương thức để giải thoát khỏi nỗi *khổ đau* - *dukkha* trong cuộc đời. Phật giáo đã chỉ ra được căn nguyên của nỗi khổ, không dừng lại ở đó, Phật giáo còn đưa ra phương cách giúp con người giải thoát được những bất an, khổ đau đang hiện hữu.

Phật giáo bàn về *khổ đau* - *dukkha* ở nhiều lớp nghĩa khác nhau, nhưng cái điểm chung ở đây chính là do vô minh mà ra. Muốn diệt trừ *dukkha* thì con người phải diệt trừ vô minh. Mà ai là người diệt trừ khổ đau - câu trả lời là sự tự thân vận động của mỗi một con người. Sự tự thân ấy không có cách nào khác là trang bị những hiểu biết về quy luật luân hồi sinh tử, thuyết vô ngã, vô thường mà giáo lý đạo Phật đã chỉ ra cho mỗi chúng ta. Khi mà con người đã nhận thức rõ được bản chất của vạn vật được vận hành theo quy luật sinh tử luân hồi, vô ngã, vô thường thì khi đó con người đối mặt với *khổ đau* - *dukkha* một cách rất an nhiên tự tại. Đó chính là giá trị của đạo Phật mang lại cho chúng sinh.

## KẾT LUẬN

**Phật giáo chủ trương giúp con người giải thoát khỏi *khổ đau* - *Dukkha* ngay chính cuộc sống hiện tại. Khi con người nhận thức được căn nguyên của khổ là do vô minh, vạn vật đều vận hành theo quy luật vô thường, vô ngã, nhân quả.**

Khi đó, con người tự mình luyện tập, tự mình vượt lên chính những khổ đau ấy bằng một tâm thế an nhiên tự tại, làm được như vậy con người đã tu đạt đến cõi Niết-bàn - tức là con người tự giải thoát được thân tâm khỏi khổ đau, đạt đến trạng thái tĩnh tại, vô lo.

Việt Nam là quốc gia tồn tại nhiều tôn giáo, trong đó Phật giáo là tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo nhất. Phật giáo có những quan điểm về thế giới quan, nhân sinh quan gắn gũi với hiện thực cuộc sống con người. Cuộc sống con người ngày càng phát triển về vật chất thì nhu cầu tinh thần của con người cũng không ngừng tăng lên, trong đó, nhu cầu tâm linh có xu hướng tăng mạnh mẽ. Tính bất ổn của cuộc sống, sự lo lắng về vật chất và sở hữu vật chất cũng là căn nguyên làm cho nỗi lo lắng của con người tăng lên. Cùng với sự gia tăng bệnh tật, sự biến đổi khí hậu, những thiên tai bất ngờ đổ xuống, sự sợ hãi khi nghĩ về sự sống và cái chết... Tất cả những điều đó làm cho con người rơi vào trạng thái *khổ đau*.

Khi đến với Phật giáo, con người không chỉ nhận thức được bản chất của *khổ đau* mà còn biết cách giải thoát khỏi những *khổ đau* ấy ngay tại cuộc sống hiện hữu. Đó chính là tính nhân văn mà Phật giáo đem lại cho cuộc sống nhân loại.

**TS. Hoàng Sĩ Nguyên - ThS. Lê Thu Huyền**

---

<sup>(1)</sup> Hoàng Tâm Xuyên, (2012), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.214.

(2) Trích theo: Hoang Phong. *Khổ đau phát sinh và vận hành như thế nào*. Nxb. Phương Đông, 2012, tr209.

(3) Hoang Phong, sđ d, tr.209.

(4) Trích theo Thích Thiện Siêu. *Vô ngã là Niết-bàn*. Nxb. Tôn giáo, 2002, tr43.

(5) Trích theo: Đỗ Quang Hưng. *Tái cấu hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: Những thách thức về mặt pháp lý*. Đăng trên <http://www.btgcp.gov.vn> (Mục:Công tác nghiên cứu khoa học, trao đổi ý kiến)

(6) Trích theo:Phillip Taylor, *Modernity and Re-enhantment in Post-revolutionary Vietnam*, 2007, p.7-15

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1- Đỗ Quang Hưng (2012), *Tái cấu hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: Những thách thức về mặt pháp lý*. Đăng trên <http://www.btgcp.gov.vn> (Mục:Công tác nghiên cứu khoa học, trao đổi ý kiến)

2- Phillip Taylor (2007), *Modernity and Re-enhantment in Post-revolutionary Vietnam*, p.7-15.

3- Hoang Phong (2012), *Khổ đau phát sinh và vận hành như thế nào*, Nxb. Phương Đông, tr209.

4- Phòng Thông tin tư liệu - Ban Tôn giáo Chính Phủ (1995), *Một số tôn giáo ở Việt Nam* (tài liệu tham khảo - lưu hành nội bộ), Hà Nội, tr.47.

5- Thích Thiện Siêu (2002), *Vô ngã là niết bàn*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr43.

6- Hoàng Tâm Xuyên (2012), *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 569.

---

## **CÁC GIAI ĐOẠN SINH HOẠT CỦA ĐỜI NGƯỜI**

### **KHÔNG TỬ TÓM GỌN SINH HOẠT CỦA CUỘC SỐNG CON NGƯỜI:**

Trong “Luận Ngữ” có ghi chép lại ột câu nói của Khổng Tử (551-479 Trước CN):

“Ngô thập hữu ngũ nhi chí Vu học.

**Tam thập nhi Lập,**

**Tứ thập nhi bất Hoạch,**

**Ngũ thập tri Thiên mệnh,**

**Lục thập nhi Nhĩ thuận,**

**Thất thập nhi Tùng tâm sở dục Bất du cử”.**

Nghĩa là:

Giai đoạn 1: “**Thập hữu ngũ nhi chí vu học**” – nghĩa là 15 tuổi thì để hết tâm trí vào việc học; nói cách khác, thiếu thời cần tập trung vào việc tu dưỡng, xác định chí hướng và tích lũy kiến thức.

– Giai đoạn 2: “**Tam thập nhi lập**” – 30 tuổi lập thân, lập nghiệp – đã trụ vững, có nghề nghiệp, việc làm, có khả năng nuôi sống bản thân và gia đình, đã xác định vị trí của mình trong xã hội.

– Giai đoạn 3: “**Tứ thập nhi bất hoặc**” – 40 tuổi không còn mê hoặc, đến tuổi này thì đã chín chắn, lịch duyệt; có kiến thức và kinh nghiệm phong phú, nên đối với những việc diễn ra trong xã hội có chính kiến rõ ràng, kiên định, không còn nghi ngờ (bất hoặc).

– Giai đoạn 4: “**Ngũ thập nhi tri thiên mệnh**” – 50 tuổi thì biết rõ sứ mệnh của mình; đã nắm vững quy luật tự nhiên và xã hội, biết được xu thế của thời cuộc, nên công việc thường thuận lợi và dễ dàng đi đến thành công.

– Giai đoạn 5: “**Lục thập nhi nhĩ thuận**” – 60 tuổi thì không còn chướng tai gai mắt; do lý giải đúng căn nguyên của mọi việc diễn ra xung quanh và thấu hiểu nhân tình thế thái, nên dễ thông cảm và có thái độ khoan dung hơn – nhìn sự việc không còn thấy chướng tai gai mắt (thuận nhĩ); không như tuổi trẻ hiểu biết còn nông cạn, nên trước nhiều sự việc thường cảm thấy khó chịu, bực mình.

– Giai đoạn 6: “**Thất thập nhi tàng tâm sử dục, bất du cửu**” – Tới tuổi 70, cỏ lai hy thì đạt đến cảnh giới đắc đạo tâm tính và đạo đã hợp nhất, mọi thứ đã thành bản năng nên nghĩ gì hay làm gì cũng đều hợp đạo, chẳng vi phạm phép tắc (bất du cửu = không vượt ra ngoài quy tắc). “

Mỗi giai đoạn của cuộc đời đều là một trải nghiệm. Sớm tích lũy kiến thức, cuộc đời về sau càng an nhàn.

**Khổng Tử vẫn được biết tới là một trong những triết gia nổi tiếng nhất châu Á, những kiến thức của ông đã dạy con người cách sống đúng đắn hơn, có đạo lý hơn và luôn tôn trọng luật pháp.**

Tại Trung Quốc và nhiều quốc gia châu Á khác, các chùa chiền, trường học, cửa hàng hàng vẫn trưng bày những chân dung của Đức Khổng Tử cùng lời dạy của vị triết gia.

Trong những cuốn sách của Khổng Tử, người ta có thể thấy được sự uyên thâm của vị triết gia lỗi lạc này, dưới đây là lời dạy của ông có thể giúp ích cho bạn trong cuộc sống.

30 tuổi dốc sức làm việc

**30 tuổi là độ tuổi đủ chín chắn và trưởng thành** để mỗi người có thể gây dựng sự nghiệp, chăm lo cho chính bản thân mình. Đây cũng là giai đoạn mà một người cần xác lập vị trí của mình trong xã hội. Những người bước vào tuổi 30 cần chú ý câu nói của Khổng Tử: "tam thập nhi lập" tức lập thân, lập gia và lập nghiệp.

**Thứ nhất, lập thân là việc xác lập nhân cách và tu dưỡng bản thân.** Điều này bao gồm 3 khía cạnh: **tu dưỡng tư tưởng, bồi dưỡng Đạo Đức và phát triển năng lực bản thân, ý chí tự cường.** Trong khi đó, việc phát triển năng lực bản thân, ý chí tự cường là yếu tố nền tảng quyết định cuộc đời mỗi người. Bởi chỉ có bản thân mình mới giúp được mình, sống không nhờ cậy, không dựa dẫm ai sẽ dễ dàng vượt qua mọi thử thách của cuộc đời, sống được mọi người coi trọng và nể phục.

**Thứ hai, lập nghiệp là quá trình thiết lập công việc, sự nghiệp mà bản thân mình hướng đến.** Ở tuổi này, mọi người phải có một công việc ổn định và vững vàng để dễ dàng trang trải cho cuộc sống của bản thân và gia đình. Mà để có sự nghiệp vững chắc thì bản thân cần có năng lực, một sở trường hay một kỹ năng nhất định. Lập nghiệp là hình thức để độc lập tài chính và hướng đến giá trị bản thân và xã hội. Mà để có được sự nghiệp như mong muốn thì trước hết cần 'lập thân'.

**Thứ ba, lập gia ở đây có nghĩa là gia đình.** Với sự phát triển trong xã hội hiện nay khiến cho người trẻ phải phấn đấu và cạnh tranh không ngừng để tồn tại. Chính vì vậy, những người này có xu hướng lập gia đình muộn để phát triển sự nghiệp bản thân.



Có thể nói, từ góc độ sinh học độ tuổi này rất thích hợp để sinh con đẻ cái. Ngoài ra, con người ở độ tuổi 30 sẽ tự ý thức trách nhiệm với hôn nhân và gia đình. Như vậy, thứ chính yếu ở tuổi 30 cần tu dưỡng là tu dưỡng cho bản thân. Còn đối với việc lập nghiệp và lập gia là sự lựa chọn của mỗi cá nhân sao cho phù hợp với hoàn cảnh và mục đích hướng của họ.

### **50 tuổi sống khiêm nhường**

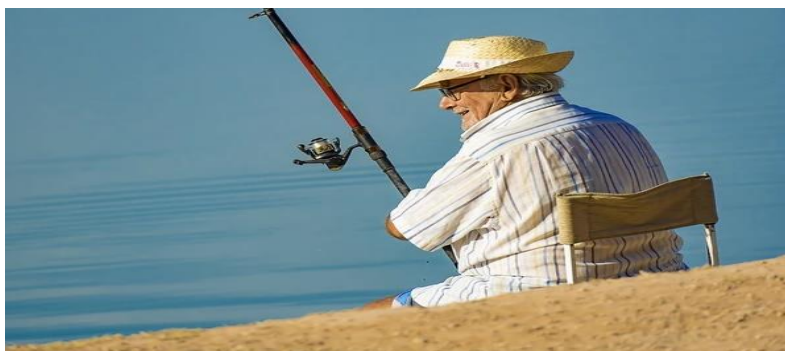
Con người ở tuổi 50 mới có thể thông suốt chân lý của tạo hóa, hiểu những quy tắc cơ bản của cuộc sống. Bước đến tuổi ngũ tuần, phần lớn mọi người đã nắm vững quy luật tự nhiên và xã hội, thấu



hiều được bản thân và đã trải qua sự đời. Ở giai đoạn này, họ thường không giận, không oán trách và sống khiêm nhường.

Người 50 tuổi thì sức khỏe không được như 30, 40 nữa nên họ tự mình hiểu được sức khỏe là tài sản vô giá của mỗi người. Không khi nào con người lại có trải nghiệm sâu sắc như thế về sức khỏe như ở độ tuổi này. Chính vì vậy, họ sẽ thường quan tâm hơn tới việc dưỡng sinh và tích cực rèn luyện.

**Người 50 tuổi cần biết kiểm soát cảm xúc của bản thân.** Ở tuổi này không nên dễ dao động, khiến tâm trạng thất thường hay thay đổi vì bất kỳ chuyện gì. Trải qua nhiều năm vất vả gây dựng sự nghiệp đến tuổi 50 cũng có một điều kiện kinh tế nhất định vì vậy cần giảm bớt ham muốn về tiền tài, danh vọng. Thời gian này, nên dành thời gian hơn tới người bạn đời đồng cam cộng khổ trong đời mình, biết trân trọng những mối quan hệ và những người đã luôn kề vai sát cánh mình trong cả cuộc đời.



### **70 tuổi an nhàn, tự tại**

Con người khi bước qua giai đoạn quan trọng của đời người mà giữ được những giá trị cốt lõi của bản thân, có chỗ đứng trong xã hội thì ở tuổi 70 mọi việc đều được như ý. Sau những gian truân của cuộc đời, sự khắc nghiệt của cuộc sống mà họ đã trải qua thì họ biết được lẽ sống thuận theo tự nhiên.

Đây không phải buông xuôi bản thân mà thích nghi được với mọi hoàn cảnh. Ngoài ra, ở tuổi 70 sức khỏe không còn được như thời 30 nên mọi người thường để bản thân làm những việc mà mình thấy hứng thú.

Trong cuộc đời của mỗi người đều có những giai đoạn thăng trầm khác nhau mà không ai giống ai. Tuy nhiên, để đạt được những thành tựu nhất định thì nên suy ngẫm lời răn mà Khổng Tử đã đúc kết từ cuộc đời của ông.

**Hãy làm cho cuộc sống thật rực rỡ trong những giai đoạn của cuộc đời để đến lúc 70 tuổi nhìn lại quá khứ là những hồi ức tuyệt vời mà bản thân không thể nào quên.**

---

## TƯ TƯỞNG VÔ VI CỦA LÃO GIÁO VÀ PHẬT GIÁO

Triết học là môn học của những tư tưởng và nó không bao giờ đứng yên chấp nhận những thành tựu đã đạt được. Tuy câu hỏi chỉ xoay quanh những vấn đề:

**Bản chất sự vật sự việc là gì ?**

**Thế giới vận động như thế nào ?**

**Có Thượng đế hay không có Thượng đế ?...**

Nhưng ngày nay, sinh viên triết học đi sâu vào những đề tài vật lý lượng tử, thiên văn vũ trụ, sinh học di truyền, công bằng xã hội và kể cả khoa học, máy tính với những đề tài đại loại như trí thông minh nhân tạo. Điều đó cho thấy một bước tiến rất dài của triết học từ thời Aristotle với lửa, nước, đất, không khí với ether đến thời đại ngày nay của Quark, hạt, phản hạt và cả Big bang.

Nói như vậy để thấy rằng có sự tiến hoá trong các lý thuyết của triết học Trung Hoa. Hãy điểm qua thứ tự tồn tại của các nhân vật:

**Lão Tử** (Thế kỷ thứ VI TCN),

**Khổng Tử** (551 – 479 TCN).

**Trang Tử** (365 – 290 TCN),

**Hàn Phi Tử** (280 – 233 TCN).

Dĩ nhiên vẫn còn nhiều bậc như **Mạnh Tử, Mặc Tử, Tuân Tử** và **những bậc khác**.

Đến với Đạo gia, Lão Tử được xem là bậc có tư tưởng sâu sắc và thâm thúy nhất. Dùng cái Đạo vô vi vô bất vi ấy chỉ có những người am hiểu quy luật trời đất, sống hòa mình vào thiên nhiên tĩnh tâm khoáng đạt.

Nếu có thể so sánh, thì chỉ có lý thuyết của **Đức Phật Thích Ca** khi nói về cõi **Niết-bàn**, đặc đạo là có những tư tưởng tương tự khác biệt. Triết lý đạo Phật có vào thế kỷ thứ VI TCN, xem ra không xa thời Lão Tử là bao.

## **I.- VÀI NÉT VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO**

### **1.- Sự ra đời của Phật giáo**

Như mọi người đều biết lịch sử vị sáng lập ra đạo Phật là đức Thích Ca Mâu Ni, Ngài xuất thân từ làng Sakya thuộc xứ Ấn độ. Ngài ra đời như bao người khác nhưng chí nguyện độ sanh khiến Ngài trở nên vĩ đại. Chính do hạnh nguyện độ sanh mà Ngài đã vượt qua mọi cám dỗ và trói buộc của cuộc đời, xuất gia học đạo, chứng đắc quả và rồi sau đó trở lại thế gian để cứu người giúp đời. Ngài đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, khước từ ngôi báu, giã biệt vợ đẹp con ngoan, xuất gia tầm sư học đạo với mục đích tìm ra con đường giải thoát khổ đau cho chúng sanh.

Trãi qua nhiều năm tháng gian nan học đạo, nhờ ý chí mạnh mẽ và sáng suốt, nhờ nghị lực vững vàng và kiên trì cộng thêm chí nguyện độ sanh to lớn cuối cùng Ngài đã tìm thấy chánh đạo. Ngài đã chứng ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác dưới cội Bồ đề, đóng sập cánh cửa sanh tử để mở rộng cánh cửa bất tử cho cuộc đời. “Rất hiếm nhân vật trong lịch sử tư tưởng nhân loại từng có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài như đức Phật SiddhatthaGotama, và cũng không ai từng để lại dấu ấn sâu đậm trên toàn cõi châu Á như Ngài. Đạo giáo do Ngài sáng lập không chỉ đem lại nguồn an ủi cho vô số người mà còn cung cấp nền tảng học thuyết nhân bản cao thượng và một di sản văn hóa vô cùng tinh tế”[1]

### **2.- Khái quát quá trình phát triển Phật giáo**

Sau khi giác ngộ, đức Phật đã thực hiện sứ mạng thuyết pháp độ sinh ròng rã suốt 49 năm. Cũng từ đó đạo Phật được truyền rộng ra khắp nơi, thấm nhuần trong cuộc sống nhân loại, thích hợp với mọi căn cơ và trình độ. Trãi qua bao thế hệ mà đạo Phật vẫn lưu truyền khắp mọi nơi, phải chăng đó là nhờ sự tiếp thu giáo nghĩa và truyền bá uyển chuyển bởi các vị tổ sư tiền bối của các Tông phái, sự chứng nhập thật tướng của các vị Bồ tát, phát huy đạo Phật làm cho ánh sáng chân lý tỏa khắp mọi nơi.

Thật vậy, như chúng ta đã biết trăm sông đều chảy về biển cả, nhưng biển chỉ có một vị duy nhất là vị mặn, cũng như giáo lý của đức Phật chỉ có một vị duy nhất đó là giải thoát, song do căn bản và trình độ nên các vị Tổ sư tiền bối tìm hiểu về giáo lý của Phật bằng những nhận thức riêng. Cho nên sự hành trì tu tập cũng không giống nhau, từ những tư tưởng dị biệt đồng nhất này dẫn đến chỗ phân chia thành nhiều tông phái. Mặc dầu tông của mỗi tông phái không đồng nhau, nhưng đều không trái ngược với thực tướng của các pháp.

### **“Chư Phật vô lượng phương tiện lực**

#### **Chư pháp quyết định tướng vị độ chúng sanh”**

Tinh thần đạo Phật phóng khoáng, dễ hòa nhập, cho nên sau khi đức Thế Tôn nhập diệt cho đến ngày nay đạo Phật đã lan khắp mọi nơi trên thế giới, từ Ấn độ sang Trung Quốc, Mông Cổ, Tây Tạng, Thái Lan, Lào, Campuchia ... và đặc biệt cũng đã truyền bá đến Việt Nam chúng ta.

**Tuy theo phong tục nếp sống của từng vùng khác nhau mà phương pháp tiếp cận và hành trì tu tập cũng khác nhau. Tuy nhiên, tất cả đều có một điểm chung là giải thoát mọi khổ đau của vòng sanh tử luân hồi.**

## **II.- VÀI NÉT VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO GIA**

Từ xưa tới nay người ta thường cho rằng Đạo Lão là do Lão Tử khai sáng, ngày nay còn lại quyển Lão Tử Đạo Đức Kinh và trong sử ký của Tư Mã Thiên có ghi chép về Lão Tử như sau:

**Lão Tử** là người làng Phúc Nhân, hương Lệ, huyện Hồ, nước Sở, họ Lý tên là Nhĩ, tự Đam, làm quan sử, giữ kho chứa sách của nhà Chu.

Khi **Khổng Tử** qua Chu, lại hỏi Lão Tử về lễ, Lão Tử đáp: “Những người như Ông nói đó, thịt xương đều nát cả rồi, chỉ còn lại lời của họ thôi. Vả lại người quân tử nếu gặp thời thì ngồi xe ngựa, không gặp thời thì đội nón lá mà đi chân. Tôi nghe nói người buôn giỏi thì giấu kỹ vật quý, coi ngoài như không có gì, người quân tử đức cao thì dong mào như ngu độn. Ông nên bỏ cái kiêu căng, cái lòng đa dục, cái vẻ hăm hờ cùng cái chí quá hăng của Ông đi; những cái đó không ích gì cho Ông đâu. Tôi chỉ khuyên Ông có bấy nhiêu thôi. Khổng Tử về bảo môn sinh: “Loài chim ta biết nó bay được, loài cá ta biết nó lội được, loài thú ta biết nó chạy được. Chạy thì ta dùng lưới để bẫy, bay thì dùng tên để bắn, lội thì dùng câu để bắt. Đến loài rồng thì cưỡi gió mây mà lên trời thì ta không sao biết được. Hôm nay ta gặp Lão Tử là con rồng chăng?”

Lão Tử trao dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình ẩn danh. Ông ở nước Chu đã lâu,

thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi. Đến cửa, quan coi cửa là Doãn Hỷ bảo “Ông sắp đi ầm, ráng vì tôi mà viết sách để lại”. Thế là Lão Tử viết một cuốn gồm hai thiên thượng và hạ, nói về ý nghĩa của “Đạo” và “Đức”, được trên năm ngàn chữ. Viết xong rồi đi không ai biết Ông ở đâu, sống chết ra sao.

Về sau, người đời theo chủ thuyết của Lão Tử rất nhiều, theo chủ thuyết của Lão Tử thì bài bác Nho học, theo Nho học thì bài bác thuyết Lão Tử. Lúc này trở về sau Đạo Lão là môn học về vũ trụ, thiên nhiên, vật chất, Ông đã soạn ra kinh sách Đạo Đức Kinh để dạy người đời dựa trên nền tảng triết lý, hay còn gọi là đạo Vô Vi – mọi vật thể theo tự nhiên.

### **III.- TƯ TƯỞNG VÔ VI CỦA LÃO TỬ VÀ ĐẠO PHẬT**

#### **1. Triết lý “Vô vi” của Lão Tử**

“Vô vi” dịch sát nghĩa là không làm gì, “Nhi vô bất vi” mà không gì mà không làm. Vô vi là làm thuận theo tự nhiên, như mặt trời, mặt trăng vẫn chiếu soi bốn mùa tám tiết, điều hòa để nuôi dưỡng bảo toàn vạn loại chúng sanh. Vô vi nhi vô bất vi là làm một cách vô vi, âm thầm, vô danh, vô công, vô kỷ quên mình để lo cho thiên hạ .[2]

Lão Tử lấy vô làm gốc nên khuyên chúng ta “**Vô vi, vô ngôn, vô sự**”. Cũng chính lấy vô làm gốc nên Ngài trọng sự “**hư tĩnh**”, có thể nói học thuyết của Ngài là học thuyết Vô. Vô không có nghĩa là hoàn toàn không có gì, trái hẳn với Hữu. Vô là Di, Hi, Vi (vô sắc, vô thanh, vô hình) đối với cảm quan hữu của ta, như **đạo Vô có tính cách huyền diệu, huyền bí, nó sinh ra Hữu, rồi hữu lại trở về Vô. Cho nên Vô, Hữu không tương phản mà tương thành. Chữ Hư là hư tâm, nghĩa là để lòng trống không, vô tri, vô dục. Tâm mà Hư thì trừ được hết các thất tình lục dục, tâm hồn sẽ bình thản thanh tịnh.**

#### **1. 2. Triết lý “Vô vi” trong Phật giáo “Vô vi” trong đạo Phật mang những ý nghĩa sau:**

“Vô vi” là không phụ thuộc, không bị ảnh hưởng, không vì nhân duyên mà sinh ra, đối nghĩa với vô vi là hữu vi, cũng thường được hiểu là không làm. **Trong Phật giáo nguyên thủy thì chỉ có Niết bàn được xếp vào hạng vô vi, tất cả các pháp còn lại là hữu vi.** Quan niệm này được lưu lại trong Thượng tọa bộ và Độc tử bộ. Đại chúng bộ chấp nhận 9 pháp vô vi

**(Hư không vô vi, Trạch diệt vô vi, Phi trạch diệt vô vi, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi tướng xứ, Duyên khởi, Bát chánh đạo).**

**Thuyết Nhất thuyết hữu bộ công nhận ba pháp vô vi là Hư không, Trạch diệt, Phi trạch diệt.** Duy thức tông liệt kê thêm vào **ba vô vi pháp thành một Diệt** bằng một **trạng thái thiền định an vui bất động**, sự **chấm dứt suy nghĩ và thụ cảm của một A-la-hán và chân như.**

Pháp tạng bộ được xếp vào loại vô vi pháp chân như và sự “trường tồn của mọi pháp”. Dưới “trường tồn của mọi pháp”, họ định nghĩa rằng cái đặc tính gì không biến đổi của nó (sự không biến đổi chính là sự biến đổi) và định luật nhân quả (nghiệp) cũng như một vài trạng thái định.

“Vô vi” còn có nghĩa là “không làm”, “bất hành nhi hành” không làm nhưng vẫn làm, một câu nói thường được dùng trong Thiền Tông để chỉ những hành động không có tác ý, không để lại dấu vết gì trong tâm của người làm. **Đó chính là vô vi nhi vô bất vi.**

Thực ra danh từ “Vô vi” trong Phật giáo vốn không có. Do Tổ sư thiền bị ảnh hưởng của triết thuyết Đạo Đức Kinh và mượn danh từ “Vô vi” của Lão Tử để diễn đạt. Sau đó bị ảnh hưởng hoàn toàn tư tưởng Lão Trang tạo thành Tam giáo đồng nguyên về sau. Người bị ảnh hưởng nhiều nhất là Tăng Triệu thông qua tác phẩm “Bảo Tạng Luận”. Song, “Vô vi” trong Phật giáo tuy vay mượn của Lão Tử nhưng đã phát triển tư tưởng theo một triết thuyết khác với “Vô vi” của Lão Tử, để hiểu rõ hơn người viết sẽ trình bày những mục sau đây.

### **1. 3. Giống nhau**

Tư tưởng vô vi trong Phật giáo do ảnh hưởng tư tưởng vô vi của Lão giáo nên ngoài giống nhau về từ ngữ “**vô vi**” còn có **một số điểm tương đồng sau.**

Theo Lão Tử “**Đạo thường vô vi nhi vô bất vi**” (Đạo thường không làm) mà “không làm” tức vô vi hay vô vi là Đạo.

“Đạo khả đạo phi thường đạo, Danh khả danh phi thường danh” (Đạo mà có thể gọi được thì nó không phải là Đạo bất biến. Tên mà có thể gọi được thì nó không phải là bất biến)[3]

Ý của Lão Tử là Đạo tuy là thực thể, là nguồn gốc của vũ trụ và nhân sinh, nhưng lại là cái không thể nói lên được bằng lời.

Phật giáo đến Trung Hoa trong thế kỷ thứ I sau công nguyên, trong một thời đoạn mà giới tri thức ở đây khát khao tiếp nhận, nhưng lại mang theo những điểm khó dung hòa. Với tư cách của **một Tôn giáo đề cao sự giải thoát**,

**Phật giáo chủ trương triết học siêu hình và nhận thức học, với những điểm trung tâm là chân lý, kinh nghiệm bản thân, kiến thức cần có trước, một tín tâm được thể hiện rõ ràng, một cơ sở tâm lý học chuyên chú đến niềm tin đặt nền tảng trên lý giải như một khả năng tự nhiên của con người.**

Trong Phật giáo, chúng ta quen thuộc với các khái niệm như: **ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, bất khả tư nghì** (xa lìa tướng ngôn ngữ, tướng chữ nghĩa, tên gọi..., không thể nghĩ bàn).

Phật cũng nói tới những cảnh giới như cảnh giới của Phật, của Bồ tát từ địa thứ bảy trở lên, đều là không thể nghĩ bàn.

### **“Ngôn ngữ Đạo đoạn, Tâm hành xứ diệt”**

(Con đường ngôn ngữ đoạn tuyệt, con đường hành tướng của tâm đoạn diệt).[4]

Đối với đạo Phật, chân lý tối hậu, tức Niết bàn là không thể dùng lời lẽ hay tư duy mà nắm bắt được. Vì sao? Vì tất cả mọi tư duy khái niệm, ngôn ngữ, danh từ đều hạn chế trong thế giới hiện tượng. Chúng có ích để mô tả, nắm bắt thế giới hiện tượng, nhưng nó vô ích, thậm chí còn gây trở ngại nữa, nếu chúng ta vướng vào chúng, khi cần nắm bắt chân lý tối hậu cứu cánh.

Tuy nhiên, Phật giáo được trang bị với một nghịch thuyết rất có thể gây cảm hứng đến các Đạo gia, đó là nghịch lý của lòng tham ái – luân hồi hay nói cụ thể hơn, sự tái sinh làm người được xem như là kết quả của tham ái và Niết bàn chỉ có thể được thực hiện khi hành giả buông xả tham ái. Nhưng như vậy có nghĩa là để thành tựu Niết bàn, hành giả cũng phải lìa bỏ lòng tham ái.

Lão Tử thường nói đến dục (ham muốn), người ta chào đời vốn đã có dục, lại nghĩ ra biết bao cách thức để thỏa dục. Càng có nhiều cách thỏa dục thì càng không thỏa mãn hết dục, mà con người còn bị hại. Đó gọi là “quá ham sống thì hại” (ích sinh viết tương), sự đòi thêm là bót (vật hoặc ích chi nhi tổn). Như thế đặt ra nhiều cách thỏa dục chẳng bằng quả dục (bớt dục). Lão Tử nói:

“Ai thường không có ham muốn (dục) thì thấy được cái huyền diệu của Đạo, ai ham muốn thì chỉ thấy những cái nhỏ nhặt”.<sup>[5]</sup>

Theo Phật giáo, nếu hành giả lìa bỏ tham ái để đạt Niết bàn thì phải quên cả hai Niết bàn – Luân hồi. Và sự kiện này lại tương ứng với câu giải đáp bí ẩn dành cho bản chất Niết bàn cũng như nhấn mạnh lần nữa sự đề cao cách thực hành của Thiên Tông “Ngay lúc này, ngay đây”, sự trực nhận “Tất cả chúng sanh bản lai là Phật”.

#### **4. Khác nhau**

Tư tưởng vô vi của Lão giáo vẫn ở trong cuộc đời dù không bon chen, tranh dành, nhưng khi có vẫn nhận hưởng, còn tư tưởng vô vi của Phật giáo bắt đầu từ chữ “không” và có khuynh hướng xuất thế vậy nên không giống nhau.

##### **a/ “Nhân duyên” Phật giáo với “cái nguyên lý ban đầu” của Lão Tử**

Phật Lão là hai triết thuyết lớn ảnh hưởng quan trọng tới đời sống tinh thần của người phương đông. Ngã Phật từ bi, Lão chủ vô vi, đối tượng của Lão Tử là các bậc Đế vương, còn Phật gia chỉ mong độ chúng sanh thành Phật đạo. Bàn về vô vi thì luận trong tư tưởng của Lão giáo và Phật giáo là đúng rồi. Thật sự có khác nhau về cơ bản trong tư tưởng vô vi của hai giáo, đó là sự chấp nhận “cái nguyên lý ban đầu” của Lão không giống “nhân duyên” của Phật, còn hành xử vô vi thì giống nhau.

Lão viết: “Đại đạo phế hữu nhân nghĩa”, lại viết “hành vô vi chi đạo” tức là Lão tin rằng có một quyền năng rất lớn bao trùm thế giới đó là Đạo, Đạo có sức mạnh lan tỏa khắp vũ trụ ảnh hưởng tới thịnh suy của mọi đời người, mọi thời cuộc. Đó là cái “Nguyên lý ban đầu” mà Lão Tử đã đưa ra như một đảng toàn năng điều khiển thế giới, đó là nguyên lý “hữu thần” trong hầu hết giáo lý của các tôn giáo ngoại trừ Phật giáo. Phật chỉ ra rất nhiều thế giới thần linh nhưng tất cả đều bị chi phối của luật nhân quả, nên dưới góc nhìn của Phật giáo chúng: thần, thiên, nhơn, a-tu-la .v.v...cũng chỉ là quảng đại chúng sanh cần phải tu tập, tuyệt nghiệp mới thành Phật đạo. Phật nói “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”, tức chỉ nhân duyên sanh quả Phật do tu đức mà thành, chứ không có vị Phật nào của các vị Phật điều khiển sự thành Phật của chúng sanh, hay nói khác đi là sự thịnh suy của mọi đời người, mọi thời cuộc do chính nhân duyên của đời người đó, thời cuộc đó quyết định. Đây là nguyên lý “Vô thần” của Phật giáo và nó là sự khác nhau cơ bản về tư tưởng so với các tôn giáo khác trong đó có Lão giáo.



Lão Tử cho rằng “Vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu”[6], vạn vật bắt nguồn từ “không” (vô) mà thành có (hữu) như thế chính là đã có đầu mối, có điểm khởi đầu (hữu) và điểm kết thúc (vô). Trái với Phật giáo quan niệm tất cả các pháp đều do duyên khởi mà tạo thành hay sanh diệt (có sanh tức có diệt) nên vốn không có đầu mối, điểm xuất phát (vô thi).

### **“Hành vi Vô chi đạo”**

Nghĩa đen không là gì cả, có nghĩa bảo ta không làm cái không nên làm chứ không phải bảo ta làm biếng, các bậc Đế vương thấy được cái không nên làm để không làm tức là Thánh đế, nhưng lẽ thường người đời thường xảo biện nên Đạo lớn của Lão Tử khó thành.

Lão Tử than:

### **“Đại đạo phế hữu Nhân Nghĩa**

### **Huệ trí xuất hữu đại ngụy”**

( **Đạo lớn bị phế bỏ rồi mới có Nhân Nghĩa**

**Trí xảo xuất hiện rồi mới có sự Lừa dối lớn ) [7]**

Lão Tử dùng trí tuệ theo nghĩa đặc biệt, tức là đầu óc đầy thủ đoạn xảo trá. Chứ không phải là trí tuệ của nhà Phật, giúp con người giác ngộ và giải thoát. Cũng không phải trí tuệ dùng các phương tiện thiện xảo để khai ngộ cho chúng sanh. Lý tưởng của Lão Tử là để cho mọi người sống phù hợp với luật tất nhiên, thì con người sẽ sống thiện, xã hội đất nước sẽ yên bình, thịnh vượng. Loài người càng khôn ngoan hơn thì sự dối trá càng nhiều hơn và dùng “Lẽ” để che đậy khéo léo hơn và cái sự làm “cái không nên làm” ngày càng nhiều hơn, chính vì thế mà Lão Tử vô cùng kính “Lẽ” đặt nó xuống cùng trong trật tự xếp đặt của Ngài đó là Đạo-Đức-Nhân-Lẽ-Nghĩa.

Có lẽ không đặc thời để phổ biến thuyết Đại Đạo của mình nên Lão làm cái nên làm của mình là mất đi, mặc cho hậu thế bình phẩm. Vì Lão Tử dùng vô vi để dạy cách làm vua, chính trị, sử thế...Đạo Đức Kinh là một cuốn sách nói về cách trị thế, cho nên tư tưởng vô vi của Lão Tử cũng chỉ là chính trị, là thái độ nhân văn của cách tự thế mà thôi. Còn tư tưởng vô vi trong Phật giáo là tánh chân thật của pháp giới, là duyên khởi thuộc về thế giới tự nhiên nói theo ngôn ngữ khoa học.

### **b/ Niết bàn – Đạo (Vô vi)**

Như trên đã trình bày Niết bàn và Đạo có những điểm tương đồng, nhưng đứng về khía cạnh tư tưởng thì hai điểm này khác biệt nhau rõ ràng.

Theo Lão Tử Đạo là đơn vị tối sơ, nguyên lý của vũ trụ và là cái chết tuyệt đối. Vạn vật xuất phát từ Đạo, nghĩa là cả vũ trụ đều như vậy, trật tự vũ trụ cũng từ Đạo mà ra, tương tự như nguyên tắc tự nhiên, nhưng Đạo lại chẳng phải là một nhân vật toàn năng, mà là nguồn gốc và sự dung hòa tất cả những cặp đối lập và như thế, không thể định nghĩa được. Đạo là vô danh, như câu đầu của bộ Kinh cho thấy.

**“Đạo khả đạo phi thường Đạo.**

**Danh khả danh phi thường Danh.**

**Vô danh Thiên Địa chi Thủy.**

**Hữu danh Vạn vật chi Mẫu”[8]**

**( Đạo mà ta có thể nói được, không phải Đạo thường còn.**

**Danh mà ta có thể gọi được, không phải là Danh thật sự.**

**Vô danh là gốc của Thiên Địa.**

**Hữu danh là Mẹ của Vạn vật. )**

Về mặt triết học thì Đạo có thể được xem là siêu việt mọi khái niệm vì nó là cơ sở của tồn tại, là nguyên nhân siêu việt và như vậy, là tất cả bao gồm tồn tại và phi tồn tại, trên cơ sở này thì ta không thể luận đàm và định nghĩa được Đạo, vì mỗi định nghĩa đều có bản chất hạn chế. Nhưng Đạo lại là cả hai, là sự siêu việt mọi hạn lượng mà cũng là nguyên lý bên trong vũ trụ. Cái “Dụng” của Đạo tạo ra âm dương, nhị nguyên, những cặp đối đãi (âm – dương, cương – nhu, sống – hết...) và sự tiến hóa, chuyển động của âm dương mà phát sinh thế giới thiên hình vạn trạng.

“Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ. Tư ác dĩ. Giai chi thiện chi vi thiện. Tư bất thiện dĩ. Cố hữu vô tương sinh, nan nị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy. Thị dĩ thánh nhân xú vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo, vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi phát cư. Phù duy bất cư, thị dĩ bất khứ” [9].

Dịch nghĩa:

**Ai cũng cho cái đẹp là đẹp, do đó mà phát sinh ra quan niệm về cái xấu, ai cũng cho điều thiện là thiện, do đó mà phát sinh ra quan niệm về cái ác, là vì:**

“Có” và “Không” sinh lẫn nhau; “Dễ” và “Khó” tạo nên lẫn nhau; “Ngắn” và “Dài” làm rõ lẫn nhau; “Cao” và “Thấp” dựa vào nhau; “Âm” và “Thanh” hòa lẫn nhau; “Trước” và “Sau” theo nhau.

Cho nên, Thánh nhân sử sự theo thái độ “vô vi” dùng thuật “không nói” mà dạy dỗ, để cho vạn vật tự nhiên sinh trưởng mà không can thiệp vào, khéo nuôi dưỡng vạn vật mà không chiếm làm của mình, làm mà không cậy khéo, việc thành mà không quan tâm tới. Vì không quan tâm tới nên sự việc mới còn hoài.

**Cái tuyệt đối thể hiện qua hình thức phi cá thể là “vô vi” hay “Niết bàn”. Theo quan điểm Phật giáo Vô vi không những hoàn toàn siêu việt tâm, nó còn vượt ngoài Nghiệp và Nhân quả.**

Trong “**Pháp tụ luận**” thỉnh thoảng có nói đến một số thuộc tính của “Yếu tố vô vi”. Về tâm, nó không sinh ra từ tâm, không phải là cái khởi hiện cùng với tâm, cũng không tiếp nối theo tâm. Về nghiệp nó là vô hạn, nghĩa là không tạo ra nghiệp dù thiện hay ác, không phải là nghiệp báo, cũng không thể là dẫn nghiệp. Về nhân quả nó không phải là một nhân, không có nhân câu hữu, không tương ưng với nhân. Trong “Milinda vấn đạo”, cốt lõi của vấn đề này được đặt ra một cách rõ ràng: Niết bàn không phải là kết quả của một nguyên nhân. Không có nhân nào tạo ra Niết bàn, mà chỉ có đạo tu tập để chứng đắc nó. Niết bàn tự bản chất là không sinh khởi, vì nó tuyệt đối không do bất cứ gì tạo ra. Ta không thể nói nó đã được tạo ra hay không tạo ra, hay có thể được tạo ra, hay nó thuộc về quá khứ vị lai hay hiện tại.

Vô vi “Niết bàn” không có nhân hay quả mà nó vừa là nhân vừa là quả. Nó không có quả vì nó nằm ngoài ba thời, không có nhân nào sinh ra nó vì là vô tác, nó không thể sinh ra tác dụng. Vô vi không thể có nhân vì cái vĩnh viễn diệt thì không bao giờ tái sinh sau khi đã diệt.

Thái cực chứng đắc đạo của Đạo Đức Kinh mờ mờ mịt mịt sinh lưỡng nghi (âm dương, sống chết, cương nhu....) tức là vô minh duyên hành trong thuyết duyên khởi Phật giáo. Vì thế nói đắc Đạo (Vô vi) của Lão Tử nhưng thật sự là còn nằm trong ba cõi luân hồi (Tiên đạo, Chư thiên) chứ không phải tánh thanh tịnh Niết bàn (Vô vi) trong Phật giáo. Vô vi trong Phật giáo là Niết bàn, đã Niết bàn thì hoàn toàn vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả.[10]

Như vậy, **Vô vi (Đạo) của Lão Tử** là còn có người (Ngã) tạo ra cái gì đó nhưng không cho mình tạo ra thôi. Thế thì Vô vi (Đạo) ấy chỉ là một thái độ xử thế của một con người, là chân lý công ước, là cách sống cho khỏe, một phép trị nhân sử thế.

**Còn Vô vi của Phật giáo vượt lên trên thân phận con người, là chân lý tuyệt đối, chân đế, vượt lên trên 4 tướng: Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả.**

Lối thoát khổ đau ra khỏi sự tiếp nối của dòng sanh tử, gọi là Ái diệt – Niết bàn “Chính là sự đoạn diệt, ly tham không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát không có chấp trước”[11]. Muốn diệt trừ tận gốc khổ đau ta phải đoạn trừ tham ái. Đạo Phật (Đức Phật) không nói Niết bàn giải thoát (Diệt đế) là gì? Vì ngôn ngữ không thể diễn tả được. Nếu diễn đạt thì ngôn ngữ sẽ gặp một thách thức không khắc phục được. Bởi Niết bàn thường được diễn tả bằng những từ ngữ phủ định – Ái diệt tức Niết bàn, Vô vi, sự thôi tắt tham ái....

c/ Quan niệm “Không” của Lão Tử với “Không” trong Phật giáo

**Tư tưởng Lão Tử nhấn mạnh khái niệm “Vi vô vi” hay “hành động thông qua không hành động”.** Điều này có nghĩa là mọi người chỉ ngồi một chỗ và không làm gì cả, mà có nghĩa là họ phải tránh không để ý cho ham muốn, ý định và sự hăng hái xuất hiện, mọi người chỉ có thể đạt tới hiệu quả thực sự bằng cách đi theo con đường của mọi vật, tự động tăng, tự động giảm.

**“Đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh, yên hề tợ vạn vật chi tôn”[12]**

(Đạo như cái bình rỗng, mà dùng thì không hết, sao vậy thay, tựa hồ như là cội nguồn vạn vật).

Câu trên biểu tượng Đạo (vô vi) của Lão Tử như cái bình rỗng, mà không bao giờ đầy cả, cho nên công dụng của nó là không cùng. Quan niệm “không” của Lão Tử là trống không như trống không của cái bình, tức còn ở trong nhị biên: biên trống không đối lập với biên đặc (biên có đối lập biên hữu)

Tư tưởng “không” trong Phật giáo, đặc biệt là học phái “Trung Quán” của luận sư Long Thọ, giải đáp vấn đề bản chất của Niết bàn hoặc Phật tính bằng Tánh Không Luận. Niết bàn được thực hiện bằng một loại trí huệ đặc biệt, bất khả thuyết, bất khả tư nghì (Bát nhã, Bát nhã Ba-la-mật-đa).

Vô vi (không hay tánh không) trong Phật giáo đã phá mọi vọng tưởng lý luận và mê lầm tà kiến, thực chứng trí Bát nhã, vì tuyệt đối không thể định nghĩa cho nên “tánh không” không phải là một định nghĩa thực tại mặc dầu khi nói đến “tánh không” ta thường có cảm tưởng bản tánh của thực tại là “không”. Nếu bản chất hiện thực là “không” thời hóa ra ta đã nắm được trọn vẹn thực tại trong tay và không còn tinh thần tu tập để tiến đến cảnh giới tự chứng của Phật. Thuyết về “không” của Phật giáo như là phương tiện đối trị, tất cả các pháp đều là do nhân duyên (tục đế), tất cả các pháp đều “không” (chân đế) nghĩa là bản tính của tất cả các pháp là không có tự tánh.

### **“Nhất thiết pháp không”**

Cánh cửa đầu tiên để mở ra và nhảy vào cái “không” chính là sự quán về duyên khởi và vô thường. Nếu trước hết không tri nhận được nó thì không thể biết về “tính không”. “Không” một mặt nào đó là pháp đối trị theo như quan niệm bình thường, nhưng mặt khác nó chính là bản thể tự nội của thế giới duyên sinh, một thế giới mà nếu không có nó thì không hình thành. Nhưng không vì thế mà “tính không” được xem như là một bản thể trường tồn, bất di bất dịch.

Dưới ánh sáng của “tánh không” trong Phật giáo, lần đầu tiên chúng ta biết rằng quê hương của Niết bàn là trần thế. Niết bàn tồn tại ngay trong cuộc sống hiện tại của mỗi chúng ta.

### **“Không có Đắc cũng không có Đền**

**Không có Đoạn cũng không có Thường**

**Không có Sanh cũng không có Diệt**

**Như vậy gọi đó là Niết bàn”[13]**

Vô vi của Lão Tử là Hữu vi nhưng không có, cho là mình đã làm, muốn đạt đến vô vi thì phải bắt đầu từ Hữu vi, không hành động theo ngoại giới mà chỉ hồi hướng về nội giới tâm linh:

### **“Vi Đạo nhứt tồn, tồn chi hựu tồn, dĩ chí ư vô vi”[14]**

(Làm Đạo thì mỗi ngày giảm bớt, và giảm bớt nữa cho đến vô vi)

Vô vi trong Phật giáo là chỉ thể tạng chân thật của các pháp, thể tánh ấy không do ai tạo ra cả. Nó là chơn như hay pháp tánh, không thể dùng ý thức suy nghĩ hay lời nói bàn luận được. Nó phi sắc, phi tâm, không sanh diệt, không cấu tịnh, không tăng giảm nên gọi là Vô vi. Bởi nó không ngã, không pháp, rời các cấu nhiễm, rỗng rang như hư không.

## **d/ Vô vi Lão Tử còn ngã – Vô vi trong Phật giáo vô ngã**

Vô vi của Lão Tử là còn có con người (Ngã). Đạo trời vô vi, chỉ đem lợi cho muôn vật: Đạo trời lợi mà không hại, Đạo thánh nhân làm mà không tranh, tức không hề chú ý đến quyền lợi cá nhân, chỉ mong có sự đóng góp tạo sự chuyển hóa cho vạn vật. Ngài muốn đem chủ nghĩa Vô vi áp dụng vào công việc tu thân và cả đến việc trị dân nữa.

Về tu thân, Vô vi không phải là sống nhàn cư vô sự, ăn bám xã hội, mà chính là sống cuộc đời cao siêu huyền hóa với trời. Liệt Tử định nghĩa: Vô vi là hoạt động siêu việt, Trang Tử định nghĩa: Vô vi là hoạt động của trời đất. Vô vi là trở về khế hợp với căn bản tánh, hiệp nhập vào với thượng Đế. Vô vi là nhập đại định, là giai đoạn chót của khoa tịnh luyện để đắc Đạo (Tiên đạo, Chư thiên). Vì thế khi nói đắc Đạo (Vô vi) nhưng thật sự là còn nằm trong 3 cõi luân hồi chứ chưa phải tánh thanh tịnh Niết bàn.

Về trị dân Lão Tử nói: Dân có nhiều ngày kỵ húy thì dân nghèo, dân có nhiều khí giới thì nước loạn. Nhiều người tài khéo thì vật giả càng thêm, pháp lệnh càng tăng thì trộm cướp càng nhiều. Hành động đầu tiên của Thánh vương là bãi bỏ hết những điều ấy, làm cho lòng trống bụng no, yên chí, mạnh xương, thường khiến dân không biết ham muốn, để những kẻ có biết cũng không dám làm.

“Thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục, sử tri giả bất cảm vi giả”[15]

Thánh vương sẽ diệt mọi nguyên nhân rối loạn trong đời, sau đó sẽ trị vì bằng chủ nghĩa Vô vi – Vô vi là không làm gì nhưng mọi việc đều thành.

Vô vi theo Phật giáo là Vô ngã, nghĩa là không có một bản chất trường tồn bất biến, không có một chủ thể tuyệt đối, không có linh hồn bất diệt, không có đấng sáng tạo vĩnh cửu. Vì sự vật đều do duyên sinh, sự hiện hữu của mỗi sự vật, mỗi chúng sanh là sự hiện hữu trong tương quan, do tác động nhân duyên mà tạo thành và thân thể chúng ta cũng do bốn đại kết hợp, năm uẩn định hình trong cơ chế nhân duyên, nên sự hiện hữu của con người là Vô ngã. Chính nhờ Vô ngã mà chúng ta có thể chuyển từ phàm phu trở thành vị giác ngộ, giải thoát, Niết bàn.

**“Sắc tức thị không, không tức thị sắc” “chiếu kiến ngũ uẩn giai không” “không tướng, bất tăng, bất giảm, không trung vô sắc, vô thọ...”[16]**

Bát nhã chú trọng đến việc thoát khổ, con người sẽ thoát khổ theo Bát nhã khi thực hành và thấu hiểu “Tánh Không” trong kinh thì sẽ có trí tuệ và thấu rõ được tất cả đều Vô ngã (không). Khổ là Vô ngã và con người cảm thọ khổ là Vô ngã, bởi cả hai đều là duyên sinh, thấy được như vậy nên không còn chấp chặt vào nữa, không cho là tự ngã của ta... từ đó chấp thủ diệt, Ái diệt, Khổ diệt – Niết bàn. Bởi vậy “Tánh Không” – “Vô vi” – “Vô ngã” là có tất cả chứ không phải là không, nhưng nó không chơn thật, không vững chắc nên là không. Chỉ cần hiểu và không chấp chặt vào (Vô ngã) thì sẽ được giải thoát.

Điểm này cũng là chỗ khác biệt với “không” (Vô vi) của Lão giáo khi chấp chặt, mượn vào con người (Ngã) để tìm cái “không” (Vô vi). Vẫn còn liên quan mật thiết đến con người, chỉ cho con người làm ra cái gì đó nhưng không cho mình làm ra thôi. Đó chính là thái độ xử thế của một con người, khi còn chấp vào con người thì không thể tiến đến bờ giải thoát Niết bàn hoàn toàn như quan niệm (Vô ngã) của Phật giáo.

**“Tất cả pháp Vô ngã**

**Với tuệ quán như vậy.**

**Đau khổ được nhàm chán**

**Chính con đường thanh tịnh”**

(Pháp cú 279)

Như trên đã trình bày, tư tưởng Vô vi của Lão giáo với tư tưởng Vô vi trong Phật giáo đã có những điểm giống nhau và khác nhau rất rõ ràng. Mặc dù Vô vi trong Phật giáo ra đời sau, do ảnh hưởng Vô vi của Lão giáo mà hình thành nhưng nội dung tư tưởng hoàn toàn khác nhau, tư tưởng Vô vi của Phật giáo vượt lên trên con người, là một thể tạng chân thật, là tánh chân thật của pháp giới, một chân lý tuyệt đối, Không, Vô ngã, Niết bàn. Còn tư tưởng Vô vi của Lão giáo là Hữu vi nhưng không có, chỉ là một thái độ chính trị, một triết lý nhân văn về cách trị thế, chân lý công ước chưa vượt qua khỏi con người vẫn còn ở trong luân hồi ba cõi. Khi chưa vượt qua con người thì còn Ngã, khi tạo ra mà không cho là mình tạo ra thì đó chỉ là một thái độ xử thế của một con người. phải chăng nó chỉ giống Vô vi trong Phật giáo về ngôn từ “Vô vi”, cách chế dục, vô cầu, vô danh, cũng có cảnh giới đến an lạc, an vui ( Tiên Đạo, Chư Thiên, Niết bàn) trong hiện tại của con người mà thôi.

### THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Nguyễn Đăng Thục, *Lịch sử triết học phương đông*, Tập 1-2, Hồ Chí Minh: nxb Tp. HCM, 2001
2. Nguyễn Hiến Lê (dịch), *Lịch sử văn minh Trung Quốc*, Hà nội: nxb Văn hoá thông tin, 2006
3. Giải Chi-Nguyễn Hiến Lê, *Đại cương triết học Trung Quốc*, Hồ Chí Minh: nxb Thanh Niên, 2004
4. H. Schumann, *The Historical Buddha*
5. Phùng Hữu Lan, *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Hồ Chí Minh: nxb Khoa học xã hội, 2006
6. *Kinh Kim Cang*, Sớ giải
7. Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, thiên thượng, thiên hạ
8. Kinh Tương Ưng V
9. Quảng Liên Pháp Sư, *Triết lý chân không Trung Quán Luận*, Tự viện Quảng Đức, 1994

---

[1] H. Schumann, *The Historical Buddha*, Tr. 178

[2] Nguyễn Hiến Lê (dịch), *Lịch sử văn minh Trung Quốc*, Hà Nội: nxb Văn hóa thông tin, 2006, Tr. 275

[3] Phùng Hữu Lan, *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb: Khoa học xã hội, Tp. HCM, 2006, Tr. 243

[4] Kinh Kim Cang, Sớ giải, Tr. 67

[5] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, Thiên thượng, Chương I, Tr. 56

[6] Phùng Hữu Lan, *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb: Khoa học xã hội, Tp. HCM, 2006, Tr. 243

[7] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, Chương XVII, Tr. 78

[8] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, Thiên thượng, Chương I, Tr. 09

[9] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, Thiên thượng, Chương II, Tr. 12

[10] Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả: 4 tướng trong kinh Kim Cang

[11] Kinh Tương Ưng V

[12] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, Thiên Thượng, Chương IV, Tr. 67

[13] Quảng Liên Pháp Sư, *Triết lý chân không Trung Quán Luận*, Tự viện Quảng Đức, 1994, Tr. 215

[14] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, Chương 48



[15] Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, Chương 27

[16] Bát Nhã Tâm Kinh

## KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

### DỊCH NGHĨA BÀI KINH

Xin vâng theo Đức Bồ tát Quan Thế Âm đại từ, đại bi, quảng đại, linh cảm.

Xin vâng theo Đức Bồ tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn, vô số Phật, các vị Phật có công đức lớn đến mức không thể đo lường được. Phật bảo A Nan rằng kinh này rất mâu nhiệm, có thể cứu người thoát khỏi cảnh ngục tù, có thể cứu người thoát khỏi trọng bệnh, có thể cứu người thoát khỏi ba tai ách (lửa cháy, nước lụt, bão tố) và vô số tai nạn, đau khổ.(3) Nếu có người tụng kinh này được một ngàn lượt thì bản thân người ấy thoát khỏi đau khổ và tai nạn; tụng được mười ngàn lượt thì người ấy cùng với những người trong nhà đều thoát khỏi đau khổ và tai nạn. Xin nương theo oai lực Phật, xin nương nhờ sức cứu giúp của Phật, xin khiến cho con người không có lòng ác, xin khiến cho con người được cứu độ. Người tu đại thừa biết soi xét bản thân mà từ bỏ chỗ tâm tối sai lầm, người tu đại thừa biết trở về với điều thiện, người tu đại thừa giống như các bậc đại thiên vương cao tột biết bảo (3) Nếu thay tam tai bá nạn bằng thiên tai bá nạn cho lợp lý, thì câu kinh ở đây có nghĩa “có thể cứu người thoát khỏi vô số tai ách và khổ nạn”.

trọng chánh pháp và giữ gìn nơi tôn nghiêm thờ tự, người tu đại thừa biết giữ gìn trọn vẹn các quy giới và nhờ thế mà đức hạnh trong sạch, [tất cả các vị ấy] đều khỏi vướng mắc vào những việc kiện thưa, tranh chấp. Cầu xin các vị đại bồ tát và năm trăm a la hán hãy cứu giúp một thân này của đệ tử được thoát khỏi đau khổ và tai nạn. Tự mình niệm hồng danh hay thần chú Đức Bồ tát Quan Thế Âm nhưng không nên giải thích, và cứ siêng chăm tụng đọc mãi, thì tự nhiên sẽ được giải thoát khỏi mọi tai nạn, hãy tin tưởng nhận lãnh và vâng lời làm theo lời dạy này. Lập tức đọc thần chú rằng:

**Kim bà kim bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, ù lê ni đế, ma ha già đế, chơn l  
ăng càn đế, ta bà ha. Nam mô Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát.**

### CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA BÀI KINH

Bài kinh này nên hiểu và hành theo lẽ Thiên nhân hiệp nhất 天人合一 (Trời hay Thiêng liêng và con người hòa làm một). Về phần Thiên là cầu xin tha lực 他力, tức là trông cậy và nương nhờ vào thần thông và đức từ bi của Bồ tát Quan Thế Âm. Về phần nhân là phải dùng tự lực 自力, tức là chính bản thân mình phải hành động, phải sống ra sao để xứng đáng đón nhận ân phước cứu độ của Đức Bồ tát. Nếu một người không biết làm lành lánh dữ, không biết giữ gìn quy giới, không biết tôn trọng và bảo vệ chánh pháp, sống buông lung sa đọa, vi phạm pháp luật, v.v... thì người đó ắt mắc phải tội lỗi, tự chuốc cho mình những bệnh ngặt nghèo, bị tai họa, bị thưa kiện, bị giam cầm. Lúc đó có tha thiết khẩn cầu, van xin Đức Bồ tát, thì dù đại từ, đại bi, quyền năng vô hạn, Bồ tát cũng đành ứa lệ xuôi tay nhìn con người phải trả cái quả xấu do chính con người đã tự gieo nhân

xấu. Ngài cũng như các Đấng không thể can thiệp làm mất luật công bình của Trời đất. Đức Quan Âm Bồ tát dạy rõ: “Tình thương bao la của Đấng Chí tôn và lòng từ bi bao khắp của hàng chư Phật cũng không thể giải thoát giùm cho chư hiền những nhân quả chằng chịt ấy đâu. (...) Những gì con người hành động, những gì con người khổ đau, những gì con người than trách thuộc ngoài phạm vi đạo lý thì chính con người chịu lấy, chớ Phật Trời nào bênh vực để trái luật công bình, mặc dầu vẫn thông cảm những trạng thái của con người.” (4) Trái lại, một người tu chân chánh, tuân thủ giới luật, giữ gìn vẹn tròn tâm hạnh đại thừa (xứng đáng được gọi là bồ tát hữu hình ở thế gian), thì luôn luôn được chư thần thánh, tiên ph/ật âm thầm bảo vệ, giúp đỡ. Dầu người ấy có vướng mắc tai nạn, bệnh hoạn do phải trả nghiệp cũ kiếp trước, cũng sẽ được các đấng ban ơn cứu độ để tiếp tục tu hành cho tới ngày thành tựu. Nếu một người biết làm lành lánh dữ, biết giữ gìn quy giới, biết tôn trọng và bảo vệ chánh pháp, biết sống lành mạnh và đạo đức, biết tôn trọng pháp luật, v.v... thì người đó không mắc phải tội lỗi, không tự chuốc những bệnh ngặt nghèo, cũng không bị người khác thừa kiện, giam cầm. Thế thì, dù không cầu Bồ tát Quan Âm cứu khổ cứu nạn, đương nhiên đã không bị khổ nạn rồi. Do đó trong kinh có đoạn như sau: **Hồi quang bồ tát, hồi thiện bồ tát, a nậu đại thiên vương chánh điện bồ tát, ma kheo ma kheo, thanh tịnh tỳ kheo, quan sự đất án, tụng sự đắc hưu.** (Người tu đại thừa biết biết soi xét bản thân mà từ bỏ chỗ tăm tối sai lầm, người tu đại thừa biết trở về với điều thiện, người tu đại thừa giống như các bậc đại thiên vương cao tột biết bảo trọng chánh pháp và giữ gìn nơi tôn nghiêm thờ tự, người tu đại thừa biết giữ gìn trọn vẹn các quy giới và nhờ thế mà đức hạnh trong sạch, [tất cả các vị ấy] đều khỏi vướng mắc vào những việc kiện thưa, tranh chấp.) Nói cách khác, hãy hiểu bồ tát trong đoạn kinh này là chính mình, là người tu gương mẫu.(5) Thông thường bản tính con người là mau quên, không kiên trì rèn tập tâm tánh (luyện kỹ, lập đức, lập hạnh). Vì thế con người cần phải thường xuyên và lâu dài tự nhắc nhở mình phải lập hạnh, lập đức, luyện kỹ. Tự nhắc nhở bằng cách tụng kinh để nhớ hoài lời dạy hành thiện. Do đó trong kinh lặp đi lặp lại những câu như: **tụng đắc như thiên biến, tụng đắc như vạn biến, cần độ thiên vạn biến.**

Nên hiểu là tụng hoài, (5) Thông thường tín đồ quen hiểu bồ tát là một đấng thiêng liêng vô hình. Cũng nên hiểu thêm theo nghĩa đại thừa, rằng bồ tát là người tu mang đại nguyện độ mình và độ đời thoát khổ. Một người tu thiền (hành giả) quyết lòng tu hành rốt ráo cho thành tựu công phu tọa thiền để đem trí huệ giải khổ cho đời, chính vị đó đang làm bồ tát hữu hình tại thế gian. Trong ý nghĩa này, đàn cơ tại Cơ quan Phổ thông Giáo lý, Tuất thời, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977), Đức Quan Âm Bồ tát dạy:

**Biển đời khổ nạn muôn trùng,  
Đừng quên giữ một tâm trung vững vàng  
Vì đời còn lắm tai nạn,  
Độ đời bồ tát nguyện hoàn công phu.**

Hai chữ bồ tát trong câu thánh giáo này chính là hành giả; hoàn 完 là trọn vẹn, hoàn tất (finished, completed). “Độ đời bồ tát nguyện hoàn công phu” nghĩa là vị hành giả phát nguyện đại thừa quyết chí tu thiền cho thành tựu, cho chứng đắc, để có thể đem huyền năng cứu độ người đời. Hiểu như vậy, hai chữ bồ tát ở đây không cần viết tụng mãi, tụng suốt đời để tự nhắc nhở mình hãy luôn luôn cố gắng sống đúng theo lời Phật dạy. Trái lại, chỉ biết tụng cho đủ con số quy định, miệng đọc

kinh ra rả như cái máy vô hồn mà lòng tà vạy trước sau vẫn không chịu sửa đổi thì chắc chắn không bao giờ có Bồ tát Quan Âm nào cảm ứng cứu giúp.

## NGUỒN GỐC BÀI KINH CỨU KHỔ

Trong khóa tu Thu phân Mậu Tý (tháng 9-2008) tại Cơ quan Phở thông Giáo lý, một hôm tôi đang đứng bên cạnh hiền hữu Huệ Khai (Đào Thiên Niên) chờ vào cúng thờ Ngô, thì hiền huynh Chí Kiên (Võ Văn Liêm) nhẹ bước tới bên cạnh, nói nhỏ vào tai, cho biết rằng hiền huynh từng có hai bản giải nghĩa kinh Cứu khổ do tiền bối Lâm Xương Quang (cũng gọi Lâm Đạo Nguơn) soạn. Tôi nhớ ngay: Lâm tiền bối tu đến bậc Lão sư, trong gia đình là con thứ tám, cho nên còn được gọi là ông Lão Tám. Đây là dịch giả nhiều kinh sách nổi tiếng, như Thất chơn như quả 七真因果.

Những năm cuối thập niên 1920 tiền bối tu ở Phổ Đức Phật đường 普德佛堂 (chùa Minh Sư được gọi là Phật đường), ở làng Thanh Phú Long, tổng Thanh Mục Hạ, tỉnh Tân An.(6) Thế là tôi kết luận: Vậy kinh Cứu khổ trong Cao Đài có nguồn gốc từ đạo Minh Sư. Năm ngoài, tôi tình cờ biết hiền hữu Huệ Khai xuất thân trong gia đình gốc Minh Sư. Riêng bản thân hiền hữu còn có được một mối tình cảm rất quý trọng mà các bậc tôn túc bên Minh Sư luôn dành cho. Do đó, tôi quay sang Huệ Khai, cậy hiền hữu khi mãn khóa tu Thu phân, về nhà hãy hỏi các vị bên Minh Sư mượn giúp tôi bản chữ Hán kinh Cứu khổ. Tôi chưa kịp dứt lời, hiền hữu nói gọn lỏn: “Nhà em có!” Thì ra vài năm trước đây một vị ở Minh Sư đã tặng Huệ Khai một tấm ván khắc kinh (tức là bản 板). Huệ Khai đang giữ ở nhà. Tôi mừng quá, thầm tạ ơn Đức Quan Âm Bồ tát, vì mới tuần trước, khi chú giải kinh Cứu khổ, tôi phân vân không biết trong câu Tự ngôn Quan Thế Âm anh lạc bát tu giải thì hai chữ anh lạc viết chữ Hán ra sao, nên không giảng được nghĩa, và tôi đã cầu nguyện xin Đức Bồ tát linh ứng trợ duyên cho đệ tử tìm ra bản gốc chữ Hán. Mãn khóa tu, hiền hữu Huệ Khai về nhà, xoa mực tàu lên bản khắc gỗ, in tặng tôi bản kinh gốc. Tôi thật vô vàn cảm kích. (Huệ Khai 慧開 và Huệ Khải 慧啟 tôi cùng thọ ơn Đức Tôn sư Đông Phương Lão tổ ban thánh danh chung một đợt.) Có được bản chữ Hán này, tôi xác định anh lạc viết là 纓絡. Muốn tìm kiếm thêm các cách giảng nghĩa của người xưa, bèn gõ hai chữ 纓絡 để tìm kiếm trên Internet. Chẳng những tìm ra một cách viết khác của hai chữ anh lạc là 璎珞, mà lại thấy thêm khá nhiều dị bản chữ Hán của bài kinh này trong kho tàng kinh văn Phật giáo. Từ những kết quả ấy, tôi trộm nghĩ rằng bài kinh Cứu khổ hiện hành trong đạo Cao Đài vốn mượn từ kinh tụng của đạo Minh Sư. Nhưng bài kinh này cũng rất phổ biến trong kinh văn Hán tạng của đạo Phật, với không ít dị bản.

## MÔ TẢ BẢN KINH CỨU KHỔ CỦA MINH SƯ (tr. 24)

Bản in khắc ván mà hiền hữu Huệ Khai tặng tôi gồm hai trang. Cả hai ghép lại chỉ nhìn ơn khổ A4 thông dụng.

Trang phải vẽ hình Bồ tát Quan Âm ngồi tòa sen bên rừng trúc. Cận đó, góc trái tranh, vẽ chim anh vũ (chim két?) ngậm chuỗi ngọc (một số sách gọi là chuỗi anh lạc). Hàng trên tranh vẽ là sáu chữ Hán nằm ngang (đọc từ phải sang trái): Cao vương Quan Âm Bồ tát 高王觀音菩薩. Trang bên trái gồm một dòng nhan đề và mười dòng kinh văn viết xuôi xuống, đọc từ phải sang trái. Trừ dòng nhan đề, dòng 1, dòng 7, và dòng 10, tám dòng còn lại mỗi dòng có 21 chữ Hán. Dòng 7 chỉ có 20 chữ, vì khi khắc chữ thứ 18 thì bỏ trống một ô thứ 19, khắc hai chữ Quán Thế lui xuống (thay cho

phép viết dài 抬). Dòng 1 là nhan đề: **Nam mô đại từ đại bi Quán Thế Âm cứu khổ chân kinh** 南無大慈大悲觀世音救苦真經. (Khi dùng trong đạo Cao Đài, nhan đề này không còn, và thay bằng câu chú **Nam mô đại từ đại bi quảng đại linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát**. Câu chú 15 chữ này cũng không thấy dùng làm nhan đề trong một số dị bản kinh Cứu khổ của Phật giáo, như tìm thấy trên Internet.) Dòng 1 và dòng 2 đều viết trời đầu cao hơn các dòng còn lại một chữ. Đây là phép dài trong Hán văn, để tỏ ý tôn kính. Nếu tỏ ý tôn kính nhiều hơn (như khắc hồng danh Thượng đế) thì phải dài cao hơn hai chữ. (Ngày xưa học trò đi thi, viết bài văn chữ Hán không đúng phép dài là phạm trường quy. Không đáng dài mà lại dài, hay ngược lại quên dài chỗ phải dài, hoặc dài không hợp cách thì bị đánh hỏng.) Từ dòng 2 trở đi thì giống như bản kinh hiện hành trong đạo Cao Đài. Toàn bài kinh không có một dấu chấm câu nào. Cũng không có các dấu khuyên ◦ bên cạnh những chữ phải gõ chuông báo hiệu cho tín đồ cúi đầu hay cúi lạy khi tụng kinh đến chữ đó.

---

## CHIẾN LƯỢC SÔNG PHONG / LƯU AN NHIÊN TỰ TẠI CỦA DÂN TỘC VỚI TINH THẦN NHÂN NGHĨA BAO DUNG

---

“ Lấy **ĐẠI NHĨA** để thắng **HUNG TÀN**

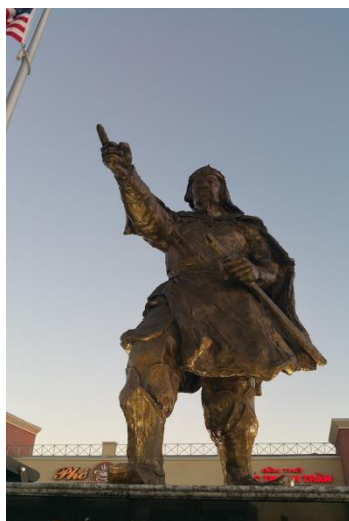
Đem **CHÍ NHÂN** mà thay **CUỜNG BẠO** “

**BNDC. Nguyễn Trãi**

**Chúng ta nên phân biệt: Khổ đau của con Người một phần là do Thiên Bẩm, còn phần khác là do con người gây đau khổ cho nhau !**

### **I.- HỊCH TƯỚNG SĨ**

---



**Dụ chư tỳ tướng hịch văn** (諭諸裨將檄文), thường được gọi là **Hịch Tướng Sĩ**, là bài hịch của Trần Hưng Đạo.

Dưới đây là bản dịch của Ngô Tất Tố trong "*Việt Nam Văn Học: Văn Học Đời Trần*" NXB Đại Nam, Sài Gòn, 1960.

“ Ta thường nghe: Kỷ Tín lấy thân chết thay, cứu thoát được vua Cao-đế; Do Vu chia lưng chịu giáo che chở được vua Chiêu-vương; Dự Nhượng nuốt than để trả thù cho thầy; Thân Khoái chặt tay để gánh nạn cho nước; Uất Trì Cung một viên tướng nhỏ, còn biết che đỡ Đường-chủ, ra khỏi vòng vây của Thế Sung; Nhan Cảo-Khanh là bày tôi xa, còn biết mắng chửi Lộc Sơn, không nghe lời dụ của nghịch-tặc. Từ xưa, những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, lấy thân theo nước, đời nào là không có đâu? Nếu mấy người kia, chăm chăm học thói dút-dắt của con gái trẻ con, chẳng qua cũng đến chết dũ ở dưới cửa sổ, đâu được ghi tên vào trong thẻ tre lụa trắng, danh tiếng cùng trời đất cùng lâu bền?

Các người đời đời là con nhà võ, không biết chữ nghĩa, nghe những chuyện ấy, thấy đều nửa tin nửa ngờ. Thôi thì những việc cổ xưa, hãy để đó không nói đến nữa. Nay ta hãy đem chuyện nước Tống, giống Thát(là chuyện gần đây) kể cho các người cùng nghe: Vương công Kiên là người gì? Nguyễn văn Lập tỳ-tướng của y lại là người gì, chỉ có vòng thành Điếu-ngư nhỏ bằng cái đầu hai người ấy chống nổi toán quân trăm vạn của Mông-kha, khiến cho con dân nước Tống, đến nay hãy còn nhớ ơn. Đường ngọt Ngại là người gì? Xích tu Tư tỳ-tướng của y lại là người gì? xông pha lam-chương trên đường muôn dặm, hai người ấy đánh được quân Nam-chiều trong vài tuần, khiến cho vua chúa giòng Thát nay còn để tiếng!

**Hướng chi ta với các người, sinh ở buổi rối ren, lớn lên nhằm khi khó nhọc, chính mắt ngó thấy sứ nguy đi lại, đường xá nghẽn-ngang, chúng múa cái lưỡi cú quạ làm nhục chốn triều-đình, chúng giơ cái thân chó dê, kiêu ngạo với quan tể-phụ; chúng nhờ mệnh lệnh của chúa Mông-Cổ, mà đời nào ngọc nào lụa, sự vui vĩnh thật vô cùng; chúng mượn danh hiệu của vua Vân-nam mà hạch nào bạc nào vàng; của kho đụn đã hồ hết Cung-đồn cho chúng giống như đem thịt mà liệng cho cạp đói, sao cho khỏi lo về sau?**

Ta thường thì tới bữa quên ăn, giữa đêm vỗ gối, nước mắt tràn xuống đầy mép, tấm lòng đau như bị đâm, vẫn lấy cái sự chưa thể ăn thịt nằm da, nuốt gan uống máu của chúng làm tức. Dầu cho một trăm cái thân của ta phải đem đốt ở đồng cỏ, một nghìn cái thân của ta phải đem bọc vào da ngựa, ta cũng vui lòng. Các người lâu nay ở dưới cửa ta cầm giữ binh-quyền, thiếu áo thì mặc áo cho, thiếu ăn thì sẽ cơm đỡ, quan nhỏ thì cho lên chức, bổng ít cho thêm lương, đi thủy cấp thuyền, đi bộ cấp ngựa, những khi trận mạc, sự sống thác thầy chung với trò, những lúc mừng khao, tiếng vui cười ai cũng như nầy. So với Công Kiên làm chức thiên-ly, Ngột Ngại ở ngôi phó nhị, có khác gì đâu.

Thế mà các người thấy chủ bị nhục chẳng lấy làm lo, gặp nước bị dơ chẳng lấy làm thẹn, làm tướng nhà nước phải hầu mấy đũa chum mừng, mà không có lòng căm hờn, nghe khúc nhạc thờ đem thết một tên nguy sứ, mà không có vẻ tức giận; kẻ thì chọi gà cho thích, kẻ thì đánh bạc mua vui, có người chỉ chăm vườn ruộng, cốt nuôi được nhà; có người chỉ mền vợ con, lấy mình làm trọng; cũng có kẻ chỉ lo làm giàu làm có, việc quân quốc chẳng thèm đoái hoài, cũng có người chỉ ham về săn-bắn mà quên việc binh, hoặc là đam mùi rượu ngọt, hoặc là mê tiếng hát hay.

Một khi giặc Mông đến nơi, thì cựa con gà nòi không thể đâm thủng áo-giáp của giặc; thuật ở bàn bạc không thể đem làm mưu mẹo ở trong quân; vườn ruộng tuy giàu, tấm thân ấy nghìn vàng khôn chuộc; vợ con tuy sẵn, trong đám ba quân khó dùng, của cải tuy nhiều,

không thể mua được dầu giặc; chó săn tuy khỏe, không thể đuổi được quân thù, rượu ngon không đủ để cho giặc phải mê; hát hay không đủ làm cho giặc phải điếc; lúc đó thầy trò ta sẽ cùng bị trói, đáng đau đớn biết chừng nào! Nếu thế, chẳng những là thái-áp của ta không còn, mà bổng-lộc của các người cũng bị kẻ khác chiếm mất; chẳng những là gia- quyền của ta phải đuổi, mà vợ con của các người cũng bị kẻ khác bắt đi; chẳng những xã tắc của tổ tông ta sẽ bị dày xéo, mà đến mồ mả của cha mẹ người cũng sẽ bị kẻ khác đào lên, chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, và trăm kiếp khác tiếng như khôn rửa, tên xấu vẫn còn, mà gia thanh của các người cũng chẳng khỏi mang tiếng là nhà bại tướng. Đã đến khi đó các người muốn chơi bời cho thỏa, được chăng?

Nay ta bảo rõ các người: cái chuyện dấm lửa đồng củi phải lo, mà câu sợ canh thối rau nên nhớ. Các người hãy nên huấn luyện quân-sĩ, rèn-tập cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàn Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ, bêu đầu Tất-Liệt dưới cửa khuyết, ướp thịt Thoát-Hoan trong trại rơm. Như thế chẳng những là thái-áp của ta mãi mãi là của gia truyền, mà bổng-lộc các người cũng được suốt đời hưởng thụ; chẳng những gia- quyền của ta được yên giường nệm, mà vợ con các người cũng được sum họp đến già; chẳng những là tông-miếu ta sẽ được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các người dưới trăm đời nữa tiếng thơm vẫn lưu truyền; chẳng những tên tuổi ta không bị mai một, mà đến tên họ các người cũng để tiếng thơm trong sử xanh. Khi ấy các người không muốn vui chơi, được chăng?

Nay ta lựa chọn binh pháp các nhà, làm một quyển sách, đặt tên là sách "Binh-thư yếu-lược". Nếu các người biết chuyên-tập sách ấy, nghe lời dạy-bảo của ta, ấy là duyên thầy trò kiếp xưa; Nếu các người bỏ bê sách ấy, trái lời dạy-bảo của ta, ấy là mối cừu thù kiếp xưa, Sao vậy? Bởi vì như vậy tức là kẻ thù không đội chung trời, thế mà các người không nghĩ tới, điềm nhiên không lo đến sự rửa thẹn, không tinh; đến việc trừ hung, không nhớ đến chuyện dạy-tập quân-sĩ. Thế là giờ giáo hàng giặc, nắm tay chống giặc. Rồi đây, sau khi dẹp yên quân giặc, các người sẽ phải thẹn muôn đời, còn mặt-mũi nào đứng giữa khoảng trời đất che chở? Ta muốn các người biết rõ bụng ta, nhân viết mấy lời đó làm hịch."

---

## II.- BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO

“Lấy ĐẠI NGHĨA để thắng HUNG TÀN

Đem CHÍ NHÂN mà thay CƯỜNG BẠO “

[ BNDC. Nguyễn Trãi ]



Vua Lê Thái Tổ ( Lê Lợi )



## Chiến lược gia Nguyễn Trãi

### Bản chữ Nho

Đại thiên hành hóa hoàng thượng nhược viết:

Cái văn:

Nhân nghĩa chi cừ, yếu tại an dân,  
 Điều phạt chi sư, mạc tiên khử bạo.  
 Duy ngã Đại Việt chi quốc,  
 Thực vi văn hiến chi bang.  
 Sơn xuyên chi phong vực ký thù,  
 Nam bắc chi phong tục diệc dị.  
 Tự Triệu Đinh Lý Trần chi triệu tạo ngã quốc,<sup>[1]</sup>  
 Dữ Hán Đường Tống Nguyên nhi các đế nhất  
 phương.  
 Tuy cường nhược thì hữu bất đồng,  
 Nhi hào kiệt thế vị thường pháp.

Cổ Lưu Cung tham công dĩ thủ bại,  
 Nhi Triệu Tiết hiếu đại dĩ xúc vong.  
 Toa Đô ký cầm ư Hàm Tử quan,  
 Ô Mã hựu ế ư Bạch Đằng hải.<sup>[2]</sup>  
 Kê chư vãng cổ,  
 Quyết hữu minh trung.

**Khoảnh nhân Hồ chính chi phiền hà,  
 Trí sử nhân tâm chi oán bạo.  
 Cuồng Minh tứ khích, nhân dĩ độc ngã dân;  
 Ngụy đảng hoài gian, cánh dĩ mãi ngã quốc.  
 Hân thương sinh ư ngược diệc,   
 Hãm xích tử ư họa khanh.**

### Bản dịch

Thay trời hành hóa, hoàng thượng truyền  
 rằng.

Tùng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân  
 Quân điều phạt trước lo trừ bạo  
 Như nước Đại Việt ta từ trước  
 Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  
 Núi sông bờ cõi đã chia  
 Phong tục Bắc Nam cũng khác  
 Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền  
 độc lập  
 Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên  
 hùng cứ một phương  
 Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau  
 Song hào kiệt thời nào cũng có.

Cho nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại,  
 Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong,  
 Cửa Hàm tử bắt sống Toa Đô  
 Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã  
 Việc xưa xem xét,  
 Chứng cứ còn ghi.

Vừa rồi:

**Nhân họ Hồ chính sự phiền hà,  
 Đê trong nước lòng dân oán hận.  
 Quân cuồng Minh thừa cơ gây họa,  
 Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.  
 Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,**

Khi thiên võng dân, quỷ kế cái thiên vạn trạng;  
Liên binh kết hần, nãm ác đãi nhị thập niên.  
Bại nghĩa thương nhân, càn khôn ky hồ dục tức;  
Trọng khoa hậu liễm, sơn trạch mỹ hữu kiệt di.  
Khai kim trường, tắc mạo lam chướng nhi phủ sơn  
đào sa,  
Thái minh châu, tắc xúc giao long nhi hoàn yêu  
thộn hải.  
Nhiều dân thiết huyền lộc chi hãm tịnh,  
Điển vật chức thúy cầm chi vọng la.  
Côn trùng thảo mộc giai bắt đắc dĩ toại kỳ sinh,  
Quan quả điền liên câu bắt hoạch dĩ an kỳ sở.  
Tuần sinh linh chi huyết dĩ nhuận kiệt hiệt chi vẫn  
nha;  
Cực thổ mộc chi công dĩ sùng công tư chi giải vũ.  
Châu lý chi chinh dao trọng khốn,  
Lư diêm chi trữ trực giai không.  
Quyết Đông Hải chi thủy bắt tức dĩ trạc kỳ ô,  
Khánh Nam Sơn chi trúc bắt tức dĩ thư kỳ ác.  
Thần dân chi sở cộng phần,  
Thiên địa chi sở bất dung.

#### Dư:

Phân tích Lam Sơn,  
Thê thân hoang dã.  
Niệm thế thù khởi khả cộng đái,  
Thệ nghịch tặc nan dữ câu sinh.  
Thống tâm tậ thủ giả thù thập dư niên,  
Thường đảm ngoạ tân giả cái phi nhất nhật.  
Phát phần vong thực, mỗi nghiên đàm thao lược chi  
thư,  
Tức cổ nghiệm kim, tế suy cứu hưng vong chi lý.  
Đồ hồi chi chí  
Ngộ mị bất vong.  
Đương nghĩa kỳ sơ khởi chi thì,  
Chính tặc thế phương trương chi nhật.

Nại dĩ:

Vùi con đổ xuống dưới hầm tai vạ.  
Đôi trời lừa dân đủ muôn ngàn kẻ,  
Gây thù kết oán trải mấy mươi năm.  
Bại nhân nghĩa nát cả đất trời,  
Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.  
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò  
ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng.  
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn  
nỗi rừng sâu, nước độc.  
Vết sản vật, bắt dò chim sẻ, chồn chồn  
lưới chằng,  
Nhiều nhân dân, bắt hươu đen, nơi nơi  
cạm đặt.  
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,  
Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng.  
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ  
bấy no nê chưa chán ;  
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào  
phục dịch cho vừa.  
Nặng nề những nỗi phu phen,  
Tan tác cả nghề canh cửi.  
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết  
tội,  
Đơ bần thay, nước Đông Hải không rửa  
sạch mùi.  
Lẽ nào trời đất dung tha,  
Ai bảo thần dân chịu được?

#### Ta đây:

Núi Lam sơn đầy nghĩa  
Chôn hoang dã nương mình  
Ngẫm thù lớn há đội trời chung  
Căm giặc nước thề không cùng sống  
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm  
trời  
Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.  
Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã  
tinh,  
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo  
càng kỹ.  
Những trần trọc trong cơn mộng mị,  
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi  
Vừa khi cờ nghĩa đãy lên,  
Chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngắt vì:



Nhân tài thu diệp,  
Tuần kiệt thân tinh.  
Bôn tẩu tiền hậu giả ký phạt kỳ nhân,  
Muru mô duy ác giả hựu quả kỳ trợ.  
Đặc dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục đông;  
Cố ư đãi hiền chi xa, thường cấp cấp dĩ hư tả.

Nhiên kỳ:

Đắc nhân chi hiệu mang nhược vọng dương,  
Do kỉ chi thành thậm ư chứng nịch.  
Phần hung đồ chi vị diệt,  
Niệm quốc bộ chi tao truân.  
Linh Sơn chi thực tận kiêm tuần,  
Khôi Huyện chi chúng vô nhất lữ.  
Cái thiên dục khôn ngã dĩ giáng quyết nhiệm,  
Cố dữ ích lệ chí dĩ tề vu nan.  
Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập;  
Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm.  
Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi bất bị;  
Dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ.

Tốt năng:

**Dĩ đại Nghĩa nhi thắng Hung tàn,  
Dĩ chí Nhân nhi địch Cường bạo.**  
Bồ Đằng chi đình khu điện xê,  
Trà Lân chi trúc phá khôi phi.  
Sĩ khí dĩ chi ích tăng,  
Quân thanh dĩ chi đại chấn.  
Trần Trí, Sơn Thọ văn phong nhi si phách,  
Lý An, Phương Chính giả tức dĩ thân sinh.  
Thừa thắng trường khu, Tây Kinh ký vị ngã hữu;  
Tuyển binh tiến thủ, Đông Đô tận phục cự cương.  
Ninh Kiều chi huyết thành xuyên, lưu tinh vạn lý;  
Tốt Động chi thi tích dã, di xú thiên niên.  
Trần Hiệp tặc chi phúc tâm, ký kiều kỳ thủ;  
Lý Lượng tặc chi gian đồ, hựu bạo quyết thi.  
Vương Thông lý loạn nhi phân giả ích phần,  
Mã Anh cứu đầu nhi nô giả ích nô.  
Bỉ trí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong;  
Ngã muru phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất.

Tuần kiệt như sao buổi sớm,  
Nhân tài như lá mùa thu,  
Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần,  
Nơi duy ác hiểm người bàn bạc,  
Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn  
tiến về Đông,  
Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn  
dành phía tả.

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù  
như nhìn chôn bể khơi.  
Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu  
người chết đuối.  
Phần vì giận quân thù ngang dọc,  
Phần vì lo vận nước khó khăn,  
Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,  
Lúc Khôi Huyện quân không một đội.  
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn  
Ta gắng trí khắc phục gian nan.  
Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc  
ngọn cờ pháp phới  
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông  
chén rượu ngọt ngào.  
Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,  
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Trợn hay:

**Dem Đại Nghĩa để thắng Hung tàn,  
Lấy chí Nhân để thay ường bạo.  
Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật,  
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay.  
Sĩ khí đã hăng  
Quân thanh càng mạnh.  
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,  
Lý An, Phương Chính, nín thở cầu thoát  
thân.  
Thừa thắng đuổi dài, Tây Kinh quân ta  
chiếm lại,  
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ  
thu về.  
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh  
trôi vạn dặm  
Tuyệt Động thân chất đầy nội, như đống ngàn  
năm.  
Phúc tâm quân giặc Trần Hiệp đã phải  
bêu đầu**

Vị bị tất dị tâm nhi cải lự,  
Khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô.  
Chấp nhất kỷ chi kiến, dĩ giá họa ư tha nhân,  
Tham nhất thì chi công, dĩ di tiêu ư thiên hạ.

Toại linh Tuyên Đức chi giáo đồng, độc binh vô yém;  
Nhưng mệnh Thạnh Thăng chi nọa tướng, dĩ du cứu phần.  
Định vị cửu nguyệt Liễu Thăng toại dẫn binh do Khâu Ôn nhi tiên,  
Bản niên thập nguyệt Mộc Thạnh hựu phân đồ tự Vân Nam nhi lai.  
Du tiên ký tuyển binh tái hiểm dĩ tòi kỳ phong,  
Du hậu tái điều binh tiết lộ dĩ đoạn kỳ thực.  
Bản nguyệt thập bát nhật Liễu Thăng vị ngã quân sở công, kê trụ ư Chi Lăng chi dã;  
Bản nguyệt nhị thập nhật Liễu Thăng hựu vị ngã quân sở bại, thân tử ư Mã Yên chi sơn.  
Nhị thập ngũ nhật Bảo Định bá Lương Minh trận hãm nhi táng khu,  
Nhị thập bát nhật Thượng thư Lý Khánh kế cùng nhi vẫn thủ.  
Ngã toại nghênh nhận nhi giải,  
Bỉ tự đảo qua tương công.  
Kê nhi tứ diện thiêm binh dĩ bao vi,  
Kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi diễn diệt.  
Viên tuyên tỳ hưu chi sĩ,  
Thân mệnh trào nha chi thần.  
Âm tượng nhi hà thủy càn,  
Ma đao nhi sơn thạch khuyết.  
Nhất cổ nhi kinh khô ngạc đoạn,  
Tái cổ nhi điều tán quân kinh.  
Quyết hội nghĩ ư băng đê,  
Chấn cương phong ư cỏ diệp.

Một gian kẻ thù Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.  
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy  
Mã Anh cứu trận đánh mà quân ta hăng lại càng hăng.  
Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt,  
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công.  
Tưởng chúng biết lẽ ăn năn nên đã thay lòng đổi dạ  
Ngờ đâu vẫn đương mưu tính lại còn chuốc tội gây oan.  
Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,  
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.

**Bởi thế:**  
Thằng nhãi con Tuyên Đức động binh không ngừng  
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy  
Đinh mùi tháng chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại  
Năm ấy tháng mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.  
Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong  
Sau lại sai tướng chặn đường, tuyệt nguồn lương thực  
Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế  
Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thăng cụt đầu  
Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong  
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn.  
Thuận đà ta đưa lưỡi dao tung phá  
Bí nước giặc quay mũi giáo đánh nhau  
Lại thêm quân bốn mặt vây thành  
Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc  
Sĩ tốt kén người hùng hổ  
Bê tôi chọn kẻ vuốt nanh  
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn  
Voi uống nước, nước sông phải cạn.  
Đánh một trận, sạch không kình ngạc

Đô đốc Thôi Tụ tất hành nhi tổng khoản,  
Thượng thư Hoàng Phúc diện phục dĩ tỵ cầm.  
Cương thi tái Lạng Giang, Lạng Sơn chi đô,  
Chiến huyết xích Xương Giang, Bình Than chi thủy.  
Phong vân vị chi biến sắc,  
Nhật nguyệt thảm dĩ vô quang.

Kỳ Vân Nam binh vị ngã quân sở ách ư Lê Hoa, tỵ  
đồng nghi hư hạt nhi tiên dĩ phá phủ;  
Kỳ Mộc Thạnh chúng văn Liễu Thăng đại bại ư Càn  
Trạm, toại lạn tạ bôn hội nhi cận đắc thoát thân.  
Lãnh Câu chi huyết chữ phiêu, giang thủy vị chi ô  
yết;  
Đan Xá chi thi sơn tích, dã thảo vị chi ân hồng.  
Lưỡng lộ cứu binh, ký bất toàn chủng nhi câu bại,  
Các thành cùng khẩu, diệc tương giải giáp dĩ xuất  
hàng.  
Tặc thủ thành cầm, bị ký trạo nga hồ khát liên chi vĩ;  
Thần võ bắt sát, dư diệc thể thượng đế hiếu sinh chi  
tâm.  
Tham tướng Phương Chính, Nội quan Mã Kỳ, tiên  
cấp hạm ngũ bách dư suru, ký độ hải nhi do thả hồn  
phi phách tán;  
Tổng binh Vương Thông, Tham chính Mã Anh, hựu  
cấp mã sở thiên dư thất, dĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật  
tâm kinh.  
Bỉ ký úy tử tham sinh, nhi tu hảo hữu thành;  
Dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dục dân chi đắc tức.  
Phi duy mưu kế chi cực kỳ thâm viễn,  
Cái diệc cổ kim chi sở vị kiến văn.  
Xã tắc dĩ chi điện an,  
Sơn xuyên dĩ chi cải quán.  
Càn khôn ký bỉ nhi phục thái,  
Nhật nguyệt ký hồi nhi phục minh.  
Vu dĩ khai vạn thế thái bình chi cơ,  
Vu dĩ tuyệt thiên cô vô cùng chi sí.  
Thị do thiên địa tổ tông chi linh, hữu dĩ mặc tương âm  
hựu, nhi trí nhiên dã.

**Đánh hai trận tan tác chim muông.  
Cơn gió to trút sạch lá khô,  
Tổ kiến hồng sứt toang đê vỡ.  
Đô đốc Thôi Tụ lê gói dâng tờ tạ tội,  
Thượng thư Hoàng Phúc trối tay để tỵ  
xin hàng.  
Lạng Giang, Lạng Sơn, thầy chất đầy  
đường  
Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ  
nước  
Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,  
Thảm đạm thay! Ánh nhật nguyệt phải  
mờ**

**Bị ta chặn ở Lê Hoa, quân Vân Nam nghi  
ngờ khiếp vía mà vỡ mật!  
Nghe Thăng thua ở Càn Trạm, quân Mộc  
Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.  
Suối Lãnh Câu, máu chảy thành sông,  
nước sông nghẹn ngào tiếng khóc  
Thành Đan Xá, thầy chất thành núi, cỏ  
nội đầm đìa máu đen.  
Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót  
chẳng kịp,  
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp  
ra hàng  
Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy  
đuôi xin cứu mạng  
Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta  
mở đường hiếu sinh  
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm  
trăm chiếc thuyền, ra đến biển mà vẫn  
hồn bay phách lạc,  
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài  
nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim  
đập chân run.  
Họ đã tham sống sợ chết mà hòa hiếu  
thực lòng  
Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân  
nghỉ sức.  
Chẳng những mưu kế kì diệu  
Cũng là chưa thấy xưa nay**

Xã tắc từ đây vững bền  
Giang sơn từ đây đổi mới  
Càn khôn bỉ rồi lại thái  
Nhật nguyệt hồi rồi lại minh  
Ngàn năm vết nhục nhả sạch lâu

Muôn thuở nền thái bình vững chắc  
Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng đã  
lặng thầm phù trợ;

Than ôi!

Một cổ nhưng y chiến thắng,  
Nên công oanh liệt ngàn năm  
Bốn phương biển cả thanh bình,  
Ban chiếu duy tân khắp chốn.

Xa gần bá cáo,  
Ai nấy đều hay.

Ô hô!

Nhất hung đại định,  
ngật thành vô cạnh chi công;  
Tứ hải vĩnh thanh,  
đản bố duy tân chi cáo.

Bá cáo hà nhĩ,  
Hàm sử văn tri.

---

## NỖ ĐAU / KHỔ CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

### LỊCH SỬ CHIẾN TRANH VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

#### THỜI HUYỀN SỬ

Cuộc chiến tranh giữa: **Si Vưu** : Lãnh Tụ Văn Hoã Nông nghiệp &  
**Hiên Viên** Lãnh tụ Văn Hóa Du mục

Trận Phán Tuyên

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Trận Phán Tuyên



Bản đồ chỉ ra vị trí có lẽ là nơi diễn ra trận đánh và sự phân

bố các liên minh bộ lạc vào thời gian đó.	
Thời gian	~2500 TCN
Địa điểm	Phản Tuyền, Trung Quốc (tranh cãi)
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chiến thắng của Hữu Hùng</li> <li>Hợp nhất Hữu Hùng và Thần Nông thành bộ lạc Viêm Hoàng.</li> </ul>
Tham chiến	
Bộ lạc Thần Nông	Bộ lạc Hữu Hùng
Chỉ huy và lãnh đạo	
Viêm Đế	Hoàng Đế

Trận Phản Tuyền (giản thể: 阪泉之战; phồn thể: 阪泉之戰; bính âm: *Bǎn Quán Zhī Zhàn*, Hán-Việt: Phản Tuyền chi chiến) là trận chiến đầu tiên được ghi nhận trong lịch sử Trung Quốc trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên.<sup>[1]</sup> Đây là cuộc chiến tranh giữa hai bộ lạc (hay hai liên minh gồm nhiều bộ lạc của mỗi bên) do Hoàng Đế và Viêm Đế chỉ huy. "Trận Phản Tuyền" trên thực tế có thể chỉ là trận thứ ba trong số ba trận chiến giữa hai bộ lạc này.<sup>[1]</sup> Hoàng Đế sau đó còn chỉ huy trận chiến với bộ lạc Cửu Lê của Xi Vưu tại trận Trác Lộc.<sup>[1]</sup> Cả hai trận chiến này diễn ra không xa nhau về thời gian và trên các bình nguyên gần nhau, cả hai đều có sự tham gia của Hoàng Đế. Trận Phản Tuyền được coi là tạo ra sự hình thành bộ lạc Viêm Hoàng, tiền đề của văn minh Hoa Hạ, cơ sở của văn minh Trung Hoa.

Diễn biến lịch sử ( Huyền sử . *Xin Đừng làm voi Lịch sử*

***Huyền sử là giai đoạn Sáng tạo Văn Hóa ( theo Tinh thần : Nhân, Nghĩa, Bao dung ) , Lịch sử là giai đoạn xây dựng Quốc gia theo Tinh thần Văn Hóa để Xây dựng và Bảo vệ Tổ quốc )***

Người ta không biết nhiều về trận chiến này, do nó cũng như các sự kiện khác diễn ra vào khoảng thời gian này bị che phủ trong mơ hồ, được thêu dệt bằng những câu chuyện mang tính thần thoại. Vì thế, độ chính xác lịch sử của các mô tả về trận chiến này luôn gây tranh cãi. Truyền thống lịch sử Trung Hoa đặt nó vào khoảng thế kỷ 26 TCN.

Bộ lạc Thần Nông nguyên là một nhánh dân cư làm nông nghiệp<sup>[2]</sup> vào cuối thời đại đồ đá mới, sinh sống trong bình nguyên Quan Trung ở phía tây. Họ đã phát triển mở rộng vào cao nguyên Hoàng Thổ trước khi tiến về phía đông vượt qua Thái Hành Sơn.

Khi bộ lạc Hữu Hùng của Hoàng Đế bắt đầu nổi lên thì triều đại Viêm Đế của bộ lạc Thần Nông bắt đầu suy vong.<sup>[1]</sup> Các bộ lạc chư hầu đem quân đánh lẫn nhau để tranh giành lãnh thổ và cướp bóc dân chúng, trong đó bộ lạc Cửu Lê của Xi Vưu là hung bạo nhất, nhưng Viêm Đế không thể dẹp yên. Hoàng Đế nhân cơ hội đó đem quân đánh dẹp các bộ lạc chư hầu nhưng không chiếm giữ đất đai, vì thế các bộ lạc chư hầu này theo về với Hoàng Đế. Lòng tham muốn xâm lăng chư hầu của Viêm Đế càng đẩy các bộ lạc này nghiêng hẳn về phía Hoàng Đế. Trong khi đó Hoàng Đế xây

dựng và thực hiện các chính sách thuận lòng người, như trấn an bốn phương, phủ dụ dân chúng nên càng được nhiều bộ lạc theo về. Ông tăng cường tích trữ lương thực, chấn chỉnh binh lực, làm thêm vũ khí và cuối cùng thì chiến tranh với Thần Nông thị của Viêm Đế đã xảy ra.<sup>[1]</sup>

Quân đội của Hoàng Đế, hóa trang theo các vật tổ như hùng (熊, gấu đen), bi (罷, gấu nâu), tỳ hưu (貔貅, giống sư tử hoặc báo hoa mai), sư (獅, giống lưng chó) và hổ (虎),<sup>[1]</sup> đã giao chiến với quân đội của Viêm Đế tại Phán Tuyên trong trận đánh quy mô lớn đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa. Sau ba trận chiến, Viêm Đế thất bại và quy phục Hoàng Đế.<sup>[1]</sup> Các bộ lạc Hữu Hùng và Thần Nông sau đó giao kết liên minh, tạo thành bộ lạc Viêm Hoàng, hợp nhất các bộ lạc nhỏ xung quanh họ.


Bộ lạc Viêm Hoàng ngày càng mở rộng nhanh chóng thu hút lòng tham của Xi Vưu, và ông này tiếp tục đưa quân xâm lăng lãnh thổ của bộ lạc Viêm Hoàng. Bộ lạc Viêm Hoàng phản ứng bằng việc đối mặt với đội quân của Xi Vưu tại trận Trác Lộc và họ đã giành chiến thắng.<sup>[1]</sup> Bộ lạc Viêm Hoàng sau đó có thể mở rộng về phía đông mà không gặp trở ngại nào và sớm hình thành nền văn minh Hoa Hạ, tiền thân của nền văn minh Hán Trung Hoa. Cho đến ngày nay, người Trung Quốc vẫn tự gọi mình là "Viêm Hoàng tử tôn".

### Vị trí trận chiến

Vị trí thực sự của Phán Tuyên, nơi diễn ra trận chiến, vẫn đang tranh nghị. Có ba địa điểm được coi là có thể:

1. Đông nam trấn Trác Lộc, huyện Trác Lộc, địa cấp thị Trương Gia Khẩu, tỉnh Hà Bắc.
2. Các thôn Thượng Bản Tuyên (上板泉), Hạ Bản Tuyên (下板泉) ở trấn Trương Sơn Doanh (张山营), quận Diên Khánh, tây bắc Bắc Kinh. Khoảng 60 km về phía đông huyện Trác Lộc.
3. Trấn Giới Châu (解州), quận Diêm Hồ, địa cấp thị Vận Thành, tỉnh Sơn Tây. Cách hai điểm trên khoảng 750–800 km về phía tây nam.

Trong số ba địa điểm này thì địa điểm thứ ba có lẽ là có khả năng nhất, vì:

- Trấn Giới Châu thời Xuân Thu thuộc nước Tấn gọi là Giới Lương. Đến thời Hán là huyện Giới. Sách *Giới huyện chí* viết rằng Giới Lương thời cô có giai đoạn gọi là Trác Lộc. Ngoài ra, khi xem xét bản đồ ngày nay thì kinh đô của Viêm Đế ở Bồ Phán (tọa độ  34°50'35"B 110°17'37"Đ), nay là trấn Bồ Châu, huyện cấp thị Vĩnh Tế, địa cấp thị Vận Thành, tỉnh Sơn Tây, cách Vận Thành khoảng 70 km về phía tây tây nam, trong khi đó *Sử ký* chép rằng "Hoàng Đế cư vu Hiên Viên chi khâu" (黄帝居軒轅之丘),<sup>[1]</sup> và ngày nay tại Trịnh Châu, Hà Nam có gò Hiên Viên. Trịnh Châu cách Vận Thành khoảng 250 km về phía đông đông nam và khoảng cách từ Trịnh Châu tới Bồ Châu khoảng 310 km. Như thế khoảng cách giữa các địa điểm Bồ Châu, Giới Châu, Trịnh Châu là phù hợp với khả năng chuyển quân cũng như tiếp vận vào thời gian đó.

Nếu kinh đô của Viêm Đế ở Bồ Châu còn Hoàng Đế ở khu vực Trịnh Châu thì hai địa điểm tại Trác Lộc và Thượng/Hạ Bản Tuyên ngụ ý rằng lực lượng của đôi bên phải di chuyển xa hơn nữa, khoảng 800 km về phía bắc đông bắc để giao tranh. Điều này dường như rất không thực tế, dù một loạt sách vở Trung Quốc cổ đại cho rằng chúng phù hợp. Cụ thể:

- Hoàng Phủ Mật (215-282) viết trong *Đế vương thế kỷ* rằng Phán Tuyên ở quận Thượng Cốc.<sup>[3]</sup>

- Sách *Địa lý chí* khoảng niên hiệu Thái Khang (280-289) thời Tấn viết rằng khoảng 1 dặm về phía đông thành Trác Lộc (nay ở tỉnh Hà Bắc) có suối Phản (Phản tuyền), phía trên có miếu thờ Hoàng Đế.
- *Quát địa lý* (638-642) do Lý Thái biên soạn viết rằng: Suối Phản (Phản tuyền) nay là suối Hoàng Đế (Hoàng Đế tuyền), khoảng 56 dặm về phía đông huyện Hoài Nhung,<sup>[4]</sup> Quy Châu; chảy khoảng 5 dặm tới đông bắc Trác Lộc thì đổ vào sông Trác Thủy. Tại đây còn có thành cổ Trác Lộc, cách Quy Châu 50 dặm về phía đông nam, là kinh đô xưa của Hoàng Đế.

Một khả năng nữa là cả ba địa điểm trên đều đúng, như cả Khổng Tử và Tư Mã Thiên dường như đã chấp thuận rằng những gì diễn ra là một chuỗi ba trận chiến giữa Hoàng Đế và Viêm Đế.

Tiếp theo là trận Trác Lộc giữa đội quân của Xi Vu và liên minh giữa Hoàng Đế và một số bộ lạc chư hầu trên vùng bình nguyên cận kề.<sup>[5]</sup>

## Ghi chú

- <sup>1</sup> <sup>^</sup> *abcd efghi* Tư Mã Thiên, Ngũ Đế bản kỷ - Hoàng Đế, *Sử ký*.
- <sup>2</sup> <sup>^</sup> Tư Mã Trinh, Hoàng bản kỷ - Thần Nông thị, bổ sung cho *Sử ký*.
- <sup>3</sup> <sup>^</sup> Khoảng khu vực nay là các huyện Hoài An, Hoài Lai, Trác Lộc, tỉnh Hà Bắc.
- <sup>4</sup> <sup>^</sup> Nay là huyện Trác Lộc, tỉnh Hà Bắc.
- <sup>5</sup> <sup>^</sup> Wu K. C., 1982. *The Chinese Heritage*. New York: Crown Publishers. ISBN 051754475X, ISBN 9780517544754. Tr. 57, dẫn chiếu *Đại Đới Lễ ký* (大戴禮記),..., quyển 11, thiên 75: *Dụng binh*; và *Sử ký*.

### Thể loại:

Chiến tranh trong thần thoại

Xung đột thiên niên kỷ 3 TCN

Thần thoại Trung Hoa

Trang này được sửa đổi lần cuối vào ngày 5 tháng 11 năm 2021, 12:01.

---

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

SI VUU



Si Vuru được tả lại trên bức lăng mộ phù điêu của triều đại nhà Hán

Tên tiếng Nhật

Kanji 蚩尤

Hiragana しゅう

hiện Chuyển tự

Tên tiếng H'Mông

H'Mông Txiv Yawg

---

] Chữ Si Vuru: Si: 嗤 Si: Chê cười. Vuru 尤 *oán trách* ( 嗤: Si: Xi; Xuy)

Si: 嗤 = 口 + 山 + 虫: **Khẩu** là miệng cười 山: **Son** Là Núi, 虫: **Trùng** là loài sâu bọ ( Lấy núi đè lên Si Vuru coi như loài sâu bọ! )

**Đây là cung cách Hán Nho thuộc nòi bạo tàn Du mục hạ bộ Lãnh tụ khoan nhu của Nông nghiệp ( Lời người trích đăng )**

---

Si Vuru (chữ Hán: 蚩尤), cũng đọc là **Xuy Vuru** hay **Si Vuru**, là một anh hùng cổ xưa của người Miêu ở Trung Quốc. Si Vuru cùng với Hoàng Đế và Viêm Đế được coi là một trong ba quốc



phụ vĩ đại của Trung Quốc. Là thủ lĩnh bộ lạc Cửu Lê (九黎)<sup>[1]</sup> và được biết đến nhiều do đã chiến đấu với Hoàng Đế trong trận Trác Lộc trong truyền thuyết Trung Quốc.<sup>[1][2]</sup> Trong những truyền thuyết liên quan, Si Vưu đã thể hiện được uy lực trong chiến tranh, từ đó tên gọi Si Vưu cũng trở thành đồng nghĩa với từ "chiến tranh" trong tiếng Hán, những người tôn trọng thì xem ông như là chiến thần, còn những người bài xích thì xem ông như là một người gây họa<sup>[3]</sup>.

Đối với người Miêu, "Txiv Yawg" (IPA: /cʰi jai/) là một vị vua thần thoại có tính khôn ngoan. Người ta tin rằng ông là thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc được hình thành bởi một số bộ lạc ở miền nam Trung Quốc khoảng 5000 năm trước.<sup>[4]</sup> Nguồn gốc của Si Vưu phức tạp và gây tranh luận, ông có thể thuộc tộc Miêu (H'Mông),<sup>[4]</sup> Đông Di,<sup>[1]</sup> hay thậm chí là Man<sup>[4]</sup>, tùy theo nguồn và nhận định. Ngày nay, Si Vưu vẫn giữ một vị trí quan trọng trong thần thoại và phong tục của người Miêu.

## Khái quát truyền thuyết

Trong lịch sử Trung Quốc, cổ tịch từ thời Xuân Thu đã có ghi chép tương đối phong phú về truyền thuyết Xi Vưu, song thường có mâu thuẫn. Theo các ghi chép này, Xi Vưu là lãnh tụ bộ lạc Cửu Lê thời thượng cổ.<sup>[5][6][7]</sup> Có học giả chiếu theo Dật Chu thư (逸周书)<sup>[8]</sup> Diêm Thiết luận (盐铁论)<sup>[9]</sup> phỏng đoán rằng Xi Vưu thuộc tập đoàn thị tộc Thái Hao, Thiếu Hao.<sup>[10]</sup> Xi Vưu có 81 người anh em (khả năng có ý chỉ 81 bộ lạc, có thuyết nói là 72<sup>[11]</sup>) kiên dũng thiện chiến, thế lực lớn mạnh.<sup>[12]</sup>

Trong một tình tiết thần thoại, sau khi Xi Vưu tuyên bố rằng mình không thể bị chế ngự,<sup>[2]</sup> Nữ Oa đã ném một phiến đá từ Thái Sơn vào Xi Vưu. Xi Vưu không thể nghiền nát phiến đá, song vẫn có thể xoay xở để thoát ra. Từ đó về sau, các khối đá có hình năm ngón tay, được khắc chữ "Thái Sơn thạch cảm đương" (泰山石敢当, phiến đá Thái Sơn) trở thành một vũ khí tinh thần của người Hán trong việc xua đuổi cái ác và tai họa.<sup>[2][13]</sup>

Trong rất nhiều cổ tịch có đề cập đến việc Xi Vưu chiến đấu với Hoàng Đế-thủ lĩnh một liên minh bộ lạc, tình huống cụ thể thì có ba thuyết:

- Thuyết thứ nhất thấy trong Sử ký Tư Mã Thiên, phần "Ngũ Đế bản kỷ", theo đó thì sau khi Hoàng Đế chiến thắng trước Viêm Đế trong trận Phán Tuyên (阪泉之战), Xi Vưu làm loạn, Hoàng Đế đã đánh bại Xi Vưu trong trận Trác Lộc (涿鹿之战), do đó củng cố địa vị thiên tử.<sup>[14]</sup>
- Thuyết thứ hai ghi trong Dật Chu thư, phần "Thường mạch thiên", theo đó Xi Vưu đã đánh đuổi Xích Đế (Viêm Đế), Xích Đế xin Hoàng Đế trợ giúp, Nhị Đế liên thủ giết chết Xi Vưu ở Trung Ký.<sup>[15]</sup>
- Thuyết thứ ba được ghi trong Sơn hải kinh, phần "Đại hoang Bắc kinh", theo đó Xi Vưu đưa binh tiến đánh Hoàng Đế, Hoàng Đế lệnh cho Ứng Long (应龙) nghênh chiến, hai bên tiến hành đại chiến trên cánh đồng ở Ký Châu, Xi Vưu bại trận và bị giết.<sup>[16]</sup>

Mặc dù các thuyết trên luôn có một vài điểm khác biệt, song hầu hết đều xuất hiện chi tiết Xi Vưu giao chiến với Hoàng Đế. Quá trình chiến tranh cũng phức tạp, và mang sắc thái thần thoại ở mức độ cao. Xi Vưu thiện chiến, "chế tạo năm loại binh khí, biến đổi mây mù", "làm ra sương mù dày đặc, trọn ba ngày", Hoàng Đế "chín lần chiến thì chín lần không thắng"<sup>[17]</sup> "ba năm không hạ được thành".<sup>[18]</sup> Sử ký dẫn từ Ngư Long hà đồ (魚龍河圖) chép rằng Hoàng Đế không địch nổi Xi Vưu, bèn "ngược lên trời mà than thở, ông trời sai Huyền Nữ xuống ban cho Hoàng Đế binh lính được thần thánh phù trợ".<sup>[19]</sup> Sau cùng, nhờ có lực lượng của Huyền Nữ mà Hoàng Đế đã giành được chiến thắng.<sup>[17][19][20]</sup>

Một thuyết thì cho rằng Xi Vưu dùng yêu thuật tạo ra sương mù dày đặc làm quân của Hoàng Đế mất phương hướng, Hoàng Đế liền dùng Chi Nam xa dẫn đường để đuổi giết Xi Vưu, giành được thắng lợi.<sup>[21][22]</sup>

## Cái chết

---

Về kết cục của Xi Vưu, các truyền thuyết đa phần nói rằng bại binh và bị giết,<sup>[14][15][16]</sup> song cũng có thể đã thần phục Hoàng Đế, và trở thành tướng quân sự.<sup>[19]</sup>

Theo ghi chú của họa gia La Sính (罗聘) thời Thanh: "Hoàng Đế đã hạ lệnh cho quân lính chặt đầu Xi Vưu... thấy rằng đầu của Xi Vưu đã bị tách khỏi phần thân, sau đó Hoàng Đế đã cho khắc hình tượng của Xi Vưu lên các chén thiêng nhằm cảnh báo những người có lòng thèm muốn quyền lực và giàu sang."<sup>[23]</sup> Hoàng Đế chiến đấu với Xi Vưu là một sự kiện cực kỳ quan trọng trong truyền thuyết Trung Quốc. Sau khi Hoàng Đế giành được thắng lợi đã thống nhất khu vực Trung Nguyên, trở thành thủy tổ của tộc Hoa Hạ.

Cũng do đó, các sử tịch Hán văn, đặc biệt là điển tịch Nho giáo- vốn chiếm thế chủ lưu trong một thời gian dài, xem Xi Vưu là một nhân vật xấu xa<sup>[14][24]</sup> mặc dù điều này không hoàn toàn công bằng.<sup>[25]</sup> Về sau, Xi Vưu dần bị thần hóa, trở thành nhân vật có hình tượng "đầu đồng trán sắt", "tám tay tám chân", "thân người móng trâu, bốn mắt sáu đầu", và "ăn cát sỏi".<sup>[12][26][27]</sup>

Sau khi Xi Vưu bại trận, người trong bộ tộc Cửu Lê lưu tán, một bộ phận quy phục Hoàng Đế, một bộ phận di cư đến nơi khác.

## Khảo chứng

---

## GIAI ĐOẠN HUYỀN SỬ

### XI (SI: XUY) VUÙ CÙNG VIÊM ĐẾ

Xi Vưu và Viêm Đế có quan hệ phức tạp, các thuyết có sự khác biệt. Có một loại quan điểm nhận định Xi Vưu có khả năng từng thân thuộc Viêm Đế hoặc từng gia nhập và liên minh bộ lạc mà Viêm Đế làm thủ lĩnh.<sup>[28]</sup> Nhưng sau đó giữa Xi Vưu và Viêm Đế đã phát sinh xung đột gay gắt, và kết quả là Viêm Đế đại bại.<sup>[15]</sup>

Một số nhà sử học mà đại diện là Hạ Tăng Hưu (夏曾祐), Đình Sơn (丁山), Lã Tư Miễn (吕思勉) thì nhận định rằng Xi Vưu là Viêm Đế. Họ chủ yếu căn cứ theo ghi chép về Trác Thủy trong Thủy Kinh Chú (水经注)<sup>[29]</sup> đưa ra nhận định rằng nơi giao chiến giữa Xi Vưu và Hoàng Đế (ở Trác Lộc) và nơi giao chiến giữa Viêm Đế và Hoàng Đế (ở Phán Tuyên) thực ra là một nơi, hai trận chiến thực ra chỉ là một, biểu hiện của Xi Vưu và Viêm Đế cũng tương đồng.<sup>[30][31][32]</sup> Thêm vào đó, Xi Vưu và Viêm Đế đều lấy ngưu làm vật tổ.<sup>[33][34]</sup>

Cũng có quan điểm rằng Xi Vưu xuất hiện sau Viêm Đế.<sup>[35][36][37]</sup> Hai người này cùng thuộc một bộ tộc, đều là tước hiệu thủ lĩnh hoặc là thủ lĩnh của bộ tộc đó. Sau khi Hoàng Đế đánh bại bộ tộc Viêm Đế, bộ tộc Xi Vưu hoạt động với tư cách là hậu thế, vì muốn báo thù nên đã giao chiến với Hoàng Đế trong đại chiến Trác Lộc, sau khi chiến bại, thủ lĩnh bị bắt giết, một bộ phận tộc nhân quy thuận Hoàng Đế.<sup>[38]</sup>

### XI VUÙ VỚI HÒANG ĐẾ

Trong một thời gian dài, tư tưởng Nho giáo là chủ lưu trong xã hội Trung Quốc, trước sau như một đều nhấn mạnh quan niệm "chính thống", sử gia lại có truyền thống "thắng làm vua, thua làm giặc". Việc Hoàng Đế chiến thắng Xi Vuu dần được mô tả là chiến tranh giữa chính nghĩa và tà ác, chẳng hạn như trong "Sử ký-Ngũ Đế bản kỉ", lưu truyền sâu rộng.

Trong các tư liệu văn hiến phi Nho giáo như "Dật Chu thư", "Sơn Hải kinh", sự kiện Xi Vuu giao chiến với Hoàng Đế được miêu tả tương đối khách quan.<sup>[151][16]</sup> Trong kinh điển Trang tử của Đạo giáo, mượn lời của Đạo Chích mà bày tỏ đồng tình với Xi Vuu và khiển trách Hoàng Đế.<sup>[39]</sup>

Thêm vào đó, Xi Vuu và Hoàng Đế ngoài quan hệ đối địch ra, còn có thể đã có quan hệ thần thuộc. Hoàng Đế từng sai khiến Xi Vuu làm chủ quản việc luyện kim, phụ tá Thiếu Hạo.<sup>[40]</sup> Thời Xuân Thu, danh tướng nước Tề là Quản Trọng thì cho rằng Xi Vuu là người đứng đầu trong "lục tướng" của Hoàng Đế, địa vị rất cao.<sup>[41]</sup> Thời Chiến Quốc, Hàn Phi cũng có các ghi chép tương tự, song mang nhiều sắc thái thần thoại hơn.<sup>[42]</sup>

## XI VUU VỚI CỬU LÊ, TAM MIÊU

Xi Vuu là thủ lĩnh của Cửu Lê (九黎), việc này có rất nhiều ghi chép và thậm chí còn có tranh luận.<sup>[43][44]</sup> Xi Vuu là đại diện cho Cửu Lê và có quan hệ với một liên minh bộ lạc khác là Tam Miêu (三苗). Căn cứ theo "Thượng thư" và "Quốc ngữ" cùng nhiều loại thư tịch cổ, Tam Miêu bắt nguồn từ Cửu Lê, và là hậu thế của Cửu Lê.<sup>[45][46][47]</sup> Cửu Lê chiến bại, tộc nhân lưu tán, phát triển thành Tam Miêu.<sup>[48]</sup> Tuy nhiên, có nhiều học giả bất đồng về điều này và nhận định rằng Cửu Lê và Tam Miêu không có nguồn gốc với nhau.<sup>[49][50][51]</sup> Một cách giải thích khác là Xi Vuu là tên hiệu cộng đồng của thủ lĩnh quân sự liên minh bộ lạc, do vậy là hậu duệ của Viêm Đế, cũng là thủ lĩnh tập đoàn Lương Hạo (Thái Hạo, Thiếu Hạo), cũng là quân chủ Cửu Lê, sau đó tập đoàn Tam Miêu noi theo sử dụng tước hiệu này.<sup>[3]</sup>

## XI VUU VỚI ĐÔNG DI

Người ngày nay thường nói Xi Vuu là thủ lĩnh Đông Di. Kỳ thực, "Đông Di" là cách xưng hô sau khi hình thành mô hình "Hoa Di ngũ phương" thời Thương Chu, cách xa thời đại của Xi Vuu, hoặc nói Đông Di là hậu duệ của Xi Vuu, điều này có vẻ thích hợp hơn.<sup>[52]</sup>

## DÂN TỘC HẬU THẾ

Căn cứ theo một số sử thi, ca dao, truyền thuyết của người Miêu, Xi Vuu là đại Tổ thần của tộc người này, có địa vị hết sức cao quý. Một số học giả, đặc biệt là học giả người Miêu đề xuất rằng, tổ tiên của người Miêu vào thời thượng cổ ban đầu cư trú tại lưu vực Hoàng Hà, do bị tộc Hoa Hạ đánh bại, bị buộc phải thiên di đến khu vực Quý Châu, tây bộ tỉnh Hồ Nam và tây nam bộ tỉnh Hồ Bắc ngày nay.<sup>[38][53]</sup>

Sau khi Xi Vuu bại trận, một bộ phận tộc nhân dung hợp vào tập đoàn Viêm Hoàng, do đó trở thành một bộ phận của tộc Hoa Hạ, cũng là tổ tiên của người Hán ngày nay. Một số họ của người Hán có khả năng có liên hệ với Xi Vuu, như Trâu<sup>[54]</sup>, Đồ (屠)<sup>[54]</sup>, Lê (黎)<sup>[55]</sup>, Xi (蚩).<sup>[56]</sup>

Căn cứ theo "Hậu Hán thư-Tây Khương truyện", một bộ phận tộc nhân Tam Miêu đã di chuyển về hướng tây.<sup>[57]</sup> Do vậy nếu thừa nhận Xi Vuu và Tam Miêu (三苗) có quan hệ thì Xi Vuu chính xác là tổ tiên của người Hmong.

Phân chi Đông Bắc Di của Đông Di có thể có khả năng có quan hệ với Phù Dư và có thể là cả Cao Câu Ly.<sup>[52]</sup> Năm 1979, tại Hàn Quốc xuất hiện một quyển sách lịch sử gây tranh cãi là Hoàn Đán cổ ký (桓檀古記, 환단고기), trong đó Xi Vưu được xem là Từ Ô Chi Hoàn Hùng (慈烏支桓雄, 자오지 환웅), đại quân chủ thứ 14 của Bột Đạt Quốc (倍達國, 배달국) trên bán đảo Triều Tiên.

## SÙNG BÁI XI VU

### KHU VỰC NGƯỜI HÁN

Mặc dù Xi Vưu là nhân vật phản diện trong các điển tịch Nho giáo, song trong dân gian vẫn duy trì truyền thống thờ phụng Xi Vưu, khu vực các tỉnh Hà Bắc và Sơn Tây ở Hoa Bắc có hoạt động thờ phụng tương quan. Như Nhâm Phưởng (任昉) thời Nam triều có ghi trong "Thuật dị chí" (述異志) rằng Ký châu (nay là Hà Bắc) có nhạc danh (Xi Vưu hí), người dân đầu đội sừng trâu và giữ thăng bằng. Tại một thôn ở Thái Nguyên có tế thần Xi Vưu.<sup>[58][59]</sup> Tần Thủy Hoàng tự mình tế Xi Vưu, xem là một trong tám chiến thần.<sup>[60]</sup> Các bậc đế vương và võ tướng sau này trước khi xuất chinh thường tế bái Xi Vưu để cầu xin sự phù hộ.<sup>[61][62][63]</sup>

Theo truyền thuyết, sau khi chiến bại, Xi Vưu bị chặt đầu, ngoài ra còn có nhiều mộ được cho là của Xi Vưu, tức "Xi Vưu chũng" (蚩尤冢), có người dân cúng tế.<sup>[64][65]</sup> Ở huyện Cự Dã thuộc tỉnh Sơn Đông có "mộ Xi Vưu" và "quảng trường Xi Vưu".<sup>[66]</sup>

Căn cứ vào việc Xi Vưu là một trong lục tướng của Hoàng Đế, đứng đầu trong việc quản lý thời tiết, tên gọi này đã được đặt cho một loại hình nhất định trong chiêm tinh học, gọi là "Xi Vưu kỳ". Căn cứ theo Lã thi Xuân Thu,<sup>[67]</sup> Sử ký,<sup>[68]</sup> Tùy thư<sup>[69]</sup> và các văn hiến khác miêu tả, Xi Vưu kỳ ứng chỉ một số loại sao chổi nhất định, là dấu hiệu của chiến tranh.<sup>[68]</sup>

### NGƯỜI MIÊU

Trong khi người Hán tự nhận là con cháu của Viêm Hoàng, người Miêu tiếp tục xem Xi Vưu là tổ tiên của mình. Một bộ phận người Miêu lưu truyền truyền thuyết "Gid Chib Yeul Laol", trong đó "Gid Chib" ý chỉ ông hay người già, "Yeul Laol" ý chỉ anh hùng, vẫn còn có tranh luận về việc nó có phải ám chỉ đến Xi Vưu hay không.<sup>[70]</sup> Ở các vùng người Miêu tại Kiểm Đông Nam thuộc tỉnh Quý Châu và huyện Dung Thủy thuộc Quảng Tây, cứ mỗi sáu năm hoặc mười năm lại cử hành một lần nghi thức tế tổ Chiguzang (吃鼓藏, Cật Cổ Tang) với quy mô lớn, đầu tiên là tế thủy tổ "Khuông Vưu" (姜尤). Ở Kiểm Nam thuộc tỉnh Quý Châu có sử thi "Bảng Xi Vưu" (榜蚩尤), kể về truyện cũ của vị tổ tiên đệ nhất Hương Vưu (香尤).<sup>[53]</sup>

Người Miêu ở Mã Quan, Vũ Định có phong tục "khiêu nguyệt" (跳月) (Hauv toj) hoặc "thải hoa sơn" (踩花山), truyền thuyết của phong tục này và Xi Vưu có quan hệ mật thiết. Đường thời, Xi Vưu lãnh đạo dân Miêu chống lại việc Hoàng Đế đông tiến, sau khi thất bại thì rút vào núi sâu. Nhằm triệu tập người Miêu ở tứ phương, Xi Vưu dựng cây gậy gỗ trên núi, cho treo dải lên, lệnh cho nam nữ ca múa xung quanh cây gậy hoa, thổi lô sanh (芦笙, một loài khèn của người Miêu). Khung cảnh náo nhiệt đã thu hút nhiều người Miêu tụ hội, tập hợp lại và nhập quân chiến đấu chống lại người Hán. Về sau, nó đã trở thành một hội hát múa lớn, trở thành tiết truyền thống của người Miêu.<sup>[71]</sup>

Người Miêu có phong tục thờ cúng cây phong, thậm chí lấy cây phong làm vật tổ.<sup>[72]</sup> Điều này cũng có thể liên quan đến Xi Vu<sup>[73]</sup> Sử thi "Phong mộc ca" của người Miêu nói rằng tộc người Miêu và thậm chí là cả nhân loại đều được tạo ra từ cây phong.<sup>[72]</sup>

## TRONG VĂN HỌC

---

Trong tiểu thuyết "Xi Vu Thiên hoàng" (蚩尤天皇, 치우천왕기) xuất bản tại Hàn Quốc năm 2007, Xi Vu được viết là Tổ tiên của dân tộc Triều Tiên và đã đánh thắng Hoàng Đế. Cuốn tiểu thuyết này gây ra phản ứng tiêu cực từ phía Trung Quốc vì cho rằng nó bóp méo lịch sử.<sup>[74]</sup>

---

Theo dõi nhưng giòng Huyền sử trên, nếu chúng ta không phân biệt được sự khác biệt giữa Huyền sử và Lịch sử thì khó nhận ra ý nghĩa đích thực của Huyền sử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA T.G. KIM ĐỊNH

**Si Vu** là lãnh tụ của các chủng Đại Việt như Cưu Lê, Tam miêu, Đông Di ... **thuộc Văn hóa Nông nghiệp**, các chủng tộc đã định cư lâu đời giữa hai dòng sông Hoàng Hà và Dương Tử thuộc nền Văn Hóa Nông nghiệp .

Còn **Hiên Viên** là lãnh tụ Du mục từ Tây Bắc tràn vào khu vực sông Hoàng Hà rồi tràn xuống vùng Sông Dương Tử, thôn tính các chủng Việt ( theo các nhà Văn hóa Tây phương có đến 800 ethnical groups ) mà lập nên các triều đại Hoa Hán và tôn xưng là Hiên Viên Hoàng đế sau Họ Hồng Bàng 182 năm. **thực ra Hiên viên chỉ là Đế . chỉ đi chinh phục , chứ không thể là Hoàng , vì Hiên Viên không sáng tạo ra Văn Hóa, nên không thể xếp lên ngôi Hoàng .**

**Vậy cuộc chiến giữa Si Vu và Hoàng Đế thực ra là cuộc chiến giữa hai nền Văn Hóa :**

**Văn Hóa Nông nghiệp mang tính chất “ Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô Đạo, Nam phương chi cường giả, Quân tư cư chi “ của Nông nghiệp mà Đức Khổng Tử thuật lại từ nền Văn Hóa phương Nam của Việt Tổ Viêm Đế Thần Nông .**

**Còn Hiên Viên Hoàng đế là lãnh tụ Du mục từ phương Tây tràn qua vùng miền Bắc của Trung Hoa, nền Văn Hóa Du mục mang tính chất Bạo động , gây Chiến tranh, cướp bóc và bành trướng, nên mới có câu:**

**“ Partout le Delicat est toujours vaincu par le Grossier “ : Hầu hết trong Lịch sử nhân loại thành phần khoan nhu đều bị đánh bại bởi thành phần bạo động thô lỗ . do đó mới có câu : Dĩ Cường lạng Nhược; Mạnh được Yếu thua: Cá Lớn nuốt cá Bé “**

---

## GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

Lịch sử chiến tranh Việt Nam–Trung Quốc là những cuộc xung đột, chiến tranh, từ thời cổ đại đến thời hiện đại giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Những xung đột đó được biết đến từ những truyền thuyết truyền miệng thời xa xưa, như truyền thuyết thời Hồng Bàng, quốc gia Văn Lang của Hùng Vương phải phòng vệ trước sự xâm lược của nhà Ân.

Nhà Tần sau khi thôn tính các quốc gia Trung Nguyên đã tiếp tục tràn xuống phía nam sông Trường Giang, xâm chiếm lãnh thổ các bộ lạc Bách Việt trong đó có Âu Lạc, Thục Phán đã lãnh đạo thành công cuộc chiến 10 năm bảo vệ lãnh thổ (218-208 TCN), nhưng sau đó bị mắc bẫy nên mất quyền cai trị đất nước vào tay nhà Triệu năm 179 TCN (hoặc 207 TCN). Từ đây vùng lãnh thổ độc lập của người Việt phải chịu tình trạng thuộc địa của các triều đại phương bắc Trung Quốc trong 10 thế kỷ (179 TCN- 905 hoặc 111 TCN - 905).<sup>[1]</sup> Các triều đại của Trung Quốc từng kiểm soát lãnh thổ thuộc Việt Nam ngày nay là Tây Hán (111 TCN-9), Tân (9-23), Đông Hán (23-220) (gián đoạn 40-43 khởi nghĩa Hai Bà Trưng), Đông Ngô (222-280), Tây Tấn (280-316), Đông Tấn (317-420), Lưu Tống (420-479), Nam Tề (479-502), Lương (502-557), Trần (557-589), Tùy (581-619), Đường (618-905).

Người Việt giành được độc lập tự chủ, kết thúc thời kì Bắc thuộc có thể từ năm 905 khi Khúc Thừa Dụ giành quyền tự chủ, hay năm 938 khi Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán. Người Việt giành được tự chủ cho mình, nhưng trong suốt hơn 1000 năm tiếp theo cho đến hiện tại xảy ra nhiều cuộc chiến tranh giữa hai quốc gia.

*Bài chi tiết: Các cuộc chiến tranh liên quan đến Việt Nam*

Thời kỳ đầu

---

## **1.- Chiến tranh TÂN VIỆT**

### **Chiến tranh Tần - Việt (221 TCN - 214 TCN)**

Sau khi tiêu diệt 6 nước Son Đông, thống nhất Trung Quốc và lên ngôi hoàng đế, Tần Thủy Hoàng tiếp tục ý định mở rộng lãnh thổ về phía nam, Thủy Hoàng sai Đồ Thư mang 50 vạn quân tiếp tục đánh chiếm những vùng đất phía nam. Cuộc chiến kết thúc năm 208 TCN và "kéo dài 10 năm", xác định rằng thời điểm Tần Thủy Hoàng phát binh đánh Bách Việt khoảng năm 218 - 217 TCN.

Cuộc chiến chống Tần của người Bách Việt kéo dài trong khoảng 10 năm, trong đó người Âu Việt đụng độ quân Tần trong khoảng 6 năm (từ năm 214 TCN). Các tộc người Đông Việt, Mân Việt, Nam Việt... đã bị chinh phục nhưng người Âu Việt đã chiến thắng. Bước nam tiến của nhà Tần bị chặn lại sau thiệt hại nặng trong cuộc đụng độ này cùng cái chết của tướng Đồ Thư. Theo các sử gia Việt Nam hiện đại, gần như cùng thời điểm đó, sau cuộc chiến chống Tần thắng lợi, thủ lĩnh người Việt là Thục Phán đã thay thế Hùng Vương của nước Văn Lang, thống nhất Âu Việt và Lạc Việt, thành lập nước Âu Lạc vào khoảng năm 207 TCN.

## **2.- Chiến tranh TÂY HÁN - NAM VIỆT ( 111 TCN )**

Mùa đông năm 111 TCN, tướng nhà Hán là Dương Bộc đem 9000 tinh binh hãm Tầm Hiệp, phá Thạch Môn lấy được thuyền thóc của quân Triệu, kéo luôn cả các thuyền ấy đi, đem mấy vạn người đơi Lô Bác Đức. Bác Đức cùng Bộc hội quân tiến đến Phiên Ngung.

Lữ Gia và vua Triệu sau đó đều bị quân Hán giết. Dựa trên hệ thống các đền, miếu, đình, chùa thờ Lữ Gia, phu nhân và các tướng lĩnh của ông rải rác trên khắp vùng đồng bằng sông

Hồng ở miền Bắc Việt Nam, rất có thể cuộc kháng chiến chống nhà Tây Hán còn kéo dài đến năm 98 TCN.

Sau khi Phiên Ngung thất thủ, Tây Vu Vương (thủ lĩnh đất tự trị Tây Vu của xứ nước Âu Lạc cũ với trung tâm là Cổ Loa) đã nổi dậy chống lại nguy cơ Bắc thuộc trước sự xâm lăng của nhà Tây Hán. Tả tướng Hoàng Đồng (黃同) của hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đã giết chết Tây Vu Vương để hàng Hán.

Thời Bắc thuộc

*Xem thêm: Bắc thuộc, Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất, Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ hai, Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba, và Thời kỳ Bắc thuộc lần thứ tư*

---

### 3.- Chiến tranh HÁN-LĨNH NAM ( 42-43 )

Năm 40 sau công nguyên, thì cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng là người Việt nổi dậy, phần đất thuộc bộ Giao Chỉ (gồm 4 quận Hợp Phố tức Quảng Tây, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam) tách ra khỏi lãnh thổ nhà Đông Hán, trở thành một vùng đất độc lập. Trưng Trắc và Trưng Nhị lấy đất Mê Linh làm kinh đô, phong chức quyền cho những người cùng tham gia khởi nghĩa. Chính quyền của 2 bà tuy còn sơ khai nhưng cũng đã là một nhà nước độc lập, tự chủ.

Tới năm 42 sau công nguyên, nhà Hán - Trung Quốc do Mã Viện cầm đầu đã đưa quân sang đánh, chính quyền của Hai Bà Trưng bị thất bại, người Việt lại tiếp tục bị Trung Quốc đô hộ.

---

### 4.- Chiến tranh ĐÔNG NGÔ –VIỆT ( 248 )

*Bài chi tiết: Bà Triệu*

Năm Mậu Thìn (248), thấy quan lại nhà Đông Ngô (Trung Quốc) tàn ác, dân gian khổ sở, Bà Triệu bèn bàn với anh việc khởi binh chống lại.

Từ hai căn cứ núi vùng Nưa và Yên Định, hai anh em bà dẫn quân đánh chiếm quận lỵ Tu Phố nằm ở vị trí hữu ngạn sông Mã. Đây là căn cứ quân sự lớn của quan quân nhà Đông Ngô trên đất Cửu Chân, đứng đầu là Tiết Kính Hàn. Thừa thắng, lực lượng nghĩa quân chuyển hướng xuống hoạt động ở vùng đồng bằng con sông này.

Những trận đánh ác liệt đã diễn ra tại căn cứ Bồ Điền. Song do chênh lệch về lực lượng và không có sự hỗ trợ của các phong trào đấu tranh khác nên căn cứ Bồ Điền bị bao vây cô lập, và chỉ đứng vững được trong hơn hai tháng.

Bà Triệu chống đỡ với quân Đông Ngô được năm sáu tháng thì thua. Bà Triệu đã tuần tiết trên núi Tùng. Nước Việt lại bị nhà Đông Ngô đô hộ.

---

### 5.- Chiến tranh LƯƠNG –VẠN XUÂN (541-602

## **Lý Nam Đế**

Năm 541, Lý Bí nổi dậy khởi nghĩa, đã đánh đuổi được thứ sử Tiêu Tư nhà Lương, sau 3 lần đánh bại quân Lương những năm kế tiếp, Lý Bí tự xưng đế tức là Lý Nam Đế, lập ra nước Vạn Xuân vào năm 544. Đến năm 545, nhà Lương cử Trần Bá Tiên và Dương Phiêu sang đánh nước Vạn Xuân, Lý Nam Đế bị thua trận, giao lại binh quyền cho Triệu Quang Phục. Sau khi Lý Nam Đế mất, Triệu Quang Phục đánh đuổi được quân Lương vào năm 550, bảo vệ được nước Vạn Xuân. Ông tự xưng là Triệu Việt Vương, đến năm 571 một người cháu của Lý Nam Đế là Lý Phật Tử đã cướp ngôi Triệu Việt Vương, tiếp tục giữ được sự độc lập cho người Việt thêm 30 năm đến khi nhà Tùy sang đánh năm 602.

---

## **6.- Chiến tranh TÙY-VẠN XUÂN (602 )**

### **Hậu Lý Nam Đế và Chiến tranh Tùy-Vạn Xuân**

Năm 602, nhà Tùy sai Lư Phương đem quân 27 dinh sang đánh nước Vạn Xuân. Vua đời thứ ba của Vạn Xuân là Lý Phật Tử sợ giặc và đầu hàng, bị bắt sang Trung Hoa. Việt Nam vào thời kỳ Bắc thuộc lần thứ 3 mà trước hết là thuộc Tùy. Thời đó, Việt Nam bị xếp làm một châu của Tùy, gọi là Giao châu (交州). Trên đường đánh Lâm Ấp quay về, Lư Phương mắc bệnh chết.

Sau Lư Phương, đến Khâu Hòa được cử làm đại tổng quản. Năm 618, nhà Đường lật đổ nhà Tùy, lập ra nước Đại Đường. Khâu Hòa xin thần phục nhà Đường năm 622. Việt Nam thành thuộc địa của Đại Đường.

---

## **7.- Chiến tranh ĐƯỜNG-VIỆT**

### **Mai Hắc Đế, Phùng Hưng, và Họ Khúc (lịch sử Việt Nam)**

Khởi nghĩa Hoan Châu do Mai Thúc Loan lãnh đạo nổ ra vào năm Khai Nguyên thứ nhất đời vua Đường Huyền Tông ở Trung Hoa, tức năm Quý Sửu (713). Mai Thúc Loan đã giải phóng toàn bộ đất nước và giữ vững nền độc lập trong 10 năm (713-722).

Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-779), chưa rõ đích xác vào năm nào, nhân lòng căm phẫn của người dân, lợi dụng khi quân lính ở Tổng Bình (Hà Nội) nổi loạn, Phùng Hưng đã phát động một cuộc khởi nghĩa lớn chống chính quyền đô hộ.

Cuối thế kỷ 9, chính quyền trung ương nhà Đường suy yếu nghiêm trọng. Nạn cát cứ của quân phiệt địa phương ngày càng ác liệt. Khởi nghĩa Hoàng Sào (874-884) đã làm triều đình nhà Đường rung chuyển. Khúc Thừa Dụ, khi đó là Hào trưởng Chu Diên, được dân chúng ủng hộ, đã tiến quân ra chiếm đóng phủ thành Đại La (Tổng Bình cũ - Hà Nội), tự xưng là Tiết độ sứ.

---

## **8.- THỜI ĐỘC LẬP TỰ CHỦ (905-1407 )**



---

## Chiến tranh NAM HÁN –VIỆT (938 )

### Trận Bạch Đằng, 938



#### Mô hình chiến thắng Bạch Đằng 938

*Trận Bạch Đằng năm 938* là một trận đánh giữa quân dân Việt Nam - thời đó gọi là Tĩnh Hải quân và chưa có quốc hiệu chính thức - do Ngô Quyền lãnh đạo với quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Kết quả, quân dân Việt Nam giành thắng lợi. Đây là một trận đánh quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Nó đánh dấu cho việc chấm dứt hơn 1000 năm Bắc thuộc, nước Việt tiến vào thời kỳ xây dựng nhà nước phong kiến độc lập lâu dài.

---

### 9.- Chiến tranh TỐNG-ĐẠI VÔ VIỆT (981 )

*Chiến tranh Tống-Việt năm 981* là một cuộc chiến tranh giữa Đại Tống thời Tống Thái Tông và Đại Cồ Việt thời Lê Đại Hành diễn ra từ tháng 1 đến tháng 4 năm 981 trên lãnh thổ Đại Cồ Việt. Kết quả, quân dân Đại Cồ Việt đã đánh bại quân đội Đại Tống. Sau cuộc chiến này, năm 986, hoàng đế Đại Tống chấp nhận nhà Tiền Lê và ban chế phong cho Lê Đại Hành.

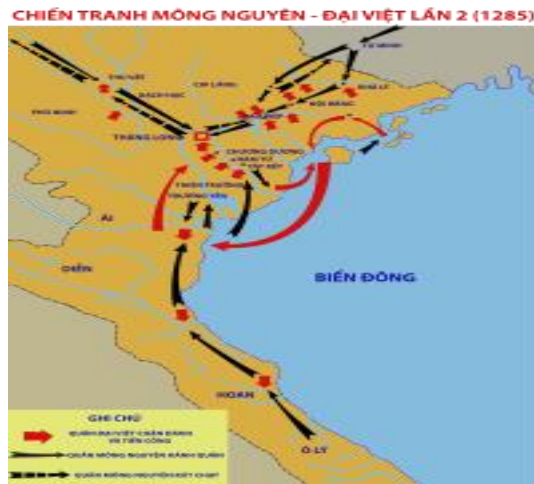
---

### 10.- Chiến tranh TỐNG-ĐẠI CỒ VIỆT (1075-1077)

*Chiến tranh Tống - Việt, 1075-1077* là tên gọi cuộc chiến tranh giữa nhà Lý nước Đại Việt và nhà Tống của Trung Quốc vào cuối thế kỷ XI. Giai đoạn đầu, tướng nhà Lý là Lý Thường Kiệt đã chủ động đánh đòn phủ đầu sang đất Tống trong chiến dịch 1075-1076 nhằm làm suy yếu binh lực của nhà Tống. Giai đoạn sau, quân Lý rút về lập tuyến phòng thủ trên bờ nam sông Như Nguyệt chống lại cuộc nam tiến của đại quân Tống trong năm 1076-1077. Trần Như Nguyệt kết thúc với chiến thắng của quân đội Đại Việt sau khi đã gây tổn thất lớn cho đại quân nhà Tống, buộc quân Tống phải tháo lui và Đại Việt bảo vệ được nền độc lập tự chủ của mình.

---

## 11.- Chiến tranh NGUYÊN MÔNG-ĐẠI VIỆT



Bản đồ mô tả cuộc kháng chiến lần thứ 2 chống quân Nguyên

*Chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt* hay *Kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông* (tên gọi ở Việt Nam) của một cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc của quân và dân Đại Việt đầu thời Trần dưới thời các vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông trước sự tấn công của đế quốc Mông Cổ. Tuy thời gian của cuộc kháng chiến bắt đầu từ năm 1258 đến năm 1288, nhưng thời gian chiến sự chính thức chỉ tổng cộng bao gồm khoảng gần 9 tháng, chia làm 3 đợt. Trước, giữa và sau các đợt chiến sự là thời gian tiến hành tích cực các hoạt động ngoại giao. Kết quả, Đại Việt bảo vệ được nền độc lập của mình, nhưng để tránh chiến tranh tái diễn, trên danh nghĩa phải chịu làm một xứ phụ thuộc vào đế quốc Mông Cổ. Thắng lợi quân sự của phía Đại Việt gắn liền với tên tuổi của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Lịch sử Việt Nam xem cuộc kháng chiến này là một trong những trang sử hào hùng nhất của mình.

---

## 12.- Chiến tranh MINH-ĐẠI NGU (1406-1407)

*Chiến tranh Minh - Đại Ngu*, hay thường được giới sử học Việt Nam gọi là *chiến tranh xâm lược của nhà Minh 1406-1407*, là cuộc chiến của nhà Hồ nước Đại Ngu chống cuộc xâm chiếm của nhà Minh dưới triều Minh Thành Tổ nhưng bị thất bại, Việt Nam một lần nữa rơi vào sự cai trị của Trung Quốc hay còn gọi là Bắc thuộc lần 4.

### **Bắc thuộc lần thứ tư (1407 - 1427)**

---

## 13.- Chiến tranh MINH-ĐẠI VIỆT

## **Khởi nghĩa Lam Sơn**

Sau thất bại của người Việt trước Trung Quốc trong thời nhà Hồ, Nhiều cuộc nổi dậy chống Minh, điển hình là nhà Hậu Trần, đã bị dẹp một cách tàn khốc. Liên tiếp 2 vua nhà Hồ, một vua nhà Hậu Trần bị bắt về Trung Quốc, vua Trùng Quang và các tướng đều tử tiết. Trương Phụ tàn sát những người lính theo quân khởi nghĩa và cả dân thường rất tàn bạo (chặt đầu, đốt xác, cuốn ruột vào cây...) để khủng bố tinh thần người Việt. Mặt khác, các tướng nhà Minh như Hoàng Phúc, Trương Phụ đã thiết lập bộ máy cai trị và huy động được một lực lượng người Việt giúp việc khá đặc lực như Mac Thúy, Lương Nhữ Hốt, Trần Phong...

Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) do Lê Lợi lãnh đạo nổ ra trong bối cảnh rất khó khăn, sau cùng kết thúc thắng lợi. Người Việt giành lại độc lập, nước Đại Việt phục hưng với sự ra đời của nhà Hậu Lê.

---

## **THỜI ĐỘC LẬP (1428 - 1858)**

---

### **14.- Chiến tranh THANH –ĐẠI VIỆT**

#### **Trận Ngọc Hồi - Đống Đa**

*Trận Ngọc Hồi - Đống Đa* (hay Chiến thắng Kỷ Dậu) là tên gọi do các nhà sử học Việt Nam dành cho loạt trận đánh chống ngoại xâm thắng lợi của nước Đại Việt thời Tây Sơn do vua Quang Trung lãnh đạo vào đầu năm Kỷ Dậu 1789, đánh tan hàng vạn quân Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy - kéo sang do sự cầu viện của vua Chiêu Thống nhà Hậu Lê.

Trận Ngọc Hồi - Đống Đa khẳng định sự tồn tại của nước Đại Việt trước họa xâm lược, chấm dứt sự tồn tại của nhà Hậu Lê. Chiến thắng này còn đánh dấu việc nhà Tây Sơn chính thức thay nhà Hậu Lê trong việc cai quản đất Bắc Hà và trong quan hệ với nhà Thanh.

---

## **THỜI PHÁP THUỘC**

---

### **15.- Chiến tranh PHÁP–THANH**

---

### **16.- THỜI HIỆN ĐẠI**

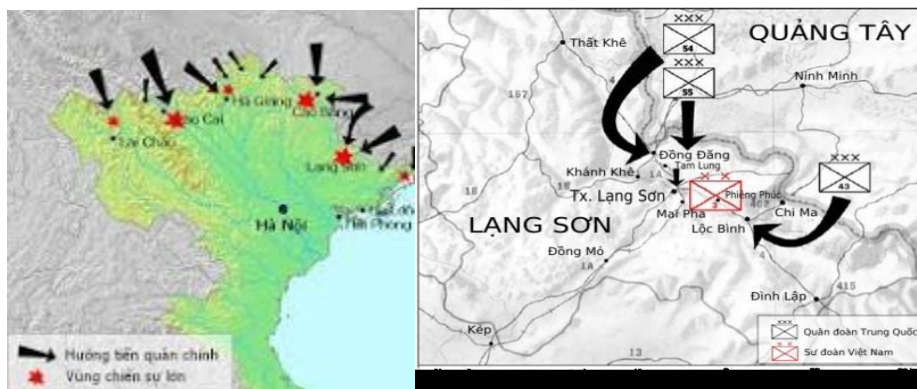
---

#### **Hải chiến HOÀNG SA (1974 )**

Sau trận chiến, Trung Quốc và Việt Nam vẫn có tranh chấp về đảo Hoàng Sa, cho dù đó là đảo của Việt Nam.

## 17.- Chiến tranh VIỆT NAM - TRUNG QUỐC (1979 ]

### Chiến tranh biên giới Việt-Trung 1979



Các hướng tiến công của Trung Quốc trên toàn tuyến biên giới năm 1979

Chiến tranh biên giới Việt - Trung, 1979 là một cuộc chiến ngắn nhưng khốc liệt giữa Trung Quốc và Việt Nam, nổ ra vào ngày 17 tháng 2 năm 1979 khi Trung Quốc đem quân tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới giữa hai nước. Chiến tranh biên giới Việt - Trung bắt nguồn từ quan hệ căng thẳng kéo dài giữa hai quốc gia, cuộc chiến kéo dài khoảng một tháng với thiệt hại nặng nề về người và tài sản cho cả hai phía. Cuộc chiến kết thúc khi Trung Quốc bị Việt Nam đẩy lui, hoàn thành rút quân vào ngày 18 tháng 3 năm 1979, sau khi chiếm được các thị xã Lang Sơn, Lào Cai, Cao Bằng, và một số thị trấn vùng biên giới. Việt Nam tuyên bố chiến thắng do đã đẩy lui được quân nam chinh Trung Quốc. Mục tiêu của Trung Quốc buộc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia không thành, nhưng cuộc chiến để lại hậu quả lâu dài đối với nền kinh tế Việt Nam và quan hệ căng thẳng giữa hai nước. Xung đột vũ trang tại biên giới còn tiếp diễn thêm 10 năm. Hơn 13 năm sau, quan hệ ngoại giao Việt-Trung chính thức được bình thường hóa.

## 18.- XUNG ĐỘT BIÊN GIỚI VIỆT – TRUNG (1979-1990)

Tiếp nối cuộc Chiến tranh biên giới Việt-Trung, 1979. Sau khi quân Trung Quốc rút khỏi Việt Nam tháng 3 năm 1979 sau cuộc chiến tranh biên giới, Trung Quốc tuyên bố họ không tham vọng dù "chỉ một tấc đất lãnh thổ Việt Nam". Trên thực tế, quân Trung Quốc chiếm đóng khoảng 60 km<sup>2</sup> lãnh thổ có tranh chấp mà Việt Nam kiểm soát trước khi chiến sự nổ ra. Tại một số nơi như khu vực quanh Hữu Nghị Quan thuộc Lang Sơn, quân Trung Quốc chiếm đóng các lãnh thổ không có giá trị quân sự nhưng có giá trị biểu tượng quan trọng. Tại các nơi khác, quân Trung Quốc chiếm giữ các vị trí chiến lược quân sự làm bàn đạp để từ đó có thể tiến đánh Việt Nam.

Việc Trung Quốc chiếm đóng các lãnh thổ biên giới làm cho Việt Nam căm giận, và giữa hai phía nổ ra một loạt trận giao tranh nhằm giành quyền kiểm soát các khu vực đó. Xung đột biên giới giữa

Việt Nam và Trung Quốc vẫn tiếp diễn cho đến năm 1988, cao điểm là các năm 1984-1985. Tới đầu những năm 1990, cùng với việc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia và Liên Xô sụp đổ, quan hệ giữa hai nước dần trở lại bình thường. Trung Quốc dần thực hiện việc rút quân khỏi các vị trí đã chiếm đóng của Việt Nam trong thời gian trước.

---

## 19.- Hải chiến TRƯỜNG SA (1988)

---

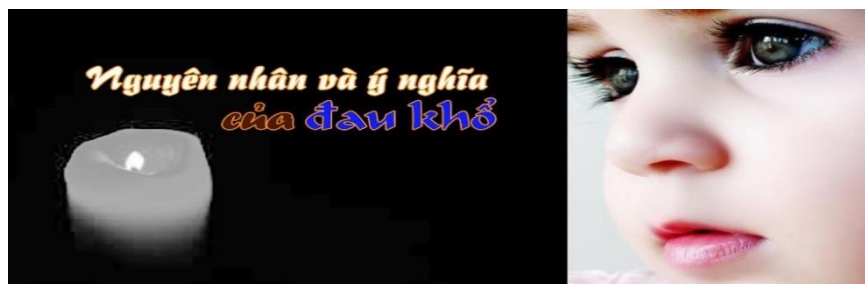
**Lịch sử chiến tranh Việt Nam-Chăm Pa**

**Lịch sử chiến tranh Việt Nam-Thái Lan**

**Chiến tranh Việt Nam-Campuchia**

---

## NGUYÊN NHÂN VÀ Ý NGHĨA CỦA SỰ ĐAU / KHỔ



**Đời là thung lũng nước mắt. Đời là bể khổ. Khổ thể xác. Khổ tinh thần.**

Đứng trước đau khổ, người ta thường than van, tuyệt vọng và thậm chí tìm đến cái chết. Họ tự tử bằng nhiều hình thức khác nhau : thắt cổ, uống thuốc độc, nhảy lầu, nhảy cầu... Vì sao ? Vì người ta không giải thích nổi về vấn đề đau khổ.

**Lẽ nào con người phải bẽ tắc trước đau khổ hay sao ? Không, chính Chúa Giêsu đã cho chúng ta câu trả lời thoả đáng. Ngài cho biết qua đau khổ mới tới vinh quang : « Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày, sống lại »(Mc 8,31). « Như ông Mô-sê đã giương cao con rắn trong sa mạc, Con Người**

**cũng sẽ phải được giương cao như vậy, để ai tin vào Người thì được sống muôn đời»(Ga 3, 13-14).**

Như vậy, đau khổ như là điều kiện để Chúa Giêsu bước vào vinh quang phục sinh. Đau khổ như là thành phần không thể thiếu đối với Chúa và đối với những người theo Chúa.

**« Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ mình, vác thập giá mình mà theo».**

Để hiểu rõ hơn về vấn đề đau khổ, nhất là để biến đau khổ thành vinh quang, chúng ta cùng nhau tìm hiểu : Nguyên nhân và ý nghĩa của đau khổ.

### **NGUYÊN NHÂN ĐAU / KHỔ**

Có nhiều nguyên nhân gây nên đau khổ, xin được đơn cử một số nguyên nhân sau đây :

: Sau khi phạm tội, Thiên Chúa đã cho Adong biết : «Người sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời người, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra. Đất đai sẽ trở sinh gai góc cho người, người sẽ ăn cỏ ngoài đồng. Người sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi trở về với đất, vì từ đất, người đã được lấy ra. Người là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất» (St 3,17-19).

Như vậy, phải làm việc cực nhọc và phải chết là do hậu quả của tội. Khi chọn tội con người chọn luôn sự đau khổ và cái chết.

**Đau khổ do chính con người gây nên cho mình: Con người có quyền tự do chọn lựa.**

**Có những chọn lựa đi liền với hạnh phúc, nhưng có những chọn lựa dẫn đến đau khổ.**

Một sự thiếu tiết độ, một tập quán xấu có thể làm ảnh hưởng đến sức khỏe, hỏng một bộ phận, dẫn đến cái chết. Lái xe không cẩn thận, gây ra tai nạn, cắt đi một chi thể. Nghiện thuốc lá gây nên các bệnh như: rụng tóc, đục thủy tinh thể, da nhăn, giảm thính lực, sâu răng, ung thư da, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, loãng xương, bệnh tim mạch, vàng móng tay, ung thư phổi v.v. Uống rượu bia nhiều ảnh hưởng đến não bộ, cơ tim, tác hại với dạ dày, gan, ảnh hưởng đến tim mạch, huyết áp...Đó là những đau khổ do con người tự chuốc lấy cho mình.

**Đau khổ do chính con người gây nên cho nhau : Con người sống là sống với. Không ai là một hòn đảo. Khi sống liên đới với nhau sẽ đem lại nhiều lợi ích, nhưng cũng có thể gây đau khổ cho nhau. Vì lòng tham và ích kỷ, không giữ đức công bằng, tình huynh đệ nên con người**

**thường làm hại nhau : Ghen ghét, giết chóc, đàn áp, bóc lột, hận thù, bỏ vạ, cáo gian, đánh đập... chúng ta thấy rất rõ điều này trong đời sống gia đình, cộng đoàn và xã hội.**

**Đau khổ có thể do chính vũ trụ bất toàn :** Động đất, bão lụt, hạn hán... gây ra biết bao đau khổ cho con người. Nên biết rằng : **Thiên Chúa dựng nên con người với các vật khác, tất cả đều có quy luật của nó. Nếu không theo quy luật đó sẽ gây nên tai nạn, gây đau khổ cho con người.**

Ví dụ : Chiếc ô tô mất thăng bằng thì trục, máy bay thì roi, một vật không bám vữa được vào đầu thì roi theo định luật vạn vật hấp dẫn và có thể làm bị thương người nào đi qua. Có những khuyết điểm hay những bất toàn của vũ trụ có thể gây đau khổ cho con người, nhưng chính chúng lại làm sáng tỏ sự hoàn hảo của Thiên Chúa. Và nếu so sánh thì những bất toàn và khiếm khuyết là không đáng kể đối với sự vận hành điều hoà nhịp nhàng của bộ máy vĩ đại, phức tạp và tinh vi của vũ trụ.

### **Ý NGHĨA CỦA ĐAU / KHỔ**

Đau khổ do nhiều nguyên nhân, nhưng nếu biết lợi dụng thì nó sẽ đem cho con người nhiều ý nghĩa và lợi ích khác nhau:

#### **Đau khổ chính là điều kiện cho sự Sống:**

Đau khổ là tiếng chuông báo hiệu nhu cầu : dạ dày không đói thì làm sao biết để ăn, không ăn sẽ chết. Đau khổ báo động cho con người biết có nguy hiểm. Ta biết các cơ quan trong cơ thể đau để chữa trị. Biết đau ruột thừa để cắt bỏ. Biết bị ung nhọt để mổ. Biết một chi thể nhiễm trùng để chữa trị, thậm chí phải loại trừ khỏi cơ thể. Gần lửa chúng ta thấy nóng để tránh. Chân dậm phải vật nhọn thấy đau để biết cứu chữa...

#### **Đau khổ là thầy dạy Bác ái:**

Những người không gặp đau khổ, không biết nói về đau khổ, không hiểu và thông cảm cho người đau khổ. Còn những ai đã trải qua đau khổ thường hiểu người khác hơn, nên sẵn sàng giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn. Chúng ta nghe lời chia sẻ trước khi ra đi của một bác sĩ bị ung thư sau đây : «Cảm giác khủng khiếp! Và bây giờ, với chút năng lực còn lại, tôi tìm đến các bệnh nhân ung thư khác vì tôi thật sự hiểu được họ đau đớn, chịu đựng như thế nào. Hơi muộn màng và ít ỏi! Các em có cả tương lai sáng lạn phía trước với tất cả tài năng và nhiệt huyết. Tôi thử thách các em, ngoài bệnh nhân của mình, hiểu thêm rằng có nhiều người ngoài kia đang thật sự đau đớn, thật sự khó khăn, đừng nghĩ rằng chỉ có người nghèo mới phải khổ. Điều này không đúng. Những người

nghèo khó vốn sẵn không có gì, họ dễ dàng chấp nhận. Do đó, họ hạnh phúc hơn các em và tôi. Nhưng có nhiều người đang đau khổ về tâm thần, thể xác, tình cảm, vật chất... »

### **Đau khổ là thước Niềm Tin của con người :**

Thiên Chúa thường cho phép có thử thách để làm ích cho ta. Theo bản tính tự nhiên, không ai muốn đau khổ, thậm chí còn tìm cách để tránh đau khổ. Chúng ta có thể phàn nàn, kêu trách, khóc lóc khi gặp đau khổ giống như trẻ con khóc khi bác sỹ tiêm phòng. Nhưng, sau này khi lớn lên, nó hiểu bác sỹ làm thế là có lợi cho nó. Cũng vậy, thỉnh thoảng Thiên Chúa để ta gặp đau khổ, thử thách để tôi luyện ta, giúp ta có đức tin mạnh mẽ hơn. Thiên Chúa đã từng dùng đau khổ để thử thách con người. Kinh thánh cho chúng ta thấy : Thiên Chúa thử thách ông Tôbia. Thiên Chúa thử thách ông Gióp. Lịch sử Giáo Hội cho chúng ta thấy: biết bao nhiêu vị thánh, nhất là các thánh Tử đạo đã chứng tỏ niềm tin của mình khi trải qua đau khổ.

### **Đau khổ là thầy dạy Khiêm nhường :**

Khi con người đạt được những gì mình có. Trở nên kiêu ngạo. Tưởng rằng mình làm được mọi sự, mình vạn năng. Sự đau khổ nhắc cho con người nhận ra rằng mình chỉ là tạo vật, có giới hạn, phải chết. Nhờ đó, con người sống khiêm nhường hơn.

Đau khổ là thầy dạy sự siêu thoát: Con người thường bám vào của cải vật chất, những thứ mau qua. Sự đau khổ, bệnh tật, cái chết nhắc nhở con người sẵn sàng dứt bỏ mọi sự để đặt niềm tin tưởng vào một mình Thiên Chúa.

### **Đau khổ để làm Vinh danh Chúa:**

Khi nghe tin ông Lazarô bị đau nặng, Chúa Giêsu đã nói: “Bệnh này không đến nỗi chết đâu, nhưng là dịp để bày tỏ vinh quang của Thiên Chúa: qua cơn bệnh này, Con Thiên Chúa được tôn vinh.”(Ga 11,4) Và khi người Do thái hỏi Chúa Giêsu về trường hợp anh mù từ khi mới sinh. Anh ta bị mù là do tội anh ta hay do tội của cha mẹ anh ta? Chúa Giêsu trả lời: “Không phải anh ta, cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội. Nhưng sở dĩ như thế là để thiên hạ nhìn thấy công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh.” (Ga 9, 3)



Như vậy, con người là học trò, đau khổ là thầy dạy. Đau khổ thực sự có ích cho con người biết lợi dụng nó. Đau khổ không những làm phương thế tinh luyện và thánh hoá con người mà còn để làm vinh danh Thiên Chúa.

Có một câu chuyện ngụ ngôn kể rằng: Có một bác tiểu phu đi kiếm được một xe bò củi chất đầy, nhưng khi đi tới một khúc đường sinh lộ thì đôi bò khựng lại, vì xe của bác bị sụp lún xuống bùn, bác ta ngồi than vãn, rồi chợt nhớ ra một vị thần và kêu xin cứu giúp. Vị thần hiện ra nói: “Thay vì ngồi than vãn thì hãy cố đẩy xem sao”, bác đứng lên cố sức đẩy, đang đẩy thì có hai thanh niên tình cờ đi qua, thương tình giúp đỡ bác, thế là xe bác vượt qua được.

Câu chuyện nhắc nhở mỗi người chúng ta rằng:

**Chúng ta không thể diệt trừ đau khổ, nhưng có thể góp phần làm giảm bớt đau khổ bằng sức mạnh của yêu thương, công bình, bác ái, cảm thông...**

**không thể diệt trừ được đau khổ, nhưng có thể thắng được nó bằng cách chấp nhận mọi gian khổ thử thách để góp phần vào công cuộc cứu chuộc của Chúa Kitô.**

“Như ông Mô-sê đã gương cao con rắn trong sa mạc, Con Người cũng sẽ phải được gương cao như vậy, để ai tin vào Người thì được sống muôn đời”(Ga 3,14-15). Chúa còn mời gọi

**“Ai muốn theo Ta, hãy vác thập giá mình mà theo”(Mc 8,34).**

**Xin Chúa ban thêm sức mạnh để chúng ta không tránh né đau khổ, nhưng biến đau khổ thành phương thế cứu rỗi chúng ta và toàn thế giới. Amen**

**Lm. Anthony Trung Thành**

---

## **SỰ KHỔ / ĐAU VÀ CÁCH THỨC DIỆT TRỪ**

### **TÓM LẠI**

Sau khi Trung Hoa thâm tóm gần 800 chủng Bách Việt, họ thâm tóm mọi thứ của Bách Việt thành một Nước lớn, Hiền Viên tôn xưng làm Hoàng đế, làm Thiên tử.

Hầu hết các chủng Việt đều bị thâm tóm vào, còn Chủng Lạc Việt cũng như Hàn quốc, Nhật, Thái lan, Miên, Lào... đều chống lại mà di cư đi chỗ khác, trong các chủng đó thì Lạc Việt (được Thiên tử đặt tên cho là Nam man) là chủng rất nổi về Văn Hóa, còn chủng Choang là Thái Lan thì nổi về Chính trị.

Việt Nam nhỏ hơn Trung Hoa khoảng 14 lần, Việt Nam bị Trung Hoa đô hộ hơn 1000 năm và đối đầu với Trung Hoa những 20 cuộc chiến lớn nhỏ, cùng với những hành động thâm ác man rợ như tịch thu sách ở để tiêu diệt Văn Hóa tức là tinh thần Bất khuất của Dân tộc VN, họ áp bức bóc lột cho nghèo hèn ngu muội để dễ bề đồng hóa mà cai trị, nhưng Thiên tử Trung Hoa đều chuốc lấy thảm bại và ô nhục suốt 4720 năm nay, kể từ Hiên Viên Hoàng đế!

Tuy nhiên Thiên tử lấy 14 đánh một qua thời gian dài nên Việt Nam không chột cũng què!

Rằng là Tổ Tiên Việt một mặt đã đem Tinh thần Văn Hóa vào Ca dao Tục ngữ là Văn Hóa nơi cửa miệng của mọi người dân để họ phổ biến cùng nhau khắp nơi sinh hoạt nơi cây đa bến nước, đầu Đường góc Chợ, cũng như nơi tôn nghiêm Chùa Đình Miếu mạo . . ., để duy trì tinh thần Văn Hóa, nên Tinh thần Văn Hóa đã được thâm nhập vào Phong tục tập quán, nên cũng đã ăn sâu vào trong huyết quản của mọi người dân, quan trọng nhất là nơi Tổ Ấm Gia đình, nơi đây luôn duy trì tinh thần Hiếu học và tính Cần mẫn, ngày nay tuy dân Việt đã phiêu bạt ra tứ phương, nhưng chỗ nào họ cũng vươn cao lên trong mọi lãnh vực.

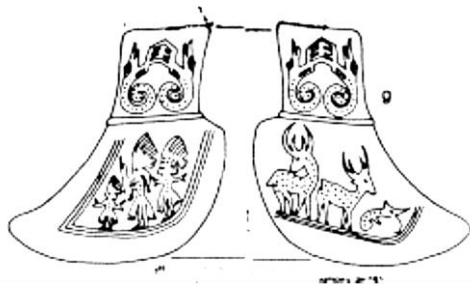
Ngoài cách đem Đạo lý Nhân sinh vào đời như trên, để không cho Thiên tử Trung Hoa mượn vắng Văn Hóa Việt, Tổ Tiên Việt đã cất dấu Cơ cấu và Nội dung Văn Hóa vào các Cổ vật, Cổ Nghệ, vào Lời Ăn tiếng Nói, vào Y phục, nhà cửa . . ., hy vọng về lâu về dài có con cháu cùng huyết quản sẽ nhận ra mà duy trì tinh thần Nhân Bản Bất khuất của Dân tộc để Dựng Nước và Giữ Nước.

Quả nhiên vào thập niên 50, 60 của thế kỷ 20 qua 50 năm tìm tòi, công dân yêu nước. cũng là T. G. Kim Định đã khai quật lên từ lớp tro bụi của Không và Thời gian nền Văn Hóa Việt mang tên Việt Nho và Triết lý An vi, mà xưa nay người ta lầm tưởng là chỉ có Tàu là có Nho và Nho của Việt là do Tàu khai hóa cho.

Một sự thực phụ phàng là Tàu đã: Dịch Chủ “Việt Nho “vi Nô “Hán Nho“, rằng là Tàu đã “học mượn viết nhờ Việt Nho “ (Lời T. G. Kim Định) sau đó mới xen dậm xuyên tạc Việt Nho nhất là thêm các yếu tố Bạo động, họ công thực hóa thành Kinh Điển của nền Văn Hóa Du mục vào làm cho Hán Nho trở thành Bá đạo mang Tính chất Bạo động Gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng.

### **CÔNG TRÌNH VIỆT NHO CỦA T.G. KIM ĐỊNH GỒM 3 NỀN TẢNG SAU: 2 – 3, 5**

Bộ Huyền số 2 – 3 5 được tìm thấy nơi Cổ vật như cây Phủ Việt với 2 giao long cài hoa kết hoa, với 3 người đôi lông Chim (Nòi Tiên), 3 con nai Lộc (Lộc Tục?)



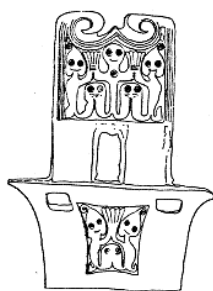
**Cây Phủ Việt ( Búa Việt )**

Cái Đỉnh đồng , Cái Lư hương, cái tước, với 2 tai 3 chân,



Cái Đỉnh đồng, Cái Tước ( chén rượu ) Cái Lư hương  
đều có 2 tai 3 chân

Cái qua ( Cán dao ) : Trên có 3 người giao tay giao chân , dưới có 2 người giao tay giao chân .



Cái Qua ( Cán Dao )

Áo dài 5 thân : 2 thân trước, 2 thân sau và một thân chẻ bên nách phải:5 thân  
1 nút cài giữa Cổ, 2 nút ngang Vai phải, 3 nút dưới nách.



cái nhà 5 gian 2 chái, nhà 3 gian 2 chái, lời Ăn tiếng Nói gấp đôi như Trời / Đất, Núi / Sông,  
Ăn / Nói, Đi / Đứng . . . .



Nhà 3 gian 2 chái



Nhà 5 gian 2 chái

Tất cả cổ vật và Cổ nghệ ( Trống Đồng ) đều mang bộ số Huyền niện của nền Văn hóa Dân tộc : Việt Nho và Triết lý An vi.

## VIỆT NHO

Với Bộ Huyền sơ 2 – 3, 5

Ý NGHĨA BỘ HUYỀN SỐ : 2 - 3 , 5

Ý nghĩa Bộ Huyền số : 2 - 3, 5

Số 2

1.- Vũ trụ quan động: Dịch Lý Âm Dương có hai nền tảng: Cặp Trống / Mái. và cặp Tiên / Rồng . Đây là luật Biến hóa Bất biến theo Chu kỳ trong Vũ trụ.

Số 3

2.- Tam tài. Nhân sinh quan Nhân chủ: Tam Tài : Thiên / Địa Nhân. Nhân là con Người tự Chủ, tự Lực , tự Cường.

Số 5

3.- Ngũ hành: Tâm linh sử quan : Nguồn Năng lượng Tình Yêu (  $E = mc^2$  ) sáng tạo nên Vũ trụ và muôn loài, cũng là Tinh thần Bất khuất của Dân tộc :

NHÂN NGHĨA BAO DUNG

## TRIẾT LÝ AN VI

Triết lý An vi là nét Lương nhất của Triết lý Vô thể Đông phương ( Ấn Độ ) và Triết lý Hữu thể Tây phương. Triết Lý An vi cũng có nguồn gốc từ Dịch lý Âm Dương Hòa.

T.l. Vô thể / T.l. Hữu thể lưỡng nhất ( Dual unit : 2 → 1 : → T.l. An vi

[ Chúng tôi đã viết nhiều về vấn đề trên nơi trang vietnamvanhien.net ]

Triết lý An vi có nguồn gốc từ Dịch lý Âm Dương Hòa với 2 nền tảng là Viên Ngọc Long Toại ( Cặp Trống / Mái ) và cặp Tiên Rồng . trong khi Dịch Tàu chỉ có độc cực Dương : Rồng mượn của Việt.

Triết Lý An vi là Triết lý Hòa giải của Dân tộc theo Tinh thần NHÂN NGHĨA BAO DUNG



Ngọc Long Toại ( Cặp Trống / Mái

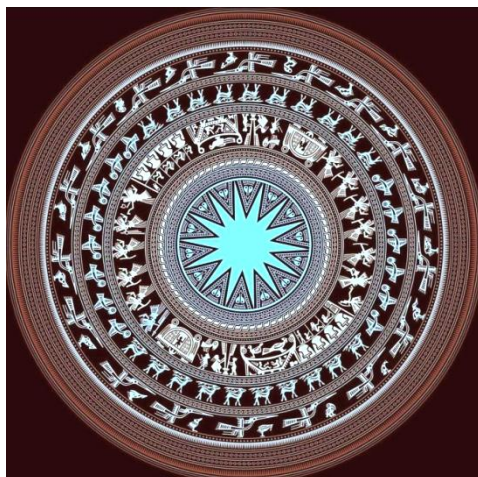


Cặp Tiên / Rồng

## TRỐNG ĐỒNG NGỌC LỬ

Biểu tượng cho Cơ cấu Việt Nho và Tinh thần Triết lý An Vi

Trống Đồng : 3 vòng ở giữa : Thiên, 2 vòng ngoài cùng: Địa, 1 vòng ở giữa: Nhân : 5 vòng .  
[ Xem bài Giải mã Trống Đồng trên vietnamvanhieuwn.net ]



Trống đồng Ngọc Lũ

Hỏa



Mộc ← THỔ → Kim



Thủy

## BÀN VỀ BẢN CHẤT THÁI HÒA CỦA VĂN HÓA VIỆT

Qua những bài về sự đau khổ của Phật giáo, Công giáo và cách giải quyết vấn đề đau khổ, chúng ta thấy Phật giáo thì tự khổ vì cho thời gian là tạo nghiệp, nên vào Chùa thiền với 3 bước: Giới, Định, Tuệ hầu xóa màn vô minh: Tham, Sân, Si để đả Bĩ Ngạn mà giác ngộ Nát Bàn hầu hết đau khổ.

Còn Công giáo thì Chúa Giêsu chấp nhận tận cùng mọi khổ đau của nhân loại cũng qua 3 bước: Thanh tẩy (purgatory), Hiện Thánh ( Illuminative ), kết hợp với Chúa mà lên Thiên Đàng nơi chỉ có Hạnh phúc mà không còn khổ đau .

Còn Nho giáo, nói đúng hơn là Việt Nho , nhờ có nền Văn Hóa Thống nhất giữa Văn Gia ( thành phần có học Kinh Điển ) và Chất gia ( với Văn chương truyền khẩu ) . lại có cách sống Tiệm tiến “ Giản Dĩ: “ Giản tắc dĩ tri, Dĩ tắc dĩ Tòng “ : Đơn giản nên dễ hiểu, dễ hiểu nên dễ theo “, do đó mà từ Thiên tử cho đến người dân bình thường ( vô học hay ít học ) cũng hiểu và cùng giúp nhau tu Đức ngay trong các Sinh hoạt HÀNG NGÀY khắp mọi lãnh vực trong đời sống của toàn dân .

Đó là các bước từ :

A.- Gần tới Xa: Gần là từ nơi Mình ) ( Nội khởi ), Xa là ở nơi người khác ( Ngoại khởi ) theo “ Cận thủ chư Thân, Viễn thủ chư vật “ , nên tự Lực tự Cường, tuy có học người ngoài nhưng không vọng ngoại mà Vong Nhân , vong Thân , vong Gia, vong Quốc, vong Nô!

## CÁCH ĐỊNH VỊ CON NGƯỜI TRONG VŨ TRỤ

I.- Việc quan trọng đầu là Tổ Tiên chúng ta đã chọn được vị trí trong Tam tài là vị trí của con Người to lớn trong Trời Đất: Trời là Thiên hoàng Đất là Địa hoàng thì con Người cũng là Nhân hoàng.

( Có gốc từ Truyện Ông Bàn Cổ )

“ Hồn mang ( Vô cực ) chi sơ  
Vị phân Thiên Địa

Bàn Cổ Thủy xuất  
Thỉ phán Âm Dương ( Âm Dương Hòa )

Thiên xuất ư TÝ  
Địa Tịch ư Sửu  
Nhân sinh ư Dần “  
( Tam Tài )

II.- Trời Đất là nguồn của VŨ TRỤ QUAN ĐỘNG với 3 LUẬT LỚN:

1.- Dịch lý Âm Dương Hòa ( Ying Yang harmony cyclic Change ) là nguồn biến hóa bất biến theo Chu kỳ trong Vũ trụ, Dịch lý cũng là thuật quyền biến trong Đời sống hàng ngày.

2.-Luật Gia sắc ( Gieo Gặt ) : Sow and Reap  
Gieo gì thì Gặt nấy, Ai gieo kẻ nấy Gặt. Gieo Một Gặt Trăm ,\

2.- Luật Loạt tụ: Tương nào đi theo Tập nấy ( Law of affinities )

3 Luật này được gọi là : Lưới Trời lồng lộng, thưa mà không có gì lọt qua được. Trời chẳng bao giờ nói gì “ Thiên hà ngôn tai “ con Người được hoàn toàn Tự do hành động, nếu thuận Thiên ( Thuận theo 3 luật trên ) thì sinh tồn và phát triển, nếu nghịch Thiên thì suy thoái và có thể diệt vong .

II.- NHÂN SINH QUAN NHÂN CHỦ:

Con người Nhân chủ là con Người có khả năng làm chủ Vận hệ mình, Gia đình mình và Đất nước mình.

III.- ĐƯỜNG LỐI VI NHÂN

Tổ Tiên chúng ta chọn nếp sống Quả dục : Quả dục là chiết trung ( eclectic ) giữa Đa dục và Diệt dục.

Đa dục là nếp sống “ Đa đa ích thiện “ : The more the better (To thuyên to sòng )

Diệt dục là nếp sống “ khắc kỷ “: The less the better.

Tổ Tiên Vệt không theo Diệt dục để có đủ yếu tố hầu phát triển toàn diện con người, cũng không theo Đa dục để “ hành hạ thân xác cho cuộc sống xa hoa “  
Quả dục ( Tiết độ : No more , no less, enough is enough ) là dục với tiết độ chỉ để phát triển toàn diện con người. để có:

“ Một Cơ thể tráng kiện trong một trong một Tinh thần minh mẫn “

#### IV.- PHƯƠNG CÁCH SINH HOẠT

Cách hành xử ở đời theo hai chiều ngược nhau: Suy tư ( Xuất ) và Quy tư ( nhập ). Xưa nay Xuất Xử thường hai Lối.

1.-SUY TƯ . Khi ra đời phải hoạt động để phát triển Lý trí hầu khám phá các định luật Khoa học để có đủ phương tiện cho nhu cầu đời sống vật chất,

. QUY TƯ : Bỏ Suy tư ( Vô niệm: No mind ) ngồi yên tịnh bất động xóa màn vô minh ( Tham , Sân, Si: Tâm viên Ý mã ) đôn hậu Tình người để tiếp cận với NGUỒN TÂM LINH: NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÌNH YÊU để un đúc Đạo Nhân ( Tình ), Đức Nghĩa ( Lý ), và sống sao cho Tình / Nghĩa hài hòa để có khả năng Hùng ( Vật chất ) Dũng ( Tinh thần ) có thể Bao dung nhau sao cho cuộc sống an hòa với nhau .

#### V.- TRÌNH TỰ SINH HOẠT VI NHÂN

A.- Tu thân theo NGŨ THƯỜNG

B.- Xây TỔ ẤM GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI AN VUI theo Lộ Đồ Tu, Tề, Trị, Bình theo Mối Liên hệ Hòa NGŨ LUÂN và theo TRÌNH TỰ TIỆM TIẾN SAU:

1.- Từ Gần tới Xa. Mọi việc đều khởi đầu từ mình gọi là Nội khởi, là con người Nhân chủ, không ỷ lại vào ngoại lực, mà luôn tự Chủ, tự Lực, tự Cường vzf làm việc theo Trình tự tiệm tiến sau để ai ai cũng tham gia được,

1.- Từ Đễ tới Khó : Có hoàn thiện được việc dễ thì mới mong hoàn thiện được việc khó.

2.- Từ Đơn giản tới Phức tạp: Có làm tốt việc đơn giản thì mới mong hoàn thành được việc phức tạp.

3.- Từ Tầm thường tới Phi thường: Có làm được việc quá Tầm thường như bà Theresa Calcutta thì mới nên Thánh .

4.- Từ Tinh vi tới Vĩ đại: Có hiểu được cấu trúc Tinh vi của một Nguyên tử thì nhiên hậu hiểu được cái vĩ đại của Thái Dương hệ, của Thiên hà. vì “ Vạn vật đồng nhất thể và vạn vật tương liên “ .

Toàn dân có làm mọi thứ được theo trình tự trên mới hy vọng Xây dựng được Nội lực Dân tộc thâm hậu.



Đây là cách thực hiện mọi sự theo Tinh thần Âm Dương Hòa:  
Gần / Xa Nhỏ / To, Đơn giản / Phức tạp, Tầm thường / Phi thường, Tinh vi /  
Vĩ đại sao cho đều được Lương nhất theo tinh thần Âm Dương Hòa.

Tổ Tiên chúng ta không có quan niệm về Tôi lỗi mà chỉ có quan niệm về Phúc / Họa và chú trọng tới nếp Sống “ Âm Dương Hòa : để tạo Phúc giải Họa theo tinh thần Luật Giá Sắc:

Gieo Phúc được Phúc gấp trăm, Gieo Họa gặp Họa gấp Trăm,  
Nhất là đề cao Lương Tâm để duy trì nếp sống Quả dục ( Tiết độ trong mọi lãnh vực )  
. Nếp Sống Quả dục để ngăn chặn Tham, San, Si hàng ngày hầu diệt khổ .

Trong khi Tây phương có nếp sống theo Tinh thần “ Mâu thuẫn thống nhất “  
theo Văn Hóa Du mục để tranh dành Được / Thua, gây ra bất công, bất Hòa trong  
Gia đình và Xã hội .

Các nước Tây phương nhờ tinh thần Kitô giáo mà các Tổ phụ Hoa Kỳ đã đem  
tinh hoa của Nho giáo mà lập nên nền Dân chủ Hoa Kỳ.

Đó là:

1.- Tìm Hạnh phúc ngay ở đời này ( Vì khi đó Tôn giáo chỉ tìm hạnh phúc ở đời sau )

2.- Giáo dục là phổ thông, không chỉ riêng cho Quý tộc.

3.- Tuyển Hiền dũ năng: Chọn người có Tư cách và Khả năng ra lo việc nước bằng  
cách bầu cử theo Phổ thông đầu phiếu, chứ không theo cách Cha truyền con nối như  
Quý tộc.

4.- Lập chế độ Dân chủ theo tinh thần Nho giáo :

“ Dân vi bang bản, bản cố bang ninh, trụ bạo quốc cho quân , nhược tru độc phu :  
Dân là nền tảng của nước, nền tảng nước có được xây dựng vững chắc thì nước mới  
được an ninh thịnh trị , giết một người Vua bạo ngược cũng chẳng khác nào loại trừ  
một tên phạm phu tặc tử. “

Vào thời gian đi tìm cách dựng nước, các Tổ phụ Hoa kỳ như Washington, Thomas  
Jefferson, Adam Smith đã tham khảo Tài liệu “ Missions étrangères “ của Dòng Tên  
ở Pháp và phong trào Quesnay ở Anh.

Tổ phụ Hoa kỳ là cái gương sáng chói cho Nhân dân Việt Nam soi chung !

## CÁCH SỐNG THÁI HÒA CỦA VIỆT NHO

Việt Nho là Nho của Lạc Việt có nguồn gốc từ:

THÁI NHO với Huyền thoại Tane với 3 Thúng Khôn ( 3 basket of knowledge ) và 2  
Hòn Đá quyền lực ( Maori Legend ) tại Thái Bình dương, tới :

HÒANG NHO bên Trung Hoa với Bộ sách Tam ( 3 ) phần, Ngũ ( 5 ) điển , Bách ( 8 =  
3+ 5 ), Cửu khâu ( 9 : Gậy Thần ) , tới

**KHỔNG GIÁO** tức là **NGUYÊN NHO** do Đức Khổng Tử thuật lại từ nền Văn Hóa Phương Nam thuộc hành Hỏa của **VIỆT TỔ VIÊM ĐẾ THẦN NÔNG**, tới :

**CHU NHO, TÀN NHO, HÁN NHO** cùng mấy lần **NHO** phục cổ như Đường Nho, Tống Nho, Nguyên Nho, Minh Nho tới **VIỆT NHO**

Vào thập niên của thế kỷ 20, T. G. Kim Đính đã kha quật lên **VIỆT NHO** bằng cách “ **Gạn Đục Khơi Trong** “ Hán Nho để có Việt Nho qua hai tiêu điểm ; Văn Hóa “ **Khoan hóa nhu thuận** “ của Nông nghiệp và Văn Hóa bạo động , gây chiến tranh. cướp bóc và bành trướng của Văn Hoá Du mục, ngày nay còn hai đại diện chói chang là **NGA CỘNG** và **TÀU CỘNG**

Việt Nho có 3 nền tảng:

### 1.- Số 2 . **VŨ TRỤ QUAN ĐỘNG**

Dịch lý Âm Dương Hòa với hai cơ cấu: Ngọc Long Toại ( với Cặp đối cực Trống / Mái và cặp đối cực Tiên / Rồng, các cặp đối cực trong Vũ trụ được tổng quát thành Dịch lý Âm Dương Hòa. Dịch lý Âm Dương Hòa là “ Vũ trụ quan động “

### 2,- Số 3 **NHÂN SINH QUAN NHÂN CHỦ** .

Con Người là một trong Tam tài : Thiên Địa Nhân “ : Con Người tự Chủ, tự lực, tự Cường với Lộ đồ Tu. Tề, Trị Bình.

### 3.- Số 5 .**TÂM LINH SỬ QUAN:**

Ngũ hành là biểu tượng cho “ Nguồn Năng lượng Tình Yêu “ (  $E = mc^2$  ,, Einstein ) , là gốc của **NHÂN NGHĨA BAO DUNG**.

**NHÂN NGHĨA BAO DUNG** là **TINH THẦN BÁT KHUÁT CỦA DÂN TỘC** .

Việt Nho không có quan niệm về Tội lỗi, về Thiên Đàng, Niết Bàn, Địa ngục mà chỉ có quan niệm về **THIỆN ÁC** với đời sống Quả dục ( Chiết trung giữa Đa dục và Diệt dục ) với Ba luật lớn trong Vũ trụ :

1.- Luật Dịch lý Âm Dương Hòa tức là luật Biến Dịch bất biến theo Chu kỳ ( cyclic and sequence Change ) cũng là thuật Quyền biến trong cuộc sống.

2.- Luật Giá Sắc hay Gieo / Gặt : Gieo Nhân gặt Quả , ai gieo kẻ nấy gặt, Gieo một gặt Trăm.

3.- Luật Loại Tụ: Luật Tuồng nào đi theo Tập nấy

3 Luật lớn ấy được xem là Lưới Trời Lồng lộng tuy thưa mà không có gì có thể lọt qua được.

Con người Nho giáo ( Việt Nho ) một mặt Tu Thân để sống Thuận Thiên tức là sống theo 3 luật lớn theo 2 ngã : Suy Tư và Quy tư trong Hiện tại miên trường : Nơi đây và Bây giờ.

**SUY TƯ**

1.- Suy tư theo cách Xử thế bằng cách chọn nếp sống Quả dục ( Tiết độ : No more , no less., Enough is enough ) và hành động theo lối An Hành mà không theo lối Lợi hành như Tư bản và Cường hành như Cộng sản.

An hành là Hành động khi thấy việc làm hợp với Lẽ phải, hợp với Đại Nghĩa ( Lẽ công bằng Xã hội: Phải Người Phải Ta ) thì quyết làm cho được, còn việc trái với Nhân Nghĩa thì nhất quyết không, nên phải xuất xử theo Hai lối: Suy Tư và Quy tư sao cho Suy tư và Quy tư được lưỡng nhất để cho Thân an Tâm lạc

## QUY TƯ

Lẽ tất nhiên “ khi ra sống ở đời “ phải suy tư hầu phát triển Lý trí , khám phá các Định luật Khoa học để giúp ăn nên làm ra hầu có đủ phương tiện giúp cơ thể được tráng kiện và đồng thời không quên Quy tư vào Lòng mình, ngồi yên tĩnh bất động bỏ “ Lý trí “ Tâm viên Ý mã “ đượm “ Tham, Sân, Si “ sao cho Lòng được Trống rỗng mà tiếp cận với ánh sáng nguồn Tâm Linh, tức là nguồn Tình Yêu, khi có Tình yêu thì con Người mới có khả năng hành xử Công bằng mà sống Hòa với nhau được, Hòa là nguồn Hạnh phúc của cá nhân và cả nhân loại nữa, nghĩa là khi đó con người không còn khổ đau.

Tu thân theo Dịch lý Âm Dương Hòa và sống thuận thiên theo Luật Giá Sắc ( Gieo / Gặt ) hầu vượt lên trên Thiệt Ác mà sống Hòa với nhau để có được đời sống Phong Lưu tức là Thiên / Địa giao hòa nơi Nhân ( Thiên < Phong > / Địa < Lưu > hòa: Âm / Dương Hòa.) Đây là nếp sống Phong lưu, an nhiên tự tại của cửa Nho.

Điều quan trọng bậc nhất là mọi người lưu ý giữ cho Lương tâm mình trong sáng để cái chuông Lương tâm báo động niềm vui lúc làm điều Thiện và làm xốn xang Lương tâm khi làm điều Ác để f duy trì nếp sống Lương hảo .

Lương Tâm chính là cái Chuông của Thượng Đế nơi con Người để cảnh tỉnh con Người, Lương Tâm cũng là Hướng dẫn viên cho cuộc sống ngay lành của mỗi người.

[ Xin xem Bộ sách 33 cuốn của T. G. Kim Định trên vietnamvanhioen .net ]

Dịch lý Âm Dương Hòa tạo nên cảnh Thái Hòa trong Vũ trụ, gồm Vũ trụ quan Động theo Dịch lý, Nhân sinh quan Nhân chủ và Lộ đồ: Tu, Tê, Trị Bình của Nho giáo tạo nên cảnh Thái hòa trong mọi cảnh giới giúp con Người, Nhân loại sống Hòa vui với nhau, khi sống Hòa với Chính mình, sống Hòa trong Gia đình và trong Cộng đồng cùng Nhân loại thì sẽ giúp con người đạt Hạnh phúc ít vướng phải khổ đau.

Cơ cấu Hòa của Vũ trụ: Âm Dương Hòa

Bây giờ chúng ta đi tìm Cơ cấu Hòa của Việt Nho, cơ cấu đó là Đồ hình và Số độ Ngũ hành.

Đồ hình Ngũ hành chúng ta có thể trình bày theo hai cách:

Thủy / Hỏa - THỔ - Mộc / Kim

Hỏa

↑

Mộc ←THỔ→ Kim

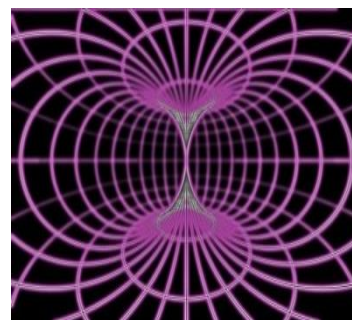
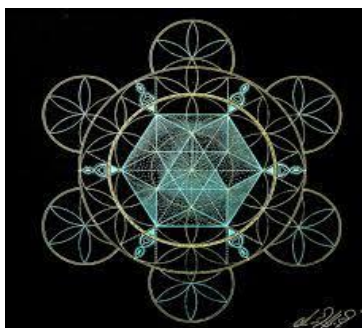
↓  
Thủy

Thủy / Hỏa. Mộc / Kim là hai cặp đối cực mang tinh thần Âm Dương Hòa . THỔ là Tâm Đối xứng giúp hai cặp đối cực “ Tương Thôi “ nghĩa hai bên phải vui lòng hòa giải với nhau bằng cách vừa tương tranh vừa tương hỗ, tìm ra điểm Chính trung nghĩa “ Một vừa hai phải “ với nhau mà giao hòa với nhau , đây là giai pháp lưỡng lợi không ai Thắng hay Thua hoàn toàn, vì không ai là toàn thiện , bên nào gần với Tinh thần “ Nhân Nghĩa Bao dung “ của Dân tộc hơn thì thắng phần trội hơn, nên duy trì được mối liên hệ Hòa với nhau.

Còn nền Văn Hóa Du mục có lối đấu tranh theo “ Mâu thuẫn thống nhất “ nghĩa là hai bên quyết dành phần thắng kể cả dùng Bạo lực và mưu mô để thủ thắng , đây là giải pháp Được / Thua gây ra mối bất Hòa và oán thù nhau, gây khổ đau cho nhau!

Đây là lối đấu tranh của CS,

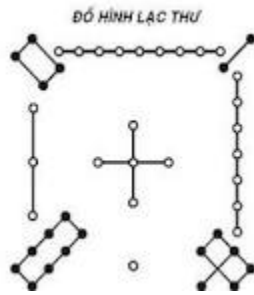
Vì không hiểu Cơ cấu Ngũ hành là nguồn Năng lượng Tình Yêu mang bản chất HÒA trong đó THỔ là Vector quân bình có chức năng điều phối hai cặp đối cực luôn đạt thế quân bình động, nên các nhà Phong Thủy đem THỔ ra làm 1 góc cho đủ 5 góc , ngay Ngũ giác đài cũng như TS Trần Nọc Thêm cũng bị ám ảnh như thế . Khi đem THỔ ra khỏi Trung Tâm đối xứng là phá đi Cơ cấu Việt Nho, phá tan Cơ cấu Vũ trụ cũng như Văn Hóa Việt Nam !!!!



Hình Vector Equilibrium

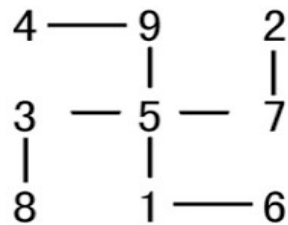
Tất cả các hình đều đối xứng qua Tâm, nên luôn giữ được thế Quân bình.

Theo Lạc thư ta có vòng trong ( 1 / 2 – 5 – 3 / 4 ) và vòng ngoài ( 6 / 7 – 5 - 8 / 9 ) của ngũ hành , các Số Lẻ được xếp theo Trục Tọa độ thẳng đứng, còn số Chẵn lại được xếp theo Trục Tọa độ xiên góc có cùng Tâm với trục trên. Khi hai trục xoay ngược chiều nhau thì các số Lẻ và số chẵn đan kết với nhau cá biệt hóa mà sinh ra Vũ trụ và Vạn vật. ( Xem Lạc Thư Minh Triết của Kim Định )

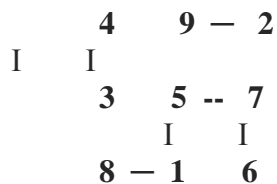


Số lẻ 1, 3, 7, 9: Trục Tọa độ

Số Chẵn 2, 4, 6, 8 được xếp nơi 4 góc: Trục tọa độ chéo hộc góc cùng Tâm



Mạch nối chữ Văn ( Phật giáo : Mẫu B: Tả nhậm )



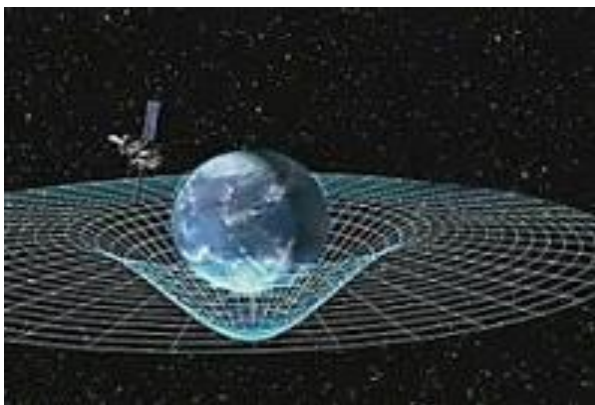
Mạch nối chữ Vạn ( Mẫu A : Hữu nhậm

Lạc thư của Lạc Việt là một Ma phương ( matrix ) trong Toán học , khi ta cộng 3 số theo phương chiều nào cũng có Tổng số là 15, chứng tỏ cơ cấu của Lạc Thư luôn giữ được thể Quân bình . Tổ Tiên chúng ta đã xây dựng nước Văn Lang có 15 bộ .

Ta có thể xem Lạc thư là vector { 3 x 3 } đóng vai trò vector Quân bình của Ngũ hành.

Theo Einstein thì Thời gian ( Số Lễ ) và Không gian ( số Chấn ) là hai mô đan kết với nhau mà thành Time – space - Continuum ( Vũ trụ )

Time ( Sợi Dọc ) / Space ( Sợi ngang ) đan kết với nhau mà thành Thời – Không – Liên mà tạo nên Vũ trụ và muôn loài .



Rõ ràng Ngũ hành là Cơ cấu Thái Hòa mà cốt tủy là Lạc Thư - Vector quân bình của Vũ trụ - .

## LỘ ĐỒ TU, TÊ, TRỊ, BÌNH

Chúng ta có thể xếp Cơ cấu của Tu, Tê, Trị Bình để thấy rõ Bản chất Thái hòa của nền Văn Hóa.

## TU: NGŨ THƯỜNG

Theo Nho giáo, con người được định nghĩa: Nhân giả, kỳ:

Thiên / Địa chi Đức, Âm / Dương chi giao, Quỷ / Thần chi hội, Ngũ hành chi Tú khí

Thiên / Địa chi Đức: Con Người là cái Đức là Tinh hoa của Trời Đất

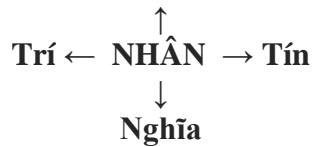
Âm / Dương chi giao: Nơi gặp gỡ của hai yếu tố Âm ( Mẹ ) Dương ( Cha )

Quỷ / Thần chi hội: Con người là nơi kề lưng nhau của Quỷ / Thần , giây này còn là Thần , phút sau có thể là Quỷ, do đó khi được sinh ra “ con người vẫn chưa thành “ người trưởng thành mà phải Tu thân để hoàn thiện mình, hầu phát triển toàn diện. đó là Tu theo Ngũ thường.

Ngũ hành cho tú khí: Con người là khí tốt của Ngũ hành, tức là của Thủy ( Vật chất ) / Hỏa ( quang năng: Tinh thần ) , Mộc ( sinh vật ) Kim ( khoáng chất ) .

Trên hết Ngũ hành là nguồn Tâm linh: Nguồn Năng lượng Tình thương sáng tạo nên Vũ trụ ( Theo Einstein nguồn năng lượng đó có công thức  $E = mc^2$ .  $m$  là khối lượng vật chất phóng xạ coa thể biến đổi ra năng lượng,  $c$  là tốc độ ánh sáng,  $c = 300,000 \text{ km / sec}$ ,  $2$  là bình phương của tốc độ ánh sáng,  $E$  là năng lượng Tình thương ) , do đó mà con người mới có Lòng Nhân , khi có tu được Đạo Nhân thì mới hành xử công bằng theo Đức Nghĩa được.

Lễ



**Nhân là Gốc ( nội Tâm ) , Nghĩa là ngọn ( ngoại ). Nhân là yêu Tam tài : Yêu mình, yêu Thiên chúa, yêu khoa học , và yêu tha nhân. ( Nhân : Ái nhân ái thân )**

**Nghĩa là trách nhiệm hành xử công bằng theo Hai chiều : “ Phải Người Phải Ta “**

**Lễ: Cung Kính kính tha: Trọng mình và trọng người**

**Trí: Trí kỷ, tri bỉ: Hiểu mình hiểu người**

**Tín: Tín kỷ tín tha: Mình phải thủ Tín để người khác tin mình,**

**Các Đức đều có hai chiều và nội khởi**

**Ngũ thường là cách tu thường xuyên cho đến suốt đời.**

### **TỀ: NGŨ LUÂN**

Con cái

↑

Anh Chị Em ← **VỢ CHỒNG** → Đồng bào

↓

Cha Mẹ

Luân ( mối liên hệ ) Vợ Chồng là luân quan trọng nhất, Vợ Chồng phải hành xử với nhau theo “ Tình lý tương tham “ với tỷ lệ “ Tình / Lý = 3 / 2 ( Tham ( 3 ) Thiên Lương ( 2 ) Địa nhi ý số. Tình phải nhiều hơn Lý để duy trì mối liên hệ với nhau nhờ đức Bao dung;

### **TRỊ BÌNH**

**Giáo dục : Thành Nhân / Thành Thân**

↑

**Chính Trị ( Nhân quyền / Dân quyền ) ← VHTH → Xã hội ( Dân sinh / Dân trí )**

↓

**Kinh tế ( Công hữu / Tư hữu )**

**[ VHTH : Văn Hóa Thái Hòa: Việt Nho ]**

**Các cặp đối cực Dịch lý trong Kinh tế, Giáo dục, Chính trị, Xã hội cần phải lưỡng nhất thì tình trạng Xã hội mới được cân bằng mà ổn định.**

## BẢNG NGUYỆT LỆNH

( Sắp Xếp Cơ cấu Vũ trụ vào Đồ hình Ngũ hành )

NGŨ HÀNH: Thủy / Hỏa – THỔ - Mộc / Kim

THỜI TIẾT: Đông / Hạ - TỬ QUÝ - Xuân Thu

NGŨ PHƯƠNG: Bắc / Nam - TRUNG ƯƠNG - Đông / Tây

NGŨ TẠNG: Thận / Tâm – TỶ - Can / Phế

TÁC DỤNG: Thị giác / Thính giác – TƯ DUY - Cử chỉ / Ngôn ngữ

NGŨ SẮC : Đen / Đỏ - VÀNG - Xanh / Trắng

NHŨ VỊ : Mặn / Đắng – NGỌT - Chua / Cay

NGŨ CUNG : Vũ / Chủy – CUNG - Giốc / Thương

NGŨ SỐ: 1 / 2 – 5 – 3 / 4

6 / 7 - 5 - 8 / 9

THIÊN CAN : Nhâm-Quý / Bính Đỉnh - MẬU KỶ - Giáp ất / Canh-Thân

## QUỐC NẠN VÀ QUỐC NHỤC

Nước Việt Nam chúng ta được thành lập đã trải qua 4902 năm nay, nhân dân VN trải qua không biết bao nhiêu là Vinh, là Nhục! Kẻ thù phương Bắc đã bách hại Dân tộc chúng ta suốt 4721 năm nay, nhưng lại là “ người BẠN môi hở răng lạnh “ của CSVN !

Dân tộc chúng ta bị Phong kiến Trung Hoa đô hộ những 4 lần kéo dài hơn 1000 năm . Các chế độ Phong kiến Trung Hoa đã gây ra 20 cuộc chiến lớn nhỏ, nhưng lần nào cũng bị quân và Dân chúng ta đánh cho những đòn thảm bại

( Chỉ lần đầu thời Huyền sử lãnh tụ Nông nghiệp Sĩ Vụ bị thua lãnh tụ Du mục Hiên Viên ).

Đó là nhờ Tổ Tiên chúng ta đã có Chiến lược thần kỳ :

Lấy “ Đại Nghĩa “ để thắng “ Hung tàn “!

Đem “ Chí Nhân “ mà thay “ Cường bạo “ ! “

[ BNĐC, Nguyễn Trãi ]

Nói gọn là Lóng Nhân ái và Lễ Công chính của toàn dân đã giúp cho Dân tộc chúng ta có được sức mạnh tổng hợp Phù Đổng thần kỳ !



Nhưng kẻ thù lấy “Mười Bốn đánh Một “ qua một thời gian dài cũng đã làm cho nhân dân chúng ta không Chột cũng què!

Tiếp đến Thực dân Pháp cai trị bóc lột tàn bạo đến 80 năm .

Hai kẻ thù Đông và Tây ngoài việc áp bức và bóc lột đến tận xương tủy còn luôn tìm cách tiêu diệt cho hết thành phần trí thức yêu nước thương nòi cũng như tìm cách tiêu diệt Văn hóa tức là Tiêu diệt **TINH THẦN BẤT KHUẤT CỦA DÂN TỘC !**

Các di hại lớn lao và cay đắng nhất là do đô hộ đã làm cho một số đồng bào chúng ta bị Lạc Hồn Dân tộc: **NHÂN NGHĨA BAO DUNG**, thay vì đem Lòng Nhân ái và Lễ Công chính để Cứu Nước và Dựng Nước, lai hùng hục đi Làm nô lệ kẻ thù truyền kiếp Bắc phương và học lấy “ độc dược Duy lý Tây phương “ rước lũ Quý vương Mác Mao lên bàn thờ Tiên Tổ , đem Hận thù bách hại đồng bào gần 80 năm nay!

Họ lấy cớ chống Bạo tàn rất đúng, nhưng chống Bạo tàn xong rồi lại bạo tàn hơn Bạo tàn thì sa vào vòng Vật bản , chỉ “ coi Cửa trọng hơn Mạng sống con người “ thì là con gì?

Hết hai **QUỐC NẠN** Đông Tây tới **QUỐC NHỤC** sơn cùng thủy tận do chính Đồng bào chúng ta gây ra , khiến cho nhân dân chúng ta :

“ Muốn khóc, không khóc được, muốn cười, không cười được. Thì ra, đau đớn đến cực điểm, chính là tê dại, là chết lặng. “

Mặt khác:

“ Đau khổ khiến chúng ta Kiên cường hơn,

Nước mắt khiến chúng ta đũng cảm hơn,

Trái tim tan nát khiến chúng ta Biết nhìn xa trông rộng hơn,

Vì vậy hãy cảm ơn những gì đã qua, nó sẽ Giúp chúng ta

Quyết tâm xây dựng một Tương lai tươi đẹp hơn!! “

[ Weibo - Dịch: Thương Thương Đặng ]

## **VẤN ĐỀ SINH TỬ CỦA DÂN TỘC CHÚNG TA**

Để Dân tộc chúng ta có thể vươn lên vực dậy được khỏi cảnh trầm luân thống khổ triền miên, một phần do chính đồng bào chúng ta gây ra. chúng ta trông chờ thiết tha vào các Vị lãnh đạo Tinh thần các Tôn giáo và các vị Nhân sĩ, Trí thức ra tay tế độ “ không những phải giải thoát con Người ở Đời sau mà ngay từ Đời này “ ở Nơi Đây và Bây Giờ “ trước !

Kính xin các Ngài hãy cùng nhau:

Dem “ Lòng Nhân ái . Lòng Từ bi, Lòng Bác ái “ kết lại thành “ Tình Yêu chung của Dân tộc “

Dem “ Trí tuệ, lý Công chính cùng Lễ Công bằng “ ra làm “ Trí tuệ chung của Dân tộc “ mà cứu Dân giúp Nước.

Dem “ mọi Khổ đau của các Tôn giáo kết thành khổ đau chung của Dân tộc “ để cùng nhau biến Đau thương thành Hành động kiên cường mà “ Xây Nhà Dựng Nước an vui “

Xin các nhà Truyền thông xã hội cùng các nhà làm Văn Hóa giúp nhau đem phổ biến những đón đau tê tái của con Người, của Dân tộc vào Tim Óc của mỗi người Dân để biến Đau thương thành Hành động chung giúp toàn dân tham gia cứu Dân giúp Nước.

Các nhà làm Chính trị cũng dựa theo Chính Nghĩa Quốc gia cùng nhau tìm cách thực tiễn chung cứu Dân giúp Nước của riêng đảng mình.

Đặc biệt với Tinh thần Bao dung của Đồng bào, để “ Nhiều tay vỗ nên Bộp” xin các Tổ chức của các Tôn Giáo, các các Đảng phái, các Tổ chức đấu tranh Chính trị, các Hội đoàn Đồng hương, các ngành sinh hoạt về Giáo dục, về Chính trị, về Kinh tế, về Y tế, về Xã hội . . . tìm ra phương hướng liên hệ chung, tìm cách sinh hoạt thực tiễn nâng đỡ nhau mà vươn lên vực dậy .

**Hy vọng là những hảo ý này không là ảo vọng !**

Toàn dân trong và ngoài nước nên nhận rõ cái Quốc nạn và Quốc nhục sờ dĩ phủ được lên đầu Dân tộc chúng ta là do kẻ thù truyền kiếp Bắc phương và Tây phương mà cũng do chính chúng ta “ không đạt Chính Nghĩa vì thiếu Chí Nhân “, nên kẻ Nội thù mới bị Lạc Hồn Dân tộc mà đi hoang, họ không học được cái hay gì của nước ngoài mà chỉ rước độc được CS và tinh thần Duy Lý cực đoan Tây phương về Tàn Dân Hại Nước.

Kẻ cầm đầu đảng đội lốt Cha già Dân tộc “ xưng phong làm thầy thàng Đại “, tự nguyện làm chư hầu “ kẻ thù truyền kiếp bành trướng Đông phương và kẻ thù nhân loại Tây phương “, xin chúng cung cấp chiến lược “ KM Vô sản chuyên chính ( Liên Xô ) “ và “ KM Nhân dân chuyên chinh triệt để ( Tàu cộng ) “ nhất là cung cấp phương tiện chiến tranh về phát động Cải cách giết Người cướp Cửa rồi gây chiến tranh Bắc Nam sát hại đồng bào những 2 thập niên!

Cái khổ đau này của Dân tộc lớn hơn nhiều so với thời Trịnh Nguyễn phân tranh suốt 200 năm!!! Trong hai phe Quốc / Cộng, tuy có phần Phải / Trái hơn thua, nhưng không phe nào hoàn toàn đúng, nên khi gây chiến tranh với nhau thì khiến cho cả Dân tộc mang họa!

Cha già Dân tộc chủ trương Vô thần, lại vô cùng thông minh về đường gian trá, ông đã mặc lốt Nho giáo, với chiêu bài “ Cần, Kiệm, Liêm, Chính, chí Công vô Tư “ để nguy trang tinh thần “ Chí Tư vô Công, thay Cần Kiệm Liêm Chính bằng bầu Nước Bọt KM Vô sản chuyên chính “ ngang nhiên cổ động đàn em Công Nông tôn xưng là “vô cùng sáng tạo mỗi khi được giải phóng “ còn thêm nhân danh mọi nhân danh tốt đẹp nhất của nhân loại để làm cái gọi là “ Giải phóng Dân tộc “ hầu đem Dân tộc nhốt vào cái “ chuồng Heo của đảng “.

Trên đời này chẳng ai là không có lỗi lầm, nếu quả là họ phạm lỗi lầm thì việc đơn giản là đem họ ra Tòa án phân xử công minh, sao lại dùng lối bạo tàn đả đốn “ lấy Thịt đè người một cách man rợ “ !

Với cách “ ném đá giấu tay “, Cha già Dân tộc đem cán bộ huấn luyện Bần Cổ Nông theo “ sách lược Ăn Cướp của Tàu cộng “ đem phim Bạch Mao Nữ kéo cối xay thay Bò “ về cổ võ Hạn thù giai cấp Dân tộc, ( Trong chế Quân chủ nước ta chỉ có kẻ Giàu người nghèo mà không có chế độ Nô lệ để có giai cấp như Tây phương , vì Dốt hay Lạm dụng mà CSVN làm càn ) lập kế vu oan giá họa, dạy bảo Bần Cổ nông đấu tố thành phần đồng bào có Cửa và có Học nhất là các thành phần yêu nước trong các Tôn giáo, đảng phái, kiếm cơ giết họ đi để cướp Cửa về cho riêng đảng và yên tâm tránh hậu họa.

Khi đem “ chủ nghĩa Dao Sắc Mác Mao “ cho đàn em Vô học để phá nát Hạ tầng Cơ sở và Thượng tầng kiến trúc Quốc gia với những lỗi lầm ghê tởm không thể chối cãi, cha già đem nước mắt cá sấu ra thanh minh và đổ tội cho đàn em, thực ra đảng đã đạt mục tiêu “ phá nát chế độ Nhân bản “ để thay vào “ chế độ Vật bản “ coi Cửa cải quý trọng hơn mạng sống con Người “ và nhất là thay vào mớ dẻ rách “ Duy vật Biện chứng, Duy vật Sử quan và kinh tế Chính trị học “ mà nhân loại đã vất vào sọt rác từ khuya để mong độc trị !

Để duy trì độc đảng để độc trị thì đảng dùng “ đàn Công an áo vàng “ kiểm soát từng miếng ăn “ và “ từng hành động của từng người dân “ và dùng “ luật pháp bỏ túi để tìm mọi cách tận diệt thành phần yêu nước thương nòi cũng hầu giúp Tàu cộng tiến bước mau trên con đường tà thực “ , vì đảng CSVN chính là một Chi bộ của Tàu Cộng !

Hành động chống Tàu của đảng hiện nay là để ru ngủ đồng bào yên tâm, hầu đợi lúc thuận tiện đảng sẽ âm thầm nhượng giao Việt Nam êm thấm làm một Tỉnh của Tàu qua Hội nghị mật Thành Đô !

Đây là vấn đề tuyệt mật của một số trong Trung Ương Ủy viên chủ trì và thực hiện vì đối với CSVN không có việc gì tày Trời là không thể !!!

Tổ Tiên chúng ta đã dạy là:

“ Cá không ăn muối Cá ươn.

**Cháu Con cưỡng Tiên Tổ trăm đường Con Cháu hư! “**

**và**

**Khôn thì từ thuở lên Ba**

**Dại thì đến “ tra (: Già ) cũng đại!**

**Đó là ứng vào trường hợp Cha già Dân tộc của đảng ta: “ Khôn Chợ Dại Nhà “ !**

**Điều quan trọng bậc nhất đối với Đồng bào trong nước, tuy nay Đảng đã theo đường “ Mỹ cút Ngụy nhào “ làm ăn với Tư bản để khỏi chết đói với cách làm ăn tập thể, đời sống nhân dân bớt nghẹt thở phần nào, đừng tưởng thế là yên chuyện nên bất động, xin nên nhớ là chưa bao giờ “ khuất phục được Hận thù của đảng Cướp mà canh tân cuộc sống “ Nhân Nghĩa Bao dung “ thì cái Họa Quốc phá Gia vong của Dân tộc vẫn đeo đẳng chúng ta và con cháu chúng ta , nên muốn sống cho nên Người thì chúng ta không ngừng đem “ Chí Nhân và Đại Nghĩa “ để loại trừ “ Tham tàn và Cường bạo “ bất cứ từ đâu.**

**Còn đồng bào Quốc ngoại xin đừng tưởng khi xa Quê Mẹ được sống nương tựa vào “ Đất Cha giàu mạnh “ là được yên thân mà cứ bình chân như vại, vì kẻ thù của Minh chính là ở nơi thâm Tâm của mỗi Người , nơi Hận thù, nơi ghen ghét, nơi đố kỵ nơi cách sống xa hoa, nơi khôn vặt, mách muru, nhất là nơi Duy Lý cực đoan . . . nếu không canh tân cho có cộng đồng vững mạnh thì không những không phát triển được, khi không phát triển thì bị chèn ép, ngay cả khi phát triển, do “ nạn Trâu Cày Trâu cột “, lúc gặp biến cố bất ngờ không tự bảo vệ được thì không thể tránh được tai họa!**

**Thiết tưởng mọi người chúng ta nên tự vấn Lương tâm là nên làm gì cho chính Minh, Gia đình Minh và Cộng đồng Minh ngày một tốt đẹp hơn, tiến bộ hơn , xin đừng ngủ say mà quên mất “ tinh thần Liên đới trách nhiệm “ nhiều Sãi không ai đóng Cửa Chùa, để khi nước ngập đến chân mà nhảy không kịp như năm 1975, nên “ cẩn tắc vô ưu “ !**

**Điều quan trọng nữa là mỗi chúng ta tuy Tôn giáo khác nhau, chánh kiến khác nhau, thành phần, trình độ khác nhau, đảng phái khác nhau, có khác nhau như vậy mới giúp cho “ trăm Hoa đua nở, trăm Nhà đua tiếng “ để phát huy tinh thần Dân chủ mà tiến bộ, lại nữa việc nước là việc lớn chung, mỗi chúng ta phải đứng trên “ lập trường chung Dân tộc: NHÂN NGHĨA BAO DUNG mà “ đóng góp phần riêng của mình “, vì trong quyền lợi chung của Dân tộc đã có phần riêng của mình, nên mình không thể khư khư giữ lập trường riêng mà độc diễn, mỗi thành phần mỗi cội riêng, gây cảnh phân hóa làm tan đàn xẻ nghé như đã từng xảy ra !**

**Đây là bước đường vô cùng khó khăn và dài lâu, nếu không bám chặt vào Tinh thần Đồng bào: “ Anh Em như thể Tay Chân, Máu chảy Ruột mềm , Tay đứt Ruột xót, Chị Ngả Em nâng “ thì khó mà vươn lên được!**

Đây không Chỉ là chuyện Ngày Xưa, mà chính là chuyện cấp bách Ngày Nay của mọi chúng ta, từ người cao đến người thấp nhất, không trừ một ai!

Nếu mọi người cứ Ngại Núi ( Nhân ) E Sông ( Nghĩa ) không chịu Canh tân nếp sống, mà cứ bất động thì không những mọi sự đều ngưng trệ mà còn suy sụp thêm, chỉ có con đường Tinh thần Phù Đổng mới giúp nhau vươn lên nổi!

Nếu cộng đồng không phát động được phong trào Canh tân cuộc sống theo Tinh thần Dân tộc thì ngàn năm sau sẽ còn vẫn: “ Cũ hơn xưa về cảnh thê lương “ !

Xin đừng nghĩ đây chỉ là lý thuyết bất khả thực hiện, mà là đường lối cấp thiết cần phải giúp nhau thi hành, không thể từ nan mà duy trì Đại Họa dành trách nhiệm cho Cháu Con đời sau !

Nếu cứ để mãi “ Lạc Hồn Dân tộc “ mà không chấn hưng lại “ Tinh thần Bất khuất Dân tộc, cứ yên tâm với “ Lòng Cạn Trí Nông “ thì chúng ta cũng chỉ cùng nhau chạy quanh Hiện Tượng rồi ren mà la hét om sòm!

Cầu xin Ông Trên, Tổ Tiên soi sáng và phù trợ cho nhân dân chúng ta trong cũng như ngoài nước bừng tỉnh “ Con Mê vong Nhân, vong Gia, vong Quốc, vong Nô “ mà vùng lên mà vực dậy làm Người Nhân chủ mà cứu Dân giúp Nước .

Hy vọng thay!

## KẾT LUẬN CHUNG

Kính xin tất cả Đồng bào chúng ta hãy lắng Tâm Tư đọc lời

Bài Ca “ Minh Châu Trời Đông “ của Nhạc sĩ Hùng Lân để xem Lương Tâm chúng ta có mách bảo gì với mỗi chúng ta hay không ?

### DẤU RỜI?

Việt Nam minh châu trời Đông.  
Việt Nam nước thiêng Tiên Rồng  
Non Sông như gấm hoa uy linh một phương.  
Xây vinh quang sáng trưng bên Thái Bình Dương.  
Từ ngàn xưa tài danh lừng lẫy khắp nơi  
Tiếng anh hùng tạc ghi núi sông muôn đời  
Máu ai còn vương cỏ hoạ  
Giục đem tấm thân trải với Sơn Hà.  
Giơ tay cương quyết ta ôn lời Thề ước  
Hy sinh xương máu mong báo đền ơn Nước.  
"Dù thân này tan tành chôn sa trường cũng cam.  
Thề trọn đời trung thành với Sơn Hà nước Nam !".

Nhạc sĩ Hùng Lân

Trân trọng,

Nhân dịp đón mừng Lễ Giáng sinh 2023 và đón chờ Xuân Giáp Thìn

Công dân Việt Nho

---

Tham khảo

## VẤN ĐỀ NHO GIÁO

Trong các sách và tài liệu của Nhà nước cộng sản Trung Quốc cũng như ở Việt Nam trước đây, khi đề cập đến Nho giáo đều **lên án Nho giáo là “bảo thủ, lỗi thời và kềm hãm sự phát triển của xã hội” và cần phải “Quét sạch nó đi!”**.

Gần đây trong mỗi giao lưu và hội nhập ngày càng được đẩy mạnh giữa các quốc gia, nhiều học giả đã “phản tư” (suy nghĩ lại) với việc đánh giá vai trò của Nho giáo trong thời hiện đại. Liệu Nho giáo còn hợp với thời nay không?[\*]

## Ở NHẬT BẢN

Ngày 6/4/1868 Minh Trị Thiên Hoàng long trọng tuyên bố cai trị theo ý nguyện của dân và đề ra cương lĩnh hành động trong đó có điểm mấu chốt: **“Học tập nước ngoài để xây dựng đất nước”**. Phong trào Âu hóa đất nước phát triển rầm rộ vào những năm đầu thời Minh Trị. Nhà nước Nhật Bản đã tiếp thu mạnh mẽ những thành tựu của phương Tây, đã muốn giáo dục con em họ theo nội dung đạo đức Châu Âu. Họ say mê tân học bài xích cựu học. Nhưng đến giữa thập niên 80 của thế kỷ XIX chủ nghĩa Âu hóa lại bị dân chúng phê phán vì không phù hợp với xã hội Nhật Bản. Họ đòi phục hồi lại những giá trị truyền thống của Nhật Bản – giáo dục theo Nho giáo, lấy Nhân – Nghĩa – Trung – Hiếu làm nòng cốt.

Nguyen Điều Vĩnh Phù- một nhà giáo dục nổi tiếng Nhật Bản thời đó viết:

**“Điều quan trọng của giáo dục là phải minh xác các điều Nhân – Nghĩa – Trung – Hiếu, phải nghiên cứu hiểu biết các tri thức, nghề nghiệp, phải thực hiện đầy đủ đạo làm người, đó là phương châm lớn từ trước đến nay của đất nước ta, tồn tại từ trên xuống dưới ở khắp mọi người. Nhưng có thể nêu ra tình hình là gần đây lại có thói tôn sùng tri thức nghề nghiệp, rơi vào chỗ sau chót của sự văn minh khai hóa, làm tổn hại nhiều đến phẩm hạnh, phong tục. Có thể nêu lên rằng những người đi hàng đầu muốn phá vỡ tập quán vốn có từ xưa mở rộng tri thức ra toàn thế giới, nhất thời tiếp thu chỗ mạnh của phương Tây, đặt Nhân – Nghĩa – Trung – Hiếu ở sau, phải đặt nó trên cơ sở giáo huấn kinh điển của tổ tiên, phải xác định rõ ràng việc học trung hiếu đạo đức, lấy Khổng Tử, lấy việc mọi người phải tôn sùng sự thành thực, phẩm hạnh làm điều trọng yếu...”** (Giáo học thánh chỉ) [1].

Trong lúc tân học bài xích cựu học thì nhờ có Minh Trị Thiên Hoàng là bậc minh quân cương quyết đã điều hòa giải quyết gìn giữ tinh thần đạo đức cổ truyền mà lại nghiên cứu văn minh khoa học đã đưa nước Nhật yếu kém, chỉ trong vòng mười năm vượt lên đứng ngang hàng với các nước Âu Mỹ. Ngày 30/10/1890 trong chỉ dụ Minh Trị Thiên Hoàng đã tỏ rõ lập trường cải cách của mình:

*“Các Tiên đế đã sáng lập nước trên nền tảng rộng rãi chắc chắn, nền tảng ấy là Nhân Đức mà các đấng muốn cho ăn sâu rễ vào tâm hồn quốc dân, thần dân ta nhất tề Trung Hiếu từ đời này sang đời khác đã chứng tỏ việc các đấng tiên đế là mỹ hảo và đó là vinh dự của nước ta. Nguồn mạch giáo dục của giống nòi cũng do cái đức trung hiếu mà phát khởi.*

*Hỡi các thân dân, đối với cha mẹ, các người hãy hiếu thảo, đối với anh chị em, các người yêu thương, trong gia đình hãy hoà hợp, trong sự giao du với bạn bè, các người hãy trung thành. Hãy ăn ở cho nhã nhặn tiết độ, hãy hảo tâm thiện chí với một người, hãy luyện tập các khoa học và nghệ thuật, hãy tiến triển các khả năng tri thức.*

*Hãy phát huy các lực lượng Luân lý. Hãy quan tâm đến Công lợi, công ích, hãy kính trọng Hiến pháp, hãy giữ gìn Luật lệ khi cần thiết hãy đưa vai gánh vác giang sơn, hãy ân cần bảo vệ nền Thịnh vượng của quốc gia.*

*Làm như vậy các người sẽ là những Công dân tốt và giúp vào việc duy trì nền Văn minh thịnh vượng khiến cho dân tộc Đại Nhật hãnh diện với các nước văn minh” [2].*

Đề hưởng ứng ý nguyện canh tân của nhà vua, thân sĩ và nhân dân Nhật đều phấn khởi chung lo việc nước. Toàn quốc thành lập nhiều hội Tư Văn để đào tạo tư cách con người. Ai nấy đều lo tự tỉnh tự cường, giữ gìn tinh thần đạo đức cổ truyền lại tiếp thu văn minh khoa học Âu – Mỹ.

## Nguyễn Văn Nghệ

---

### Ở TRUNG HOA

Bây giờ chúng ta quay lại Trung Hoa cội nguồn phát sinh ra học thuyết Nho giáo ( ??? \_ để nghiên cứu sự thăng trầm của Nho giáo trong thời cận, hiện đại. Sau khi cách mạng Tân Hợi thành công(1911), chế độ phong kiến tồn tại hàng mấy ngàn năm bị lật đổ, Trung Hoa Dân quốc được thành lập **Thái Nguyên Bồi** nhận chức Tổng trưởng Giáo dục. Do thấy trong tôn chỉ giáo dục đời Thanh có hai điều là: **“Trung quân và tôn Khổng”**, mà **trung quân thì không hợp với chính thể cộng hòa, tôn Khổng thì trái ngược với tự do tín ngưỡng nên xóa việc tôn thờ Đức Khổng Tử**. Mùa thu năm Dân Quốc thứ năm(1916), Khang Hữu Vi đệ thư lên cho Lê Nguyên Hồng và Đoàn Kỳ Thụy yêu cầu lấy Khổng giáo làm quốc giáo, đưa vào hiến pháp. Bởi những việc đó gây cản trở cho phong trào dân chủ nên dẫn tới sự chống đối của Trần Độc Tú. Trần Độc Tú cho rằng **Khổng giáo không dung hòa được với chế độ lập hiến, do vậy đạo Khổng đi ngược với cuộc sống hiện đại. Lý lẽ đó hợp với tâm lý ghét chế độ đế chế của thanh niên và trí thức đương thời dẫn đến sự công kích toàn diện truyền thống Nho giáo [3].**

Do vậy, họ bỏ học thuyết duy lý nhã nhặn, kín đáo của Khổng Tử, đi theo học thuyết duy lý máy móc của phương Tây. Vả lại đạo Khổng bảo thủ, dung hòa được sự hăng hái của tuổi trẻ và sự thận trọng của tuổi già. Cách mạng chỉ biết có tuổi trẻ, và mỉm cười trước **lời khuyên này của Khổng Tử**

*“Người nào cho những bờ đê cũ là vô ích và phá bỏ đi thì một ngày kia sẽ bị tai hại của nạn lụt lội” [4].*

**Khi phong trào chống Nho gia đạt đến cao trào thì Lương Thấu Minh là người mở đầu cuộc cách mạng tư tưởng, dựng ngọn cờ Nho giáo bắt đầu đề xướng Khổng học.**

Năm Dân Quốc thứ bảy(1918), Lương Thấu Minh mở một cuộc “**Hội thảo triết học Khổng Tử**” ở sở Nghiên cứu triết học. Ông đã nói lên quan điểm lập trường của ông khi mở cuộc hội thảo triết học ấy “...

**ở Trung Quốc ngày nay có người đề xướng Tây học, có người đề xướng Phật học, chỉ về Khổng Tử là ngượng mồm không ai dám nói đến. Sự thật về Khổng Tử nếu tôi không đề xướng thì chẳng ai đề xướng? Đó là duyên cớ bức tôi tự mình đến sống ở nhà họ Khổng”** [5].

Trong thời kỳ Nhật chiếm đóng Trung Quốc, để đoàn kết nhân tâm cùng nhau chống Nhật, chủ nghĩa dân tộc được hình thành. Nhà nước cũng nêu cao tinh thần dân tộc, khôi phục đạo đức vốn có. Quốc Dân Đảng thúc đẩy phong trào đời sông mới, việc đó được xây dựng trên luân lý truyền thống. Chính trong không khí chân hưng luân lý truyền thống này, năm Dân Quốc thứ 23(1934) khôi phục lại ngày lễ kỷ niệm Thánh Đản của Đức Khổng Tử đã bị Thái Nguyên Bồi bãi bỏ từ năm đầu Dân Quốc(1912). Trong lễ kỷ niệm nay người được mời nói về học thuyết của Khổng Tử chính là **Lương Thấu Minh – người đầu tiên nêu ngọn cờ phục hưng truyền thống Nho giáo** [6].

Thời kỳ **Tướng Giới Thạch** làm Hiệu trưởng Trường Quân sự Hoàng Phố, ông thường căn dặn học viên: “**Chương I sách Đại học chỉ có hơn 200 chữ, nói một cách hết sức ngắn gọn, súc tích lý lẽ làm người, làm việc cho tới tề gia, trị quốc, bình thiên hạ**”. Ông đòi hỏi học viên phải tu thân theo đạo đức trong sáng, hoàn thành sứ mệnh trị quốc, bình thiên hạ [7].

Trong gia đình, Tướng Giới Thạch luôn giáo dục con cái theo văn hóa Nho gia. Tướng Kinh Quốc nhớ lại:

**“Cha tôi cho rằng học nửa bộ Luận ngữ thì có thể trị vì được thiên hạ, trong sách cổ có hướng dẫn để Người xử lý công việc”** [8].

Lúc Tướng Kinh Quốc đang còn học tiểu học, Tướng Giới Thạch có lần viết thư căn dặn:

**“Sách Mạnh tử phải học thuộc lòng, thuộc rồi vẫn phải đọc đi đọc lại. Sách Luận ngữ phải nhờ Vương tiên sinh giảng giải cho một lần, rồi con phải tự học, phải hiểu cạn ý trong sách mới thôi. Nếu con hiểu hết được nghĩa trong bộ Tứ thư và học thuộc sách Tả Mạnh Trang tao tình hoa thì sau đó có thể tự viết văn được rồi. Mỗi tập phải đọc 300 lần như vậy sẽ không quên”** [9].

Khi chính phủ Quốc dân đảng ở Nam Kinh vừa được thành lập, Tướng Giới Thạch lập tức ra lệnh các trường học phải “**đảng hóa giáo dục**”, nhằm rèn luyện đạo đức tổ tiên cho thanh thiếu niên. Thời kỳ chiến tranh chống Nhật, chính phủ Dân quốc buộc các trường trung học, đại học phải trau dồi cho học sinh quan niệm đạo đức

**“Trung dũng là cốt lõi của lòng Yêu nước, Hiếu đễ là cốt lõi của sự Tề gia”,**

yêu cầu các thầy giáo, giáo dục truyền thống, đặc biệt là phải phân tích cho học sinh hiểu rõ nền văn hóa cổ kính của Trung Quốc.

**Sau khi chạy sang Đài Loan, Tướng Giới Thạch vẫn kêu gào phục hưng văn hóa, buộc các học sinh trung học phải đọc sách Luận ngữ, Mạnh tử** [10]

Trong các thập niên 50, 60, 70 của thế kỷ XX ở Trung Quốc lục địa vẫn tiếp tục phê phán Nho giáo, nhưng vì nghiên cứu theo định hướng trước nên thiếu phần khách quan trong phân tích và nhận định không có sức thuyết phục. Trong thời kỳ này người ta biến phê phán học thuật thành phê



phán chính trị, người ta gắn “phê phán” Khổng Tử với phê phán các nhà chính trị, quân sự đương đại của Trung Quốc. Họ phủ nhận sạch trơn Nho học, Nho giáo theo chủ nghĩa hư vô, thậm chí oán ghét quá khứ, đập phá quá khứ [11]. Tượng Khổng tử bị dán khẩu hiệu với dòng chữ Hán (phiên âm): “**Đầu hiệu đại hỗn đản**” (Tên đầu sỏ đại lưu manh).

Theo hồi ức của Lưu Á Vĩ vào ngày 15/11/1966 “*trước cửa chính của Khổng phủ, có dán chữ ‘Đại hội triệt để phá tan Khổng gia điểm’*. Bia đá nằm trước Khổng phủ, từ năm 1962 được Quốc vụ viện ghi chữ ‘Văn vật trọng điểm toàn quốc được bảo hộ’ bị đập tan. Sau đó Hồng vệ binh chia nhau đi Khổng miếu, Khổng lâm, Chu công miếu để đập bia, giật biển, đập hủy tượng thờ” [12]. Sau cải cách mở cửa, Chính phủ Trung Quốc lạng lẽ cho phép phục hồi dân Khổng tử dưới cái tên nghiên cứu Quốc học, tức nghiên cứu phục hồi văn hóa truyền thống Trung Quốc mà Nho giáo là cốt lõi. Từ đó cơn sốt Khổng tử bắt đầu nóng dần.

Năm 1988, Quỹ Khổng tử Trung Quốc và UNESCO tổ chức Hội thảo kỷ niệm 2540 năm sinh Khổng tử, có đại biểu 25 nước tới dự, không có đại diện chính quyền

Tháng 10/1994, nhân 2545 năm sinh Khổng tử, Trung Quốc tổ chức lễ thành lập Hội Nho học quốc tế và Hội thảo quốc tế về Khổng tử. Lý Thụy Hoàn- Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị ĐCSTQ, kiêm Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc (gọi tắt là Chính Hiệp) toàn quốc đến dự và phát biểu. Sau đó cứ 5 năm một lần, Hội này lại tổ chức kỷ niệm Khổng tử, lãnh đạo cao nhất đến dự chỉ là Chủ tịch Chính Hiệp.

Tại kỳ họp Quốc hội Trung Quốc tháng 3/2005, có đại biểu đề nghị phục hồi đạo đức Nhân- Nghĩa- Lễ- Trí- Tín, đưa Tứ thư, Ngũ kinh vào chương trình trung- tiểu học và thi công chức.

Từ tháng 10/2006 bà Vu Đan thuyết trình nhiều buổi trên truyền hình về “Thu hoạch đọc Luận ngữ”, “Thu hoạch đọc Trang tử”, được dân hoan nghênh. Hai cuốn sách cùng tên của bà in lần đầu 4 triệu bản bán hết ngay.

Tháng 9/2008 Bộ Văn hóa Trung Quốc và chính quyền tỉnh Sơn Đông lần đầu tổ chức Đại hội Nho học thế giới tại Khúc Phụ quê hương Khổng tử.

Cơn sốt Khổng tử từng bước tăng nhiệt. Tuy vậy trên vấn đề đánh giá Nho giáo, giới học giả Trung Quốc vẫn chia hai phái chống đối nhau: phái tự do và phái bảo thủ văn hóa, chủ yếu đả kích nhau về lý luận. Điển hình là cuốn Chớ không nhà- Tôi đọc Luận ngữ của Lý Linh (5/2007)- gáo nước lạnh dội lên những cái đầu đang sốt Khổng tử. Lý Linh chứng minh Khổng tử không phải là thánh nhân, Ngài có công hiến chính về mặt giáo dục và đạo đức; Đức Khổng ngày nay ta biết chỉ là Khổng tử “nhân tạo”, được tâng bốc tới mức không thể giả tạo hơn[13].

Năm 2010 Trung tướng Lưu Á Châu, Chính ủy Đại học Quốc phòng Trung Quốc nói Nho giáo có tội với Trung Quốc: “*Nếu như Nho học là tôn giáo, thì đó là ‘ngụy tôn giáo’, nếu là tín ngưỡng, thì đó là ‘ngụy tín ngưỡng; còn nếu là triết học, thì đó là triết học của xã hội bị ‘quan trường hóa’*. Xét từ ý nghĩa này, Nho học là có tội đối với người Trung Quốc. Trung Quốc không có tư tưởng gia mà chỉ có chiến lược gia. Xã hội Trung Quốc là một xã hội binh pháp. Dân tộc của chúng ta chỉ tôn sùng chiến lược gia” [14]. Lưu Hiểu Ba[15] nhận xét các lời dạy của đức Khổng chỉ là trí thông minh nhỏ, không chứa đựng trí tuệ lớn.

Năm 2010, ông Hồ Cẩm Đào bắt đầu dè dặt sử dụng một số lời Khổng tử như *xã hội hài hòa, dĩ nhân vi bản...* Tuy vậy đa số dân Trung Quốc chưa ủng hộ phục hồi Khổng tử. Điển hình là Viện Bảo tàng Quốc gia Trung Quốc dựng pho tượng lớn đức Khổng tử bằng đồng đen trên quảng trường Thiên An Môn (1/2011) bị dư luận phản đối tới mức hơn ba tháng sau phải lạng lẽ cất tượng vào trong Viện [16]. Việc này chính quyền Trung Quốc không nói gì, điều đó cho thấy ‘cơn sốt Khổng tử’ đang hạ nhiệt dần.

Trong khoảng hai thập niên qua, giới học thuật Trung Quốc đã có Tạp chí nghiên cứu riêng về Khổng tử. Hàng trăm đầu sách nghiên cứu về Nho học- Nho giáo ở Bắc Kinh, Thượng Hải và các tỉnh được xuất bản. Các học giả nổi tiếng như Lý Trạch Hậu, Trương Đại Niên, Thái Thượng Tư, Trương Lập Văn, Thang Nhất Giới, Phương Lập Thiên... đều lên tiếng “phản tư” (suy nghĩ lại). Họ

khẳng định những giá trị xã hội của Khổng tử, Mạnh tử, đồng thời chỉ ra những nhân tố hợp lý và những nhân tố còn hạn chế của Nho giáo [17]

## VIỆN KHÔNG TỬ

Trung Quốc cho thành lập Viện Khổng tử có trụ sở đặt tại Bắc Kinh. Viện Khổng tử ở nước ngoài bắt đầu được thành lập từ năm 2004 và viện đầu tiên mở ở Seoul, Hàn Quốc trong cùng năm. Theo báo China Daily, tính đến cuối năm 2018, có tổng cộng 548 Viện Khổng tử, 1193 lớp học Khổng tử tại các trường tiểu học, trung học và 5665 địa điểm dạy học liên quan được lập ra ở 154 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các Viện Khổng tử được tài trợ phân nửa bởi nước khách, phân nửa bởi Trung Quốc. Tại các nước đang phát triển như ở Việt Nam được hoàn toàn trợ cấp bởi chính quyền Trung Quốc [18].

Ngày 27/12/2014 Trường Đại học Hà Nội tổ chức lễ gắn biển “Viện Khổng tử” tại trường. Nhiều người nghi ngại cho rằng: Tư tưởng bành trướng Đại Hán cắm giũa thủ đô Việt Nam [19]. Ông Ngô Nhân Dụng, một nhà bình luận trong giới truyền thông ở hải ngoại nhận định: *“Viện Khổng tử chính nó không nguy hiểm, nhưng sẽ tác hại cho nước Việt Nam nếu chúng được sử dụng cho mục đích tuyên truyền cho chế độ cộng sản Trung Quốc”*[20]

Đầu tháng 11/2014 hai trường đại học tại Mỹ- Đại học Chicago và Đại học Pennsylvania- ra tuyên bố ngưng hợp tác và đóng cửa Viện Khổng tử [21].

Năm 2005 Viện Khổng tử đầu tiên ở Châu Âu được đặt tại Stockholm, Thụy Điển. Báo The Times cho biết là ngày 21/4/2020 Thụy Điển đã đóng cửa lớp học cuối cùng của Viện Khổng tử và trở thành quốc gia đầu tiên ở Châu Âu chấm dứt các chương trình giáo dục do nhà nước Trung Quốc tài trợ [22]

Tính đến ngày 26/8/2020 trên nước Mỹ tổng cộng có 67 Viện Khổng tử. Đầu tháng 9/2020 Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo cáo buộc các Viện Khổng tử đang tuyển “gián điệp và cộng tác viên” và ông hy vọng tất cả các Viện Khổng tử ở Mỹ sẽ đóng cửa vào trước cuối năm nay [23].

Một giáo sư kinh tế học và là nhà bất đồng chính kiến nổi tiếng của Trung Quốc, ông Hạ Nghiệp Lương, người bị sa thải khỏi Đại học Bắc Kinh, cảnh báo rằng: *“Nhiều trao đổi học thuật của Trung Quốc chứa đựng các rủi ro bị che giấu, chẳng hạn các học giả thỉnh giảng lại có thể là các nhân viên tình báo được cử đi”* [24]. Hiện nay nhiều nước trên thế giới, nhận thấy Viện Khổng tử hoạt động không đúng tôn chỉ mục đích đã đề ra, nên đã cho đóng cửa Viện Khổng tử [25].

## GIẢI KHÔNG TỬ HÒA BÌNH

Năm 2010 ông Lưu Hiểu Ba được trao giải Nobel Hòa Bình, nhân dịp đó ở Trung Quốc doanh nhân Lui Zhiqin đề xuất lập giải Khổng tử Hòa Bình vào ngày 17/11/2010. Giải này được Trung Quốc kỳ vọng là sẽ cạnh tranh với giải Nobel Hòa Bình.

Chính phủ Trung Quốc cho biết là không có liên hệ gì cả với giải này. Tuy nhiên, Orville Schell, một chuyên gia về Trung Quốc nói: Không có một tổ chức Trung Quốc nào dám mượn tên của Khổng tử để phát một giải thưởng nếu không có sự đồng ý của Bắc Kinh [26]

## CÁC QUỐC GIA CHỊU ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO

Nho học – Nho giáo là thành tố văn hóa truyền thống của nhiều nước Đông Á. Ở **Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc** cũng đã có nhiều cuộc thảo luận về Nho học Nho giáo. Các học giả nghiên cứu Nho học – **Nho giáo ở Đài Loan** như Dư Thời Anh, Phó Bội Vinh, Thẩm Thanh Tùng, ở Nhật Bản như Morishima Michio, Hoàng Sơn Mẫn Thu, ở **Hàn Quốc** như Lý Hữu Thành, Di Ngự Thuần đều có những công trình nghiên cứu sâu sắc về Nho giáo, đều nêu lên những ưu điểm nổi trội của Nho giáo như về các vấn đề gia đình, đất nước về học thuyết Nhân và Lễ.

**Ở Pháp giáo sư Léon Vandermeerch** cũng khẳng định tác dụng tích cực của Nho giáo ở các nước Đông Á. Rõ ràng gần đây có cái “nhiệt Nho giáo” trong nghiên cứu khoa học xã hội hiện đại ở nhiều nước [27].

**Ở Nhật Bản và “bốn con rồng Châu Á”** nhiều tác giả và các Nhà quản lý lại cho rằng, Nho giáo có nhiều yếu tố tích cực giúp cho các nước này tăng trưởng và phát triển.

**Singapore là một xã hội đa nguyên, đa dân tộc, đa tôn giáo**, người Hoa chiếm đa số. Tháng 2/1982 các nhà đưng cục về giáo dục Singapore tuyên bố đưa các môn luân lý học và nho giáo vào các khóa trình tôn giáo để các học sinh năm thứ 3 và thứ 4 trung học lựa chọn. Tháng 6/1982 phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Giáo dục Ngô Khánh Thụy cầm đầu một phái đoàn sang Hoa Kỳ bàn với các học giả Nho giáo người Mỹ gốc Hoa về những nguyên tắc và kế hoạch thúc đẩy việc thực hiện luân lý Nho giáo. Tháng 7/1982 có 8 vị học giả từ Mỹ đến Singapore để tìm hiểu tình hình, giúp các học giả Singapore thực hiện việc đó.

**Các nhà lãnh đạo Singapore là Lý Quang Diệu và Ngô Khánh Thụy đã phát biểu ý kiến nhấn mạnh tầm quan trọng của luân lý Nho giáo và mối quan hệ sâu sắc giữa tư tưởng Nho giáo với xã hội người Hoa. Năm 1987 các học giả Singapore và Trung Quốc tổ chức một cuộc hội thảo quốc tế lớn về Nho học ở Khúc Phụ quê hương Đức Khổng [28].**

**Tại Hội nghị khoa học quốc tế về nghiên cứu Khổng Tử và Đại hội thành lập liên hiệp Nho học quốc tế nhân kỷ niệm 2.545 năm sinh Khổng Tử tháng 10/1994 ở Bắc Kinh,**

**Lý Quang Diệu** – nguyên Thủ tướng Singapore đã nói lên mối quan hệ xã hội Singapore và Nho giáo. Ông cho rằng, nội dung giáo dục con người hiện nay ở nước ông là phát huy các giá trị quan và quy phạm luân lý Nho gia: *“76% nhân khẩu Singapore là người Hoa. Văn hóa dân tộc Hoa chú trọng ngũ luân, cũng tức cha – con có tình thân, vua – quan thì có nghĩa, chồng – vợ có khác biệt, trưởng – ấu có thứ tự, bạn – bè có điều tin. Họ xem lợi ích xã hội cao hơn lợi ích cá nhân, do đó không tiếp thu chủ nghĩa cá nhân vô hạn độ của Mỹ”* [29].

Ông Lý Quang Diệu nêu rõ một số ý kiến về kết quả thực tế về giá trị quan Nho giáo đưa lại:

*“Từ kinh nghiệm quản lý nước Singapore, đặc biệt là trong những ngày gian khổ từ năm 1959-1969 khiến tôi tin tưởng sâu sắc rằng, nếu không phải là đại bộ phận nhân dân Singapore, đặc biệt là trong đại bộ phận nhân dân Singapore được hun đúc giá trị quan của Nho học thì chúng tôi không có cách gì có thể khắc phục được những khó khăn và trở ngại đã vấp phải”*

[30]. Năm 2005 ông Vũ Khiêu của Việt Nam lại khẳng định: “...ngày nay, khi nền văn hóa phương Đông buộc phải giao thoa với nền văn hóa phương Tây, những quốc gia nào cứ khur khur ôm lấy Khổng giáo thì tất sẽ rơi vào thế bị động, thậm chí suy thoái”[31]. Không biết ông Vũ Khiêu dựa vào nghiên cứu nào mà có kết luận như vậy?

Cũng tại hội nghị trên ông Cốc Mục, Hội trưởng Hội nghiên cứu Khổng học Trung Quốc cũng đã nói triển vọng của Nho học – Nho giáo trong phạm vi quốc tế:

*“Nho học, văn hóa truyền thống cổ xưa của phương Đông này có khả năng thu hút được giá trị mới, gây được ảnh hưởng tích cực trong sự phát triển mới của xã hội loài người trên thế giới ở một khu vực rộng lớn”* [32].

**Năm 1995, Hội nghị quốc tế về Nho giáo tổ chức tại Bắc Kinh đã bầu ông Lý Quang Diệu làm Chủ tịch Hội Khổng học thế giới.**

**Vấn đề nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam**

Còn ở Việt Nam vấn đề nghiên cứu Nho giáo như thế nào? Trước đây dưới thời Pháp thuộc, đã từng có những đợt nghiên cứu và đánh giá lại Nho giáo với các học giả tên tuổi như Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Đào Duy Anh...

Sau đó năm 1954 nước Việt Nam được chia thành hai miền và theo hai thể chế khác nhau. Ở **miền Nam, vào năm 1958, Tổng thống Ngô Đình Diệm ra lệnh thành lập Hội Khổng học** trên tất cả các tỉnh thành để tiếp tục duy trì, quảng bá đạo đức cương thường của tổ tiên. Nhân dịp này ông Trần Đình Tân (1893-1979)- Cử nhân khoa Ất Mão (1915), quê Tuy Phước, Bình Định- có sáng tác bài thơ Đường luật với nhan đề **“Tôn chỉ mục đích Hội Khổng học”**:

**“Thế tục Nhơn tình ngấm đã suy  
Lập nên Khổng hội để duy trì  
Căn nguyên Đạo Đức tô bồi lại  
Nền tảng Luân thường tiếp tục xây  
Nương gậy Thánh Hiền cho vững gỏi  
Mài gương Nhân Nghĩa sẵn cầm tay  
Dùng khoa giáo huấn thay kiếm kẹp  
Viện lễ Càn Khôn dạy hợp bày”.**

**Triết lý giáo dục của miền Nam dựa trên ba nền tảng: Nhân bản- Tự do- Khai phóng.**

Ở miền Bắc **“những gì được xem như gắn với ‘tư tưởng phong kiến’ đều bị coi là lạc hậu, cần tránh xa, cần chống lại”**. Khẩu hiệu **“Tiên học lễ hậu học văn”** cũng không dám nhắc đến **“Năm 1973, nhà giáo Nguyễn Lân (1906-2003) viết bài ‘Có nên vận dụng phương châm ‘Tiên học lễ hậu học văn’ trong việc giáo dục thế hệ trẻ của ta ngày nay không?’** (đăng tạp chí **“Văn hóa Nghệ thuật”** ở Hà Nội, số 31 tháng 7/1973)... Ngay sau khi bài báo này xuất hiện, trên báo **“Tiền phong”** của T.U. Đoàn (số 2351 ra ngày 16/8/1973) có bài báo dài của tác giả Thanh Bình nhan đề **“Quét sạch những tàn dư tệ hại của Khổng giáo”** với những kết luận chém đĩnh chặt **sắt: “...chúng ta không thể dung hòa được với Khổng giáo cùng với hệ tư tưởng phản động và bảo thủ của nó”,... “chúng ta phải kiên trì đấu tranh để quét sạch nó ra khỏi mọi lãnh vực của đời sống xã hội như quét sạch những đồng rác bẩn vậy”**.

Tiếp theo bài này, báo **“Tiền phong”** còn định ra cả một loạt bài khác nữa để công kích sự đề xuất kể trên của nhà giáo Nguyễn Lân, nhưng Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã can thiệp dừng lại [33] Gần đây ở Việt Nam việc nghiên cứu Nho giáo lại có chiều hướng mở rộng với các học giả Trần Văn Giàu, Nguyễn Khắc Viện, Vũ Khiêu, Nguyễn Tài Thư, Quang Đạm, Lê Sĩ Thắng... riêng giáo sư Nguyễn Tài Thư thuộc Viện Triết học là thành viên tham dự Hội thảo quốc tế về Khổng Tử tại Bắc Kinh năm 1994.

Ý kiến của các nhà nghiên cứu Việt Nam nói trên có điểm không thống nhất ngay từng học giả riêng biệt cũng không nhất quán, hiện tại không giống trước kia. Bài viết **“GS Vũ Khiêu- Học chữ để làm người”** đăng trên chuyên mục Trò chuyện cuối tháng báo An ninh Thế giới số tháng 9/2005 do Hồng Thanh Quang thực hiện. Trong bài viết này, GS Vũ Khiêu vẫn còn mang nặng não trạng **“xã hội chủ nghĩa”** nên ở phần đầu bài viết ông đã khẳng định chắc chắn như đinh đóng cột: **“Tư tưởng Khổng tử thực sự là một tư tưởng bảo thủ”**. Cuối bài viết ông kết luận **“Nhưng ngay cả tới hôm nay không phải mọi ý tưởng của Khổng giáo đều là lỗi thời. Vấn đề quan trọng là tiếp thu cái gì và tiếp thu như thế nào”**. Sao lại có chuyện **“tiền hậu bất nhất”** như vậy?

Tuy tuyên bố “*Tư tưởng Khổng tử thực sự là một tư tưởng bảo thủ*” nhưng ông Vũ Khiêu lại đánh giá cao hai pho sách: “*Các pho sách Tứ thư, Ngũ kinh đều dạy người ta cách sống hợp với tư tưởng Khổng Mạnh. Đó cũng là những pho đạo đức học*”[34]

Năm 2016 GS.TSKH. **Trần Ngọc Thêm** phát biểu: “*Nho giáo và chữ Lễ trói buộc con người, không cho sáng tạo thì rất rõ. Không sáng tạo thì làm sao phát triển*” ??? [35].

Ngày 21/11/2021 tại Hội thảo giáo dục chủ đề “Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục-đào tạo” do Ủy ban Văn hóa giáo dục của Quốc hội tổ chức, ông **Trần Ngọc Thêm** đã đề nghị

**“Cần chấm dứt sử dụng khẩu hiệu “Tiên học lễ hậu học văn” để khai mở tư duy phản biện, giải phóng sức sáng tạo”. Do đâu mà ông có đề nghị trên? Theo ông: “Bởi vì khẩu hiệu “Tiên học lễ hậu học văn” là sản phẩm của nền giáo dục Nho giáo...”**

[ *Bỏ Tiên học Lễ nên không thành Nhân, bỏ hậu học Văn nên không thành Thân, không biết rồi sẽ thành con gì? Lời người trích đăng* ]

Đại đa số người Việt Nam suy nghĩ “Bỏ ‘Tiên học lễ’ sẽ đào tạo ra những cỗ máy vô tri” [37].

Đề xuất bỏ khẩu hiệu “Tiên học lễ hậu học văn” của ông Trần Ngọc Thêm không phải là đầu tiên.

Năm 2012 ông Lại Nguyên Ân cũng đã có đề xuất ấy rồi, nhưng đề xuất ấy không gây tiếng vang, chắc là do ông Lại Nguyên Ân không có học hàm học vị!!! Lý do tại sao ông Lại Nguyên Ân đề xuất bỏ câu khẩu hiệu ấy? Theo ông **Lại Nguyên Ân**:

**“Vì nó lời lẽ bằng ngôn từ Hán Việt, không phải lời lẽ thuần Việt(...) Vì nó ngày càng bộc lộ yếu tố vay mượn ngoại lai” hoặc “ Khẩu hiệu ‘Tiên học lễ hậu học văn’- vốn có xuất xứ từ Khổng tử- càng nên được chúng ta sớm chấm dứt sử dụng trong hiện tại”[38]**

Nói chung các nhà nghiên cứu chỉ tập trung phân tích sâu sắc ảnh hưởng tích cực và những hạn chế của Nho giáo ở Việt Nam. Nội dung nghiên cứu của Nho học và Nho giáo trong gần thập niên 90 của thế kỷ trước chủ yếu là tìm hiểu hệ thống giá trị của Nho giáo, sự bắt lực của nó đối với xã hội trong thời gian khoảng hơn thế kỷ vừa qua. Trên thực tế các nhà nghiên cứu Việt Nam chưa đề cập nhiều đến vấn đề lịch sử phát triển của Nho giáo ở Việt Nam và đặc điểm Nho giáo Việt Nam giống và khác với Trung Quốc ở điểm nào [39].

Giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới đều có sự giao thoa văn hóa, cho nên chúng ta không nên cực đoan, bảo thủ, kỳ thị cho rằng “*vốn có xuất xứ từ Khổng tử*” hoặc “*sản phẩm của nền giáo dục Nho giáo*” hoặc “*lời lẽ bằng ngôn từ Hán Việt, không phải lời lẽ thuần Việt*” hoặc “*bộc lộ yếu tố vay mượn ngoại lai*”... Những gì là tinh hoa thì ta tiếp nhận, những gì là lạc hậu, lỗi thời thì ta loại bỏ. Theo ông Nguyễn Thông: “*Khi Nho giáo xâm nhập vào nước ta, ( ??? ) nội dung ban đầu của Lễ có thể như ông Thêm nói. Nhưng ông và các đồng chí của ông cần hiểu rằng bộ lực của dân tộc đã gạn đục khơi trong, giữ những phần tốt đẹp, bồi bổ tạo dựng nên những giá trị mới từ món ‘hàng’ nhập. Lễ cũng như nhiều thứ khác đều qua cuộc thanh lọc ấy, nói theo cách của mấy ông bà bây giờ là ‘áp dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam’, đã đổi mới về chất*” [40]

Kế thừa tinh hoa Nho học – Nho giáo hoàn toàn không có nghĩa là quay trở lại với xã hội Nho học – Nho giáo ngày xưa. Xã hội phong kiến đã qua không bao giờ trở lại nhưng những tinh hoa của Nho giáo vẫn là công cụ hữu ích cho quá trình phát triển xã hội ngày nay. Ví dụ để trở thành một cán bộ có năng lực được dân tin yêu phải tuân thủ “bát điều mục” của Nho giáo. Đó là: “**Chính tâm- Thành ý- Cách vật- Trí tri- Tu thân- Tề gia- Trị quốc- Bình thiên hạ**”.

Will Durant có lời khuyên:

“Ngày nay cũng như ngày xưa, cho thanh niên hấp thụ nhiều tư tưởng Khổng học, là phương thức tốt nhất cho những dân tộc nào bị nhiễm cái hại của một nền giáo dục thiên về trí dục, luân lý suy đồi, từ cá nhân đến toàn thể dân tộc đều kém tư cách”[41]

Để kết thúc tôi xin mượn lời của **Will Durant** nhận xét về học thuyết tư tưởng Khổng Tử:

“*Không nên trách Khổng Tử về tất cả những nhược điểm ấy. Không ai lại đòi một triết gia phải suy tư cho hai chục thế kỷ. Trong một đời người làm sao có thể tìm được con đường đưa tới tri thức cho hết thảy các đời sau. Mà rất ít người làm nhiệm vụ ấy một cách đầy đủ như Khổng Tử. Càng hiểu rõ ông, chúng ta càng ngạc nhiên rằng chỉ có một phần nhỏ trong đạo của ông là không hợp với khoa học, với những sự biến đổi do thời gian. Khi ta nhận thấy rằng ngay ở thời đại chúng ta, ông vẫn còn là người chỉ đường chắc chắn cho chúng ta thì chúng ta quên những lời đôi khi hơi nhảm của ông và đức độ quá hoàn toàn của ông làm cho ta có lúc chịu không nổi*”[42].

[ Khổng học của Trung Hoa mang tên Hán Nho đã được các nhà Sử học Trung Hoa xen dậm các yếu tố Bạo động của Văn Hóa Du mục vào, nên đã trở thành Bá đạo ví mang Bản chất Bạo lực, Gây Chiến tranh Cướp bóc và Bành trướng suốt 4721 năm, cứ đọc Lịch sử Việt Nam với 20 cuộc chiến tranh với Trung Hoa mà chúng tôi đã trưng ra ở phần trên thì rõ ! Mạnh Tử đã bàn nhiều về Vương đạo của Việt Nho trong Luận Ngữ .

---

#### Chú thích:

[\*]- Bài viết này đã được đăng trên Tạp chí XUA&NAY số 225, tháng 12/2004, trang 29-31. Nay có sửa chữa và bổ sung.

[1]- Vũ Khiêu, *Nho giáo và phát triển ở Việt Nam*, Nxb KHXH, 1997, tr.56 – 57 (Vũ Khiêu

---

### The Presentation of Dr. Luong Kim Dinh during the First World Conference in Chinese Philosophy, Taichung, Taiwan, R.O.C.

August 19~25,1984

#### VAI TRÒ NHO GIÁO CÓ THỂ ĐẢM NHIỆM

#### TRONG THẾ GIỚI HÔM NAY

Diễn văn phát biểu của Triết Gia Kim Định  
vào năm 1984 tại Đại Hội Nghị Toàn Cầu về Triết Học Trung Hoa  
(The First World Conference in Chinese Philosophy)  
tổ chức tại Đài Trung, Đài Loan, quy tụ các học giả khắp thế giới

Prepared for internet by Vietnamese Missionaries in Taiwan

1. Mùa hè năm 1949 ở Honolulu có hội nghị quốc tế về Triết học quy tụ các đại biểu trên 50 quốc gia (đại diện Á Châu có Ấn Độ, Tàu, Nhật). Tôi đặc biệt chú ý tới hội nghị này vì trước hết mục tiêu của hội nghị là tìm ra cho nhân loại một nền **Triết lý chủ đạo**. Hội nghị cho rằng vì thiếu nó mà nhân loại đã trải qua hai cuộc đại chiến hoàn cầu. Thử đến hội nghị đã đề cử **Khổng Tử** làm nhạc trưởng cho cuộc hòa hợp Đông Tây nọ vì ông có chân đứng trên cả hai tàu: vừa chấp nhận và cải thiện đời sống trần gian nhất là trong những mối giao liên của con người. Đàng

**khác tuy không chấp nhận lập trường Lão Giáo độc chú vào đời sống tâm linh, nhưng cũng dọn phòng đón nhận mọi giá trị tâm linh** (Essay in East West philosophy. By Charles Moore, page 447. University of Hawaii 1951).

2. Đây là lời tuyên bố làm vinh dự cho chính những người tham dự hội nghị vì câu trên tàng chứa được ba nhận xét đều sâu xa và ơn ích. Có thể nói đây là đỉnh cao nhất mà hội nghị quốc tế Triết Học có thể tới, vì những hội nghị này ít đạt được sự đồng ý về một điều gì, nhiều khi còn là cuộc đối thoại giữa các người điếc, hoặc vấn đề đưa ra bàn cãi có tính cách xa lắc xa lơ với cuộc đời. Nhưng lần này các triết học gia đã nhìn thẳng vào đời, đã thấy đời đang mắc bệnh và gọi đúng tên bệnh tức là thiếu hồng huyết hòa, mà chỉ có bạch huyết rã, làm cho con bệnh trở nên nhợt nhạt, mất hướng đi, không biết đâu là lối về, đáng gọi là vô gia cư (homeless). Hội nghị đã thấy thế và chỉ ra bài thuốc Hòa. Toa thuốc còn ghi là "Hòa tinh thần với vật chất" lại còn chỉ rõ phải đến với dược sĩ nào. Rồi đây trong bài tôi sẽ chứng minh những lời chỉ dẫn nọ đúng đến đâu.

3. Câu tuyên bố trên quả là một sự thành tựu lớn lao do một quá trình nghiên cứu tinh thông về Nho trải dài cả trăm năm với những tên tuổi lẫy lừng như H.G. Creel, những Marcel Granet và những triết gia như Keyserling, Karl Jaspers... mới đạt được lời tuyên bố đó, tuy chỉ xảy ra trong phạm vi triết và chưa được nhiều người chú ý tới cách cân xứng, nhưng quả thật phải kể là một biến cố quan trọng có tầm mức lớn lao. Chúng ta đều biết rằng "Nhân loại bao giờ cũng được dẫn đưa do tư tưởng". Cho nên các nhà tư tưởng bầu Khổng Tử lên chức lãnh đạo triết lý Đông Tây, thì cũng là bầu ông lên chức hướng đạo thế giới. Đó quả là vinh dự không tiền khoáng hậu. Càng lớn hơn nữa khi ta biết rằng đứng về phương diện ngôn từ và lý luận mà đem Khổng Tử đặt bên cạnh Phật Tổ hay Socrates, Platon thì ông có phần lép vế, vậy mà lại được chọn.

4. Tuy nhiên sự tuyên dương long trọng kia lại rơi vào quên lãng liền, không gây nên một âm vang nào đáng kể ngay cả trong lãnh vực triết học, kể cả triết học Trung Hoa thì tự nhiên ta phải hỏi vì đâu. Riêng tôi nghĩ rằng cái hướng hội nghị đưa ra thì thật là đúng nhưng đó mới chỉ là bằng chỉ đường, chưa phải là Chính Đường. Thế mà trong các lần hội nghị về sau mãi cho tới nay chưa có được một công trình nào đáng gọi là đường, tức trình bày Nho cho thấu triết xứng tên là một Đạo học. Vì thế tôi lấy điều đó làm đề tài cho bài này mong tìm ra chỗ thiếu sót, hy vọng có thể sửa soạn cho một nền Triết Nho đầy đủ. Nếu không thì cũng là thử đề nghị một lối nghiên cứu Nho kiểu mới. Trước khi vào bài, tôi xin mở ngoặc đơn để nói lên rằng đối với tôi, Khổng Tử chỉ là đại diện cuối cùng của Nho Giáo, Nho Giáo đã có lâu trước, Khổng Tử chỉ là người truyền đạt. Vì thế khi nào bài này nhắc đến Khổng Tử thì xin hiểu đó là Nguyên Nho, nó rộng lớn hơn Khổng Giáo rất nhiều. Bây giờ xin trở lại phân tích lời tuyên ngôn nói trên của hội nghị Honolulu.

5. Trước hết tôi xin giới thiệu lướt qua lối trình bày mà tôi sẽ áp dụng trong bài này. Nó ở tại sự tóm tắt nền triết được nghiên cứu vào một hai điểm then chốt cùng cực và được gọi là cái toàn thể, rồi đem đối chiếu cái toàn thể đó với một số toàn thể khác. Thế rồi cái toàn thể kia lại được chi tiết hóa thành bốn điểm để dễ xét thấu đáo. Bốn điểm đó là Từ, Tượng, Số, Chế.

**Từ:** là lời nói nhằm vào những lời then chốt nhất của nền triết Nho.

**Tượng:** là tượng hình tiêu biểu, những huyền thoại, truyền kỳ.

**Số:** là những số biểu tượng gọi là huyền số.

**Chế:** là những thể chế, thói tục, những phương thức sống, cách thức tu luyện.

6. Đây là bốn khía cạnh được dùng để xét một nền triết lý nhân sinh xem có được toàn diện chăng. Một nền triết có sống được nhiều hay ít, bao quát được toàn thể cuộc sống hay chỉ phụng vụ phần mở là tùy nó trải qua được hết cả bốn nấc thử thách nọ. Bởi thế bốn điểm trên có thể dùng như

thước đo giá trị từng nền triết về phương diện vào đời. Phải công nhận rằng phần lớn triết học chỉ trải qua được có một chặng đầu. Nguyên Nho thì đã đi hết bốn bước. Nhưng tự Hán Nho thì sa đọa, nên cũng không còn người đi hết được cả bốn chặng nữa. Vì thế mà Nho bớt hiệu nghiệm. Muốn hiệu nghiệm phải có người đi được bốn bước trên. Sách Trung Dung gọi người đó là "kỳ nhân", người chính công của Nho "Văn Võ chi chính bố tại phương sách". **Kỳ nhơn** tồn, tắc kỳ chính cử. Kỳ nhơn vong, tắc kỳ chính tức. TD 20. Câu trên có nghĩa là triết lý chính trị của Nho (kỳ nhân) còn, thì triết lý chính trị đó sẽ hoạt động mạnh, nếu kỳ nhơn đó mất tức chưa xuất hiện thì triết lý chính trị đó cũng như không. Vậy xin hỏi kỳ nhơn đó là ai? Thưa là triết gia Nho. Nói triết gia mà không là học giả cũng không cũng không cả quan niệm học gia, mà phải là triết gia, thì kinh điển Nho vẫn chỉ là một đồng hồ mộc. Phải có triết gia Nho, phải có kỳ nhơn đó thì Nho mới hiện thân lên những tư tưởng sống động để đi vào cõi người ta. Nghĩa là triết gia đó phải có những tư tưởng cùng chiều như Nho, nhưng lại phải hợp cảm quan thời đại, phải có những cái nhìn soi dọi vào các vấn đề khúc mắc hiện nay, thì đây mới là kỳ nhơn của **Nho**.

7. Bao giờ người đó đến thì không biết và có lẽ câu hỏi cũng không mấy quan trọng vì Nho vốn là triết lý tác hành, không trông cậy vào tha lực, mà phải tự mình làm ra vì thế câu hỏi đúng tinh thần **Nho** hơn phải là: làm thế nào để **chúng ta có hy vọng trở nên kỳ nhân của Nho**. Hay nói cụ thể hơn phải hỏi rằng cái đặc trưng của Nho ở chỗ nào và phương pháp nào có thể ám hợp hơn hết cho ta theo để nếu không thành triết gia Nho thì ít ra cũng **biết trình bày Nho một cách trung thực để con người thời đại hiểu được Nho hơn. Muốn thế việc cần trước tiên phải biết cách thấu triệt đâu là nét đặc trưng của Nho? Thưa nét đó nằm trong chỗ Nho đi được cả bốn bước Tù, Tượng, Số, Chế. Chúng ta hãy xét từng điểm:**

## I. TÙ

8. Tù tức là lời. Lời của Nho rất ít. Không Tử là hiền triết nói ít nhất trong các triết gia trên đời. Đã vậy về Đạo, về Nhân thì hầu ông không có lời nào. Đây là nét đặc trưng mà xưa nay chưa mấy được chú ý, nên cần bàn thêm. Lời nói là một phát minh rất quan trọng của con người, nó mở đường cho mọi tiến bộ về sau. Vì thế nó có sức thôi miên, gây thành khuynh hướng thờ lời như một cái gì thần thánh, mà ta còn thấy dấu vết trong những lời chú mà người xưa đã gán cho rất nhiều uy lực; nhưng sau này người ta cũng đã nhận ra tính cách ma thuật của nó. Ngoài ra lời nói cũng có sức quyến rũ khác đến nỗi những triết gia thượng thặng như Lão Trang đã hiểu rõ rằng "Đạo bất khả ngôn", Vì thế "tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri". Vậy mà các ông còn nói lu bù về đạo. **Lão Tử thì để lại năm ngàn lời trong Đạo Đức Kinh. Trang Tử để lại lối mười vạn lời trong cuốn Nam Hoa Chân Kinh.** Vậy mà kể là còn ít so với các triết gia tên tuổi khác **như Plato, Aristotle chẳng hạn, các vị này nói có cả hàng triệu lời.**

Theo luật răng đau của Bernard Shaw rằng người ta chỉ nói đến răng khi răng đau. Cũng vậy **nói nhiều quá về Đạo là tỏ ra chưa đạt Đạo.** Phương ngôn quen nói "**Nhất lý thông, vạn lý minh**". Cái lý thì cùng cực đó, Lý trên nhất đó chính là **Lý Thái Cực**. Nếu đạt được thì tự nhiên mọi lý khác thuộc phần mở liền sáng ra, khỏi cần nói nhiều. Còn khi không đạt cái Lý viết hoa đó thì cứ phải bày biện lý lẽ kia rườm rà, quanh quất, nên có câu "**Thất Lý nhi nhập ư thuật**" không đạt lý nên bày ra muôn vàn lý lẽ quanh co (thuật). Vì Lý viết hoa đó là Lý Thái cực, vốn gồm cả **Âm**, cả **Dương**, cả **Có** cả **Không**, cả **Đa** cả **Nhất**, cả **Tĩnh** cả **Động**, cả **Sáng** cả **Tối**... Còn nếu không đạt Lý đó thì chỉ có một bên, một duy nào đó: thiếu mất bên kia, nên lời nói hết hiệu nghiệm: phải thêm hoài mà vẫn chưa cảm thấy đủ. Kinh Dịch nói:



**"Nghĩ giả kỳ Từ chi  
cát nhờn chi Từ quả  
Táo nhờn chi Từ đa**

"Người còn nghi nan trong lòng thì lời nói rậm lời không có tư tưởng, (ngành ngọn: chi) Người đạt (may mắn) thì nói ít nhưng đủ để bao được cả trong lẫn ngoài. Người táo kết (bất thông) thì nói nhiều. Nhiều nên hiểu là nhiều chủ thuyết mà không có thuyết nào đạt địa vị ưu thắng.

9. Biết thế rồi ta mới thấy sự ít lời trong Nho có cái giá riêng biệt của nó. Ít lời đây không vì bất lực, nhưng là vì lời đã chứa đầy uy mãnh rồi; khỏi cần nói thêm. Theo đó ta phải tìm xem lời nào đầy đủ nhất trong Nho? thưa đó là ba chữ "**Chí Trung Hòa**". Ba chữ này tóm thâu tinh hoa Nho giáo cách tuyệt vời cũng như nói lên được nét đặc trưng của Nho cách thấu triệt. Cho nên "Kỳ Nhon" của Nho phải là người nhận thức ra được mọi chiều kích ba chữ đó, để hiện thực vào thân tâm và diễn đạt ra cho mọi người cùng hiểu. Vậy chúng ta hãy dùng tượng hình và đồ biểu để trình bày sơ lược châm ngôn trên cho được rõ ràng. Câu đó nằm trong lời phát đoạn của sách Trung Dung rằng:

**"Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã.  
Hòa dã giả, thiên hạ chi Đạt đạo dã.  
Chí trung hòa:  
Thiên địa vi yên.  
vạn vật dục yên".**

Đoạn văn trên chỉ rõ đâu là bốn gốc, đâu là ngọn ngành: **Bốn là Trung, ngọn là Hòa. Hòa đây là Thái Hòa tức cái Hòa bao trùm hết tất cả: cả trời đất, cả vạn vật nữa. Và sự bao trùm diễn tả bằng chữ "dục" nghĩa là được nuôi nấng giáo dục.**

10. Để hiểu rõ hơn tưởng cần giải rộng câu trên. Trước hết là về ba chữ "**Chí Trung Hòa**". Trong quyển "**Chữ Thời**" tôi đã giải rộng bằng câu "**có chí Trung thì mới đạt được chí Hòa**". Cần lặp lại chữ **chí** để nói lên hai đàng khác nhau. **Chí Trung là bản, còn chí Hòa là hoa trái ngọn ngành**. Phải làm nổi bật cả hai để đặt nổi bước "**Lưỡng hành**" của Nho mà hội nghị Honolulu đã nói lên bằng hình bóng là "**có chân trên cả hai tàu**". **Điểm lưỡng hành** này ít được học giả chú ý, thí dụ James Legge dịch ba chữ kia là

**"Let the states of equilibrium and harmony exist in perfection"**, không dám nói là dịch sai nhưng bản dịch làm chìm mất tính chất lưỡng hành của câu nói. Đọc lên người ta không thấy Trung là căn bản, Hòa là hoa trái. Muốn cho dễ thấy được điều đó thiết tưởng phải dịch là

**"When the centering is utmost, the Harmony is the greatest"**.

Dịch trung bằng chữ centering bao hàm được sự "**tiến hành vào nội tâm**", và khi tiến vào đến cùng cực thì đạt Thái Hòa là hòa âm với dương, tức cái hòa nền tảng, bao trùm cả trời cùng đất. Để giải rộng hơn nữa ta có thể nói:

**"The deeper is the centering, the greater is harmony"**

câu này đặt theo câu cách ngôn triết Tây:

**Plus la compréhension est petite, plus l'extension est grande"**.

Tuy câu công lý này chỉ nằm trong bình diện ý niệm, nhưng chiều hướng thì cũng như **chí trung hòa**, là vào càng nhỏ thì sức bao gồm bên ngoài càng to. Theo đó, cái Hòa bên ngoài có thể dùng như tiêu chuẩn để đo độ sâu của cái Trung bên trong.

**Trung là đi vào Nội tâm: ta không thể kiểm soát nội Tâm, nhưng ta nhờ cái Hòa vốn liên hệ với Trung cách cơ thể, nên có thể nương theo Hòa để biết Trung đi tới đâu.**

**Nhất là khi Hòa còn được đèo thêm dấu hiệu cụ thể là sự nuôi dưỡng: sách nói nếu đạt chí Trung Hòa, thì:**

**"Thiên địa vi yên.  
Vạn vật dục yên"**

**Khi Trời Đất được xếp đặt đúng chỗ thì vạn vật đều được dưỡng nuôi.**

Hai chữ vạn vật ở đây nên hiểu theo nghĩa rộng gồm cả tâm lý: **Ý, Tình, Chí** đều được nuôi dưỡng. **Tức triết không chỉ có duy Lý hay duy Tình, hoặc duy Chí mà tất cả Tình Lý duy cùng tham dự.**

**Còn trong siêu hình là cả Thiên lẫn Địa, cả Âm lẫn Dương đều có phần.**

Tóm lại là không duy nào cả nhưng bao trùm hết. Được như vậy thì là dấu Trung đã đi tới chốn: nên có được chí Hòa, và vạn vật được nuôi dưỡng, không còn khát vọng nào đói khát làm reo, khiến Triết nhân phải nói thêm, nói hoài. Như vậy, ít lời không là dấu tốt sao? vì thế có thể kết luận được là **Nho đã thành công ở bước Từ**: không một nền Triết nào có thể tóm thâu được vào ba Từ như vậy.

## **II. TƯỢNG**

**11.** Bây giờ xét đến **Tượng**. Tượng là bước thứ hai sau lời. Văn hóa nào bám vào lời thì phải thái bỏ hết các biểu tượng, nên Tượng chỉ có lác đác một cách cầu âu. **Nhưng văn hóa muốn đi vào đời tất phải có Tượng, vì nó cụ thể gần với việc, nhất là nó mềm dẻo để uốn nắn theo hoàn cảnh là điều cần trong đời sống muôn mặt.**

**Tượng lớn hơn hết trong nguyên Nho là những quan niệm về Trời, Đất, Người được biểu tượng bằng hình Tròn Vuông, "Thiên viên địa phương": Trời Tròn Đất uông.**

Biểu tượng này không hẳn riêng của Nho trong các nền ăn hóa thời sơ khai người ta gặp hình tròn vuông lu bù, như **mandala** là thí dụ. Nhưng đến nay chúng đã quá lu mờ, không thể biết rõ ban đầu chúng có biểu thị Trời Đất chẳng, cũng không biết trải qua các chặng biến hóa hình tròn vuông đã chỉ thị những gì thì chưa được tìm ra. Tuy nhiên đó là phần việc của khảo cổ và cổ sử. Riêng trong Triết, người ta cũng thấy có dấu vết của một số **Văn hóa nghiêng về Tròn**, hoặc **nghiêng về Vuông**, thí dụ như thời **đại thạch thì nghiêng về Tròn**, như thấy trong kiểu xếp đặt theo vòng Tròn trong các **Menhir bên Pháp hay stonehenge bên Anh**. **Ấn Độ có biểu hiệu rắn cắn đuôi, tức cũng Tròn.**

Ngược lại **bên Sumer hay Assyria thì thiên trọng về Vuông**, như thấy trong hình các **Ziggurat** luôn luôn vuông.

**Quan sát theo mấy ấn tích lớn đó, ta có thể nói hầu như không nơi nào có được Tròn Vuông hòa hợp.**

Riêng bên Nho thì Tròn uông hòa hợp và có đầy tang chứng: tiêu biểu hơn là cả **đền Tế Thiên với nền Vuông mái Tròn. Xe vua đi thì Thùng Vuông Mui tròn. Nho gia đi Giày Vuông đội Mũ Tròn...**

Do biểu tượng Tròn uông trên ta có thể phân ra ba loại triết.

Một loại chỉ lo có **Tròn** tức **Duy Vô** hoặc **Duy Nhất**, thiếu **đa** tạp chỉ bằng hình uông. Vì vậy chỉ bằng vòng Tròn.

Loại hai chỉ có **Vuông** tức là **duy Hữu duy Đa tạp**, không nghĩ tới **Nhất** hay **Vô**. Ta hãy chỉ thị bằng hình Vuông.

Loại ba **Tròn Vuông hỗn hợp**. Tục ngữ Việt gọi là "**Mẹ Tròn con Vuông**" tức Tròn (tinh thần) thâm thấu hay bao bọc lấy vật chất vuông. ( Trong Toán học hình Vuông ngoại tiếp là Tròn Vuông hòa hợp )

12. Hãy soi sáng bảng trên bằng vài thí dụ tổng quát. Khi đọc Lão Trang chẳng hạn, ta thấy đó là những thiên tài cao cả, có khả năng đưa ra những cái nhìn thấu triệt, những hình ảnh ví von tuyệt vời là ta có cảm tưởng lạc vào một thế giới thần tiên, siêu thoát. Nhưng nếu tìm cách áp dụng những lời đó vào cuộc sống ta sẽ thấy lung tung. Rồi ta nhìn kỹ lại thì cảm tưởng các ngài còn ở lại cõi tiên mà ta gọi là cõi Nhất. Các ngài bám vào cái nhất không sao ra đa tạp được, nghĩa là trước sau chỉ có một đề tài và chỉ chuyên về nói: Nổi về Từ, Ý, không còn hơi sức cho việc làm (Dụng, Cơ),  
Nên ta thấy có sự bất lực kinh niên về kinh tế, chính trị của loại Triết này.

**Như vậy theo câu "Chí Trung Hòa" thì chưa đạt Đạo, tức chưa gồm cả Âm, cả Dương.**

Thực ra những lời đó không thiếu giá trị nhưng là giá trị phần mớ như về suy luận, hoặc đóng góp vào hội họa, vào tu tâm nhưng đối với đời sống toàn diện thì kể là bất lực.

13. Lối thứ hai gọi được là **đa phương**. Mới xem ta có cảm tưởng là rất phong phú. Tư tưởng kết nạp một cách rất mạch lạc. Nhưng khi xem kỹ lại thì tất cả chỉ có một chiều: thiếu mối liên hệ nền tảng giữa **Có** với **Không**, giữa **Động** với **Tĩnh**, giữa **Nhất** với **Đa** mà chỉ có **Đa** thiếu **Thống nhất**, nên ví được với thần Cộng công chạy vòng quanh núi Bất-chu không tìm ra lối vào thiên thai nói bóng là húc đầu vào cột chống trời, làm trời sụp. **Đó là lối suy luận của Duy lý hay Duy Trí, xây trên những Tượng ý** (Imago - Idea) của sự vật lẻ tẻ. Kinh Dịch chỉ bằng

**Bởi thế về tinh thần phải nhờ Tôn giáo đảm nhận, Luân lý cũng phải xây trên Tôn giáo. Triết học không đủ uy tín đưa ra được nền luân lý độc lập. Thế những triết học lại thường chống đối tôn giáo: hai đảng không sao cộng tác được với nhau để hướng dẫn đời. Đảng phải đạo đời riêng rẽ. Đó quả là một tai họa.**

Vì lý tưởng phải là **Đạo Đời tương thông**, và lẽ ra cả hai chỉ là **Một**, y như Xác Hồn chỉ là những hình vuông rời rạc, không tìm ra được vòng tròn để bao bọc lấy, để thống nhất lại: hậu quả là vạn vật không được nuôi dưỡng "**Vạn vật bất dục yên**" hiểu là **những ý niệm đó không được tầm nhuận trong luồng linh lực trào lên tự thâm Tâm (tiềm thức hay siêu thức) để nuôi**

đưỡng, nên chỉ là những ý niệm trừu tượng khô cứng, đọc vào không đủ để di dưỡng tính tình, nên triết học gia cứ phải đi tìm thêm mãi. Làm người ta liên tưởng tới chuột chạy vòng, chạy hoài mà không tới: qua hết môn phái này đến môn phái kia, quả là đa phương, nhưng thiếu hướng. Thiếu hướng đi thì môn triết học chỉ còn là cực hình Tantalus như Kant có lần đã nói thế, hoặc như Nietzsche gọi sinh viên triết là "các thánh tử vì đạo" (tử vì triết). Vì học triết đã đọc ra sự học rất nhiều ý kiến của nhiều triết gia, cuối cùng không biết theo đường nào: sự học chỉ làm khô cạn tâm hồn, trở nên cực hình và không có nuôi dưỡng, không bơm sinh lực vào tâm trí. **một con người.**

**Tuy nhiên ta cũng phải công nhận giá trị của loại này ở chỗ chứng tỏ cho ta sự hạn cực của Lý trí. Và vì không có lối nào mà nó đã không đi tìm kiếm nhưng đều thất bại thì điều đó cho ta một kinh nghiệm sâu xa về sự bất lực của triết học lý niệm, khiến ta phải tìm ra lối siêu thoát nẻo Tâm linh. Cái giá trị của Triết học duy Trí ở chỗ đó.**

**14.** Loại ba là gồm cả Vào lẫn Ra, cả Trong lẫn Ngoài, cả Hữu lẫn Vô, cả Lý trí lẫn Tâm linh. Lý trí hay vòng ngoài được biểu thị bằng hình vuông được bao bọc bằng tâm linh biểu thị bằng hình tròn thành "mẹ tròn con vuông".

**Hình này là biểu thị câu "vạn vật đục yên":** vạn vật là vuông được vòng tròn chỉ tinh thần bao bọc. Nếu loại một là lên tiên rồi ở lại trên đó, thì **loại ba giống Tù Thức lên Tiên chơi ít lâu rồi về làng đặng cố làm cho đời sống của làng thêm tốt đẹp.**</vô>

Tôi không có ý áp dụng ba loại trên vào từng nền Triết đích danh nào cả, mà chỉ có ý đưa ra cái khung tiên thiên để làm cho điều muốn nói được thêm rõ ràng.

**Nhưng riêng về Nho thì tôi phải cho là một trường hợp ngoại lệ, và nghĩ là nó đã đi sát loại ba hơn hết. Tôi cho chính đó là lý do Nho được hội nghị Honolulu tuyên dương là có chân trên cả hai tàu: Tinh thần và vật chất. Vật chất biểu thị bằng hình Vuông được bao quanh bởi tinh thần chỉ bằng vòng Tròn. Tròn vuông nói lên chữ Hòa cao sâu nhất.**

Trên đã nói về nét Tròn như chí trung, như cột gốc. Bây giờ ta nói đến Hòa như trái, và ta sẽ dùng số để triển khai điều này.

### **III. SỐ**

**15.** Số là bước thứ ba sau Tượng. Số cũng là một thứ Tượng, là kết tinh của Tượng, là bước trừu tượng hóa của Tượng. Thay vì nói Tròn uông thì đổi ra số Lễ (tròn) số Chấn (vuông) nhờ vậy mở rộng sự dùng tượng ra rất nhiều. Vì mỗi liên hệ chặt chẽ giữa Số và Tượng nên những nền văn hóa ít xài số lu bù và cách rất hệ thống, chứng tỏ đã bước mạnh vào đời.

Số của Nho lấy từ câu Kinh Dịch rằng "Tham thiên lưỡng địa nhi ý số" câu này là sự phân tích của Ngũ hành, mà Ngũ hành là một cơ cấu uyên nguyên của Nho, nhưng cho tới nay chỉ được dùng theo nghĩa ma thuật hoặc dùng để xếp loại còn dùng như cơ cấu thì hầu như chưa ai động đến. Cho nên có một số điểm rất quan trọng mà cho tới nay hầu như chưa thấy học giả nào nhìn ra. Vì thế chúng tôi thấy cần phải bàn sơ qua những điểm đó.

**16.** Trên tôi đã bày tỏ rằng có ba loại Triết lý, mà riêng Nho biểu lộ lưỡng hành cách liên tục bằng cơ cấu. Vậy then chốt cơ cấu đó nằm trong Ngũ hành.

Vì Ngũ hành bao gồm cả **Có** lẫn **Không**. Chính mối liên hệ giữa **Có** với **hông** này làm **Cơ cấu** **uyên nguyên**.

**“ CỐ “ là 4 Hành chung quanh,**

**“ KHÔNG “ là hành Thổ ở trung cung,**

cũng gọi là "hành vô hành" "Địa vô địa". Nhờ mối liên hệ then chốt nọ mà có cơ cấu **uyên nguyên**: giữa **Hữu** là **Dương** thông hội với **Vô** là **Âm**.

**Vì là cơ cấu uyên nguyên nên được cơ cấu hóa thành khung Ngũ hành.**

**17.** Chỉ nội cơ cấu trên đủ nói lên nét đặc trưng của Nho mà hai loại Triết kia đều không có. Thay vì Ngũ Hành chỉ có tứ tố, gọi **Tố** là vì cái gì bất động, một chiều như con số bốn chứng tỏ, có chia ra vẫn chỉ là số chẵn, hoặc số 1 cũng vậy.

Đôi khi ta cũng gặp tứ thứ năm như Aristotle đã thêm ether vào bốn tố kia là **nước, lửa, khí, đất**. Nhưng ether thuộc cùng bình diện hiện tượng tức là **Hữu** không phải là **Vô**, nên kể là thiếu hành uyên nguyên đi từ **Vô** sang **Hữu**, thiếu đối đáp nền tảng. Cả bên Ấn Độ cũng chỉ là tứ tố, đôi khi cũng có thấy tứ thứ năm như trong phái Sankhya. Nhưng tứ thứ năm cũng thuộc cùng một bình diện nên vẫn không được gọi là hành. Vì hành hàm ngụ sự đi từ **Hữu** sang **Vô** hay ngược lại. Do lẽ đó **tứ tố không được cơ cấu hóa để đặt nổi mối Tương Quan nền tảng giữa Hữu với Vô và tất nhiên không có những phát triển sâu rộng thành Hồng Phạm, Lạc Thu, Minh Đường... Tất cả đều là phát triển do câu "Tham thiên lưỡng địa nhi ỷ số"**.

**18.** Hai bộ số trên mà Kinh Dịch tuyên dương là cột trụ vì chúng chuyên chở những chân lý nền móng của Nho. Bao lâu chưa thấu hiểu thì chưa thể trở nên Triết gia của Nho. Sự thấu hiểu này nếu không làm cho học giả trở nên triết gia thì cũng giúp cho dễ phân biệt đâu là bỗn đâu là ngon. Một cái biết cần thiết cho bất cứ ai đáng mặt Triết gia; nên cần bàn thêm ít lời.

**Hai bộ số trên chứa ba nhóm chân lý phải gọi là ngược chiều con mắt với lương tri, nhưng nó ngược kiểu rễ cây phải mọc ngược chiều với thân cây; gốc cây đâm xuống thân cây mọc lên.**

Thân cây là những hiểu biết thông thường bằng lương tri, thân nhận qua giác quan nhất là tai mắt ai cũng thấy ai cũng nghe hết. Nhưng Triết nào chỉ gồm có những chân lý loại này thì kể là Triết của con mắt, là Triết một chiều, vì không có hạn từ ngược để đặt ra mối Tương Quan nền tảng (mà Kinh Hùng gọi là cánh Đồng Tương). Mấy chân lý này đi theo ba bộ số 2,3,5.

**Số 2.** Chỉ chân lý ngược chiều đầu tiên là **vũ trụ quan biến hóa biến dịch**. Nó ngược lại tai mắt: Vì ta thấy sự vật im lìm, một khối. Đây lại bảo là sự vật biến động, có hai mảnh nên được cơ cấu hóa bằng số 2. Chính con số này làm nên mối **Tương Quan** nền tảng nhờ đó Nho đáng tên là tổ sư của cơ cấu luận.

**Số 3.** Thứ đến là **số 3 chỉ con người**. Mắt thường thấy sự vật một là có hai là không. Không có trường hợp thứ ba: triết Tây gọi đó là nguyên lý triết tam: middle exclude, tiers exclu. **Triết Đông lại bảo có trường hợp thứ ba: đó là vừa có vừa không một trật**. Điều này chứng tỏ ngoài con người bé nhỏ còn có con người cao cả gọi là **đại ngã tâm linh** biết xem thấy cách siêu việt bên trên con mắt thường, và vì thế dung hòa cả **Có** với **Không**. Và do đó con số ba chỉ **con người Nhân chủ**. Đó là chân lý ngược đời, vì theo mắt ta thấy người chỉ là vật bé nhỏ như "cây sậy trước vô

cùng tận" Thế mà ngược lại Nho bảo **con người có cái Tâm bao la như vũ trụ: "Vũ trụ chi tâm"** (Kinh Dịch). Vì thế Nho đáng tên là Nhân chủ: con người trong Nho cũng là vua như Trời cùng Đất.

**19. Số 5** (do  $2+3=5$ ) **thành ra là hành Ngũ**. Đi về hành Ngũ cũng là đi về với số **không**. Lại ngược chiều nữa: ở đời ai chẳng muốn **có**, thế mà đây lại bảo đi về **không** là sao?

**Thừa không đây chẳng phải là không có gì hết** mà là **KHÔNG viết hoa**, là cái Không chân thật làm nền tảng cho mọi cái có. Nó ví như cái giếng thiêng luôn luôn vọt lên nước hằng sống, nên cũng gọi là mạch Cam Tuyền để tâm nhuận những thể chế thối tục. Vì thế mà những thể chế đó được trình bày bằng khung ngũ hành như chúng ta sẽ thấy sau.

[ Số 5 là *Vector equilibrium* và Ngũ hành là nguồn Năng lượng Tình yêu sáng tạo ra Vũ trụ ,  
nguồn **Tình Yêu có công Thức  $E = mc^2$  (Einstein)** do người viết đưa vào ]

Đó là mấy chân lý ngược chiều gắn liền với ba con số nền tảng của nho 2,3,5. Vì là nền tảng nên Nho nguyên thủy dùng những số này cách trần ngập nó làm nên xương sống của Kinh Dịch là Kinh cội gốc của nho.

#### IV. CHẾ

**20.** Để Ngũ hành có thể trở thành khung chứa các thể chế thì tiên Nho đã kếp nét Ngũ hành lên: trước hết kếp thành vòng trong ,

[ ( **vòng trong**:  $1/2 - 5 - 3/4$  , **vòng ngoài** :  $6/7 - 5 - 8/9$  : **Cơ cấu Lạc Thư** “ *Vector equilibrium* ) do người viết đưa vào ) ]

sự phân biệt này cung ứng cho hai chữ **lưỡng hành** cả một lược đồ đặc biệt, làm cho thấy rõ câu **"có chân trên cả hai tà"**: **chân trong chân ngoài cân đối**.

**Vòng trong vòng ngoài** là căn để của Nho, được phát triển cách cơ cấu ở đợt nhất là ngũ hành; ở đợt nhì gọi là vòng thành thì ngũ hành đã trở thành sự vật đặc. Đây là **vòng đi vào thể sự, đi vào Thực hiện, nhưng vẫn lấy Tâm linh làm gốc**, như các số 6,7,8,9 gốc từ số 5 vậy. Vòng trong vẽ nét đứt chỉ Vô, chỉ Tâm, chỉ Tiềm thức, làm nên phần Nội thánh và phải dịch là **five agents**. Vòng ngoài vẽ nét liền chỉ cõi Hiện tượng tức sự Vật đã thành hình, có thể dịch là five Agents Sau đó biến vòng trong vòng ngoài thành Hồng Phạm Cửu Trù.

**21.** Hồng phạm cửu trù là đưa các số của 2 vòng trên xếp vào khung Ngũ hành kếp mà thành nên như hình bên:

<b>4</b> <b>Ngũ Kỹ</b>	<b>9</b> <b>Ngũ Phúc</b>	<b>2</b> <b>Ngũ Sur</b>
<b>3</b> <b>Bát Chính</b>	<b>5</b> <b>Hoàng Cự</b>	<b>7</b> <b>Kê Nghi</b>
<b>8</b> <b>Thứ Trung</b>	<b>1</b> <b>Ngũ Hành</b>	<b>6</b> <b>Tam Đức</b>

Vì có 9 lô nên Hồng phạm luôn luôn kèm theo tên **cửu trù**, tức đem những việc then chốt của đời sống đặt vào 9 ô của Hồng phạm để biểu thị lòng quyết tâm làm những việc đó theo như mẫu mực lớn lao nọ, tức theo trời (Thuận Thiên).

Hồng phạm chính là cái khung tiên thiên đưa ra làm mẫu mực cho các thể chế khác mà quan trọng hơn hết là nhà Minh Đường với thể chế Nguyệt Lệnh.

**Nhà Minh Đường** hay là "nhà vũ trụ" vì có ba tầng chỉ Trời, Đất, Người. Đó không chỉ khác hơn là Hồng phạm cửu trù nhưng có 12 trù (Vi 4 trù góc chia đôi thành 8) để hợp với 12 tháng. Mỗi tháng có mệnh lệnh riêng ăn gì, mặc áo màu nào, ở phòng nào... Vì thế gọi là Nguyệt Lệnh. Đó là thể chế cho câu **tu thân vi bản**, tu sao cho **người** hợp với **Trời Đất** thì đạt đạo. Đó gọi là **Thuận Thiên**. Sự thuận thiên được biểu thị bằng màu, số, phương phải hợp nhau thí dụ mùa xuân thì phương Đông, số 3, màu xanh; mùa hạ màu đỏ, thu trắng, đông đen...

Tuần cuối mỗi mùa vua phải ở căn giữa để chỉ sự siêu thoát ra khỏi thời gian và không gian, tức vào ở với hành ngũ vốn là "Hành vô hành, địa vô địa". Để làm chi? Thừa để không làm chi cả. Có còn trong thời gian không gian đâu mà làm. Vậy chỉ còn cách là "làm cái không làm" (Vi vô Vi). Trang Tử gọi đó là "Nhan Hôi ngồi mà quên đi" để có được "Trai tâm" hoặc "Hư tâm". Khi có hư tâm tức tâm hồn trống trơn thì linh thiêng sẽ xuất hiện, để xảy ra hiện tượng "Giao Chi" là chỉ Trời chỉ Đất giao thoa, làm nên cuộc Thái Hòa. Đó là đạt đạo. Kinh Dịch nói tóm lược trong câu "**An Thổ, đôn hồ nhân, cố năng ái**". An thổ là vào ở trong **Hành Thổ** ngồi quên mọi sự, nhờ đó sẽ biết bản tính con người to lớn như vũ trụ, nên tất cả đều là anh em, do đó có thể yêu mọi người to lớn như vũ trụ, nên tất cả đều là anh em, do đó có thể yêu mọi người, yêu cách trung thực nên không làm hại người vì lòng yêu người của mình. Đó là ý câu "cố năng ái".

---

### **Nhà Minh Đường**

**Nhà Minh đường** hay là "nhà Vũ trụ" vì có ba tầng chỉ **Trời, Đất, Người**. Đó không chỉ khác hơn là Hồng phạm Cửu trù nhưng có 12 trù ( vì 4 trù góc chia đôi thành 8 ) để hợp với 12 tháng.

**Mỗi tháng có mệnh lệnh riêng: ăn gì, mặc áo màu nào, ở phòng nào. . ., vì thế gọi là Nguyệt lệnh..**

**Nhà Minh đường với 12 trù Đố là thể chế lấy câu “ tu Thân vi bản “, tu sao cho Người hợp với Trời Đất thì đạt Đạo, đó gọi là Thuận Thiên . Sự Thuận thiên được biểu thị bằng màu số, phương phải hợp với nhau, thí dụ mùa Xuân thì phương Đông, màu xanh, mùa Hạ thì màu đỏ, Thu trắng, Đông đen.**

---

Xem thể đủ biết thể chế Minh Đường chính là bản gốc của Nho hay nói **tu Thân vi bản** cũng thế, vì tu thân được cơ cấu hóa thành khung **Minh Đường**, nên Minh Đường cũng là nền móng đường lối tu thân, nó là gốc. Vì vậy thời nguyên nho Vua chỉ **trị vì** mà không **cai trị**. Việc cai trị để cho các quan, còn vua dùng hết thời gian mà tu thân, mà ở nhà Minh Đường. Đó gọi là **vô vi nhi trị**. Do đây mà vua xưa là nhà **tu tế thượng phẩm** trước hết, còn chức **hoàng đế** chỉ là thứ yếu, tức cai trị coi như việc tùy có thể ủy thác cho các quan, còn vua thì phải lấy việc tu thân làm gốc.

Thiên **Vũ công** không là lịch sử (không có trong sử ký) mà chỉ là bản tường lý tưởng diễn tả cung cách hành đạo của người lý tưởng gọi bóng là Đại Vũ thực hiện quy chế nhà Minh Đường. Sau 4 năm tuần thứ 4 phương thì về trung ương hội với các thần ở Cối Kê. Sử ký của Tư Mã Thiên (SM. T.3.p.413) nói vua tế **phong** trên núi Thái Sơn, rồi về tế **Thiện** trên núi Cối Kê (Kinh đô U Việt). Chữ **Thiện** cũng đọc là **Thiên** và nghĩa tương đương với **thiện nhượng** là nhường lại. Đó là tinh thần hành ngữ: là đi về với chỗ trống trơn, nhường lại hết: tức trút bỏ tất cả để hội với các thần (Hội Kê) hầu đạt bản tính con người đại ngã tâm linh. Đó quả là một lối thi vị hóa cách mệnh mông thể chế Minh Đường vậy.

**26.** Hồng Phạm còn là khung cho nhiều thể chế khác như Hà Đồ, Lạc Thư được dùng nhất là cho việc suy tư triết lý, nó nhấn mạnh trên luật hành động và phản động. **Hành động trong Hà Đồ** là đi ra ngoài thế sự rồi, thì phải **phản hồi ở Lạc Thư** là đi vào hành ngữ: ngồi mà quên đi để tiếp cận với giếng thiêng liêng đặng bồi bổ tinh thần đã sa sút khi tiếp xúc với trần cấu. Ngoài Hà Đồ Lạc Thư còn có phép tinh điền.

**Tinh Điền** chính là sự áp dụng Hồng Phạm vào kinh tế. Người ta đã hiểu theo nghĩa đen, nên nảy sinh ra rất nhiều tranh luận vô ích. Sự thực thì đó chỉ là lời dạy về sự phải phân chia tài sản trong nước sao cho đạt được đồng đều theo lý tưởng của Hồng Phạm, nói bóng là chia mảnh đất ra 9 ô theo cái mẫu mực lý tưởng kia. Vì thế **tinh điền** cũng chính là khung Hồng Phạm vậy. Nó ở tại Trời Người Đất cùng tham dự cả vòng trong chỉ bằng số 3, cả vòng ngoài chỉ bằng số 9. Nói bóng là Nữ Thần Mộc (số 3) cũng có tên là Cửu Thiên Huyền Nữ (số 9). Thực ra đó là đại diện cho nguyên lý mẹ luôn luôn có mặt trong nguyên Nho tạo nên thể hòa giữa âm dương, giữa nguyên lý trong nguyên Nho tạo nên Kinh Dịch gọi là **Càn Khôn**. Sự hòa hợp này được biểu thị bằng nhạc. Vì Nhạc là bà chúa sự hòa hợp. Nên nhận xét chỉ có nước vua Thuần mới có **bộ nhạc**. Xưa nay chưa đâu có bộ này.

**27.** Đó là đại để tinh hoa của nguyên Nho được đúc kết trong ba chữ **Chí Trung Hòa** mà tôi đã thử trình bày qua 4 đợt **từ, tượng, số, chế** để cho dễ nhận diện ra nét đặc trưng của Nho

**Từ** giúp cho có một ngôn ngữ sắc bén, thấu tóm cả hai đường nội ngoại.

**Tượng** giúp cho nho triết nhìn ra vị trí hòa giải của mình thật bao la.



**Số** giúp cho đi sâu vào gốc rễ để thấy những chân lý ngược chiều làm nên nét đặc trưng không ai có thể phủ nhận.

**Chế** giúp cho thấy nho vào đời một cách đặc sắc. Câu nói của hội nghị rằng "Không có chân trên cả hai tàu" được biểu thị cách cụ thể cùng tốt bằng 4 bước trên. Nên hi vọng chúng giúp cho kỳ nhân của Nho xuất hiện. Vì nếu kỳ nhân không ra thì đạo không căn cứ vào ai để hiện hành. "Cầu phi kỳ nhân đạo bất hư hành". Hệ từ hạ VIII.4. Xem đây sẽ thấy nguyên Nho khác với Hán Nho chỗ nào. Xưa nay vẫn có lưu truyền cho rằng: Nho đến hết đời Khổng Tử thì mất chính truyền. Từ đời Hán về sau Nho đã bị bẻ quặt. Tuy lưu truyền đó ai cũng công nhận ít ra cách mặc nhiên, nhưng chưa có một cuộc khai quật để biết nguyên Nho khác với Hán Nho chỗ nào. Tôi thiết tưởng Hán Nho đã nhảng bỏ mất 3 bước sau là tượng, số chế mà chỉ còn chuyên có bước đầu là từ. Điều ấy truyền cho tới ngày nay lại càng gia tăng gấp bội, vì khi người Tàu gặp văn minh Thái Tây thì lại càng chú ý đặc biệt đến từ.

**28.** Hãy nhớ lại buổi đầu một số Nho gia đã bị thôi miên vì logic đến thế nào. Khởi đi xa về trước chỉ cần nhắc đến Hồ Thích và Phùng Hữu Lan.

**Hồ Thích** đã say sưa logic đến nỗi đã phá luân lý Nho để đề cao khoa lý luận của Mặc Dịch, của Huệ Thi, cuối cùng chẳng đi đến đâu.

Đến **Phùng Hữu Lan** thì khá hơn nên ông đã được tặng danh hiệu triết gia. Nhưng danh hiệu này mới do ông Demiéville tặng, chưa được truy nhận rộng rãi. Tuy về phương diện văn học hàn lâm thì họ Phùng có đủ, hơn nữa về đảng triết ông cũng có bề thế vì đã nhìn ra tầm quan trọng của sự vô ích, vô dụng, tức đã nhìn ra sự quan trọng của chữ không. Nhưng rồi ông đã quá nghiêng về phía Hữu, phía Lý trí đến nỗi dùng cả kinh tế để giải nghĩa thượng tầng văn hóa y như cộng sản, thành thử cuối cùng ông đã giản lược Nho giáo vào 4 ý niệm trừu tượng là **Lý, Khí, Đạo, Đại Khổ**. Nho giáo là một đạo hành vi mà trình bày qua mấy ý niệm trừu tượng đó tức là đã nhỏ Nho ra khỏi đất tâm linh của nó để trông sang bên đất duy lý đa tạp rồi. Nói trắng ra là ông chặt của Nho mất một chân, còn đâu đủ hai chân tâm vật để mà lưỡng hành. Thành thử ông mới là một học giả, kiêm triết học gia (ideologue) chưa là triết gia, ít ra chưa là triết gia của Nho vốn có cả ngoại lẫn nội. Nội nằm trong ba số **tượng, số, chế**, còn ngoại nằm trong **từ**. Ông chỉ chú ý có **từ** với ý tức là logic. Vì sức quyền dụ của logic quá mạnh nên ta cần xét về điều đó tận nơi tổ của nó là triết học Tây Âu.

**29. Logic với Từ** chỉ là một: **Logic là sự phát triển của Từ**, vì logic thành bởi ý niệm, mà dấu hiệu của ý niệm là từ. Nên bám ý niệm cũng là bám từ: không đi xa hơn từ bao lắm. Ta chỉ xem cái tam đoạn luận trong Logic Aristotle ông tổ của lý luận là thấy ngay: "mọi người phải chết. Socrate là người nên Socrate phải chết". Đó là câu mẫu của danh lý hình thức mà mấy năm đầu ban triết tôi đã tôn biết bao thì giờ học để thi, đến cuối cùng gặp câu phê bình của Nietzsche: "Logic là một lối lý luận ngu đần nhất". Mà ngu thật. Nó có đưa lại yếu tố mới nào đâu, nó chỉ đi từ sự đã biết nọ đến sự đã biết kia, chứ nó không bắc sang một miền khác, sang cõi vô thí dụ để đặt liên hệ uyên nguyên hầu mở rộng chân trời ôm luôn cả vô thể, vì thế tôi muốn nói tiếp theo Nietzsche rằng "đó là chứng bệnh nan y, đến nỗi nhiều người đã biết nó là vô ích mà cũng không sao thoát được". Khởi nói về Nietzsche mà hãy lấy ngay ví dụ về Hegel vì ông cực kỳ chống logic mà ông cho là bất động, vì nó thành bởi những ý niệm đặc. Ông đề nghị phương pháp mới thay thế đó là **biện chứng pháp** là cái gì động, vì có hai mặt, thành bởi những cái chống đối nhau, nên gọi là mâu thuẫn. "Mâu thuẫn là mẹ tiến bộ", "chống đối là cha tiến hóa". Mới đọc ông, ta tưởng ông là kiện tướng dẫn ta leo trên cây cầu ngũ sắc để đi sang một thế giới huy hoàng, trung thực có hai chiều. Nhưng cuối cùng ông đã làm ta thất vọng. Cái cầu ông bắc giống cầu vòng, vươn lên thì có cao thật nhưng rồi lại cắm đầu xuống đất, thành ra một thứ duy kiêu mới, nên có người muốn gọi ông là "đứa con trụy thai của Á

Châu". **Con Á Châu** vì có thể ông lấy hứng để lập ra biện chứng pháp ở cặp đôi Âm Dương của Kinh Dịch. Nhứt là những đề luận lớn của ông như óc thượng sử, óc phiếm thần, sự coi vũ trụ như một cơ thể (thay vì cơ khí) là những điều na ná với lập trường Nho nên gọi là con Á Châu, nhưng là đưa con sinh sớm nên trụ thai. Vì ông mới đi hết được có một vòng ngoài, gọi là vòng **kháng**, mà chưa đi tới vòng trong hay vòng **sinh** nên cuối cùng triết thuyết của ông không thoát khỏi vòng tay của logic tức cũng lại trở nên một duy "ism" như trước, duy tâm.

**30.** Karl Marx chê ông là đi ngược: đầu ở dưới hai chân giờ lên trời, nên đã chữa lại cho biện chứng đi hai chân lên đất, thành ra duy vật biện chứng (Mao Trạch Đông đã khai mạc cuộc cách mạng của ông bằng quyển "Mâu Thuẫn" là đi đúng với tinh thần một chiều của Hegel và Marx. Đó là chiều kháng, thiếu vòng sinh). Chỉ nội một tấm gương đó của Hegel đã đủ chứng tỏ duy lý (logicisme) là một chứng ung thư chưa tìm ra thuốc chữa. Sau bao thất bại mà mãi đến tận nay logic vẫn còn được dưỡng bồi nhiều kiểu khác nhau. Nhưng phát triển đến đâu mặc, triết vẫn tiến tại chỗ. Logic không giúp cho triết có thêm chiều kích tâm linh để có được chân trên cả hai tàu. Chính tổ Logic mà còn vậy, phương chi mình còn học mót thì trông làm sao hơn đặng. Vậy phải trở về con đường hai chiều của nguyên Nho. Hãy nhớ chính vì chỗ hai chiều đó mà hội nghị Honolulu không còn chọn triết Tây vì ngầm hiểu là nó thiếu hai chiều, nên phải chọn triết Nho, vì cho rằng Nho có hai chiều. Nhưng trớ trêu thay triết Nho đã được trình bày một chiều theo triết Tây nghĩa là duy trí. Và đó là lý do tại sao Khổng Tử chưa thể ra cầm trịch là vì ông vẫn còn què, cái Nho được trình bày là cái Nho thọt, nó đi ngược với truyền thống Nho vốn đặt **lập đức** trước hết, thứ đến là **lập công**, cuối cùng mới đến **lập ngôn**, tức tu từ, tu lý bị kể vào hạng bét. Tôi thiết nghĩ cần trở lại con đường cũ gồm cả bốn bước **từ, tượng, số, chế** thì Nho mới đủ hai chân. Có lẽ chỉ nên đổi thứ tự và chỗ nhấn để hợp tinh thần ngày nay hơn. Thay vì từ, tượng, số, chế, thì nay sẽ là **dụng, từ, ý, cơ**. Tức nhấn mạnh đến việc làm gọi là Dụng (đối với thể là lý).

**31.** Từ giữ y nguyên, còn **ý** thay cho tượng, tức biểu **tượng** phải bớt để nhường quyền cho **ý**, cho logic, và đó là phân mà Nho phải học với triết Tây để biết phân tích thấu đáo, luận lý rành mạch, hệ thống hóa chặt chẽ để hợp tâm trạng người mới. Sau đó đến **số** nên đổi ra **cơ** để khai thác những thành tựu của **cơ cấu luận**. Đó cũng là sự phục hoạt con đường Nho nguyên thủy, thứ Nho còn dùng **số, đồ, biểu, biểu tượng**. Cho nên với phần này ta có thể đưa lại cho Nho những khía cạnh mới mẻ hợp cảm quan thời nay. Người nay đã chán lối suy tưởng duy lý, trừu tượng, khô khan, và đang mong muốn một thứ triết cụ thể. Với cơ cấu cùng các tùy phụ như tiêu biểu, truyền kỳ, chúng ta có thể nếu không tạo dựng một nền triết mới ít ra cũng nhìn Nho bằng một lối mới, một kiểu trình bày Nho một cách cụ thể, có màu sắc, có truyện tích, điểm pha lịch sử cho bớt tính chất trừu tượng của duy lý. Và trên hết là dụng.

**32.** **Dụng** là làm, tôi muốn dùng chữ này thay cho chữ **chế** là có ý mở rộng **chế** hơn. Tôi muốn dùng chữ này trước hết để chỉ tất cả mọi lời nói phải hướng vào hành động, cần gạt bỏ những vấn đề quá hàn lâm, thuyết lý. Sau là muốn chỉ những hoạt động nào nhằm tu thân. Vì nhiều thể chế cũ nay đã lỗi thời. Và vì lối tu thân xưa đã thất, nói vắn tắt là nhạc đã mất, nên không còn rõ người xưa tu cách nào. Ta có thể thay vào bằng thi ca, nghệ thuật thì mới có phương tiện thanh lọc tâm tình để cân đối với logic sông.

Ngoài ra nên thêm một lối **thiền** mà ta ưng ý hơn hết. Vì thiền cụ thể hóa lối tu trong nhà Minh Đường hơn cả. Thiền đi vào nội tâm để trải tâm y như Minh Đường là để thực hiện lời Kinh Dịch "Dịch cô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố. Dịch là không suy tư, không làm nữa, ngồi bất động để rồi tự nhiên thấu suốt các lời lẽ đất trời". Phải có thế thì Mạnh Tử mới nói được câu "phản thân nhi thành lạc mạc đại yên". Có như vậy mới đúng câu mở đầu sách **Luận Ngữ** "vừa học vừa tập vui biết mấy" (câu 2), và câu sách Đại Học (câu 3) "Hữu phỉ

quân tử như thiết như tha, như trác như ma. Người quân tử chú ý đến tu thân cách chăm chú như người thợ ngọc "như cắt, như dũa, như đục, như mài" Bỏ phần tu luyện thì làm sao có thể nói những câu như thế, làm sao có thể nói vừa học vừa tập vui biết mấy. Không có tập luyện thì lấy gì mà vui. Mà tu tập là một kiểu thiền nào đó. Cái ấy tôi gọi bằng tên bao quát là **dụng**.

Phải **Dụng** trên đầu, trước cả **từ, ý, cơ**. Đó cũng là hợp câu châm ngôn "tiên học lễ hậu học văn". Văn là **từ, ý, cơ** đi sau, còn **lễ** là **dụng**, là tu luyện, là tất cả những hiện thực phải để lên đầu, phải cho là quan trọng bậc nhất. Như vậy mới có một cái gì thực nghiệm chỉnh đạng cân bằng với lý luận lý trí để thiết lập lại con đường "lưỡng hành".

**33. Đó là đại để nét đặc trưng của Nho giáo mà hội nghị Honolulu đã gọi là có chân trên cả hai tàu, cả Tàu vật chất lẫn Tàu tinh thần, cả Dụng lẫn Từ, Ý, Cơ.**

Sở dĩ hội nghị đã bầu Không Tử lên cầm trịch mà ba mươi lăm nay chưa thấy ông xuất hiện, thì truy căn ra ông còn cụt một chân: mới có đi chân Từ, Ý, chưa chắc đến chân Cơ, Dụng.

**Mới có Học giả để nghiên cứu, chưa có Triết gia để suy tư, để đưa ra những tư tưởng hướng dẫn.** Thế giới tuy bao giờ cũng được hướng dẫn do ý tưởng thực, nhưng nó không chịu ăn đồ hộp là ý tưởng cũ, mà đòi hỏi những tư tưởng mới vọt lên, còn nóng sốt. Đó là ý nghĩ của tôi về lý do sự chọn lựa của hội nghị Honolulu năm 1949, và tại sao Nho giáo chưa nổi lên được.

**Tôi xin kết thúc bài nói bằng câu hỏi sau: có vẻ tư riêng hơi kỳ nhưng vì yêu thực tế nên cứ hỏi là liệu hội nghị này có chọn một Triết gia nào, hoặc một loại Triết lý nào để dẫn đưa nhân loại trong giai đoạn đang tới chăng?**

Tôi không biết rồi đây trong các cuộc thảo luận câu hỏi trên có được đặt ra chăng? Nếu không tôi ước mong được mỗi quý vị ghi ý kiến mình vào mảnh giấy nhỏ và trao cho tôi để tôi có bằng chứng mà đo mức độ tâm thức nhân loại hiện nay cũng như dùng làm kỷ niệm quý báu về hội nghị này.

Cám ơn quý vị.

**B.C. Các Bài trích đăng đều lấy trên internet**

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)



**VIỆT NAM VĂN HIẾN**

[www.vietnamvanhien.info](http://www.vietnamvanhien.info)



**TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 9400 TÁC PHẨM**